



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

để **CHỦ ĐỘNG THÍCH ỨNG**
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

| | |
|---------|-----------------------------|
| Công ty | Công ty cổ phần Vicostone |
| CTCP | Công ty cổ phần |
| TNHH | Trách nhiệm hữu hạn |
| ĐHĐCĐ | Đại hội đồng cổ đông |
| HĐQT | Hội đồng quản trị |
| TGD | Tổng Giám đốc |
| PTGD | Phó Tổng Giám đốc |
| KTNB | Kiểm toán nội bộ |
| KSNB | Kiểm soát nội bộ |
| CNTT | Công nghệ thông tin |
| CBCNV | Cán bộ công nhân viên |
| UBCKNN | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước |
| UBND | Ủy ban Nhân dân |
| SXKD | Sản xuất kinh doanh |
| BCTC | Báo cáo tài chính |
| LNTT | Lợi nhuận trước thuế |
| LNST | Lợi nhuận sau thuế |
| TSCĐ | Tài sản cố định |
| ĐVT | Đơn vị tính |
| USD | Đô la Mỹ |
| VND | Việt Nam đồng |



Sản phẩm đá thạch anh Vicostone Naxos - BQ8864

LỜI MỞ ĐẦU

Báo cáo thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Vicostone được soạn thảo theo hướng dẫn tại Phụ lục số 04, Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Các thông tin phân tích, dự báo trong Báo cáo thường niên này phản ánh quan điểm, đánh giá của Công ty tại thời điểm lập Báo cáo và có thể khác so với kết quả thực tế bởi nhiều nguyên nhân nằm ngoài khả năng kiểm soát hoặc dự báo của Công ty. Do đó, những phân tích, đánh giá, quan điểm nêu tại Báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Vicostone sẽ nỗ lực hết sức, nhưng không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi hoặc bổ sung Báo cáo, cũng như không có nghĩa vụ thông báo cho tổ chức, cá nhân nhận được Báo cáo này trong trường hợp các đánh giá, quan điểm hay khuyến nghị được đưa ra có sự thay đổi hoặc không còn chính xác.

Các thông tin, số liệu trong Báo cáo này được tổng hợp từ các khảo sát trong ngành bất động sản/vật liệu xây dựng nói chung và ngành đá thạch anh nói riêng được công bố rộng rãi bởi các bên thứ 3 như Freedonia, công ty chuyên về nghiên cứu thị trường tại Mỹ. Trong đó, báo cáo của tổ chức này trình bày những dữ liệu, ý kiến hoặc quan điểm nghiên cứu được phát triển độc lập trên cơ sở của nhiều nguồn thông tin khác nhau, bao gồm: báo cáo tài chính của các nhà sản xuất, báo cáo thống kê của các quốc gia, thông cáo báo chí, tạp chí công nghiệp, và các bài phỏng vấn với các nhà sản xuất vật liệu xây dựng (bao gồm ngành đá thạch anh và các sản phẩm cạnh tranh), các nhà phân phối, các hiệp hội thương mại.... Đây là các nguồn thông tin có độ tin cậy khá cao, tuy nhiên Vicostone cũng không thẩm định lại và cũng không đủ nguồn lực để thẩm định lại số liệu thu thập được từ bên thứ ba, do đó cũng không thể bảo đảm tính chính xác, đúng đắn và đầy đủ của những thông tin dưới đây:

- Tổng quan tình hình Kinh tế Thế giới & Việt Nam;
- Tổng quan thị trường và nhu cầu sử dụng đá thạch anh;
- Khả năng cạnh tranh của sản phẩm mang thương hiệu VICOSTONE® trên thị trường quốc tế và tại Việt Nam;
- Sự phát triển của Công nghệ sản xuất và khả năng thay thế của các vật liệu;
- Những thách thức và yêu cầu từ các thị trường;
- Các chỉ số tài chính được dự báo trong năm 2020.




Bất kỳ dự báo lạc quan hoặc rủi ro nào về thị trường và khả năng kinh doanh của Công ty nêu trong Báo cáo này đều không có nghĩa là lời đảm bảo của Công ty về kết quả sản xuất kinh doanh trong tương lai. Kết quả thực tế đạt được trong năm 2020 có thể khác so với những thông tin dự báo được thể hiện trong các nội dung nêu trên do những biến động, rủi ro, bất trắc mà Công ty không thể lường trước và không thể kiểm soát được.

Từ những lưu ý trên, Vicostone khuyến nghị các nhà đầu tư chỉ nên coi các thông tin hay dự báo trong Báo cáo thường niên này là một trong những nguồn thông tin tham khảo trước khi đưa ra quyết định đầu tư mà không phải là lời đề nghị, gợi ý hay chào mua cổ phiếu của Công ty. Trong mọi trường hợp Nhà đầu tư hoàn toàn chịu trách nhiệm về các quyết định của mình.

MỤC LỤC

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

08| THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

| | | |
|--|--|--|
|  |  |  |
| <div>10 CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN</div> <div>12 CÁC DẤU ẤN TIÊU BIỂU NĂM 2019</div> <div>16 DANH MỤC CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU</div> | <div>TỔNG QUAN VỀ VICOSTONE</div> <div>26 Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi - Định hướng chiến lược - Định hướng chỉ đạo quản lý chất lượng toàn diện</div> <div>30 Thông tin chung về Vicostone</div> <div>32 Quá trình hình thành và phát triển</div> <div>34 Mô hình quản Trị, Cơ cấu nhân sự và Bộ máy quản lý</div> <div>48 Sản phẩm, Công nghệ và Thị trường</div> | <div>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</div> <div>56 Tình hình thị trường năm 2019 và triển vọng năm 2020</div> <div>64 Tình hình hoạt động của Công ty năm 2019</div> |

| | | |
|--|--|--|
|  |  |  |
| <div>QUẢN TRỊ CÔNG TY</div> <div>108 Định hướng chiến lược đến 2025 và tầm nhìn 2030</div> <div>110 Báo cáo của Hội đồng quản trị</div> <div>124 Báo cáo Kiểm toán nội bộ</div> <div>130 Quan hệ cổ đông</div> | <div>PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG</div> <div>140 Cam kết phát triển bền vững</div> <div>142 Hoạt động Phát triển bền vững tiêu biểu năm 2019</div> <div>144 Gắn kết các bên liên quan</div> <div>148 Quy tắc ứng xử của Vicostone với các bên liên quan</div> <div>152 Báo cáo hoạt động Phát triển bền vững</div> | <div>BÁO CÁO TÀI CHÍNH</div> <div>198 Thông tin chung</div> <div>202 Báo cáo kiểm toán độc lập</div> <div>204 Bảng cân đối kế toán hợp nhất</div> <div>206 Bảng báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất</div> <div>207 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất</div> <div>209 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất</div> |

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý Cổ đông, Nhà đầu tư, Khách hàng, Đối tác và các bên liên quan,

Năm 2019 là năm đầu tiên của Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2019 - 2023. Thế giới tiếp tục trải qua những bất ổn trên phương diện địa chính trị và kinh tế, trong đó có chiến tranh thương mại giữa các nền kinh tế lớn. Điều này đã có tác động lớn đến sự tăng trưởng kinh tế của nhiều nước, bao gồm cả khía cạnh tiêu cực và tích cực. Tuy vậy, nền kinh tế Việt Nam vẫn tăng trưởng tốt và là một trong những nền kinh tế tăng trưởng cao nhất khu vực và trên thế giới. Trong bối cảnh đó, với một nền tảng vững chắc về mọi mặt, Vicostone đã vững vàng trong mọi hoàn cảnh, tận dụng tốt các cơ hội và xoay chuyển các nghịch cảnh một cách hiệu quả để hoàn thành vượt mức kế hoạch đặt ra cho năm 2019, đánh dấu một năm mở đầu thành công kế hoạch 5 năm giai đoạn 2019 - 2023.

Sự thành công này xuất phát từ sự quyết đoán, nhạy bén và năng lực dự báo sát thực tế của Hội đồng quản trị và Ban điều hành nhằm đề ra các kịch bản ứng phó kịp thời trước những biến đổi liên tục của môi trường kinh doanh. Hội đồng quản trị cũng đánh giá cao sự nỗ lực hết mình, lao động sáng tạo, tinh thần trách nhiệm của toàn thể Lãnh đạo và Cán bộ công nhân viên Công ty Vicostone nói riêng và sự hợp tác và hỗ trợ hết mình từ công ty mẹ - Tập đoàn Phenikaa.

Năm 2020 sẽ tiếp tục là một năm đầy thử thách với Vicostone. Nền kinh tế thế giới dự báo sẽ chứng lại, thậm chí có nguy cơ suy thoái do ảnh hưởng của hàng loạt sự kiện. Mức độ lan rộng của dịch COVID-19 bắt nguồn từ Trung Quốc tháng 12/2020 sẽ có thể tạo nên tác động khó lường trên quy mô toàn cầu. Ngoài ra, nguy cơ chiến tranh thương mại giữa các nước lớn, cuộc chiến giá dầu với dấu hiệu của cuộc khủng hoảng dầu mỏ đang ảnh hưởng lớn đến nhu cầu xây dựng mới và cải tạo lại nhà ở tại các thị trường

lớn của Công ty, tác động mạnh đến nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm bề mặt trong đó có đá thạch anh. Trước bối cảnh đó, Vicostone sẽ đối diện với bài toán đầy thách thức để nâng cao sức cạnh tranh nhằm đạt được mục tiêu tăng trưởng.

Tuy nhiên, với phương châm “Chủ động thích ứng, đổi mới công nghệ để tạo sự khác biệt”, cùng với một kế hoạch cẩn trọng bao gồm các giải pháp chi tiết cho từng kịch bản thuộc các cấp độ rủi ro khác nhau, Hội đồng quản trị tin tưởng rằng sức cạnh tranh của sản phẩm Vicostone sẽ ngày càng tăng cao và Công ty có thể tạo những dấu ấn tốt đẹp, đưa thương hiệu VICOSTONE® trở thành thương hiệu hàng đầu về đá thạch anh trên toàn cầu.

Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc nhất tới tất cả các khách hàng, đối tác, các cơ quan chức năng nhà nước, cơ quan thông tấn báo chí truyền thông, toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty nói riêng và Tập đoàn Phenikaa nói chung, các cổ đông và các nhà đầu tư..., đã tin tưởng, hết lòng hợp tác, hỗ trợ và làm việc hết mình trong thời gian qua, giúp Công ty tiếp tục lớn mạnh và đạt được kết quả tốt trong năm 2019. Tôi rất mong sự đồng hành hiệu quả này sẽ được tiếp tục duy trì trong suốt chặng đường phát triển bền vững của Công ty.

Kính chúc các Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trân trọng cảm ơn!

CHỦ TỊCH HĐQT



HỒ XUÂN NĂNG

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

| | |
|---|--|
|  | TỔNG TÀI SẢN 5.583,76 Tỷ đồng tăng 26,78% so với năm 2018 |
|  | VỐN CHỦ SỞ HỮU 3.448,69 Tỷ đồng tăng 26,30% so với năm 2018 |
|  | TỔNG DOANH THU 5.590,55 Tỷ đồng tăng 22,48% so với năm 2018 |
|  | LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ 1.652,66 Tỷ đồng tăng 25,34% so với năm 2018 |
|  | LỢI NHUẬN SAU THUẾ 1.410,11 Tỷ đồng tăng 25,51% so với năm 2018 |
|  | ROAA VÀ ROAE lần lượt đạt 28,24% & 45,64% |

| Chỉ tiêu | Đơn vị tính | 2019 | 2018 | 2017 | 2016 | 2015 |
|---|-------------|----------|----------|----------|----------|----------|
| 1. KẾT QUẢ KINH DOANH | | | | | | |
| Doanh thu thuần | Tỷ đồng | 5.562,76 | 4.521,60 | 4.352,52 | 3.211,49 | 2.616,16 |
| Giá vốn hàng bán | Tỷ đồng | 3.650,65 | 3.025,95 | 3.085,31 | 2.220,06 | 1.857,54 |
| Lợi nhuận gộp | Tỷ đồng | 1.912,11 | 1.495,64 | 1.267,21 | 991,43 | 758,62 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | Tỷ đồng | 26,34 | 41,40 | 54,38 | 25,93 | 25,51 |
| Chi phí tài chính | Tỷ đồng | 68,02 | 69,87 | 48,81 | 70,95 | 169,98 |
| Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | Tỷ đồng | - | - | - | 3,85 | 5,72 |
| Chi phí bán hàng | Tỷ đồng | 154,06 | 99,93 | 95,65 | 76,84 | 76,97 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | Tỷ đồng | 62,39 | 46,10 | 52,20 | 59,39 | 55,52 |
| Thu nhập khác | Tỷ đồng | 1,45 | 1,51 | 1,18 | 0,87 | 0,83 |
| Chi phí khác | Tỷ đồng | 2,76 | 4,15 | 1,10 | 1,14 | 9,00 |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | Tỷ đồng | 1.652,66 | 1.318,51 | 1.125,01 | 813,76 | 479,21 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành và hoãn lại | Tỷ đồng | 242,55 | 194,97 | 3,23 | 137,78 | 74,58 |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | Tỷ đồng | 1.410,11 | 1.123,54 | 1.121,78 | 675,98 | 404,63 |
| Vốn điều lệ | Tỷ đồng | 1.600,00 | 1.600,00 | 800,00 | 600,00 | 529,99 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | đồng | 8.114 | 6.460 | 13.461 | 10.813 | 8.637 |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu | đồng | 8.114 | 6.460 | 13.461 | 10.813 | 8.637 |
| 2. TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN | | | | | | |
| Tổng tài sản | Tỷ đồng | 5.583,76 | 4.404,33 | 3.809,75 | 3.337,93 | 2.781,48 |
| • Tài sản ngắn hạn | Tỷ đồng | 4.456,31 | 3.794,50 | 3.291,34 | 2.729,08 | 2.010,93 |
| Trong đó: Tiền và tương đương tiền | Tỷ đồng | 469,92 | 427,35 | 656,28 | 433,97 | 295,40 |
| • Tài sản dài hạn | Tỷ đồng | 1.127,45 | 609,83 | 518,41 | 608,85 | 770,56 |
| Tổng nguồn vốn | Tỷ đồng | 5.583,76 | 4.404,33 | 3.809,75 | 3.337,93 | 2.781,48 |
| • Nợ phải trả | Tỷ đồng | 2.135,07 | 1.673,77 | 1.413,86 | 1.890,79 | 1.782,89 |
| • Nguồn vốn chủ sở hữu, lợi ích cổ đông thiểu số | Tỷ đồng | 3.448,69 | 2.730,55 | 2.395,89 | 1.447,14 | 998,59 |
| 3. CÁC SỐ LIỆU TÀI CHÍNH KHÁC | | | | | | |
| Đầu tư xây dựng cơ bản | Tỷ đồng | 50,65 | 151,73 | 62,75 | 200,10 | 78,27 |
| Khấu hao và hao mòn tài sản cố định | Tỷ đồng | 103,98 | 73,43 | 69,63 | 67,59 | 68,70 |
| EBITDA điều chỉnh | Tỷ đồng | 1.798,32 | 1.420,41 | 1.189,08 | 929,64 | 692,38 |
| EBITDA Margin (%) | % | 32,33% | 31,41% | 27,32% | 28,95% | 26,47% |

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán)

CÁC DẤU ẤN TIÊU BIỂU NĂM 2019

01

HOÀN THÀNH NỘI ĐỊA HÓA CƠ BẢN NGUỒN QUARTZ VÀ CRISTOBALITE ĐẦU VÀO



Khuôn viên Nhà máy Phenikaa Huế

Việc chính thức nhận chuyển nhượng 100% cổ phần tại Phenikaa Huế giúp Vicostone nội địa hóa cơ bản nguồn Quartz và Cristobalite đầu vào, tăng cường tự chủ nguồn nguyên liệu trong lĩnh vực sản xuất đá thạch anh nhân tạo, nâng cao tính chủ động, lợi thế cạnh tranh và quản trị hiệu quả các rủi ro.

02

DOANH THU XUẤT KHẨU TĂNG TRƯỞNG VƯỢT BẬC

Năm 2019, Vicostone tiếp tục thúc đẩy mạnh phát triển thị trường trọng yếu và mở rộng thị trường mới, tiềm năng thông qua hệ thống đại lý và đầu tư vào hoạt động truyền thông, thương hiệu, giúp kim ngạch xuất khẩu tăng gần 30% so với năm 2018.

Riêng đối với thị trường Mỹ, Vicostone đã tận dụng cơ hội từ cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung để tăng trưởng mạnh, tỷ trọng xuất khẩu đá thạch anh từ Việt Nam vào Mỹ lên vị trí Top 3 năm 2019, góp phần đạt kết quả sản xuất kinh doanh ở mức cao nhất từ trước đến nay của Công ty.

03

TOP 10 DOANH NGHIỆP VỐN HÓA LỚN CÓ BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN TỐT NHẤT 2019



Ông Nguyễn Chí Công - Phó Tổng Giám đốc Vicostone đại diện nhận giải thưởng TOP Doanh nghiệp vốn hóa lớn có Báo cáo thường niên tốt nhất 2019

Trong cuộc bình chọn doanh nghiệp niêm yết có Báo cáo thường niên tốt nhất 2019 do Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Báo Đầu tư Chứng khoán và Công ty Dragon Capital phối hợp tổ chức, Vicostone được bình chọn vị trí thứ 3 trong Top 10 Doanh nghiệp vốn hóa lớn có báo cáo thường niên tốt nhất 2019, cũng là lần thứ 11 liên tiếp kể từ năm 2008 là doanh nghiệp có báo cáo thường niên tốt nhất.

04

VICOSTONE ĐẠT GIẢI THƯỞNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA



Ông Trần Mạnh Cường - Giám đốc chất lượng Vicostone đại diện nhận giải thưởng Chất lượng Quốc gia

Giải thưởng Chất lượng quốc gia do Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì thực hiện nhằm tôn vinh, khen thưởng hàng năm ở cấp Quốc gia, do Thủ tướng Chính phủ trao tặng cho các tổ chức, doanh nghiệp đạt thành tích xuất sắc trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hoá trong sản xuất, kinh doanh và dịch vụ; nâng cao vị thế các sản phẩm, hàng hoá và dịch vụ của Việt Nam, tăng cường năng lực, khả năng cạnh tranh và hội nhập quốc tế. Vicostone là 1 trong 75 doanh nghiệp xuất sắc đạt giải thưởng.

CÁC DẤU ẤN TIÊU BIỂU NĂM 2019 (Tiếp)



05

NĂM 2019 ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ LÀ NĂM THÀNH CÔNG VÀ TĂNG TRƯỞNG ĐỘT PHÁ CỦA VICOSTONE VỚI NHIỀU GIẢI THƯỞNG QUAN TRỌNG

- Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam do Tạp chí Forbes Việt Nam xếp hạng và đánh giá;
- Top 10 Doanh nghiệp quản trị tốt nhất Việt Nam do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), với sự tham gia của Báo Diễn đàn doanh nghiệp, Viện nghiên cứu và phát triển doanh nghiệp (INBUS), Hội kế toán và kiểm toán VN (VAA), Hội các nhà Quản trị Doanh nghiệp Việt Nam phối hợp thực hiện;
- Top 100 Doanh nghiệp bền vững 2019 do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (MOLISA), Bộ Tài nguyên và Môi trường (MONRE), Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (VGCL) phối hợp thực hiện;
- Vị trí thứ 4 trong Top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam do Tạp chí Nhịp Cầu Đầu Tư phối hợp Công ty chứng khoán Thiên Việt;
- Top 100 Công ty đại chúng lớn nhất Việt Nam do tạp chí Forbes Việt Nam xếp hạng và đánh giá;

- Top 500 Doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam do tổ chức Vietnam Report và Báo Vietnamnet xếp hạng và đánh giá;
- Top 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam do tổ chức Vietnam Report và Báo Vietnamnet xếp hạng và đánh giá;
- Thương hiệu mạnh Việt Nam do Thời báo Kinh tế Việt Nam xếp hạng và đánh giá;
- Top 10 Công ty vật liệu xây dựng uy tín Việt Nam 2019 do tổ chức Vietnam Report xếp hạng và đánh giá;
- Thương hiệu tiêu biểu ngành xây dựng Việt Nam 2019 do Báo Xây dựng phối hợp với các sở, hiệp hội, hội trong ngành Xây dựng phát động cuộc bình chọn.

DANH MỤC RỦI RO TRỌNG YẾU

Văn phòng Vicostone USA tại Dallas - Mỹ

VICOSTONE
QUARTZ SURFACES

Thông qua việc đánh giá lại danh mục rủi ro năm 2019, phân tích bối cảnh thực tế và dự báo trong giai đoạn tới, Công ty có thể phải đối diện với các danh mục rủi ro trọng yếu sau đây, xuất phát từ những thông tin được cập nhật ở thời điểm thực hiện báo cáo này.

I Rủi ro bị khởi kiện áp thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp từ Mỹ

Sau khi Trung Quốc bị Mỹ áp thuế đối với mặt hàng đá tấm thạch anh bao gồm: thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp, thuế do áp lệnh trừng phạt chung, lượng đá tấm thạch anh sản xuất theo công nghệ Trung Quốc nhập khẩu trực tiếp từ Trung Quốc vào Mỹ gần như giảm về không. Thay vào đó, một lượng lớn đá tấm thạch anh, chủ yếu được sản xuất theo công nghệ Trung Quốc, được nhập vào Mỹ từ Ấn Độ, Thổ Nhĩ Kỳ cuối 2018 và nửa đầu 2019. Ngay lập tức phía Mỹ có động thái áp thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp đối với mặt hàng đá tấm thạch anh nhập khẩu từ hai nước này. Mặc dù cuộc điều tra vẫn chưa đi đến kết luận cuối cùng nhưng số liệu nhập khẩu đá thạch anh nhân tạo từ Ấn Độ và Thổ Nhĩ Kỳ vào Mỹ trong tháng 12/2019 đã bắt đầu sụt giảm mạnh. Việt Nam trở thành nước đứng thứ ba về lượng nhập đá tấm thạch anh vào Mỹ kể từ tháng 12 năm 2019. Trước đây, đá tấm thạch anh nhập khẩu vào Mỹ từ Việt Nam chủ yếu do Vicostone sản xuất nhưng một vài năm gần đây đã xuất hiện một số công ty nhập công nghệ máy móc Trung

Quốc và sản xuất tại Việt Nam với chiến lược làm ra sản phẩm với giá thành rẻ hơn. Việc này có thể dẫn đến lượng đá nhập khẩu từ Việt Nam vào Mỹ tăng mạnh với mức giá bình quân rẻ hơn. Như vậy xuất hiện rủi ro là chính phủ và các nhà sản xuất tại Mỹ có thể sẽ thực hiện hành động phòng vệ đối với các sản phẩm đá thạch anh nhân tạo được nhập khẩu từ Việt Nam.

Công ty đã và đang thường xuyên rà soát toàn bộ hệ thống quản trị để đảm bảo việc truy xuất nguồn gốc và trách nhiệm giải trình một cách rõ ràng và khoa học, chứng minh tính hợp lý của mọi chi phí giá thành và kinh doanh minh bạch, công bằng.

Công ty chủ động nghiên cứu đầy đủ các quy định của luật pháp Mỹ về việc bán phá giá và chống bán phá giá, nhằm chuẩn bị đầy đủ các hồ sơ, tài liệu cần thiết để sẵn sàng đối mặt, hoặc tự nguyện là đối tượng điều tra trong trường hợp bị kiện.

II Ảnh hưởng của đại dịch virus corona (COVID-19)

Sự bùng phát gần đây của đại dịch virus corona (COVID-19) là một yếu tố rủi ro quan trọng có thể ảnh hưởng đến người tiêu dùng cuối và nền kinh tế toàn cầu, từ đó có thể làm giảm nhu cầu đối với các sản phẩm của Công ty, làm gián đoạn hoạt động và ảnh hưởng không tốt đến kết quả kinh doanh và tài chính của Công ty.

Việc tình hình đại dịch đang tiếp tục lan rộng và khó kiểm soát có thể sẽ dẫn đến nguy cơ suy thoái kinh tế toàn cầu nghiêm trọng, làm giảm nhu cầu cải tạo và tu sửa nhà và xây dựng khu dân cư mới, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tăng trưởng của ngành xây dựng nói chung và ngành sản xuất đá thạch anh nhân tạo nói riêng. Nguy cơ giảm nhu cầu sử dụng đối với ngành vật liệu xây dựng, trong đó có đá thạch anh nhân tạo có thể sẽ dẫn đến sự cạnh tranh khốc liệt giữa các nhà sản xuất, trong đó có Vicostone, đặc biệt tại các thị trường trọng yếu như Bắc Mỹ, Châu Úc, Châu Âu, làm ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Bên cạnh đó, đại dịch virus corona (COVID-19) cũng có thể ảnh hưởng xấu đến công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty nếu xảy ra tình huống các quốc gia khuyến cáo hạn chế đi lại, giao thương, hạn chế lực lượng lao động lớn tập trung tại chỗ của các doanh nghiệp. Trong tình huống đó,

Vicostone sẽ có thể gặp khó khăn, thách thức trong việc vận chuyển nguyên vật liệu đầu vào, hoạt động xuất khẩu và lắp đặt, cũng như việc sắp xếp nguồn nhân lực sản xuất và vận hành để đảm bảo cho hoạt động liên tục của Công ty và an toàn cho toàn bộ cán bộ công nhân viên.

Đại dịch virus corona (COVID-19) dẫn đến những biến động khôn lường trên thị trường chứng khoán toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng, có thể tác động nghiêm trọng và bất lợi đến giá cổ phiếu, khối lượng giao dịch đối với Vicostone cũng như các tập đoàn lớn khác.

Để ứng phó với nguy cơ diễn biến phức tạp của dịch do virus corona (COVID-19), Vicostone đã và đang chủ động triển khai công tác phòng chống, ngăn chặn dịch theo hướng dẫn của Bộ Y tế, thiết lập hệ thống theo dõi cập nhật tình hình sức khỏe của toàn bộ cán bộ công nhân viên, đầu tư trang thiết bị y tế, bảo hộ đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho CBCNV. Công ty cũng xây dựng các phương án hành động cho từng kịch bản diễn biến của dịch bệnh để sẵn sàng ứng phó với các tình huống có thể xảy ra nhằm giảm thiểu rủi ro, đón đầu thách thức.

DANH MỤC RỦI RO TRỌNG YẾU (Tiếp)

III Rủi ro phát triển thị trường

1. Doanh thu tập trung chủ yếu ở các thị trường quốc tế lớn

Từ năm 2015, doanh thu xuất khẩu vào các thị trường lớn như Bắc Mỹ, Úc và Châu Âu luôn chiếm gần 99% tổng giá trị xuất khẩu của Công ty.

Trong giai đoạn 2015-2019, tốc độ tăng trưởng doanh thu của Vicostone đạt mức cao nhất. Thị trường Mỹ luôn là thị trường chính, đóng góp hơn 50% tổng doanh thu xuất khẩu của Vicostone. Tỷ trọng doanh thu của các thị trường ổn định qua các năm 2015-2018. Tuy nhiên tới năm 2019 có thể thấy đã có sự chuyển dịch khá mạnh trên cơ cấu doanh thu theo thị trường, khi doanh thu tập trung vào các khách hàng chính tại Châu Mỹ và giảm dần ở Úc và Châu Âu.

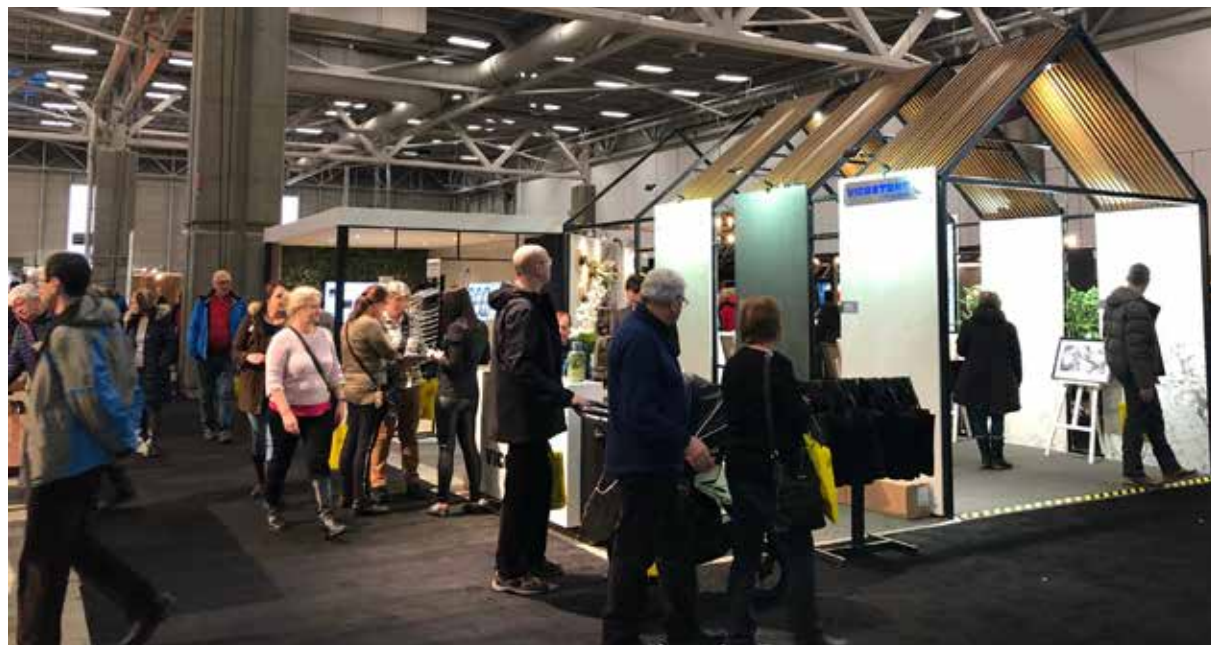
Việc tỉ trọng xuất khẩu tập trung vào một vài thị trường giống như tình trạng bỏ trứng vào một giỏ, có thể gây ra rủi ro lớn khi thị trường đó xảy ra khủng hoảng hoặc suy giảm nhu cầu thị trường.

Các rủi ro tiềm ẩn xuất phát từ những biến động lớn tại những thị trường trọng yếu có thể ngoài tầm kiểm soát của Công ty. Tại mỗi thị trường, hoạt động của Vicostone chịu sự ảnh hưởng của đặc thù từng quốc gia. Biến động về kinh tế – chính trị – xã hội, những thay đổi hành lang pháp lý, chính sách hay một loạt các yếu tố liên quan đến mức độ cung

– cầu như thị trường bất động sản, mức đầu tư cải tạo, tu sửa nhà và xây dựng khu dân cư mới, thay đổi xu thế tiêu dùng, tình hình cạnh tranh... khiến kết quả kinh doanh và các chiến lược, kế hoạch hoạt động của Công ty cũng sẽ bị ảnh hưởng theo.

Rủi ro khác là nguy cơ ảnh hưởng xấu bởi sự gia tăng hoạt động nhập khẩu từ các nhà sản xuất đá nhân tạo khác vào các thị trường chính của Công ty, đặc biệt là tại Mỹ, Úc và Canada. Việc các nhà sản xuất Trung Quốc chuyển đổi nguồn gốc nhập khẩu vào Mỹ sang các nước thứ 3 và đẩy mạnh hoạt động kinh doanh sang các thị trường khác sẽ là nguy cơ rủi ro không nhỏ cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

Những rủi ro tiềm ẩn ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty có thể đến từ việc doanh thu đang tập trung ở một số nhà phân phối chính. Với các thị trường gián tiếp, kết quả kinh doanh của Công ty phụ thuộc vào sự thành công, sự nỗ lực trong hoạt động tiếp thị, bán hàng của đối tác. Mọi gián đoạn và biến động tiêu cực nếu có của đối tác trong hệ thống phân phối của Công ty có thể sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến kết quả kinh doanh và hoạt động của Công ty.



Gian hàng Vicostone tại Triển lãm Quebec Expo Habitat, TP. Quebec



Gian hàng Vicostone tại triển lãm quốc tế VietBuild - một trong những triển lãm lớn nhất về ngành xây dựng tại Việt Nam

2. Thị trường nội địa

Hiện tại thị trường nội địa tuy chưa phải là thị trường có mức đóng góp doanh thu cao, nhưng là một trong những thị trường tiềm năng. Bên cạnh các rủi ro chung của tất cả các thị trường, Công ty xác định các rủi ro đặc thù ảnh hưởng đến Vicostone tại thị trường Việt Nam.

Đá tự nhiên vẫn là xu hướng tiêu dùng chính tại thị trường Việt Nam. Vì vậy, Công ty cần phải đầu tư chi phí truyền thông - marketing lớn không chỉ nhằm mục tiêu xây dựng và phát triển thương hiệu riêng của mình tại thị trường Việt Nam, mà còn để tạo sự nhận biết về sản phẩm mới, thay đổi quan điểm tiêu dùng, hay còn gọi là “educate” người dùng. Nếu không có khả năng thay đổi quan điểm và thói quen tiêu dùng, hoặc không có khả năng “đi nhanh” sau khi đã tạo xu thế, có thể dẫn đến việc đối thủ cạnh tranh hưởng lợi từ kết quả “educate” thị trường mà Công ty đã triển khai. Khi ấy Công ty có thể mất đi lợi thế cạnh tranh và cơ hội tiên phong, dẫn dắt thị trường.

Bên cạnh đó, thách thức mới đến từ sự xuất hiện một số đơn vị sản xuất đá nhân tạo gốc thạch anh với dây chuyền công nghệ nhập khẩu từ Trung Quốc, chi phí đầu tư rất thấp, có nguy cơ làm “loãng” thị trường bởi dòng sản phẩm cấp thấp,

giá rẻ và gia tăng sức ép cạnh tranh về giá. Việc này dẫn đến rủi ro các đại lý, đối tác kinh doanh cố tình sử dụng các sản phẩm có chất lượng kém hơn, giả làm đá VICOSTONE® để gia tăng lợi nhuận cho bản thân, gây ảnh hưởng đến niềm tin của khách hàng và uy tín của thương hiệu.

Để giảm thiểu ảnh hưởng do các yếu tố rủi ro trên mang lại, song song với việc liên tục cải tiến để đưa ra các mẫu sản phẩm mới, độc đáo, khác biệt, nâng cao chất lượng dịch vụ, Vicostone tiếp tục đẩy mạnh hoạt động truyền thông - marketing, triển khai các chiến dịch quảng cáo chuyên nghiệp, bài bản nhằm nâng cao nhận biết về thương hiệu VICOSTONE® và nhận biết về sản phẩm đá nhân tạo gốc thạch anh; đẩy nhanh tiến độ mở rộng hệ thống phân phối sản phẩm Vicostone đến các thị trường trọng điểm trong nước; xây dựng và phát triển hệ thống showroom, xưởng chế tác đá và kho vệ tinh của Vicostone tại các thị trường mục tiêu để đảm bảo chất lượng thành phẩm ở mức độ tốt nhất, thời gian đáp ứng đơn hàng nhanh nhất đối với người dùng cuối và tiếp tục nâng cao công tác quản lý chất lượng chặt chẽ trong mọi khâu từ sản xuất đến lắp đặt, đặc biệt là quản lý chất lượng dịch vụ tại các đại lý và đơn vị liên kết.

DANH MỤC RỦI RO TRỌNG YẾU (Tiếp)

IV Rủi ro từ áp lực cạnh tranh

Trong ngành sản xuất đá nhân tạo, Vicostone phải chịu áp lực cạnh tranh gay gắt không chỉ từ các nhà sản xuất đá thạch anh khác, từ các nhà cung cấp đá tự nhiên, mà còn từ các nhà sản xuất đá nhân tạo thay thế khác trên thị trường như laminate, ceramic tấm lớn hay gỗ ép, bê tông, thép... Điều đó có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty.

1. Cạnh tranh từ các đối thủ sản xuất đá thạch anh

Vicostone có thể gặp rủi ro về áp lực cạnh tranh ngày một khốc liệt trên các thị trường do số lượng các nhà máy sản xuất đá thạch anh nhân tạo ngày một tăng. Sau vụ kiện chống bán phá giá và chống trợ cấp với sản phẩm đá tấm thạch anh Trung Quốc được nhập khẩu vào Mỹ, một số công ty tại Mỹ đã đầu tư dây chuyền sản xuất tại Mỹ. Một số nhà sản xuất Trung Quốc sau khi không thể xuất khẩu vào Mỹ đã chuyển sang đầu tư sản xuất tại Việt Nam và ở các nước thứ ba khác như Ấn Độ, Malaysia, Philippines... để tiếp tục xuất khẩu sang Mỹ.

Sau vụ kiện chống bán phá giá và chống trợ cấp đối với các sản phẩm Trung Quốc, lượng đá tấm thạch anh nhập khẩu từ Trung Quốc vào Mỹ giảm mạnh, các nhà sản xuất Trung Quốc chuyển hướng xuất khẩu số lượng lớn vào thị trường Úc, Canada với giá rẻ, gây ra sự cạnh tranh khốc liệt tại các thị trường này.

Một rủi ro khác là khả năng rất cao Vicostone bị công ty khác bắt chước các mẫu mã sản phẩm trong ngành đá nhân tạo, cho dù các sản phẩm sao chép khó đạt được chất lượng và sự tinh xảo trong thiết kế hoa văn, màu sắc so với sản phẩm gốc do những bí quyết riêng về kỹ thuật và công nghệ. Đối với rủi ro này, Công ty luôn chú trọng việc đăng ký bản quyền tác giả, kiểu dáng công nghiệp của các sản phẩm đã, đang và sắp có tại các thị trường trọng điểm. Tuy nhiên, các biện pháp bảo hộ này cũng chỉ mang tính chất cục bộ, do khó có thể đảm bảo các mẫu mã được sao chép sẽ không xuất hiện ở các thị trường khác nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty.

Một rủi ro khác làm giảm tính cạnh tranh của Công ty trên thị trường là vấn đề giá bán. Do đầu tư nhiều chi phí vào R&D cũng như đầu tư áp dụng các công nghệ, kỹ thuật mới, giá bán sản phẩm đá nhân tạo gốc thạch anh do Vicostone sản xuất không thể ở mức thấp. Trong khi đó, một số nhà sản xuất khác có hành vi sao chép mẫu mã hoặc công nghệ sản xuất của đối thủ sẽ hưởng lợi từ việc không phải bỏ chi phí nghiên cứu, từ đó dễ dàng đưa ra một mức giá thấp hơn rất nhiều so với giá trị thực tế của sản phẩm. Hay việc các nhà sản xuất sử dụng công nghệ Trung Quốc với mức đầu tư thấp, mặc dù đưa ra các sản phẩm chất lượng thấp hơn cả về cơ lý tính và mẫu mã, nhưng có thể bán với mức giá rất thấp cũng là rủi ro ảnh hưởng trực tiếp tới thị phần của Vicostone, dẫn đến ảnh hưởng về doanh thu, lợi nhuận và hoạt động của Vicostone.

2. Cạnh tranh từ các sản phẩm thay thế

Ngoài sức ép cạnh tranh từ các nhà sản xuất đá nhân tạo gốc thạch anh, Vicostone còn phải chịu áp lực cạnh tranh mạnh mẽ từ đá tự nhiên và từ các nhà sản xuất vật liệu bề mặt thay thế khác trên thị trường như laminate, đá hoa cương, đá cẩm thạch nhân tạo, ceramic tấm lớn hay gỗ ép, bê tông, thép.

Các sản phẩm thay thế này, mặc dù về tính chất cơ lý và mẫu mã có thể không bằng sản phẩm đá thạch anh, tuy nhiên lại có một số ưu điểm hơn như giá thành phải chăng, khả năng ứng dụng cao hơn đá thạch anh và đá tự nhiên trong một số trường hợp, nên có thể dễ dàng đáp ứng được nhu cầu của khách hàng, trở thành một trở ngại lớn trong việc mở rộng thị phần đá của Công ty

DANH MỤC RỦI RO TRỌNG YẾU (Tiếp)

V Rủi ro pháp lý

1. Rủi ro thay đổi tiêu chuẩn về môi trường sản xuất

Hiện nay, theo xu hướng chung của thế giới, các nước không chỉ yêu cầu cao về mức độ an toàn, thân thiện với môi trường của sản phẩm mà còn đặc biệt coi trọng vấn đề an toàn môi trường trong quá trình sản xuất trong đó có yếu tố bụi silic, tác nhân gây bệnh bụi phổi silic. Các nước quan tâm nhiều nhất là các nước phát triển như Mỹ, Úc, khối các nước EU.

Theo Báo cáo rủi ro toàn cầu năm 2020 (The Global Risks Report 2020) do Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF) công bố, 5 rủi ro hàng đầu xét theo khả năng xảy ra và 3/5 rủi ro xét theo mức độ tác động đều liên quan đến môi trường. Do vậy, năm 2020 là năm mà thế giới sẽ rất quan tâm đến vấn đề môi trường.

Chính vì vậy, xu thế chung của các quốc gia, bao gồm cả Việt Nam sẽ ngày càng khắt khe hơn với các yêu cầu, quy định liên quan đến môi trường sản xuất và làm việc của người lao động, cũng như các tác động của hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đối với môi trường.

Đây có thể là rủi ro, thách thức đối với Vicostone khi muốn chinh phục các thị trường mới và duy trì các thị trường hiện tại.

Hệ thống xử lý bụi tại Vicostone



DANH MỤC RỦI RO TRỌNG YẾU (Tiếp)

Là một doanh nghiệp thực sự quan tâm đến vấn đề môi trường và coi đó là mục tiêu chiến lược với những kế hoạch hành động cụ thể đang được triển khai một cách sát sao và chuyên nghiệp, Vicostone đánh giá đây là cơ hội đạt được sự tin tưởng và yêu mến của khách hàng, đối tác và cộng đồng, thể hiện trách nhiệm và cam kết của một doanh nghiệp có định hướng phát triển bền vững hết sức rõ ràng.

Thực tế cho thấy, theo kết quả do đối tác thứ ba và Công ty tự đo đạc, tất cả các kết quả quan trắc về nồng độ bụi silic trong nhà xưởng sản xuất của Vicostone đều trong ngưỡng cho phép theo quy định của các quốc gia đang nhập hàng của Vicostone.

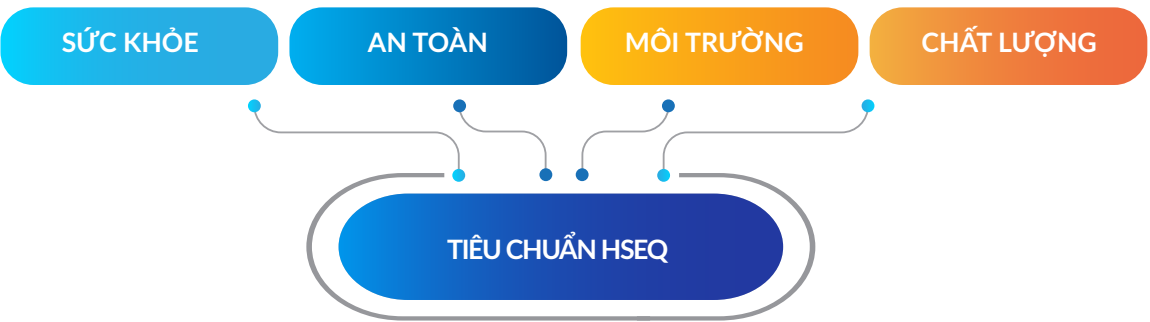
Hệ thống quan trắc tự động cho các nhà máy trong Tập đoàn nói chung và Vicostone nói riêng đã chủ động trong việc kiểm soát chất lượng khí thải và nước thải. Hệ thống quan trắc tự động tại các nhà máy bao gồm: trạm quan trắc khí vô cơ (lưu lượng, nhiệt độ, áp suất, bụi tổng, SO₂, NO_x, CO), trạm quan trắc khí hữu cơ (nhiệt độ, lưu lượng, áp suất, Toluene, Benzen, Styren) và trạm quan trắc nước thải (nhiệt độ, lưu lượng, PH, COD, TSS, Amoni...). Qua đó, Công ty chủ động hơn trong việc thường xuyên theo dõi, kiểm soát các chỉ số nước thải, khí thải, bụi thải để có những biện pháp can thiệp, xử lý kịp thời nhằm ngăn chặn các ảnh hưởng không tốt đối với sức khỏe của CBCNV và môi trường bên ngoài, xây dựng môi trường làm việc an toàn trong Công ty theo tiêu chuẩn của Việt Nam và quốc tế.

Tuy nhiên, việc thay đổi về các tiêu chuẩn môi trường sản xuất cũng có thể là rủi ro, thách thức đối với Vicostone trong việc kinh doanh tại các thị trường hiện có và các thị trường tiềm năng; rủi ro đó có thể đến từ luật lệ của chính quyền địa phương hoặc/và sự e ngại của khách hàng khi chưa thực sự thấu hiểu, chưa tiếp cận đầy đủ thông tin về những thực trạng và phạm vi cảnh báo của vấn đề.

Trong chiến lược của Công ty năm 2020 cũng như trong 5 năm tới, mục tiêu sản xuất vật liệu sinh thái, thân thiện với môi trường tiếp tục là mục tiêu trọng điểm của Công ty.

Với phương châm đó Công ty không ngừng phát triển các sản phẩm mới thân thiện với môi trường, an toàn cho người sử dụng và người tham gia trong quá trình sản xuất, nâng cao trách nhiệm xã hội.

Hệ thống quản trị các tiêu chuẩn HSEQ (Sức khỏe – An toàn – Môi trường - Chất lượng) được Công ty áp dụng và kiểm soát chặt chẽ trong tất cả các hoạt động.



Việc áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế, chủ động cải tiến quy trình sản xuất, đổi mới công nghệ để ngày càng nâng cao tiêu chuẩn về môi trường nói riêng và tiêu chuẩn HSEQ nói chung là cơ hội để Vicostone chinh phục những thị trường khó tính nhất, sẵn sàng chủ động thích ứng trước những thay đổi về quy định, các yêu cầu về môi trường.

2. Rủi ro tuân thủ quy định của pháp luật

Hiện tại, các sản phẩm của Công ty được bán và phân phối tại hơn 40 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Việc kịp thời nắm bắt, cập nhật chính xác các thay đổi trong chính sách, quy định, hành lang pháp lý, đồng thời xây dựng phương án phòng ngừa và đối phó với những thay đổi tại tất cả các khu vực là rất khó đối với Công ty. Do đó, hoạt động kinh doanh của Công ty luôn tiềm ẩn rủi ro bị ảnh hưởng nghiêm trọng từ những thay đổi đó hoặc Công ty vô tình vi phạm các quy định, chính sách riêng của từng quốc gia, khu vực do thiếu thông tin cập nhật.

Không chỉ đối mặt với các rủi ro do thay đổi các quy định của pháp luật quốc tế, hoạt động của Công ty cũng tiềm ẩn rủi ro vô tình vi phạm pháp luật, quy định trong nước, do tốc độ thay đổi hệ thống văn bản, quy định pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh như chính sách thuế, hải quan, kế toán, chứng khoán, hợp đồng... của nước ta tương đối nhanh. Khi các yêu cầu về tuân thủ này không được đảm bảo vì bất kể lý do gì, Vicostone không những đối mặt với khả năng bị phạt, mà ảnh hưởng tới uy tín doanh nghiệp, dẫn đến rất nhiều bất lợi, đặc biệt là về vấn đề thời gian khi thực hiện các hoạt động kinh doanh của mình.

VI Rủi ro tỷ giá

Năm 2019 ghi nhận sự ổn định ở mức cao của tỷ giá. Tỷ giá bình ổn đã giúp nhiều doanh nghiệp bớt được các khoản lỗ do chênh lệch tỷ giá, trong đó có Vicostone. Nhưng những ngày đầu năm 2020, khi dịch Covid-19 xảy ra đã khiến tỷ giá của nhiều đồng ngoại tệ lên xuống thất thường.

Giá USD lao dốc mạnh do tâm lý lo ngại của giới đầu tư trước tác động của Covid-19 tới nền kinh tế toàn cầu cùng với việc giá dầu lao dốc 30% sau khi không đạt được thỏa thuận cắt giảm sản lượng từ tổ chức OPEC.

Bên cạnh đó, sau quyết định cắt giảm lãi suất của Fed, thị trường kỳ vọng các ngân hàng trung ương lớn khác cũng sẽ tiếp bước động thái này cắt giảm lãi suất và điều chỉnh tỷ giá. Trong nước, tỷ giá USD trung tâm cũng đã giảm liên tục từ cuối tháng 2 xuống còn 23.195 đồng vào ngày 9/3/2020.

Trong khi đó, việc Việt Nam gần đây bị đưa vào danh sách theo dõi thao túng tỷ giá của Mỹ cũng là một tín hiệu đáng lo ngại. Ngoài ra, nhu cầu nhập khẩu hàng hóa từ Việt Nam trong năm tới cũng có thể bị ảnh hưởng do tác động từ việc sụt giảm nhu cầu toàn cầu, do đó nguồn thu ngoại tệ từ xuất khẩu có thể sẽ không còn được tích cực như trong năm 2019.

Với bối cảnh tình hình kinh tế thế giới bất ổn như trên, các chuyên gia dự báo tỷ giá năm 2020 sẽ có xu hướng giảm, tuy nhiên, rủi ro Việt Nam bị Mỹ đưa vào danh sách “thao túng tiền tệ” là một rủi ro lớn, buộc Ngân hàng Nhà nước phải thận trọng trong việc giảm mạnh giá tiền đồng.



01

TỔNG QUAN VỀ VICOSTONE

- 26 Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi - Định hướng chiến lược - Định hướng chỉ đạo quản lý chất lượng toàn diện
- 30 Thông tin chung về Vicostone
- 32 Quá trình hình thành và phát triển
- 34 Mô hình quản trị, Cơ cấu nhân sự và Bộ máy quản lý
- 48 Sản phẩm, Công nghệ và Thị trường



TẦM NHÌN

Trở thành Top 3 thương hiệu đá thạch anh trên thế giới bằng việc không ngừng phát triển, cải tiến và áp dụng công nghệ mới, vật liệu mới bằng công nghệ độc đáo, thông minh để tạo ra những sản phẩm đá thạch anh giàu tính nghệ thuật, độc đáo và truyền cảm hứng cho mọi đối tượng.



SỨ MỆNH

Hiện thực hóa mọi cam kết, luôn tiên phong sáng tạo để mang đến những sản phẩm có giá trị nghệ thuật độc đáo, dẫn đầu xu hướng với chất lượng hàng đầu, thỏa mãn tốt nhất nhu cầu của mọi đối tượng khách hàng và truyền cảm hứng sáng tạo cho mỗi cá nhân trong mọi không gian sống.



ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC

Lấy sản xuất công nghiệp theo hướng sản xuất thông minh là kinh doanh cốt lõi, vật liệu sinh thái và sản phẩm công nghệ cao là mũi nhọn, trong đó tập trung vào đá thạch anh và vật liệu Composite cao cấp.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Đáng tin cậy

Vicostone là địa chỉ tin cậy về mọi mặt với một văn hoá đã được kiểm chứng “Làm những gì đã nói”, luôn luôn “Hiện thực hoá mọi cam kết” dựa trên nền tảng:

- Nguồn nhân lực có kiến thức, tài năng, trách nhiệm, đam mê, sáng tạo, dám nghĩ dám làm;
- Coi sự hài lòng và tin tưởng của mọi nhân viên, khách hàng, cổ đông là mục tiêu tối thượng và tôn chỉ cho mọi hoạt động của Vicostone;
- Sử dụng hiệu quả và luôn cập nhật những công nghệ mới nhất, cải tiến liên tục cả trong sản xuất lẫn quản trị doanh nghiệp;
- Hiệu quả kinh doanh tốt, phát triển bền vững xuất phát từ tiềm lực tài chính mạnh và công nghệ quản trị tiên tiến;
- Trách nhiệm nghiêm túc với các hoạt động xã hội.

Tiên phong

Về công nghệ mới, vật liệu mới và dẫn dắt xu thế mới trên thị trường, phát triển xanh, bền vững.

Truyền cảm hứng

Vẻ đẹp thiên nhiên tinh tú nhất đã và đang được hội tụ vào sản phẩm VICOSTONE®, từ đó tiếp tục truyền cảm hứng, để khách hàng tự tin theo đuổi và tạo ra không gian sống theo phong cách riêng của mình.

ĐỊNH HƯỚNG CHỈ ĐẠO

QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG TOÀN DIỆN

1

Chất lượng được định hướng bởi khách hàng. Khách hàng mua sản phẩm và dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu và mong muốn của bản thân với chi phí phù hợp với giá trị sử dụng;

2

Sự hoàn hảo về chất lượng toàn diện chỉ có thể đạt được một cách tốt nhất bằng việc chủ động phòng ngừa các sự cố hơn là sửa chữa sau khi xuất hiện;

3

Quá trình tạo ra sản phẩm và dịch vụ chịu ảnh hưởng bởi hiệu quả công việc của mọi nhân viên. Mỗi nhân viên này là “khách hàng” của nhân viên khác, mỗi công đoạn này lại là “khách hàng” của công đoạn liền kề trước đó và tất cả đều có những ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng; đồng thời các nhân viên có trách nhiệm góp ý lẫn nhau để chất lượng công việc không ngừng được cải thiện;

4

Sự hoàn hảo về chất lượng yêu cầu mọi quy trình luôn được cải tiến liên tục. Điều này có nghĩa rằng mỗi nhân viên cần liên tục đánh giá xem công việc hiện tại đạt ở mức độ nào và làm thế nào để công việc ngày càng tốt hơn;

5

Con người cung cấp trí tuệ và thực hiện những hành động cần thiết để đưa ra những cải tiến;

6

Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp một cách tối ưu, quản trị doanh nghiệp dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại là yếu tố then chốt cho sự phát triển bền vững và chuyên nghiệp.



Gian hàng Vicostone tại Triển lãm Quebec Expo Habitat, thành phố Quebec

THÔNG TIN CHUNG VỀ VICOSTONE



Vicostone là một trong những nhà sản xuất đá thạch anh hàng đầu trên thế giới. Hệ thống đại lý phân phối sản phẩm của Vicostone đã hiện diện tại khắp các châu lục và nhãn hiệu VICOSTONE® được bảo hộ tại 67 quốc gia.



| CÔNG TY CỔ PHẦN VICOSTONE | |
|---|---|
| Tên giao dịch | VICOSTONE JOINT STOCK COMPANY |
| Tên viết tắt | VICOSTONE |
| Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số | 0500469512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/06/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 16/04/2018 |
| Vốn điều lệ | 1.600.000.000.000 đồng (Một nghìn sáu trăm tỷ đồng) |
| Địa chỉ | Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hoà, huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội |
| Điện thoại | 024 3368 5826 |
| Fax | 024 3368 6652 |
| Website | http://vicostone.com |
| Email | quanhecodong@vicostone.com |

Tên chứng khoán:

Cổ phiếu Công ty cổ phần Vicostone

Mã cổ phiếu:

VCS

Mệnh giá: 10.000 đồng

Số lượng cổ phiếu niêm yết:

160.000.000 CP tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)

Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành:

160.000.000 CP

Phụ trách công bố thông tin

| ÔNG PHẠM ANH TUẤN | |
|-------------------|--|
| Chức vụ: | Tổng Giám đốc CTCP Vicostone |
| Điện thoại: | (+84) 24 3368 5826 Fax: (+84) 24 3368 6652 |
| Địa chỉ: | Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, Việt Nam. |
| Di động: | 0977 150 881 |

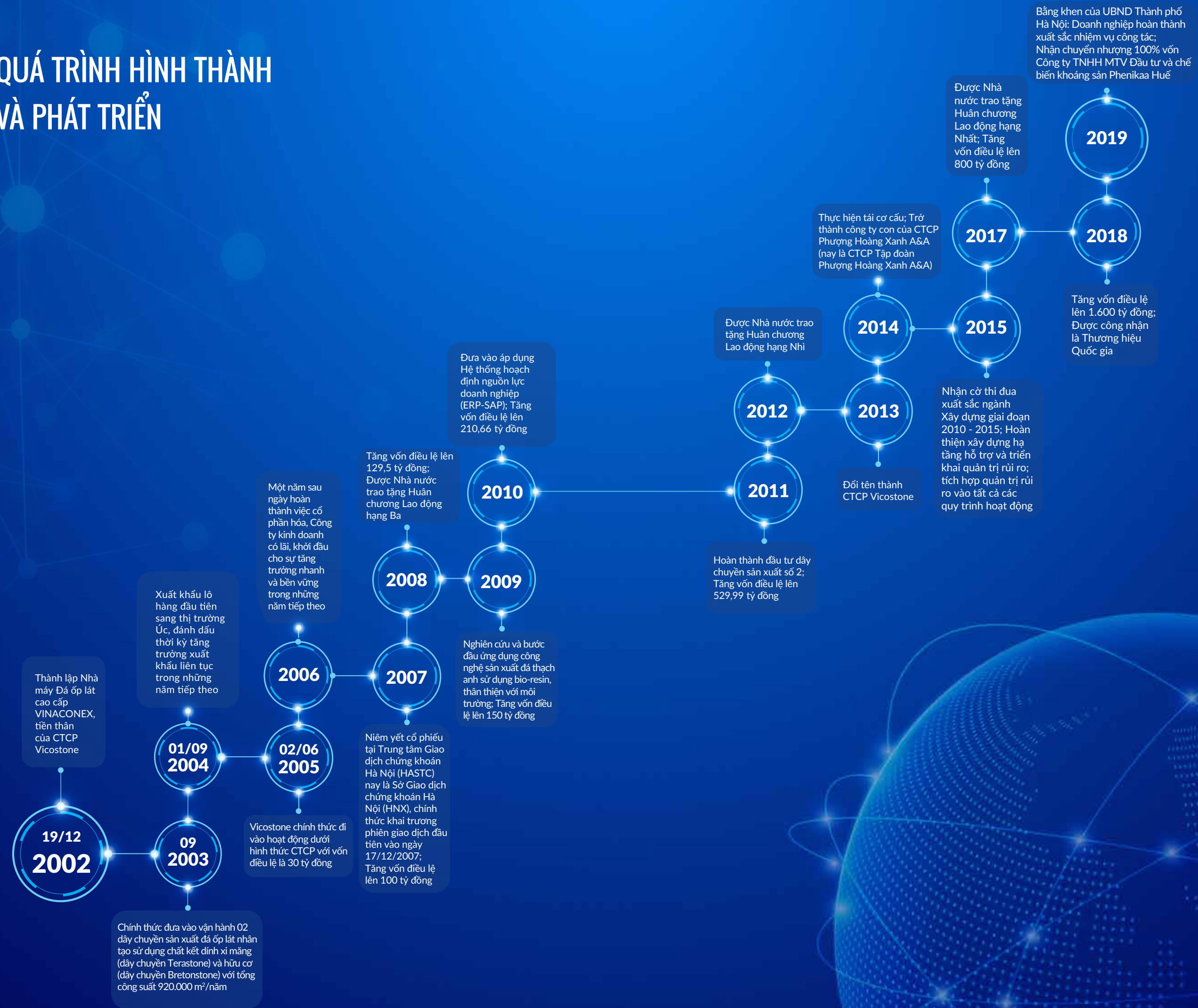
Đơn vị kiểm toán độc lập

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Cornerstone, 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 024 3831 5100.

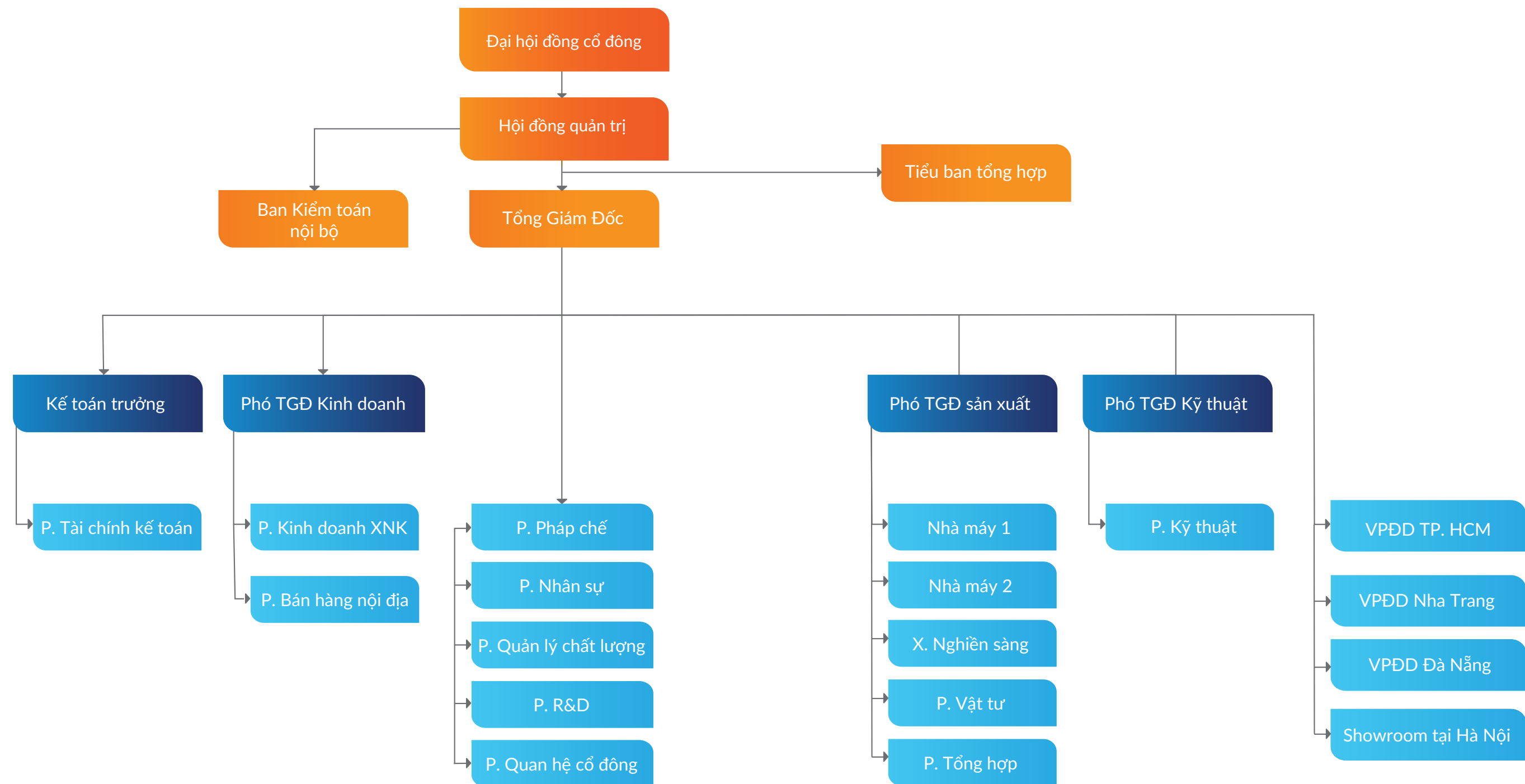
Thực hiện kiểm toán BCTC riêng và BCTC hợp nhất các năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU NHÂN SỰ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

I Sơ đồ tổ chức



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU NHÂN SỰ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ (Tiếp)

II Cơ cấu nhân sự

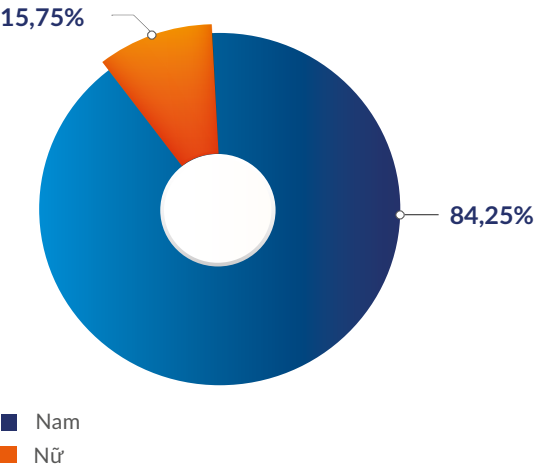
Tổng số lao động của Vicostone tại thời điểm ngày 31/12/2019 là 692 người. Tỷ lệ lao động trẻ dưới 35 tuổi chiếm 55,9%. Lực lượng lao động nam là chủ yếu (84,2%) và 92% đã qua đào tạo nghề. Lao động trực tiếp sản xuất chiếm 64,5% tổng số lao động, một tỷ lệ phù hợp với ngành nghề sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng của Vicostone.

Với 29,6% lao động có trình độ Đại học trở lên, 62,4% lao động có trình độ Trung cấp, sơ cấp, kỹ thuật viên, chất lượng lao động đầu vào của Vicostone có nền tảng khá tốt, thuận lợi để sử dụng, bố trí, đào tạo nâng cao đáp ứng yêu cầu và mục tiêu chiến lược của Công ty.

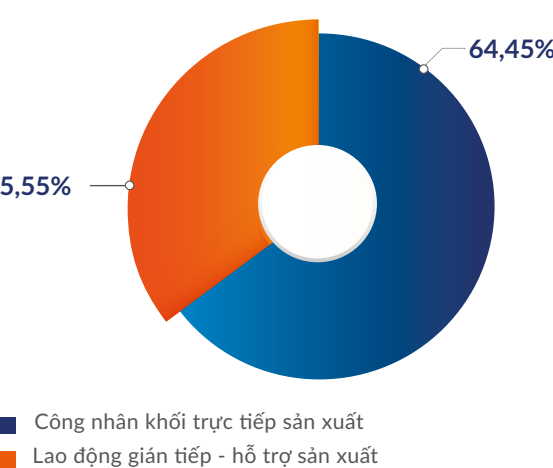
1. Cơ cấu nhân sự theo trình độ

| STT | Trình độ | Năm 2017 | | Năm 2018 | | Năm 2019 | |
|-----|-------------------------|------------------|-----------|------------------|-----------|------------------|-----------|
| | | Số lượng (người) | Tỷ lệ (%) | Số lượng (người) | Tỷ lệ (%) | Số lượng (người) | Tỷ lệ (%) |
| 1 | Trên đại học | 10 | 1,56 | 10 | 1,47 | 11 | 1,59 |
| 2 | Đại học | 175 | 27,34 | 192 | 28,15 | 194 | 28,03 |
| 3 | Cao đẳng | 77 | 12,03 | 93 | 13,64 | 90 | 13,01 |
| 4 | Trung cấp, sơ cấp, CNKT | 351 | 54,84 | 348 | 51,03 | 342 | 49,42 |
| 5 | Lao động phổ thông | 27 | 4,22 | 39 | 5,72 | 55 | 7,95 |
| | TỔNG | 640 | 100 | 682 | 100 | 692 | 100 |

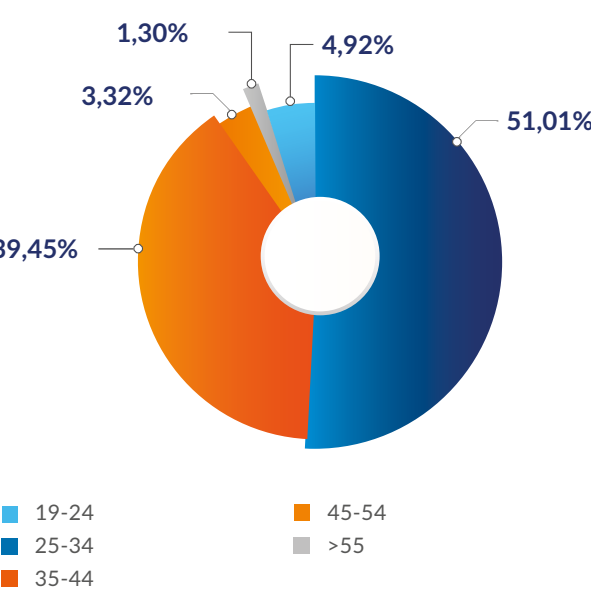
2. Cơ cấu lao động theo giới tính (2019)



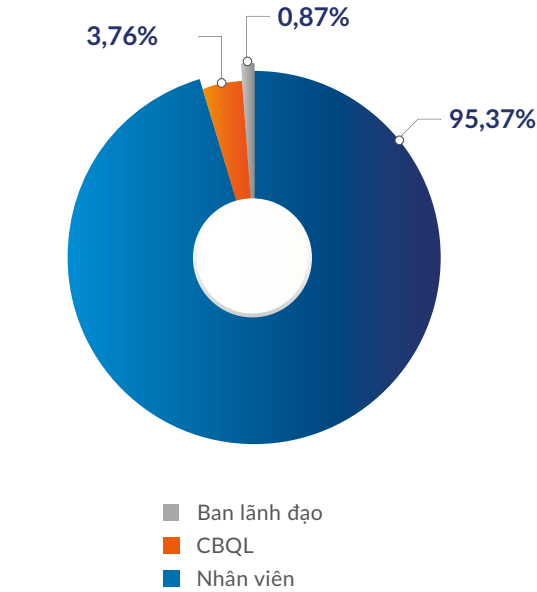
3. Cơ cấu lao động theo tính chất công việc (2019)



4. Cơ cấu lao động theo độ tuổi



5. Cơ cấu lao động theo phân cấp quản lý



6. Bộ máy quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty có 5 thành viên:

| | |
|--------------------------|------------|
| ÔNG HỒ XUÂN NĂNG | Chủ tịch |
| ÔNG PHẠM ANH TUẤN | Thành viên |
| BÀ TRẦN LAN PHƯƠNG | Thành viên |
| BÀ NGUYỄN DIỆU THÚY NGỌC | Thành viên |
| BÀ NGHIÊM THỊ NGỌC DIỆP | Thành viên |

Trong đó: Ông Hồ Xuân Năng, Bà Trần Lan Phương, và Bà Nguyễn Diệu Thúy Ngọc là thành viên không điều hành. Thành viên độc lập là Bà Nghiêm Thị Ngọc Diệp.



Ông Hồ Xuân Năng
Chủ tịch HĐQT
Sinh ngày: 04/11/1964

Trình độ chuyên môn

- Tiến sĩ Chuyên ngành Cơ khí
- Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Chức vụ đảm nhận tại các công ty khác

- Chủ tịch HĐQT – TGD CTCP Tập đoàn Phương Hoàng Xanh A&A
- Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư giáo dục Phenikaa
- Chủ tịch HĐQT CTCP Công nghệ Ecovision Vietnam
- Chủ tịch HĐ Trường – Trường Đại học Phenikaa
- Viện trưởng Viện Nghiên cứu & Công nghệ Phenikaa

Quá trình công tác

- Từ 12/06/2014 đến nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Vicostone;
- Từ 18/04/2013 - 15/12/2016: TGD CTCP Vicostone;
- Từ 18/04/2013 - 12/06/2014: Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Vicostone;
- Từ tháng 04/2012 - 04/2013: Chủ tịch HĐQT CTCP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex;
- Từ tháng 03/2007 - 03/2012: Chủ tịch HĐQT - TGD CTCP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex;
- Từ tháng 06/2005 - 03/2007: Giám đốc CTCP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex;
- Từ tháng 07/2004 - 05/2005: Giám đốc Nhà máy đá ốp lát cao cấp Vinaconex;
- Từ tháng 01/1999 - 07/2004: Phó chánh văn phòng Tổng công ty Vinaconex;
- Từ tháng 03/1996 - 01/1999: Giám đốc chất lượng; Giám đốc sản xuất nhà máy ô tô Ford Việt Nam - Hải Dương;
- Từ 1993 - 03/1996: Viện cơ điện Nông nghiệp Việt Nam;
- Từ 1986 - 1993: Nghiên cứu sinh - Giảng viên Đại học Bách khoa Hà Nội.



Ông Phạm Anh Tuấn
Ủy viên HĐQT
Sinh ngày: 12/09/1981

Trình độ chuyên môn

- Tiến sĩ Vật liệu Cao phân tử và Tổ hợp

Chức vụ đảm nhận tại các công ty khác

- Phó TGD CTCP Tập đoàn Phương Hoàng Xanh A&A
- Ủy viên HĐQT CTCP Chế tác đá Việt Nam
- Thành viên Hội đồng Trường Đại học Phenikaa

Quá trình công tác

- Từ ngày 15/12/2016 đến nay: Ủy viên HĐQT - Tổng Giám đốc CTCP Vicostone;
- Từ ngày 14/10/2014 - 14/12/2016: PTGD CTCP Vicostone;
- Từ tháng 03/2013 - 10/2014: Giám đốc Nhà máy Sản xuất số 2 kiêm Giám đốc Trung tâm R&D CTCP Vicostone;
- Từ tháng 07/2009 - 03/2013: Giám đốc Trung tâm R&D CTCP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex;
- Từ tháng 10/2006 - 06/2009: Trưởng Phòng Công nghệ - Chất lượng CTCP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex;
- Từ tháng 07/2005 - 10/2006: Trưởng Phòng Công nghệ CTCP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex.



Bà Trần Lan Phương
Ủy viên HĐQT
Sinh ngày: 04/10/1988

Trình độ chuyên môn

- Cử nhân Luật kinh tế; Cử nhân Tài chính - Ngân hàng

Chức vụ đảm nhận tại các công ty khác

- Phó Tổng giám đốc - Giám đốc Ban Nhân lực CTCP Tập đoàn Phương Hoàng Xanh A&A
- Thành viên HĐQT CTCP Tư vấn quản lý dự án VPM

Quá trình công tác

- Từ 12/04/2019 đến nay: Ủy viên HĐQT CTCP Vicostone
- Từ 04/08/2015 đến 12/04/2019: Thành viên BKS CTCP Vicostone;
- Từ tháng 10/2014 - 08/2015: Trợ lý TGD CTCP Vicostone;
- Từ tháng 03/2013 - 10/2014: Phó Chánh văn phòng CTCP Vicostone;
- Từ tháng 11/2010 - 03/2013: Nhân viên Ban pháp chế đối ngoại CTCP Vicostone;
- Từ tháng 03/2010 - 11/2010: Nhân viên tư vấn CTCP Đào tạo và ứng dụng Aprotrain.



Bà Nguyễn Diệu Thúy Ngọc
Ủy viên HĐQT
Sinh ngày: 12/03/1972

Trình độ chuyên môn

- Cử nhân Kinh tế

Chức vụ đảm nhận tại các công ty khác

- Kế toán trưởng CTCP Đầu tư giáo dục Phenikaa

Quá trình công tác

- Từ tháng 06/2016 đến nay: Ủy viên HĐQT CTCP Vicostone;
- Từ ngày 04/08/2015 - 30/06/2016: Thành viên BKS CTCP Vicostone;
- Từ tháng 09/1996 - 10/2014: Kế toán tổng hợp CTCP XNK chuyên gia Lao động và kỹ thuật.



Bà Nghiêm Thị Ngọc Diệp
Ủy viên HĐQT
Sinh ngày: 14/05/1987

Trình độ chuyên môn

- Cử nhân ngoại ngữ

Chức vụ đảm nhận tại các công ty khác

- Không

Quá trình công tác

- Từ ngày 25/08/2014 đến nay: Ủy viên HĐQT CTCP Vicostone;
- Năm 2009 - 09/2011: Nhân viên Công ty cổ phần Fsoft-FPT.



Ông Phạm Anh Tuấn
Tổng Giám đốc
Sinh ngày: 12/09/1981

(Xem phần Thành viên HĐQT)



Ông Lưu Công An
Phó Tổng Giám đốc
Sinh ngày: 15/07/1965

Trình độ chuyên môn
• Kỹ sư động lực

Chức vụ đảm nhận tại các công ty khác
• Chủ tịch HĐQT - Giám đốc CTCP Chế tác đá Việt Nam;
• Phó TGD - Ủy viên HĐQT CTCP Tập đoàn Phụng Hoàng Xanh A&A.

Quá trình công tác
• Từ tháng 03/2007 đến nay: PTGD CTCP Vicostone;
• Từ tháng 03/2007 - 04/08/2015: Ủy viên HĐQT CTCP Vicostone;
• Từ tháng 05/2005 - 02/2007: Phó Giám đốc CTCP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex;
• Từ tháng 12/2004 - 04/2005: Quản đốc Phân xưởng Bretonstone CTCP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex;
• Từ tháng 10/2004 - 11/2004: Trưởng phòng Kỹ thuật CTCP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex;
• Từ năm 2000 - 10/2004: Phó phòng Thiết kế Công ty Diesel Sông Công.



Ông Phạm Trí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Sinh ngày: 18/10/1971

Trình độ chuyên môn
• Kỹ sư cơ khí

Chức vụ đảm nhận tại các công ty khác
• Phó TGD - Ủy viên HĐQT - CTCP Tập đoàn Phụng Hoàng Xanh A&A

Quá trình công tác
• Từ tháng 03/2007 đến nay: PTGD CTCP Vicostone;
• Từ tháng 03/2007 - 04/08/2015: Ủy viên HĐQT CTCP Vicostone;
• Từ tháng 02/2005 - 03/2007: Phó Giám đốc CTCP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex;
• Từ tháng 06/2004 - 02/2005: Trưởng phòng Kế hoạch thị trường, Nhà máy Đá ốp lát cao cấp Vinaconex;
• Từ tháng 08/2001 - 06/2004: Phó phòng Xuất khẩu lao động, CTCP kinh doanh Vinaconex - Vinatra.



Ông Nguyễn Chí Công
Phó Tổng Giám đốc
Sinh ngày: 16/08/1981

Trình độ chuyên môn
• Kỹ sư điều khiển

Chức vụ đảm nhận tại các công ty khác
• Không

Quá trình công tác
• Từ tháng 08/2017 đến nay: PTGD CTCP Vicostone;
• Từ tháng 01/2013 - 07/2017: Giám đốc CTCP Style Stone;
• Từ tháng 06/2011 - 12/2012: Giám đốc Ban sản xuất CTCP Style Stone;
• Từ tháng 09/2009 - 05/2011: Phó Giám đốc kiêm Quản đốc Phân xưởng Bretonstone, CTCP Style Stone;
• Từ tháng 01/2009 - 08/2009: Giám đốc Ban sản xuất - CTCP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex;
• Từ tháng 09/2004 - 12/2008: Kỹ sư - CTCP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex.



Bà Nguyễn Thị Nga
Kế toán trưởng
Sinh ngày: 15/12/1984

Trình độ chuyên môn
• Cử nhân kinh tế, chuyên ngành kế toán

Chức vụ đảm nhận tại các công ty khác
• Không

Quá trình công tác
• Từ ngày 18/07/2015 đến nay: Kế toán trưởng CTCP Vicostone;
• Từ 04/08/2015 - 15/12/2016: Ủy viên HĐQT CTCP Đá thạch anh cao cấp Vicostone;
• Từ tháng 10/2012 - 07/2015: Phó Trưởng phòng TC-KT CTCP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex;
• Từ tháng 11/2008 - 10/2012: Nhân viên kế toán CTCP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex.

Ban Kiểm toán gồm 02 thành viên:



Bà Nguyễn Diệu Thúy Ngọc
Trưởng Ban kiểm toán
Sinh ngày: 12/03/1972

(Xem phần Thành viên HĐQT)



Ông Nguyễn Văn Toàn
Thành viên Ban Kiểm toán
Sinh ngày: 30/01/1991

Trình độ chuyên môn

- Cử nhân ngoại ngữ

Chức vụ đảm nhận tại các công ty khác

- Thành viên Ban kiểm toán CTCP Tập đoàn Phương Hoàng Xanh A&A

Quá trình công tác

- Từ 01/07/2019 đến nay: Nhân viên Ban Kiểm toán CTCP Vicostone;
- Từ 07/03/2016 đến 01/07/2019: Nhân viên Kiểm toán nội bộ tại Phòng Quản trị rủi ro và Kiểm toán nội bộ CTCP Vicostone;
- Từ 15/02/2016 đến 06/03/2016: Nhân viên Phòng Pháp chế và Quản trị rủi ro CTCP Vicostone.

Thay đổi nhân sự Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

Hội đồng quản trị

Trong năm 2019, HĐQT có sự thay đổi về nhân sự như sau:

- Ông Nguyễn Quốc Trường kết thúc nhiệm kỳ 2015 – 2019 kể từ ngày 12/04/2019;
- Đại hội đồng cổ đông công ty đã bầu thay thế bà Trần Lan Phương trở thành Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019 – 2024 kể từ ngày 12/04/2019.

Ban Kiểm soát

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc thay đổi mô hình công ty theo mô hình tại điểm b khoản 1 điều 134 Luật doanh nghiệp 2014, theo đó công ty giải thể Ban Kiểm soát, xây dựng cơ cấu tổ chức quản lý tại công ty theo mô hình: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban Kiểm toán (trực thuộc HĐQT).

Hội đồng quản trị cũng đã tiến hành họp và bầu ra nhân sự Ban kiểm toán bao gồm:

| | |
|---------------------------------|--------------------------|
| BÀ NGUYỄN DIỆU THÚY NGỌC | Trưởng Ban kiểm toán |
| ÔNG NGUYỄN VĂN TOÀN | Thành viên Ban kiểm toán |

Ban Tổng Giám đốc

Trong năm 2019, Ban TGD không có sự thay đổi về nhân sự.

Kế toán trưởng

Trong năm 2019 không có sự thay đổi Kế toán trưởng. Bà Nguyễn Thị Nga tiếp tục giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU NHÂN SỰ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ (Tiếp)

III Công ty có liên quan

1. Công ty mẹ - CTCP Tập đoàn Phụng Hoàng Xanh A&A (Phenikaa)



| | |
|---------------|--|
| Tên giao dịch | A & A Green Phoenix Group Joint Stock Company |
| Tên viết tắt | Phenikaa |
| Vốn điều lệ | 3.000.000.000.000 đồng (Ba nghìn tỷ đồng) |
| Trụ sở | Số 167 phố Hoàng Ngân, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam |
| Điện thoại | +84 24 3368 5980 |
| Fax | +84 24 3368 7095 |
| Email | info@phenikaa.com |
| Website | www.phenikaa.com |



KHOẢNG SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

- CTCP Vicostone (tỷ lệ sở hữu 81,63% vốn điều lệ);
- CTCP Style Stone (tỷ lệ sở hữu 99,93% vốn điều lệ);
- CTCP Chế tác đá Việt Nam (tỷ lệ sở hữu 60,53% vốn điều lệ).

KHOẢNG CÔNG NGHỆ

- Công ty Chiếu sáng Led Phenikaa (tỷ lệ sở hữu 100% vốn điều lệ);
- Công ty Điện tử Phenikaa (tỷ lệ sở hữu 100% vốn điều lệ);
- Công ty Giải pháp Thông minh Phenikaa (tỷ lệ sở hữu 80% vốn điều lệ);
- Công ty Cổ phần BusMap (tỷ lệ sở hữu 51% vốn điều lệ).

KHOẢNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO

- Viện Nghiên cứu và Công nghệ Phenikaa (tỷ lệ sở hữu 100% vốn điều lệ);
- Khối Giáo dục và Đào tạo
 - » Trường Đại học Phenikaa (tỷ lệ sở hữu 98,7% vốn điều lệ);
 - » CTCP Đầu tư Giáo dục Phenikaa (tỷ lệ sở hữu 90% vốn điều lệ).

KHOẢNG TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ XÂY LẮP

- CTCP Tư vấn Quản lý dự án VPM – Hà Nội (tỷ lệ sở hữu 97,82% vốn điều lệ);
- Khối Thương mại dịch vụ
 - » CTCP Trung tâm Séc G3 (tỷ lệ sở hữu 99,0% vốn điều lệ);
 - » Công ty Stylenquaza LLC. DBA (Vicostone US) được thành lập tháng 11 năm 2010, trụ sở chính tại 11620 Goodnight Lane, Suite 100, Dallas, Texas, Mỹ (tỷ lệ sở hữu 75% vốn điều lệ);
 - » Công ty Vicostone Canada INC. được thành lập tháng 11 năm 2015, trụ sở chính tại 341 Edgeley BLVD Vaughan, ON L4K 3Y2, Canada (tỷ lệ sở hữu 90% vốn điều lệ).

Vicostone US và Vicostone Canada là hai công ty của Tập đoàn Phenikaa được thành lập và hoạt động bên ngoài lãnh thổ Việt Nam, trực tiếp phân phối sản phẩm đá thạch anh thương hiệu VICOSTONE® tại khu vực Bắc Mỹ (Mỹ, Canada).

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU NHÂN SỰ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ (Tiếp)

2. Công ty con và Đơn vị phụ thuộc

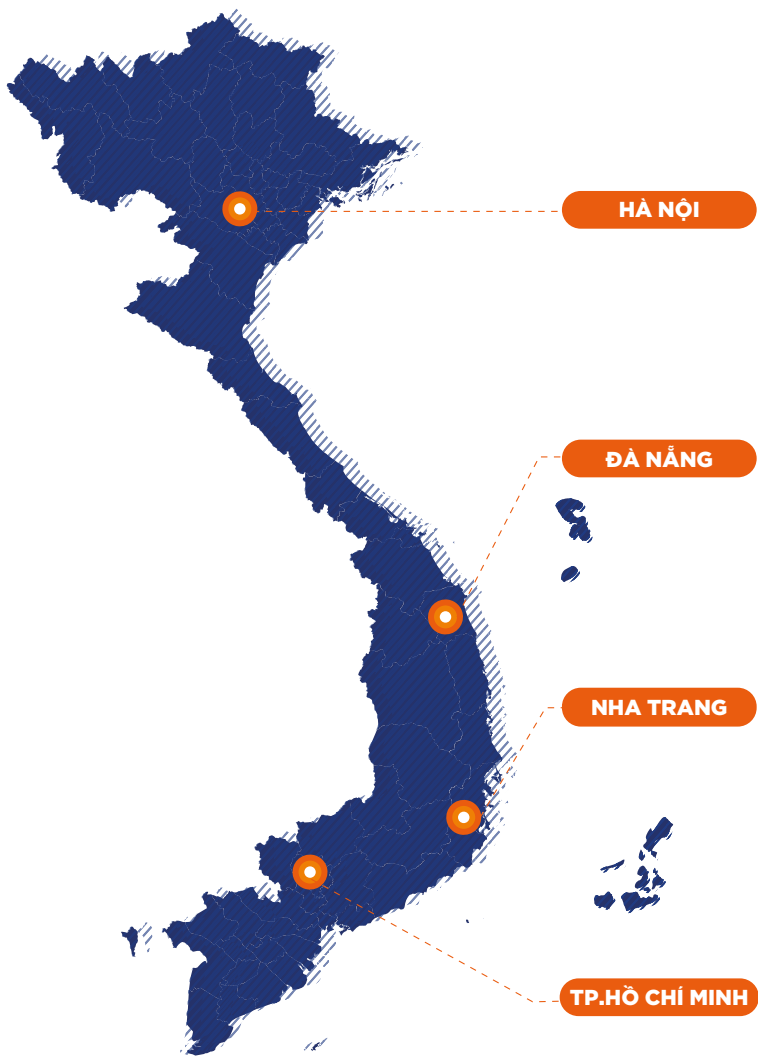
2.1 Công ty con

Công ty TNHH Một thành viên đầu tư và chế biến khoáng sản Phenikaa Huế (tỷ lệ sở hữu 100% vốn điều lệ)



| | |
|--------------------------|--|
| Tên giao dịch | Phenikaa Hue Mineral Processing & Investment One Member Company Limited |
| Tên viết tắt | Phenikaa Huế |
| Vốn điều lệ | 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng) |
| Trụ sở | Lô CN15 khu B, Khu công nghiệp Phong Điền, xã Phong Hòa, huyện Phong Điền, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam |
| Lĩnh vực hoạt động chính | Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim |
| Số lượng lao động | Công ty TNHH Một thành viên đầu tư và chế biến khoáng sản Phenikaa Huế hiện có 143 lao động. Thu nhập bình quân trên 8 triệu đồng/người/tháng. Trong năm 2019, Công ty đã thực hiện trích nộp hơn 1,3 tỷ đồng để thanh toán Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động. |

2.2 Đơn vị phụ thuộc



| Khu vực | Địa chỉ |
|--------------------------|---|
| VPĐD tại TP. Hồ Chí Minh | Số 72 đường Nguyễn Cơ Thạch, phường An Lợi Đông, quận 2, TP. Hồ Chí Minh |
| VPĐD tại Nha Trang | Số 2 đường Tố Hữu, phường Phước Hải, TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. |
| VPĐD tại Đà Nẵng | Số 502 - 504 đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng. |
| Showroom tại TP. Hà Nội | Số 167 Hoàng Ngân, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội |

SẢN PHẨM, CÔNG NGHỆ VÀ THỊ TRƯỜNG

Sản phẩm

Sản phẩm đá thạch anh cao cấp thương hiệu VICOSTONE® được sản xuất bởi công nghệ tiên tiến kết hợp sự đột phá trong cải tiến cùng những bí quyết công nghệ riêng, do đó các sản phẩm VICOSTONE® có thiết kế (hoa văn và màu sắc) độc đáo, ấn tượng được lấy cảm hứng từ vẻ đẹp của đá tự nhiên và các hiện tượng trong cuộc sống; có tính chất cơ lý vượt trội hơn hẳn đá tự nhiên và các loại vật liệu ốp lát được sản xuất theo công nghệ khác. Sự kết tinh hài hòa bởi các thành phần nguyên vật liệu với hơn 90% cốt liệu thạch anh tự nhiên, công nghệ hàng đầu trên thế giới, bí quyết “know-how” độc đáo được nghiên cứu phát triển bởi tài năng và sự sáng tạo không giới hạn của những con người Vicostone đã tạo ra những sản phẩm khác biệt, dẫn dắt xu thế mà các đối thủ cạnh tranh khó sao chép.

Sản phẩm VICOSTONE® là lựa chọn hàng đầu cho các chuyên gia và người tiêu dùng cho hầu hết các ứng dụng bề mặt trong nhà, bao gồm: Mặt bàn bếp, bàn trang điểm, bồn tắm, bồn rửa, tường, quầy bar, sàn nhà và nhiều ứng dụng khác. Cùng với sự nỗ lực không ngừng trong đổi mới và sáng tạo, năm 2019 vừa qua Vicostone đã cho ra mắt các sản phẩm mới, trong đó đặc biệt phải nhắc tới bộ sản phẩm độc đáo Sky Collection được lấy cảm hứng từ vẻ đẹp của mây trời - nguồn cảm hứng bất tận từ muôn đời nay cho nghệ thuật kiếm tìm, tận hưởng và thăng hoa. Đó là những cung bậc cảm xúc thú vị khác nhau khi ngắm nhìn mây trời trong từng khoảnh khắc: Lúc trong trẻo, nhẹ nhàng của những đám mây trắng bông bồng bồng trôi; khi mạnh mẽ, dữ dội của những đám mây đen vần vũ trước cơn bão; khi lại vô cùng kỳ bí, cuốn hút của bầu trời đêm trên các vùng cực của Trái đất... Tất cả những tuyệt tác của mây trời đó đã được Vicostone khắc họa trọn vẹn trên bộ sản phẩm Sky Collection:

- **Sản phẩm đá thạch anh Vicostone Gan Eden - BQ8881** nổi bật với các mảng vân mô phỏng những đám mây trong trẻo nhẹ nhàng, được sắp xếp ngẫu nhiên nhưng lại tạo thành bức tranh tổng thể đồng nhất, kích hoạt trí tưởng tượng người xem;
- **Sản phẩm đá thạch anh Vicostone Elysian - BQ8884** là sự kết hợp giữa 2 tone màu trắng và xám ấm, có tính ứng dụng cao, đặc biệt các mảng vân đá mô phỏng như những đám mây dữ dội bao bão được sắp xếp ngẫu nhiên mang đến ấn tượng mạnh mẽ;
- **Sản phẩm đá thạch anh Vicostone Amadeus - BQ8887** là sự phối màu mượt mà giữa nền đen với các đường vân màu vàng ánh kim, tạo hiệu ứng 3D trong suốt độc đáo, mô phỏng bầu trời vùng vực của Trái đất về đêm, phù hợp với các thiết kế cá tính.

Sản phẩm đá thạch anh Vicostone Amadeus - BQ8887



Năm 2019 cũng là năm đánh dấu sự chuyển mình mạnh mẽ của Vicostone khi đã phát triển thành công dòng sản phẩm Quartz siêu mỏng- Ultrathin đầu tiên trên thế giới với độ dày 5mm. Sản phẩm mang nhiều đặc tính vượt trội như mỏng nhẹ, dễ lắp đặt và có thể sử dụng cho nhiều ứng dụng bề mặt như mặt bàn bếp, ốp tủ bếp, tủ trong phòng tắm đến ốp tường. Sự mới mẻ và tiện dụng của sản phẩm này không chỉ khơi nguồn cảm hứng cho không gian sống mà còn mang đến nhiều lựa chọn hơn cho các nhà thiết kế nội thất trên thế giới, đặc biệt trong cuộc sống hiện đại ưa dùng sự tiện dụng, tinh giản. Sản phẩm chính thức được ra mắt tại triển lãm IMM của Đức vào tháng 1 năm 2020.

Luôn tiên phong và tạo xu thế với những dòng sản phẩm sáng tạo, độc đáo và truyền cảm hứng, mỗi thiết kế sản phẩm VICOSTONE® được ví như một tác phẩm nghệ thuật được kết tinh bởi tri thức và tài năng, nghiên cứu phát triển và sự sáng tạo của các kĩ sư Vicostone, cùng với bí quyết công nghệ độc đáo khác biệt.

Một số sản phẩm tạo nên dấu ấn Thương hiệu VICOSTONE® trên phạm vi toàn cầu:

- **Sản phẩm đá thạch anh Vicostone Venatino - BQ8660:** độc đáo với những đường vân màu xám đan dệt vào nhau, tạo thành những họa tiết như cảnh cây lớn, mô phỏng những cảnh phượng nhẹ nhàng thanh thoát;
- **Sản phẩm đá thạch anh Vicostone Arabescato - BQ8912:** Lấy cảm hứng từ sản phẩm Calacatta tự nhiên, dòng đá cẩm thạch nổi tiếng của nước Ý - được mệnh danh là nữ hoàng của đá tự nhiên, đá Vicostone Arabescato được thiết kế lại một cách tinh tế và sang trọng, vẫn trên nền cẩm thạch trắng, những đường vein chính màu xám thanh thoát và uyển chuyển, kết hợp với các đường vein phụ xuất hiện hài hòa hơn;
- **Sản phẩm đá thạch anh Vicostone White Fusion - BQ8825** độc đáo với những hoạt tiết vân xám vân vũ, hoà quyện vào nhau tạo thành những vòng xoáy như những cơn mắt bão cùng hiệu ứng chuyển tiếp nhẹ nhàng và tự nhiên giữa vân và nền đá;
- **Sản phẩm đá thạch anh Vicostone Misterio - BQ8815** được thiết kế độc đáo khi xuất hiện trong sự kết hợp của 2 lớp vân, một lớp vân nền nhẹ nhàng và một lớp vân chỉ mỏng màu nâu xám hài hoà với bề mặt màu trắng cẩm thạch sang trọng;
- **Sản phẩm đá thạch anh Vicostone Nero Marquina - BQ8740** nổi bật với những đường vân trắng sáng chạy dọc, như những tia sét đánh mạnh mẽ trải dài toàn tấm. Các đường vân này càng trở nên nổi bật bởi màu trắng tương phản hoàn toàn bề mặt mô gần như đen một cách tuyệt đối đầy huyền bí.

Sản phẩm đá thạch anh Vicostone Venatino - BQ8660



Sản phẩm đá thạch anh Vicostone Arabescato - BQ8912



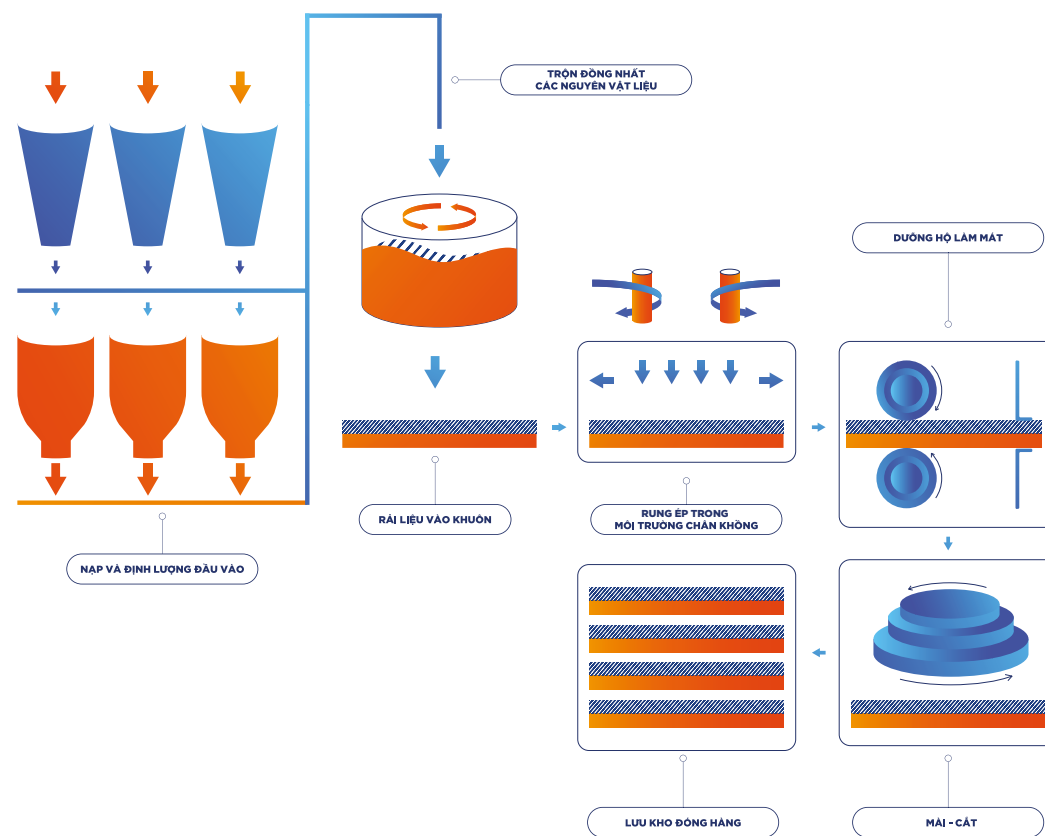
Sản phẩm đá thạch anh Vicostone White Fusion - BQ8825

SẢN PHẨM, CÔNG NGHỆ VÀ THỊ TRƯỜNG (Tiếp)

II Công nghệ

Sản phẩm VICOSTONE® được sản xuất trên nền tảng “Công nghệ rung ép vật liệu trong môi trường chân không”, trên cơ sở thiết bị chuyển giao của hãng Breton (Ý) và sự cải tiến đột phá trong công nghệ - thiết bị của đội ngũ kỹ sư Vicostone. Với nền tảng công nghệ tiên tiến và hiện đại, mức độ tự động hóa cao cùng những cải tiến mang tính đột phá, nguyên vật liệu tinh khiết, an toàn tuyệt đối với môi trường và người sử dụng, sản phẩm VICOSTONE® có những ưu điểm vượt trội mà các sản phẩm đá tự nhiên hay nhân tạo được sản xuất theo công nghệ khác không thể có được. Công nghệ sản xuất đá của Vicostone hoàn toàn thân thiện với môi trường. Hệ thống nước thải tuần hoàn khép kín, không thải ra môi trường. Bùn thải được tái sử dụng để sản xuất các loại vật liệu xây dựng thân thiện khác như: Gạch không nung, keo lát nền.

1. Quy trình công nghệ



Mô hình công nghệ sản xuất đá tấm của Vicostone hoàn toàn thân thiện với môi trường:

- Quy trình sản xuất khép kín, kiểm soát chất lượng từ đầu vào đến đầu ra sản phẩm;
- Hệ thống nước thải tuần hoàn khép kín, không phát thải ra môi trường;
- Bùn thải được tái sử dụng làm nguyên liệu cho các loại vật liệu xây dựng thân thiện khác như: Gạch không nung, keo dán đá, gạch block lát đường...



Sản phẩm đá thạch anh Vicostone Blue Savoy - BQ8816

Với nền tảng công nghệ tiên tiến và hiện đại, có mức độ tự động hóa cao cùng những cải tiến mang tính đột phá, nguyên vật liệu tinh khiết, an toàn tuyệt đối với môi trường và người sử dụng, sản phẩm VICOSTONE® có những ưu điểm vượt trội sau mà các sản phẩm đá tự nhiên hay nhân tạo được sản xuất theo công nghệ khác không thể có được.

- **Đa dạng dải màu:** Với sự đa dạng trong dải màu sản phẩm của Vicostone có khả năng đáp ứng tất cả nhu cầu của khách hàng;
- **Độc đáo:** Bề mặt thiết kế độc đáo và đột phá, dễ dàng cho thiết kế nội thất với đầy cảm hứng;
- **Độ bền cơ lý hóa cao:** Chứa khoảng 90% cốt liệu là thạch anh tự nhiên – khoáng vật có độ cứng cao nhất chỉ sau kim cương, đá thạch anh Vicostone có khả năng chống thấm, chống xước, chịu được các tác nhân ăn mòn hóa học - Vượt trội so với đá Granite và đá Marble tự nhiên;
- **Tuyệt đối an toàn với người sử dụng** do nguyên liệu đầu vào được kiểm tra và đảm bảo bởi quy trình sản xuất nghiêm ngặt nên sản phẩm tuyệt đối an toàn đối với người sử dụng, được nhiều tổ chức quốc tế uy tín kiểm tra và chứng nhận;
- **Dễ dàng bảo dưỡng:** Không như đa phần các loại đá tự nhiên cần phải phủ bóng lại hay bảo dưỡng định kỳ, sản phẩm của Vicostone dễ dàng được làm sạch và không cần bảo dưỡng trong quá trình sử dụng. Điều này giúp cho quá trình sử dụng đá VICOSTONE® giữ được vẻ đẹp qua nhiều năm tháng.

SẢN PHẨM, CÔNG NGHỆ VÀ THỊ TRƯỜNG (Tiếp)

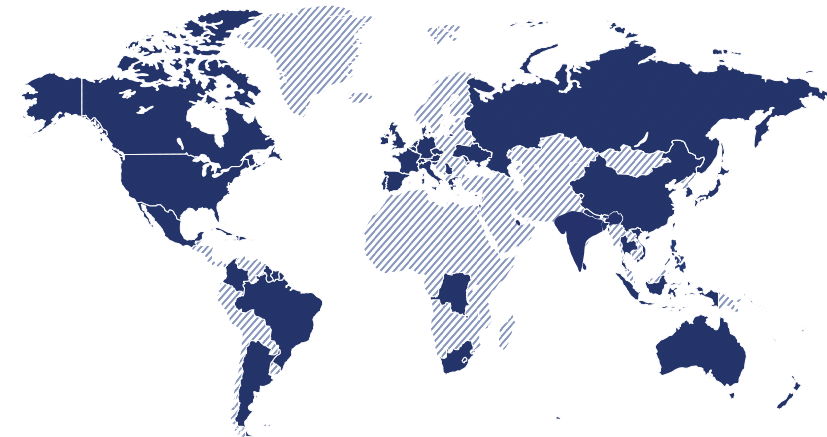
Nhờ những ưu việt về đặc tính sản phẩm, sản phẩm đá thạch anh VICOSTONE® không chỉ bền đẹp, mà còn sản phẩm thân thiện với môi trường, an toàn cho người dùng có thể đáp ứng những yêu cầu khắt khe của các tổ chức uy tín trên thế giới và được cấp chứng chỉ quốc tế như:

- **Chứng chỉ NSF (National Sanitation Foundation)** do Tổ chức An toàn Thực phẩm Hoa kỳ NSF International (NSF International) cấp, công nhận sản phẩm của Công ty an toàn để sử dụng trong phòng thí nghiệm, cơ sở y tế và môi trường chuẩn bị thực phẩm;
- **Chứng chỉ Greenguard và Greenguard Gold** do Tổ chức Vật liệu Xanh Thế giới (Greenguard Environmental Institute) cấp, chứng nhận sản phẩm của Công ty an toàn cho môi trường không khí trong nhà, an toàn đối với trẻ em;
- **Chứng chỉ CE (EN 15285: 2008 và EN 15286:2013)** do Tổ chức SGS tại Vương Quốc Anh cấp, chứng nhận sản phẩm của Công ty đạt các tiêu chuẩn Châu Âu về chỉ số cơ lý tính như: Kích thước, độ bền, chống thấm nước, chống mài mòn...;
- **Chứng chỉ Microbial Resistant** do Tổ chức Vật liệu Xanh Thế giới (Greenguard Environmental Institute) cấp, chứng nhận sản phẩm của Công ty là loại vật liệu không bị nhiễm khuẩn, chống vi khuẩn sinh sống trên bề mặt, đảm bảo an toàn cho người sử dụng và môi trường;
- **Chứng chỉ Declare** do Tổ chức Viện Quốc tế cuộc sống tương lai (International Living Future Institute) cung cấp các thông tin minh bạch về nguồn gốc và thành phần cấu tạo lên sản phẩm, công nhận VICOSTONE® an toàn cho các dự án xây dựng;
- **Chứng chỉ EPD (Environmental Product Declaration)** do SCS Global service cấp, công nhận sản phẩm VICOSTONE® là vật liệu xây dựng an toàn với môi trường;
- **Chứng chỉ HPD (Health Product Declaration)** do SCS Global service cấp, chứng nhận sản phẩm Vicotone là vật liệu xây dựng an toàn vì sức khỏe của con người và của cộng đồng.



Thị trường

Vicostone là một trong những nhà sản xuất đá thạch anh hàng đầu trên thế giới, với sản phẩm được xuất khẩu tại hơn 40 quốc gia ở khắp 5 châu lục.



Thị trường xuất khẩu sản phẩm của CTCP Vicostone

| | | | | | | | |
|-----------|----------|-----------|-----------|---------------|-----------|--------------|----------------------------|
| Argentina | China | Estonia | India | Lebanon | Portugal | South Africa | Thai Lan |
| Australia | Colombia | Fui | Indonesia | Liechtenstein | Qatar | South Korea | Ukraine |
| Belgium | Congo | France | Ireland | Mexico | Russia | Spain | United States |
| Brazil | Cyprus | Germany | Israel | New Caledonia | Singapore | Srilanka | United Arab Emirates (UAE) |
| Brunei | Czech | Greece | Italy | New Zealand | Serbia | Taiwan | |
| Canada | England | Hong Kong | Japan | Phillipine | Slovenia | | |

Doanh thu của Vicostone chủ yếu đến từ hoạt động xuất khẩu, trong đó doanh thu đến từ thị trường chủ lực như Bắc Âu, Úc, Châu Âu chiếm 98,08% tổng doanh thu xuất khẩu. Trong hai năm trở lại đây, Vicostone đang bắt đầu thuận lợi để gia tăng thị phần tại thị trường nước ngoài, đặc biệt tại thị trường Bắc Mỹ trong thời điểm cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung đang diễn ra hết sức căng thẳng.

Tại thị trường Bắc Mỹ, dưới sự hỗ trợ từ Tập đoàn Phenikaa, bên cạnh hệ thống bán hàng rộng khắp qua các đối tác phân phối, công ty đã đầu tư hiệu quả hệ thống phân phối trực tiếp dưới thương hiệu VICOSTONE® với 08 trung tâm phân phối, trong đó, Mỹ có 04 trung tâm, Canada có 04 trung tâm.

2018 - 2019 là giai đoạn thị trường Mỹ có nhiều biến động từ cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và các vụ kiện chống bán phá giá và chống trợ cấp với sản phẩm đá thạch anh từ Trung Quốc, Ấn Độ và Thổ Nhĩ Kỳ. Với định hướng trọng tâm “Chủ động thích ứng để phát triển bền vững”, Vicostone đã chủ động nắm bắt cơ hội, đẩy mạnh hoạt động kinh doanh tại thị trường Mỹ, đóng góp một phần quan trọng đưa Việt Nam vươn lên trở thành một trong các nước xuất khẩu chính sản phẩm Quartz Surfaces vào Mỹ. Cụ thể, sản lượng Quartz Surfaces nhập khẩu vào Mỹ 11 tháng năm 2019 của Việt Nam tăng gấp ba lần so với năm 2018 (theo số liệu của USITC - Tổng cục Hải quan Mỹ). Đây cũng là những tiền đề quan trọng để Vicostone tiếp tục mở rộng hệ thống phân phối trực tiếp tại Mỹ nói riêng và khu vực Bắc Mỹ nói chung trong những năm tới.

Tại thị trường Việt Nam, sau hai năm tập trung đầu tư bài bản vào các hoạt động marketing truyền thông tích hợp, Vicostone đã tăng cường mức độ nhận diện thương hiệu, tạo dựng được niềm tin và dần trở thành lựa chọn hàng đầu của người tiêu dùng trong nước. Cùng với những khởi sắc của nền kinh tế nói chung và ngành xây dựng, bất động sản nói riêng trong năm 2019, tình hình kinh doanh của Vicostone tại thị trường Việt Nam đã có bước tăng trưởng ấn tượng, khẳng định vị thế là thương hiệu đá thạch anh số 1 tại Việt Nam.

02

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

56 Tình hình thị trường năm 2019 và Triển vọng năm 2020

64 Tình hình hoạt động Công ty năm 2019



TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG 2019 VÀ TRIỂN VỌNG 2020

I Tình hình thị trường năm 2019

1. Tình hình kinh tế chính trị năm 2019

Tình hình kinh tế và chính trị thế giới năm 2019 có nhiều biến động phức tạp. Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc, căng thẳng giao thương Nhật Bản - Hàn Quốc, tiến trình Brexit bế tắc, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) liên tục giảm lãi suất cơ bản, giá dầu biến động... gây ra những tác động sâu rộng và nhiều chiều đến kinh tế thế giới. So với dự báo đầu năm 2019, hầu hết các số liệu của Ngân hàng Thế giới (WB), Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) đều cho thấy tăng trưởng của nền kinh tế thế giới trong năm 2019 giảm, chỉ ở mức khoảng 3%¹, mức thấp nhất kể từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008 và thấp hơn đáng kể so với mức trung bình 3,83% trong giai đoạn 2010 - 2018².

Suy thoái trong hoạt động kinh tế diễn ra trên diện rộng với xu hướng tăng trưởng chậm lại ở hầu hết các nền kinh tế lớn. Theo ước tính của Liên Hiệp Quốc, khoảng 2/3 các quốc gia trên thế giới có tốc độ tăng trưởng GDP năm 2019 thấp hơn năm 2018. Tốc độ tăng trưởng GDP chậm lại ở các nước phát triển và đang phát triển trong năm 2019 chủ yếu là do các hoạt động thương mại bị suy yếu và đầu tư trong nước giảm. Cùng với đó là sự suy yếu trong sản xuất công nghiệp với chỉ số quản lý mua hàng sản xuất toàn cầu (PMI) giảm xuống mức thấp nhất kể từ năm 2012. Tuy nhiên, tiêu dùng cá nhân vẫn duy trì ở mức tương đối tốt ở hầu hết các quốc gia trong năm 2019 nhờ thị trường lao động vững chắc và mức lạm phát khiêm tốn.

¹<https://www.imf.org/en/Publications/WEO>

²<https://www.un.org/development/desa/dpad/publication/world-economic-situation-and-prospects-2020/>

Trong bối cảnh kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại, kinh tế Việt Nam năm 2019 lại có một năm khởi sắc. Theo số liệu từ tổng cục thống kê, GDP cả năm 2019 tăng 7,02% vượt chỉ tiêu Quốc hội giao trong khoảng từ 6,6 - 6,8%, dù thấp hơn năm 2018 (7,08%) nhưng là năm thứ 2 liên tiếp đạt trên 7%. Việt Nam cũng là nước có mức tăng trưởng GDP dẫn đầu khu vực ASEAN. Động lực chính của tăng trưởng kinh tế năm nay tiếp tục là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (tăng 11,29%) và các ngành dịch vụ thị trường. CPI bình quân năm 2019 của Việt Nam chỉ tăng 2,79% so với bình quân năm 2018, dưới mục tiêu Quốc hội đề ra và là mức tăng bình quân năm thấp nhất trong 3 năm qua³. Năm 2019 cũng là năm thứ hai liên tiếp, toàn bộ 12/12 chỉ tiêu phát triển Kinh tế - Xã hội của Quốc hội đặt ra đều vượt kế hoạch. Đây là tiền đề cho sự phát triển kinh tế của Việt Nam trong năm 2020 và những năm tới.

Trong những năm qua, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng về phát triển kinh tế nhờ vào việc đẩy mạnh mở cửa, hội nhập kinh tế thế giới, tích cực tham gia mạng lưới các hiệp định thương mại tự do đa tầng nấc. Năm 2019, Việt Nam có 05 hiệp định thương mại được ký kết/chính thức có hiệu lực bao gồm:

- 1 Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu EU (EVFTA) kí ngày 30/06/2019;
- 2 Hiệp định Thương mại Việt Nam - Cuba kí ngày 09/11/2019;
- 3 Hiệp định Thương mại hàng hóa giữa ASEAN và Hong Kong (AHKFTA) kí năm 2017, chính thức có hiệu lực vào ngày 16/05/2019;
- 4 Bản thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương giữa Việt Nam - Campuchia kí ngày 26/02/2019;
- 5 Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CP TPP) chính thức có hiệu lực với Việt Nam từ ngày 14/01/2019.

Việc ký kết và tham gia các hiệp định thương mại sẽ có tác động lớn đến nền kinh tế Việt Nam thông qua việc mở rộng thị trường xuất nhập khẩu, theo đó, kim ngạch xuất nhập khẩu sang các nước đối tác sẽ tăng, củng cố thị trường truyền thống, khơi thông nhiều thị trường tiềm năng trên cơ sở thúc đẩy quan hệ với các đối tác chiến lược kinh tế quan trọng.

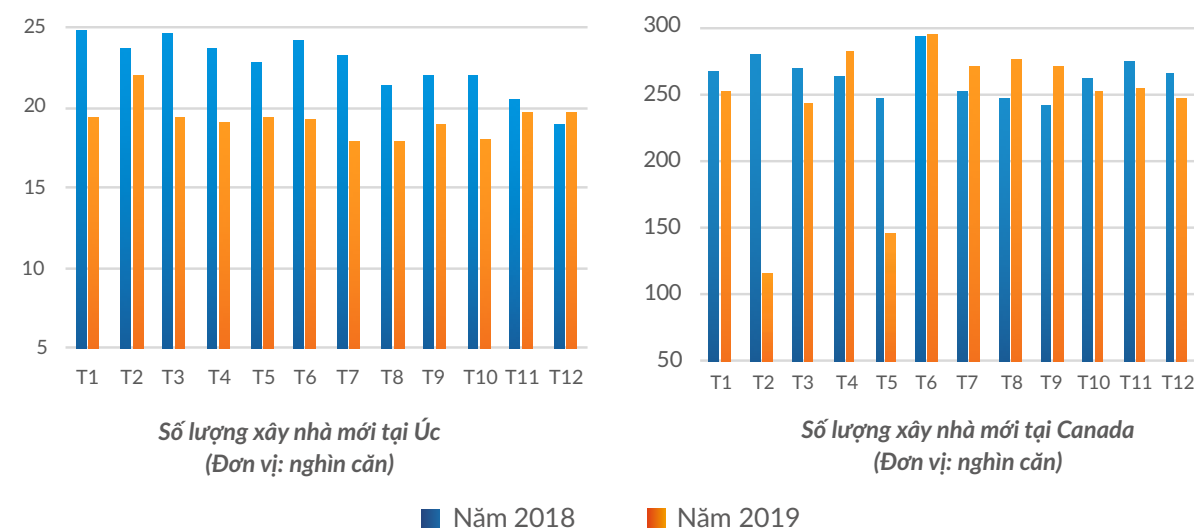
³<https://baodautu.vn/lam-phat-nam-2019-la-279-thap-nhat-trong-3-nam-d113705.html>

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG 2019 VÀ TRIỂN VỌNG 2020 (Tiếp)

2. Thị trường xây dựng năm 2019

Tình hình kinh tế 2019 với nhiều biến động đã tác động không nhỏ đến thị trường xây dựng toàn cầu. Sự suy giảm từ thị trường xây dựng của các nền kinh tế lớn và sự tăng trưởng thấp so với kỳ vọng của các quốc gia mới nổi như khu vực Trung Đông, Nam – Đông Á... đã kéo sự tăng trưởng thị trường toàn cầu xuống mức 2,7% trong năm 2019 - mức thấp nhất trong một thập kỷ vừa qua, theo GlobalData, một công ty phân tích và dữ liệu hàng đầu thế giới⁴.

Tại các thị trường trọng điểm của Vicostone, tình hình thị trường xây dựng đều khá ảm đạm. Thị trường xây dựng Mỹ năm 2019 giảm 3,7% so với năm 2018 do ảnh hưởng từ sự bất ổn thị trường, các chỉ số kinh tế không đạt như kỳ vọng và chiến tranh thương mại Mỹ - Trung⁵. Số lượng nhà xây mới tại Canada năm 2019 đạt 2,3 triệu căn, giảm 10% so với con số năm 2018. Con số này còn xuống mức 20% tại thị trường Úc khi số lượng xây dựng mới năm 2019 chỉ còn 170 ngàn căn, so với con số 212 ngàn căn của năm 2018.



Ngược lại, thị trường xây dựng Việt Nam lại là một điểm sáng trong năm 2019 khi tốc độ tăng trưởng của toàn ngành đạt 9 - 9,2%⁶. Dự kiến ngành này sẽ tiếp tục có tín hiệu khả quan, tăng trưởng tốt trong năm 2020 bởi hàng loạt chính sách liên quan, hay quy hoạch từng phân khúc từng thị trường đã hợp lý hơn. Ngoài ra, Luật Nhà ở hiện hành cho phép cá nhân và doanh nghiệp nước ngoài sở hữu nhà tại Việt Nam và nhu cầu văn phòng đang tăng mạnh mẽ tại các thành phố lớn, cũng khiến thị trường xây dựng nhộn nhịp hơn hẳn trong năm 2019. Tuy nhiên, lĩnh vực bất động sản lại không được khả quan như vậy. Mặc dù đã kiểm soát tốt, không để xuất hiện hiện tượng “bong bóng bất động sản” và vẫn còn trong chu kỳ phục hồi, tăng trưởng nhưng thị trường nhà ở tại các thành phố lớn đã có dấu hiệu sụt giảm cả về nguồn cung dự án, nguồn cung sản phẩm nhà ở và số lượng giao dịch.

⁴<https://www.globaldata.com/global-construction-output-growth-will-decline-to-2-7-in-2019/>

⁵ <https://ccorpinsights.com/summary/>

⁶<http://baohinhphu.vn/Hoat-dong-Bo-nganh/Toc-do-tang-truong-nganh-xay-dung-nam-2019-dat-tu-992/383622.vgp>

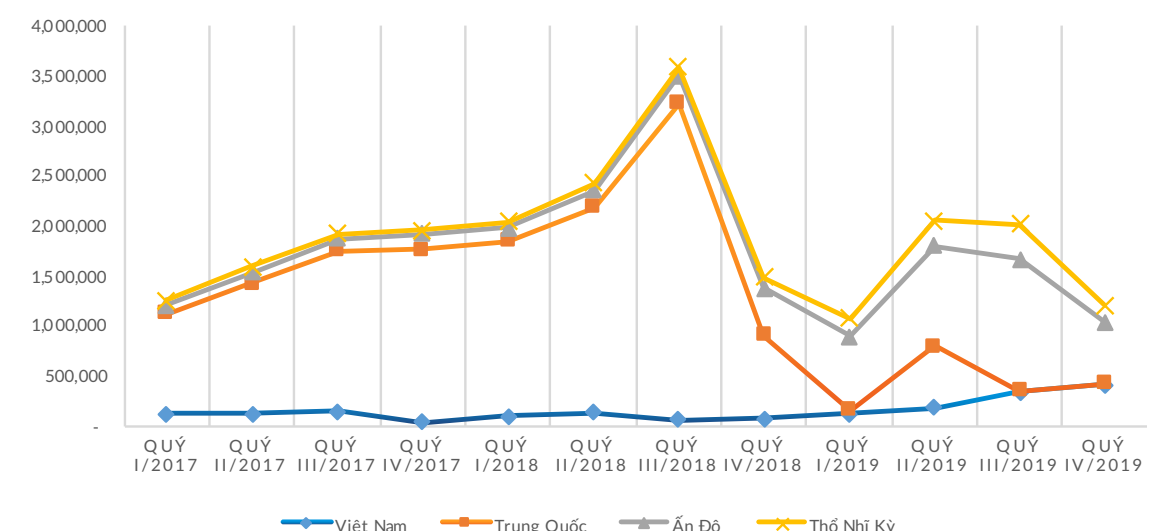


Sản phẩm đá thạch anh Vicostone Ultrathin - BQ5290

3. Điểm đáng chú ý của thị trường ngành đá thạch anh năm 2019

Vụ kiện chống bán phá giá và chống trợ cấp đối với sản phẩm đá thạch anh của Trung Quốc, Ấn Độ và Thổ Nhĩ Kỳ vào thị trường Mỹ đã gây nhiều biến động cho thị trường ngành trong năm 2019. Cụ thể, ngày 15/05/2019, Bộ Thương mại Mỹ đã công bố kết quả cuối cùng về thuế chống phá giá và chống trợ cấp với sản phẩm Quartz Trung Quốc, theo đó thuế bán phá giá toàn ngành là 336,69% và thuế chống trợ cấp là 45,32%. Mức thuế cao như vậy đã khiến sản phẩm Trung Quốc “lao đao” tại thị trường Mỹ trong khi đây là thị trường xuất khẩu lớn nhất của đá thạch anh Trung Quốc trong suốt những năm qua.

Ngày 05/12/2019, USITA (US International Trade Administration) công bố kết quả sơ bộ thuế chống trợ cấp và thuế chống bán phá giá với sản phẩm đá thạch anh của Ấn Độ và Thổ Nhĩ Kỳ vào Mỹ. Theo đó, tổng mức thuế sản phẩm đá thạch anh của Ấn Độ và Thổ Nhĩ Kỳ dự tính lần lượt là 83,79% và 8,67%. Cuộc điều tra vẫn chưa đi đến kết luận cuối cùng nhưng số liệu nhập khẩu đá thạch anh từ Ấn Độ vào Mỹ trong tháng 12/2019 đã bắt đầu sụt giảm mạnh.



Số liệu nhập khẩu đá thạch anh vào Mỹ theo quý giai đoạn 2017-2019 (m²)

Sự sụt giảm của đá thạch anh Trung Quốc, Ấn Độ tại thị trường Mỹ đã tạo lên một “khoảng trống” mở ra cơ hội tăng trưởng cho các nhà cung cấp khác. Với tinh thần “Thích ứng nhanh, chuyển đổi kịp thời”, Vicostone đã nắm bắt được cơ hội để có những bước tăng trưởng tốt trong năm 2019, đặc biệt tại thị trường Mỹ.

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG 2019 VÀ TRIỂN VỌNG 2020 (Tiếp)



Triển vọng thị trường năm 2020

1. Triển vọng kinh tế thế giới năm 2020

Tăng trưởng toàn cầu được dự báo sẽ tăng lên 3,3% vào năm 2020, thấp hơn so với các mức dự báo trước đây do những tín hiệu tiêu cực đối với hoạt động kinh tế ở một vài nền kinh tế mới nổi bao gồm Brazil, Ấn Độ, Mexico, Nga và Thổ Nhĩ Kỳ. Tuy nhiên, xét trên mặt tích cực, tâm lý thị trường đã và đang được củng cố với những dấu hiệu cho thấy hoạt động sản xuất và giao thương toàn cầu đang chậm dần, chính sách tiền tệ trong vấn đề nhà ở thay đổi mạnh, cuộc đàm phán thương mại giữa Mỹ và Trung đạt thỏa thuận giai đoạn 1, Brexit hứa hẹn sẽ đi đến được các thỏa thuận... Mặc dù vậy, những triển vọng này vẫn chưa được thể hiện cụ thể ở các số liệu kinh tế vĩ mô⁷.

Tại Mỹ, tốc độ tăng trưởng dự kiến đạt khoảng 2% vào năm 2020⁸. Khu vực đồng tiền chung châu Âu dự kiến tăng trưởng ở mức 1,3% với Pháp và Ý không thay đổi, Đức giảm nhẹ do hoạt động sản xuất không phát triển, và Tây Ban Nha dự kiến kinh tế giảm do nhu cầu nội địa và hoạt động xuất khẩu giảm. Goldman Sachs dự báo châu Á sẽ tăng trưởng ở mức khoảng 4,7 - 4,9% vào năm 2020 nhờ sự suy giảm căng thẳng thương mại và nới lỏng các điều kiện tài chính⁹.

Những tháng đầu năm 2019, nền kinh tế toàn cầu đang bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virus Corona (Covid-19) gây ra. Trong đó, Trung Quốc - nền kinh tế lớn thứ hai thế giới, đang bị ảnh hưởng nghiêm trọng, ít nhất trong nửa đầu năm 2020. Các chuyên gia kinh tế dự báo, tăng trưởng GDP của quốc gia tỉ dân này sẽ thấp hơn từ 0 - 5,5% so với mức kỳ vọng 5,9% của chính phủ Trung Quốc¹⁰. Các chuyên gia cũng đã đưa ra dự đoán dịch bệnh bùng phát sẽ hạ tăng trưởng

kinh tế toàn cầu xuống 0,2 - 0,3%. Tuy nhiên, với tình hình dịch bệnh tiếp tục bùng phát tại các quốc gia như Hàn Quốc, Italia, Mỹ... như hiện nay, vẫn còn quá sớm để đánh giá về các hệ quả của dịch bệnh viêm phổi Covid-19 đối với nền kinh tế toàn cầu. Con số này có thể vượt qua mức 0,2 - 0,3% như đã được dự báo và tùy thuộc vào khả năng kiểm soát dịch bệnh của các nước. Theo nghiên cứu của Ngân hàng thế giới (World Bank), một đợt đại dịch nghiêm trọng có thể xóa sạch gần 5% GDP toàn cầu, tương ứng với hơn 3.000 tỉ USD, trong khi các đợt dịch nhỏ hơn, chẳng hạn như đợt cúm năm 2009 có thể giảm 0,5% GDP toàn cầu.

Kinh tế Việt Nam bước vào năm 2020 với một nền tảng vững chắc nhưng dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virus corona (Covid-19) có thể là một yếu tố bất lợi. Tháng 11/2019, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020, theo đó tăng trưởng GDP đạt 6,8%; CPI bình quân dưới 4%. Tuy nhiên, theo tính toán sơ bộ bước đầu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tăng trưởng kinh tế cả năm 2020 còn phụ thuộc vào diễn biến tiếp theo và khả năng khống chế dịch Covid-19. Do vậy, kinh tế Việt Nam năm 2020 có thể giảm từ 0,5% đến gần 1% so với mục tiêu đề ra là 6,8%¹¹. Trong năm 2020, Việt Nam chính thức đảm nhận vai trò Chủ tịch ASEAN và Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc. Đây là cơ hội để tận dụng nhiều cơ hội nhằm thúc đẩy dòng vốn FDI từ nước ngoài vào Việt Nam. Sự phát triển và hội nhập của Việt Nam vào cộng đồng kinh tế ASEAN cũng như thế giới ngày càng sâu sắc hơn.

⁷<https://www.imf.org/en/Publications/WEO/Issues/2020/01/20/weo-update-january2020>

⁸<https://www.imf.org/en/Publications/WEO/Issues/2020/01/20/weo-update-january2020>

⁹<https://www.goldmansachs.com/insights/pages/asia-outlook-2020.html>

¹⁰<https://forbesvietnam.com.vn/tin-cap-nhat/tang-truong-kinh-te-toan-cau-2020-se-giam-03-vi-dich-benh-covid19-9249.html>

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG 2019 VÀ TRIỂN VỌNG 2020 (Tiếp)

2. Thị trường xây dựng năm 2020

Ngành xây dựng thế giới nói chung vẫn đang trong thời gian hồi phục. Theo dự báo của GlobalData, cứ theo đà này, ngành xây dựng sẽ tăng trưởng khoảng 3% năm 2020, cao hơn con số 2,7% của năm 2019. Phần lớn sự tăng trưởng này được tập trung và có ảnh hưởng nhiều nhất là các thị trường của Hoa Kỳ, Trung Quốc và Ấn Độ. Do cuộc cạnh tranh khốc liệt hiện nay của thị trường vốn từ Trung Quốc, các nước châu Á là mục tiêu hấp dẫn cho các nhà đầu tư. Trong khi đó, các công ty xây dựng châu Âu và Mỹ chuyển trọng tâm của họ tới thị trường châu Phi và Trung Đông.

Tại thị trường Việt Nam, hành lang pháp lý cho thị trường bất động sản đang ngày càng hoàn thiện theo hướng phát triển ổn định, bền vững. Do đó, năm 2020, thị trường sẽ tiếp tục phát triển ổn định, không có nguy cơ xảy ra “bong bóng bất động sản”; nhà đầu tư nước ngoài sẽ tiếp tục tìm kiếm cơ hội và đổ mạnh đầu tư vào thị trường bất động sản Việt Nam. Ngoài ra, sự tăng trưởng mạnh của ngành du lịch trong những năm gần đây đã thúc đẩy thị trường bất động sản nghỉ dưỡng tăng mạnh. Điều này sẽ tạo cơ hội tăng trưởng cho các sản phẩm cao cấp như Vicostone.



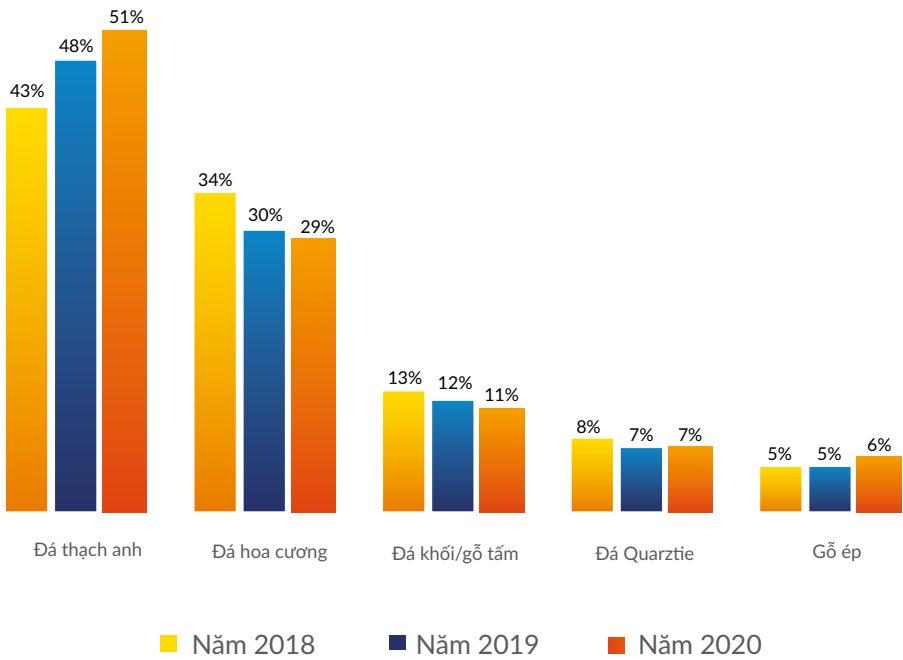
Sản phẩm đá thạch anh Vicostone Greylac - BQ8738

3. Dự báo thị trường ngành đá thạch anh năm 2020

Theo báo cáo về thị trường vật liệu bề mặt toàn cầu năm 2019 của Freedonia (một công ty nghiên cứu thị trường tại Mỹ đã có nhiều năm kinh nghiệm và báo cáo về ngành vật liệu bề mặt), thị trường vật liệu bề mặt toàn cầu ước tính đạt gần 500 triệu m² vào năm 2020 và dự báo sẽ đạt 540 triệu m² vào năm 2023 với tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm trong giai đoạn này đạt 2,6%/năm. Sự tăng trưởng này được dự báo là do tác động của nhiều yếu tố như thu nhập của người dân tăng dẫn tới nhu cầu xây sửa tăng; ngân sách chính phủ dành cho các dự án cải tạo, trong đó có sử dụng vật liệu bề mặt tăng cao; và nhu cầu xây dựng các công trình phi dân dụng như khách sạn, trường học, bệnh viện... tăng, đặc biệt ở khu vực châu Á Thái Bình Dương.

Báo cáo của Freedonia cho biết hiện đang có sự chuyển dịch mạnh mẽ từ việc sử dụng các vật liệu truyền thống như gỗ ép, nhựa tổng hợp, đá tự nhiên... sang sản phẩm đá thạch anh bởi độ bền và độ phong phú trong mẫu mã của sản phẩm này. Nhờ vậy, trong các loại vật liệu bề mặt, đá thạch anh được dự báo là vật liệu có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất trong thời gian sắp tới.

Theo báo cáo nghiên cứu mới nhất của tạp chí Houzz – Mỹ về xu hướng năm 2020 (khảo sát trên 2.598 gia đình đã và đang có ý định xây sửa nhà), đá thạch anh tiếp tục là vật liệu được lựa chọn/ưu tiên nhiều nhất trong các vật liệu bề mặt.



Biểu đồ mức sử dụng các loại vật liệu bề mặt

Điều này mở ra cơ hội phát triển cho các nhà sản xuất đá thạch anh nói chung và Vicostone nói riêng. Tiếp đà phát triển mạnh của năm 2019, Vicostone sẽ tiếp tục thích ứng nhanh, chuyển đổi kịp thời để có những bước đột phá mới trong năm 2020.

¹¹<https://congthuong.vn/tac-dong-cua-dich-covid-19-doi-voi-nen-kinh-te-trong-thach-thuc-co-co-hoi-132710.html>

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 2019



Tổng quan tình hình hoạt động 2019

1. Báo cáo kết quả thực hiện so với kế hoạch và so với năm trước liền kề

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Thực hiện 2018 | Kế hoạch 2019 | Thực hiện 2019 | % thực hiện 2019 so với kế hoạch | (%) Tăng trưởng 2019 so với năm 2018 |
|-----|---------------------------|-------------|----------------|---------------|----------------|----------------------------------|--------------------------------------|
| 1 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 4.564,50 | 5.309,89 | 5.590,55 | 105,29% | 22,48% |
| 2 | Tổng lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 1.318,51 | 1.564,63 | 1.652,66 | 105,63% | 25,34% |

2. Hoạt động sản xuất kinh doanh

2.1. Kết quả chỉ tiêu chính về SXKD

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Thực hiện 2017 | Thực hiện 2018 | Thực hiện 2019 | (%) Tăng/giảm 2019 so với 2018 |
|-----|-----------------------------------|-------------|----------------|----------------|----------------|--------------------------------|
| 1 | Tổng giá trị SXKD | Tr.đồng | 1.993.499 | 2.453.366 | 2.758.537 | 12,44% |
| 2 | Kim ngạch XNK hàng hóa | Tr.USD | 186,90 | 204,63 | 224,46 | 9,69% |
| | Trong đó: | | | | | |
| | Giá trị kim ngạch nhập khẩu | Tr.USD | 47,73 | 64,38 | 42,21 | (34,43%) |
| | Giá trị kim ngạch xuất khẩu | Tr.USD | 139,17 | 140,25 | 182,25 | 29,95% |
| 3 | Tổng doanh thu | Tr.đồng | 4.408.080 | 4.564.503 | 5.590.552 | 22,48% |
| 4 | Tổng lợi nhuận trước thuế | Tr.đồng | 1.125.012 | 1.318.511 | 1.652.663 | 25,34% |
| 5 | Tổng lợi nhuận sau thuế | Tr.đồng | 1.121.778 | 1.123.544 | 1.410.115 | 25,51% |
| 6 | Nộp ngân sách Nhà nước: số đã nộp | Tr.đồng | 172.137 | 234.104 | 365.572 | 56,16% |
| 7 | Khấu hao Tài sản cố định | Tr.đồng | 69.627 | 73.429 | 103.979 | 41,61% |
| 8 | Vốn chủ sở hữu có đến cuối kỳ | Tr.đồng | 2.395.890 | 2.730.553 | 3.448.686 | 26,30% |
| 9 | Đầu tư xây dựng cơ bản | Tr.đồng | 62.746 | 151.733 | 50.651 | (66,62%) |
| 10 | Lao động & Tiền lương | | | | | |
| | Lao động có đến cuối kỳ báo cáo | Người | 640 | 682 | 832 | 21,99% |
| | Thu nhập bình quân người/tháng | 1.000 đ | 17.020 | 18.678 | 21.073 | 12,82% |

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán)

Với sự quyết liệt trong chỉ đạo và điều hành của Ban Lãnh đạo Công ty, khả năng quản trị rủi ro, chủ động trước những thay đổi và sự nỗ lực không ngừng của đội ngũ CBCNV, mặc dù tình hình kinh tế toàn cầu năm 2019 có nhiều biến động bất ổn, Vicostone đã hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra, đưa công ty tiếp tục phát triển nhanh và bền vững:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2019 đạt 105,29% kế hoạch, tăng trưởng 22,48% so với năm 2018
- Lợi nhuận trước thuế đạt 105,63% kế hoạch đặt ra, tăng trưởng 25,34% so với năm 2018.

Những lý do chính tác động đến việc doanh thu và lợi nhuận trước thuế năm 2019 của Vicostone vượt kế hoạch:

- **Lý do khách quan:** Từ tháng 10/2018 trở đi, Mỹ áp thuế chống bán phá giá đối với sản phẩm đá thạch anh Trung Quốc khiến sản lượng nhập của Trung Quốc vào thị trường Mỹ giảm xuống. Đây là cơ hội tăng doanh thu tại thị trường Mỹ cho các Nhà xuất khẩu đá thạch anh từ các quốc gia khác, trong đó có Việt Nam.
- **Lý do chủ quan:** Nền tảng bền vững và sự chủ động trước những biến động của Vicostone, nổi bật là:
 - » Giá trị và uy tín thương hiệu: Trong năm qua, thương hiệu của Công ty tiếp tục được phát triển tại thị trường nội địa và quốc tế, trở thành một trong những lựa chọn hàng đầu của giới chuyên môn và người tiêu dùng. Đây là lợi thế cạnh tranh và điều kiện thuận lợi để Vicostone tăng doanh thu;
 - » Sức mạnh nội lực của Công ty tiếp tục được xây dựng và nâng cao về các mặt: Nhân lực, hệ thống, công nghệ, tài chính;
 - » Triển khai hiệu quả công tác quản trị, đặc biệt trong công tác quản trị rủi ro: nhận biết và quản trị rủi ro để sẵn sàng ứng phó kịp thời, đồng thời chủ động chuyển đổi với các giải pháp linh hoạt, nhạy bén để nắm bắt. Việc kiểm soát và cắt giảm chi phí cũng được triển khai trong mọi hoạt động của công ty thông qua các giải pháp áp dụng công nghệ, sáng tạo, đổi mới để đồng thời đảm bảo tiêu chuẩn trong mọi hoạt động với mức chi phí tối ưu.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 2019 (Tiếp)

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Chỉ tiêu | Năm 2017 | Năm 2018 | Năm 2019 |
|---|----------|----------|----------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn: | | | |
| TSLĐ/Nợ ngắn hạn | 2,33 | 2,27 | 2,37 |
| Hệ số thanh toán nhanh: | | | |
| (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn | 1,26 | 1,08 | 1,35 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản | 0,37 | 0,38 | 0,38 |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 0,59 | 0,61 | 0,62 |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| Số ngày hàng tồn kho: | | | |
| 360*Hàng tồn kho bình quân/Giá vốn hàng bán | 173 | 208 | 192 |
| Số ngày phải thu tiền bán hàng | | | |
| 360*(Khoản phải thu bình quân - Người mua trả tiền trước bình quân)/Doanh thu thuần | 65 | 84 | 100 |
| Số ngày phải trả cho người bán | | | |
| 360*(Khoản phải trả bình quân - Ứng trước cho người bán bình quân)/Giá vốn hàng bán | 54 | 41 | 31 |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản | 1,14 | 1,03 | 1,00 |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 0,26 | 0,25 | 0,25 |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | 0,47 | 0,41 | 0,41 |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | 0,29 | 0,26 | 0,25 |
| Hệ số Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | 0,26 | 0,29 | 0,30 |

Trong năm, Công ty không phát sinh các khoản nợ phải trả, phải thu xấu, tài sản xấu có khả năng ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh.

- 

Các chỉ số về khả năng thanh toán nợ ngắn hạn và khả năng thanh toán nhanh năm 2019 cao hơn so với năm 2018 do tốc độ tăng của tài sản ngắn hạn cao hơn so với tốc độ tăng của nợ ngắn hạn;
- 

Hệ số nợ/Tổng tài sản và Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu năm 2019 ổn định so với năm trước;
- 

Số ngày hàng tồn kho năm 2019 giảm 16 ngày so với năm 2018, do năm 2019 doanh thu tăng cao, Công ty đã giải phóng được một phần hàng tồn kho cũ;
- 

Số ngày phải thu tiền bán hàng năm 2019 tăng 19 ngày so với năm 2018, do doanh thu cuối năm tăng cao, dẫn tới số dư công nợ cuối năm 2019 tăng 55,18% so với cuối năm 2018. Các khách hàng được trả chậm đều là những khách hàng truyền thống, có năng lực tài chính tốt;
- 

Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần, Hệ số Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần, Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu năm 2019 tiếp tục được duy trì ở mức cao. Điều này thể hiện kết quả của công tác quản trị chi phí của Công ty;
- 

Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản năm 2019 thấp hơn so với năm 2018 do tốc độ tăng của lợi nhuận sau thuế thấp hơn so với tốc độ tăng của tổng tài sản.

Như vậy, hầu hết các chỉ số về khả năng thanh toán, khả năng sinh lời năm 2019 cao hơn so với năm 2018, thể hiện hiệu quả của công tác quản trị của Công ty.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 2019 (Tiếp)

3. Hoạt động kinh doanh tại các thị trường

Những biến động của nền kinh tế thế giới như chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc, Brexit... khiến tới GDP toàn cầu năm 2019 tăng trưởng ở mức thấp, chỉ đạt khoảng 3%, thấp hơn đáng kể so với mức trung bình 3,83% trong giai đoạn 2010 - 2018¹. Suy thoái trong hoạt động kinh tế diễn ra trên diện rộng với xu hướng tăng trưởng chậm lại ở hầu hết các nền kinh tế lớn, đặc biệt tại Mỹ, Úc, Canada, Trung Quốc, Anh... Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến thị trường xây dựng nói chung và nhu cầu sử dụng vật liệu bề mặt (countertop) nói riêng.

Tại Mỹ, tổng số lượng m² xuất khẩu đá thạch anh vào Mỹ 11 tháng đầu năm 2019 đạt 11,9 triệu m², giảm 8% so với cùng kỳ năm 2018. Tại Canada, số lượng nhà xây mới năm 2019 giảm 10,1% so với năm 2018. Con số này thậm chí lên tới gần 20% tại thị trường Úc, phần nào thể hiện được những khó khăn của thị trường xây dựng năm 2019².

Mặc dù tình hình thị trường năm 2019 đầy biến động và khó khăn, với sự chỉ đạo sáng suốt của Ban Lãnh đạo Vicostone, cùng với đội ngũ CBCNV vững chuyên môn và dày kinh nghiệm, luôn nỗ lực, đổi mới sáng tạo, tự tin và bản lĩnh trước những biến đổi, thích ứng nhanh và chủ động chuyển đổi, đón đầu cơ hội, Vicostone đã có những bước tăng trưởng tốt trong hoạt động kinh doanh. Doanh thu thuần năm 2019 từ hoạt động bán hàng của công ty đạt 5.563 tỷ đồng.



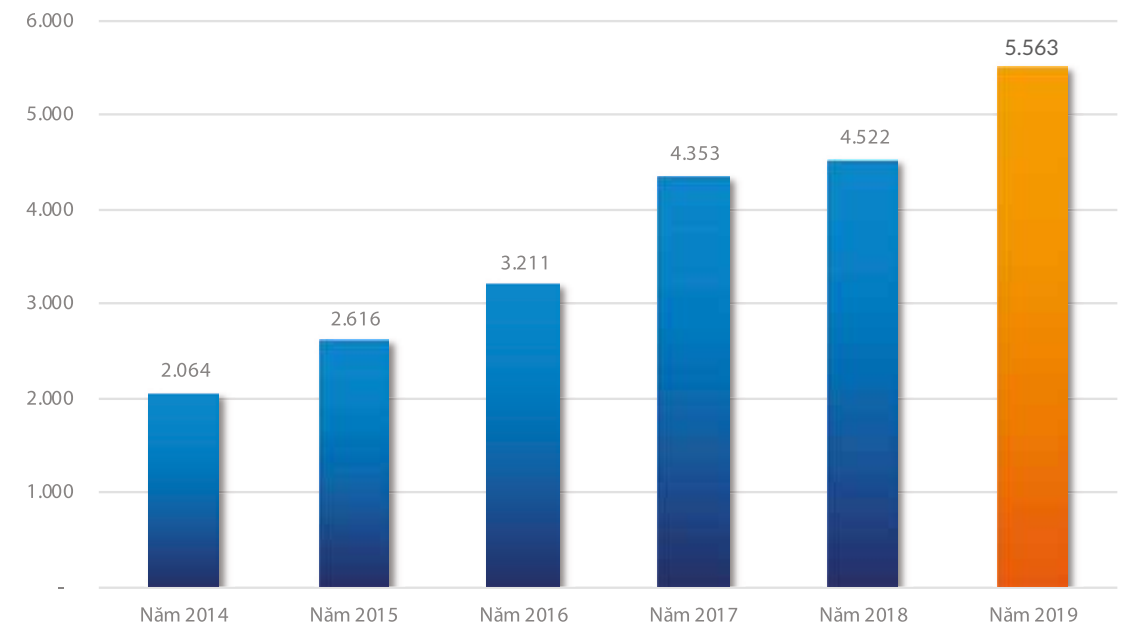
Gian hàng Vicostone tại Triển lãm IMM Cologne, Đức

¹ <https://www.un.org/development/desa/dpad/publication/world-economic-situation-and-prospects-2020/>

² Mỹ: <https://www.usitc.gov/>

Canada: <https://tradingeconomics.com/canada/housing-starts>

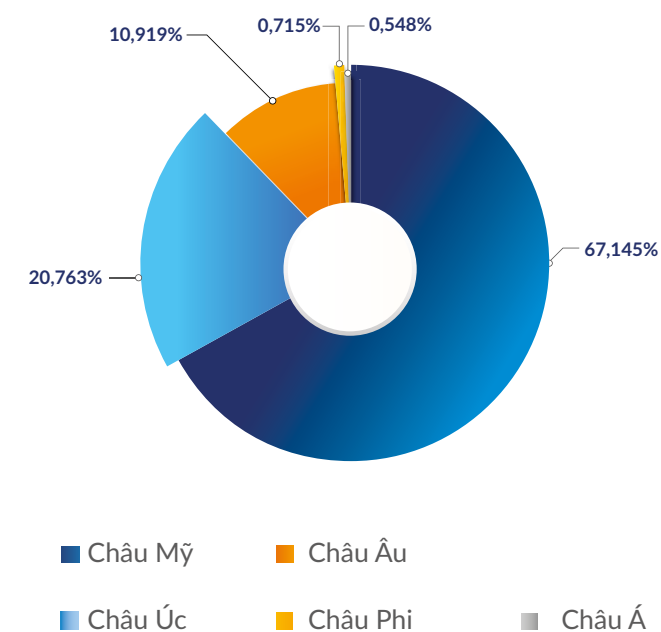
Úc: <https://www.abs.gov.au/ausstats/abs@.nsf/mf/8731.0>



Doanh thu thuần từ hoạt động bán hàng của Vicostone
(Đơn vị : Tỷ đồng)

3.1 Thị trường xuất khẩu

Doanh thu của Vicostone chủ yếu đến từ hoạt động xuất khẩu đá VICOSTONE®, trong đó tập trung vào các thị trường chính bao gồm Bắc Mỹ, Úc và châu Âu. Doanh thu từ các thị trường này chiếm tỷ trọng lên tới 98,08% tổng doanh thu xuất khẩu của Vicostone trong giai đoạn 2014 - 2019.



Cơ cấu doanh thu thị trường xuất khẩu của Vicostone năm 2014 - 2019

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 2019 (Tiếp)

Có thể thấy, thị trường xuất khẩu chủ lực của Vicostone đều là những thị trường có sức mua lớn, nhưng cũng rất khắt khe về chất lượng và mẫu mã sản phẩm, đồng thời tại các thị trường này cũng có rất nhiều đối thủ cạnh tranh có bề dày kinh nghiệm.

Năm 2019, trước những biến động của thị trường, Vicostone đã có những chiến thuật kinh doanh nhạy bén, linh hoạt và sáng tạo. Nhờ đó, Vicostone đã và đang xây dựng được vị thế với thị phần đáng kể tại các thị trường trọng điểm, cụ thể như sau:

- Tại thị trường Mỹ, sau hơn 10 năm thâm nhập và phát triển thị trường, Vicostone đã chiếm khoảng 7,5% thị phần (tính theo số liệu xuất khẩu của Vicostone và số liệu nhu cầu thị trường của tổ chức Freedonia). Điều này góp phần đưa Việt Nam vươn lên trở thành quốc gia xuất khẩu chính sản phẩm Quartz Surfaces vào Mỹ chỉ sau Ấn Độ và Tây Ban Nha;
- Tại Canada, mặc dù Vicostone xuất hiện trên thị trường khá muộn so với các nhà sản xuất khác (từ năm 2016), đến nay, sản phẩm VICOSTONE® Quartz Surfaces đã chiếm khoảng 5% cơ cấu thị trường đá thạch anh Canada (theo số liệu xuất khẩu của Vicostone và số liệu xuất nhập khẩu của Tổng cục Thống kê Canada);

Trong tình hình thị trường cạnh tranh gay gắt như hiện nay, với hàng trăm công ty sản xuất đá thạch anh đang xuất khẩu vào thị trường Bắc Mỹ, số liệu trên cho thấy kết quả hoạt động tích cực của Vicostone tại thị trường này;

Ngoài các thị trường trọng yếu, năm 2019, Công ty đã triển khai hoạt động phát triển kinh doanh tại một số thị trường mới tiềm năng như thị trường Brunei, Mexico, Các Tiểu vương quốc Ả rập Thống nhất (UAE)... Tiếp tục duy trì và phát triển tại các thị trường hiện có và mở rộng thị trường mới là cơ sở đảm bảo cho việc phát triển bền vững và hoàn thành mục tiêu kinh doanh đầy thách thức của Vicostone trong năm 2020.

Trải qua hơn 17 năm xây dựng và phát triển, Vicostone đã khẳng định được vị thế của mình trên thị trường quốc tế, trở thành một trong bốn công ty hàng đầu trên thế giới về công suất sản xuất đá thạch anh cao cấp sản xuất theo công nghệ Breton (Ý). Với nền tảng vững chắc về tài chính, năng lực sản xuất, nguồn lực con người, công nghệ... Vicostone đang từng bước hiện thực hóa tầm nhìn Trở thành Top 3 thương hiệu đá thạch anh trên Thế giới.

3.2 Thị trường nội địa

Năm 2019 tiếp tục là một năm thành công của Vicostone tại thị trường Việt Nam. Với các hoạt động truyền thông marketing tích hợp, hoạt động mở rộng thị trường, kiện toàn hệ thống phân phối... doanh thu bán hàng từ sản phẩm đá VICOSTONE® năm 2019 đã tăng gấp 3 lần so với con số của năm 2017 – thời điểm Vicostone chính thức quay lại chinh phục người tiêu dùng Việt sau khi “đem chuông đi đánh xứ người” thành công. Tốc độ tăng trưởng kép hàng năm trong giai đoạn này đạt 75,5%/năm - một con số tăng trưởng đầy ấn tượng.

Trong giai đoạn 2018 - 2019, Vicostone định hướng tập trung đẩy mạnh hoạt động quảng bá thương hiệu nhằm tăng độ nhận biết về thương hiệu VICOSTONE® và các đặc tính vượt trội của sản phẩm tại thị trường Việt Nam. Với mục tiêu trở thành thương hiệu số một Việt Nam về đá thạch anh cao cấp, một trong những dự án Marketing trọng điểm trong giai đoạn này là triển khai chiến dịch Truyền thông Marketing tích hợp (Integrated Marketing & Communication) bài bản nhằm chính thức đưa thương hiệu VICOSTONE® với những sản phẩm đã được tin tưởng lựa chọn cho nhiều công trình tại Mỹ, Canada, Úc, Châu Âu... tới người tiêu dùng Việt. Sau gần 2 năm triển khai chiến dịch IMC, từ một thương hiệu chưa được người tiêu dùng biết đến, Vicostone đã trở thành thương hiệu được nhận biết nhiều nhất trong ngành, góp phần vào sự tăng trưởng doanh thu của Vicostone tại thị trường Việt Nam.

Bên cạnh việc tăng mức độ nhận biết thương hiệu, trong giai đoạn 2018 - 2019, Công ty cũng đẩy mạnh việc xây dựng hệ thống văn phòng đại diện, hệ thống trưng bày sản phẩm và hệ thống đại lý phân phối tại các khu vực trọng điểm và có tiềm năng phát triển. Tính đến nay, Vicostone đã xây dựng được mạng lưới phân phối rộng khắp với gần 1.000 đại lý trên toàn quốc, tập trung nhiều nhất vào thị trường TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh. Để hỗ trợ tốt nhất cho hệ thống đại lý này, năm 2018, Vicostone đã xây dựng văn phòng đại diện và phòng trưng bày sản phẩm (showroom) của Công ty tại 4 thành phố lớn: Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Nha Trang. Ngoài ra, với sự đầu tư của Tập đoàn Phenikaa, nhà máy chế tác ở Đồng Nai đã đi vào hoạt động để đảm bảo cam kết “giao hàng nhanh nhất và tốt nhất” đến khách hàng.

Như vậy, với lợi thế sân nhà và chiến lược kinh doanh đúng đắn, chỉ sau 2 năm kể từ ngày ra mắt thương hiệu tại thị trường Việt Nam (Tháng 12/2017), Vicostone đã từng bước trở thành “Thương hiệu đá thạch anh số 1” tại thị trường nội địa. Đây được coi là thành công lớn của Vicostone, tạo tiền đề cho Công ty tiếp tục phát triển và có những định hướng đột phá để phục vụ tốt hơn người tiêu dùng Việt Nam.



Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc thăm quan gian hàng Vicostone tại triển lãm “Thành tựu 60 năm ngành Khoa học & Công nghệ”

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 2019 (Tiếp)

4. Hoạt động Marketing

Tham gia thực hiện chương trình Cafe Sáng trên kênh VTV3



52

Số Café Sáng trên VTV3 được phát sóng với sự xuất hiện của sản phẩm đá thạch anh VICOSTONE® trong mỗi số.

Chiến dịch: “Tết chất cùng Vicostone”

TRÊN 80.000

Số lượng tương tác thu được từ kết quả truyền thông chiến dịch “Tết chất cùng VICOSTONE”.



Chiến dịch: “Hạnh phúc”

GẦN 3.000.000
VIEW VIDEO VIRAL

GẦN 24.000
NGƯỜI THĂM QUAN GIAN HÀNG

GẦN 3.600.000
LƯỢT TIẾP CẬN



Chiến dịch “Hạnh phúc - True Happiness” nhằm tôn vinh giá trị hạnh phúc đích thực của cuộc sống. Thương hiệu đá thạch anh VICOSTONE® luôn đồng hành cùng khách hàng trong mọi khoảnh khắc của cuộc sống và góp phần tạo nên những không gian sống hạnh phúc cho khách hàng.

Chiến dịch bắt đầu với video “Hạnh phúc là gì” và kết thúc bằng sự kiện Truy tìm hạnh phúc tại TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 2019 (Tiếp)

FANPAGE "VICOSTONE VIETNAM"

TĂNG GẦN **1.000%**

Tăng gần 1.000% từ 5.000 lên gần 50.000 lượt theo dõi. Tăng trưởng vượt trội lượt người theo dõi trang fanpage "VICOSTONE Vietnam".

CÁC HOẠT ĐỘNG DÀNH CHO KIẾN TRÚC SƯ

15

Hoạt động dành cho Kiến Trúc sư, đưa thương hiệu VICOSTONE® tiếp cận sâu rộng hơn tới hơn 1.500 chuyên gia trong ngành.

TIN BÀI PR

GẦN **300**

Tin bài chủ động viết về VICOSTONE trên các báo điện tử và báo giấy.

FANPAGE DÀNH CHO KIẾN TRÚC SƯ

hơn **20.000**

lượt người theo dõi

Chiến dịch: "Bếp nhà trong mơ"

GẦN **38.000.000**
LƯỢT TIẾP CẬN

"Bếp nhà trong mơ" là sân chơi do Vicosotone và Báo điện tử VnExpress đồng tổ chức để các thí sinh chia sẻ thông điệp yêu thương với những người thân yêu; là nơi để các thí sinh có cơ hội làm mới căn bếp của mình, để căn bếp thực sự đúng nghĩa là nơi "giữ lửa" cho tổ ấm gia đình.

03 căn hộ đã được hiện thực hoá giấc mơ về một căn bếp hiện đại, tiện nghi với trị giá lên tới 300.000.000 VNĐ/căn.

Với sự tham gia của những người nổi tiếng: Diễn viên Lâm Vỹ Dạ, đạo diễn Hồng Ánh, chương trình đã thu hút sự quan tâm của hàng triệu người.



Clip TVC Chiến dịch "Thổi hồn vào đá"

GẦN **8.500.000**
VIEWS TRÊN DIGITAL

GẦN **19.000.000**
LƯỢT TIẾP CẬN TRÊN TRUYỀN HÌNH

Chiến dịch được truyền thông 360° trên các kênh media và đạt được kết quả truyền thông vượt kế hoạch đặt ra ở tất cả các kênh, đặc biệt là kênh Truyền hình.



Gian hàng Vicostone tại triển lãm Vietbuild 2019

3
TRIỂN LÃM

1.200
KHÁCH HÀNG QUAN TÂM
TỚI SẢN PHẨM VÀ ĐỂ LẠI
THÔNG TIN

GẦN **5.000**
LƯỢT THAM QUAN GIAN HÀNG

Gian hàng Vicostone tại Triển lãm Vietbuild 2019 - Triển lãm lớn nhất của ngành Xây dựng, vật liệu xây dựng và trang trí nội ngoại thất tại TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng.



Gian hàng Vicostone tại triển lãm VietBuild

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 2019 (Tiếp)



Series phim “Sự cân bằng hoàn hảo”



12

TẬP PHIM KIẾN TRÚC



12

TALK SHOWS



HƠN 2.000.000

LƯỢT TIẾP CẬN

Series phim “Sự Cân bằng hoàn hảo”.

Đây là series phim đầu tiên tại Việt Nam về các công trình nổi bật của các kiến trúc sư Việt Nam. Chương trình là nơi gặp gỡ các kiến trúc sư, nhà thiết kế hàng đầu Việt Nam. Người xem được trải nghiệm, lắng nghe và tương tác với các vị khách mời là các chuyên gia uy tín trong ngành để thấu hiểu quá trình sáng tạo, trăn trở với nghề và với tác phẩm của các kiến trúc sư tài hoa.



5. Các sự kiện nổi bật tại thị trường nước ngoài

Lựa chọn xuất khẩu sang các thị trường lớn và khó tính, Vicostone không ngừng nỗ lực tạo lập những bước đi vững chắc, khẳng định vị thế thương hiệu Việt trên trường quốc tế. Bên cạnh các hoạt động xây dựng và phát triển hệ thống phân phối và Marketing tại các thị trường này, việc tham gia các triển lãm quốc tế uy tín là một trong những kênh truyền thông và quảng bá thương hiệu VICOSTONE® hiệu quả.

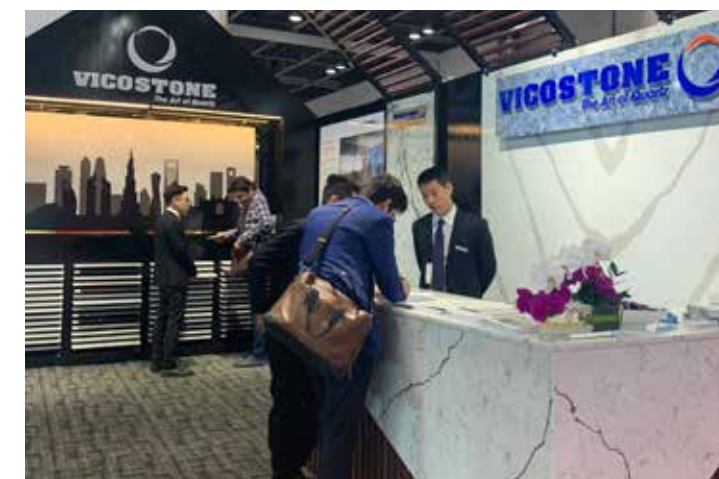
Tại Canada, Vicostone đã tham gia 4 triển lãm trong ngành bao gồm: Triển lãm Interior Design Show (IDS) tại Vancouver, Triển lãm IDS tại Toronto, Triển lãm Sidim-Salon Du Design tại thành phố Montreal và Triển lãm Quebec Expo Habitat tại thành phố Quebec. Tại các triển lãm này, Vicostone đã mang đến những dấu ấn riêng và tạo dựng được niềm tin đối với khách hàng quốc tế.



Gian hàng Vicostone tại triển lãm SIDIM - Salon du Design, thành phố Montreal, Canada

Tại Mỹ, Vicostone đã tham gia triển lãm KBIS – triển lãm lớn nhất trong ngành vào tháng 2 năm 2019 tại Las Vegas và nhận được các phản hồi tích cực cùng những đánh giá cao của giới chuyên gia và khách hàng, đặc biệt đối với dòng sản phẩm lấy cảm hứng từ dòng đá cẩm thạch tự nhiên. Triển lãm có sự góp mặt của đông đảo các đối tượng như kiến trúc sư, nhà phân phối, nhà chế tác...

Cùng với mục tiêu mở rộng thị trường và kênh phân phối, Vicostone đã giới thiệu gian hàng đầu tiên tại triển lãm Middle East Stone vào tháng 11 năm 2019 tại UAE. Tại đây, Vicostone đã tiếp cận được hàng trăm khách hàng đến từ nhiều nước khác nhau với những ý kiến đóng góp quan trọng, tạo tiền đề cho việc triển khai các hoạt động kinh doanh tại thị trường UAE nói riêng và Trung Đông nói chung trong năm 2020.



Gian hàng Vicostone tại triển lãm Dubai

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 2019 (Tiếp)



Tình hình thực hiện các dự án trọng điểm năm 2019

1. Dự án Cải tạo, nâng cấp dây chuyền mài số 1

Lý do đầu tư

Công ty xác định mục tiêu không ngừng nghiên cứu, tạo ra nhiều sản phẩm mới mang tính đột phá, yêu cầu cao về công đoạn hoàn thiện. Với mục tiêu phát huy tối đa công suất, không ngừng nâng cao chất lượng và kỹ thuật mài, Công ty tiến hành cải tạo, nâng cấp dây chuyền mài số 1.

Dây chuyền mài bóng sau khi đi vào hoạt động đã giúp tăng công suất của dây chuyền mài hiện tại, tăng khoảng 200.000m² sản phẩm/năm, có thể mài những sản phẩm khó, nâng cao chất lượng sản phẩm và năng lực sản xuất, giúp tăng doanh thu, đặc biệt là doanh thu từ các sản phẩm mới có giá trị gia tăng cao, đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững của Công ty.

| | |
|---|--|
| Tổng mức đầu tư được duyệt | 49 tỷ đồng |
| Nguồn vốn | Vốn tự có của Công ty |
| Mục tiêu đầu tư | Nâng cao năng lực sản xuất, tăng công suất dây chuyền mài, mài các sản phẩm khó, đáp ứng tiến độ giao hàng và nâng cao doanh thu |
| Thời gian thực hiện | Từ Quý I/2019 đến Quý IV/2019 |
| Địa điểm thực hiện | Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội. |
| Tình hình thực hiện | Đã hoàn thành việc cải tạo, nâng cấp dây chuyền mài Số 1 và đưa vào sử dụng. |
| Giá trị quyết toán vốn đầu tư hoàn thành của dự án khoảng | 32,7 tỷ đồng |

2. Dự án dây chuyền rung ép số 3

Lý do đầu tư

Với chiến lược tập trung phát triển các sản phẩm mới, độc đáo, hướng tới các sản phẩm công nghệ cao, Vicostone xác định việc cải tiến, nâng cấp các dây chuyền thiết bị, đặc biệt dây chuyền tạo hình rung ép là nhiệm vụ quan trọng.

Công ty tiến hành cải tiến công nghệ của Nhà máy sản xuất số 1 nhằm mục đích tăng hiệu quả tạo hình rung ép các sản phẩm mới, nâng cao khả năng tạo ra các sản phẩm kích thước khổ lớn như: jumbo, super jumbo là những sản phẩm Công ty sản xuất với số lượng lớn để cung cấp cho thị trường hiện nay.

| | |
|-------------------------|-----------------------------------|
| Tổng mức đầu tư dự kiến | 220 tỷ đồng (khoảng 10 triệu USD) |
| Nguồn vốn | Vốn tự có của Công ty |

| | |
|---------------------|--|
| Mục tiêu đầu tư | Đưa dây chuyền rung ép số 3 của Công ty vào vận hành song song với dây chuyền hiện nay, theo công nghệ tiến tiến nhất do hãng Breton (Ý) cung cấp. Có thể sản xuất được khổ jumbo và các sản phẩm mới của Công ty trong tương lai. |
| Thời gian thực hiện | Quý IV/2019 – Quý III/2020 |
| Địa điểm thực hiện | Nằm trong cùng nhà xưởng với dây chuyền số 1 |
| Tình hình thực hiện | Dự án đang được triển khai |

Kế hoạch thực hiện đầu tư năm 2020

Tiếp tục triển khai thực hiện dự án chuyển tiếp từ năm 2019:

| | |
|---------------------|-----------------------------------|
| Dự án | Dây chuyền rung ép số 3 |
| Tổng mức đầu tư | 220 tỷ đồng (khoảng 10 triệu USD) |
| Nguồn vốn | Vốn tự có của Công ty |
| Thời gian thực hiện | Quý IV/2019 – Quý III/2020 |

Như vậy sau khi hoàn thành đầu tư, Vicostone sẽ có 03 dây chuyền đồng bộ từ rung ép đến hoàn thiện theo công nghệ của hãng Breton (Ý), công suất thiết kế từ 1,5 triệu m² – 1,8 triệu m²/năm.



Phân tích tình hình tài chính năm 2019

1. Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 |
|-----|--|---------|--------|--------|--------|--------|--------|
| 1 | Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần | % | 18,32% | 25,34% | 25,85% | 29,16% | 29,71% |
| 2 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | % | 15,47% | 21,05% | 25,77% | 24,85% | 25,35% |
| 3 | Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản | % | 17,23% | 24,38% | 29,53% | 29,94% | 29,60% |
| 4 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE) | % | 45,35% | 55,28% | 58,38% | 43,83% | 45,64% |
| 5 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROAA) | % | 14,91% | 22,09% | 31,39% | 27,36% | 28,24% |
| 6 | Hệ số khả năng thanh toán hiện hành | Lần | 1,56 | 1,77 | 2,69 | 2,63 | 2,62 |
| 7 | Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn | Lần | 1,38 | 1,59 | 2,33 | 2,27 | 2,37 |
| 8 | Hệ số khả năng thanh toán nhanh | Lần | 0,61 | 0,74 | 1,26 | 1,08 | 1,35 |
| 9 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) | Đồng | 8.637 | 10.813 | 13.461 | 6.548 | 8.114 |
| 10 | Giá trị sổ sách | Đồng/CP | 23.547 | 24.119 | 29.949 | 17.414 | 21.554 |

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán)

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 2019 (Tiếp)

So sánh giữa năm 2019 và 2018, các chỉ tiêu lợi nhuận kế toán trước thuế, lợi nhuận sau thuế tăng, tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần và Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần có sự tăng trưởng hơn so với năm 2018. Nguyên nhân dẫn đến kết quả kinh doanh năm 2019 tăng hơn so với cùng kỳ năm trước được phân tích bên dưới đây:

Ngày 23 tháng 05 năm 2019, Công ty đã hoàn thành giao dịch nhận chuyển nhượng toàn bộ vốn góp của CTCP Tập đoàn Phụng Hoàng Xanh A&A tại CT TNHH MTV Đầu tư và Chế biến Khoáng sản Phenikaa Huế. Theo đó, từ ngày 23 tháng 05 năm 2019, Công ty Phenikaa Huế là công ty con của Công ty. Vì vậy, chi phí lãi vay, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty năm 2019 tăng hơn so với cùng kỳ năm trước, cụ thể từng chỉ tiêu như sau:

- Số lượng hàng bán tăng dẫn đến doanh thu thuần tăng 1.041.166,88 triệu đồng, tương ứng với 23,03%, làm lợi nhuận gộp tăng 416.468,75 triệu đồng;
- Doanh thu tài chính giảm 15.056,24 triệu đồng nguyên nhân chủ yếu do lãi tiền gửi, tiền cho vay giảm 8.580,96 triệu đồng; lãi chênh lệch tỷ giá giảm 6.675,55 triệu đồng;
- Chi phí tài chính giảm 1.849,12 triệu đồng do lỗ chênh lệch tỷ giá giảm 29.640,25 triệu đồng; lãi tiền vay tăng 27.791,13 triệu đồng;
- Chi phí bán hàng tăng 54.135,82 triệu đồng, nguyên nhân chủ yếu do chi phí nhân công tăng 5.948,70 triệu đồng, chi phí vật liệu dụng cụ cho bán hàng tăng 5.848,52 triệu đồng, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác tăng 41.999,70 triệu đồng cùng với sự tăng lên của doanh thu;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 16.298,65 triệu đồng, nguyên nhân chủ yếu do chi phí nhân công tăng 8.900,89 triệu đồng, chi phí đồ dùng văn phòng tăng 717,50 triệu đồng, chi phí khấu hao tăng 703,52 triệu đồng, chi phí dịch vụ mua ngoài tăng 4.313,72 triệu đồng.

Những nguyên nhân trên khiến Lợi nhuận kế toán trước thuế tăng 334.152 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế tăng 286.571 triệu đồng so với năm 2018, Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần và Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần cao hơn so với năm 2018.

- Các chỉ số ROAE, ROAA năm 2019 vẫn được duy trì ở mức cao, thể hiện hiệu quả sử dụng đồng vốn.
- Khả năng thanh toán hiện hành và khả năng thanh toán nợ ngắn hạn ở mức cao là 2,62 lần và 2,37 lần.

Các yếu tố ảnh hưởng đến chỉ tiêu Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn như sau:

| Tài sản ngắn hạn tăng | 661.810 | triệu đồng |
|---|----------|------------|
| Do: | | |
| Vốn bằng tiền tăng | 42.568 | triệu đồng |
| Hàng tồn kho giảm | (73.048) | triệu đồng |
| Các khoản phải thu tăng | 665.459 | triệu đồng |
| Thuế GTGT được khấu trừ, thuế và các khoản phải thu NN tăng | 23.483 | triệu đồng |
| Tài sản ngắn hạn khác tăng | 3.348 | triệu đồng |

| Nợ ngắn hạn tăng: | 208.718 | triệu đồng |
|---|----------|------------|
| Do: | | |
| Phải trả cho người bán và người mua ứng tiền trước tăng | 19.453 | triệu đồng |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước giảm | (31.846) | triệu đồng |
| Phải trả người lao động tăng | 13.313 | triệu đồng |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tăng | 266.992 | triệu đồng |
| Các khoản phải trả khác giảm | (59.194) | triệu đồng |

- Hệ số khả năng thanh toán nhanh năm 2019 là 1,35 lần, cao hơn so với năm 2018 do (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho) tăng 734.857,80 triệu đồng và Nợ ngắn hạn tăng 208.717,84 triệu đồng.

Các hệ số về khả năng thanh toán hiện hành, khả năng thanh toán nợ ngắn hạn và khả năng thanh toán nhanh đều được duy trì ở mức cao giúp Công ty chủ động về tình hình tài chính, đảm bảo khả năng thanh toán.

| | | |
|--|---------|------------|
| Giá trị sổ sách năm 2019 tăng so với năm 2018 với giá trị tuyệt đối là | 718.133 | triệu đồng |
|--|---------|------------|

Giá trị sổ sách của 1 cổ phiếu năm 2019 tăng 4.140,05 đồng so với năm 2018, nguyên nhân chủ yếu do biến động làm tăng vốn chủ sở hữu:

| | | |
|--|-----------|------------|
| Lợi nhuận sau thuế năm 2019 | 1.410.115 | triệu đồng |
| Giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối do trả cổ tức | (627.200) | triệu đồng |
| Giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối do trích quỹ khen thưởng phúc lợi | (83.585) | triệu đồng |
| Tái phát hành cổ phiếu quỹ | 253 | triệu đồng |
| Tăng do hợp nhất kinh doanh | 18.551 | triệu đồng |

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 2019 (Tiếp)

2. Giá trị số sách

Đơn vị tính: VNĐ

| STT | Chi tiêu | Số cuối năm (31/12/2015) | Số cuối năm (31/12/2016) | Số cuối năm (31/12/2017) | Số cuối năm (31/12/2018) | Số cuối năm (31/12/2019) | Tăng/Giảm 2019 so với 2018 (+/-) |
|-----|--|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-------------------------------------|
| A | TÀI SẢN | | | | | | |
| 1 | Tài sản ngắn hạn | 2.010.925.147.284 | 2.729.081.767.293 | 3.291.343.374.668 | 3.794.495.007.360 | 4.456.305.278.663 | 661.810.271.303 |
| 1.1 | Tiền và các khoản tương đương tiền | 295.395.072.292 | 433.971.607.316 | 656.279.062.859 | 427.351.751.020 | 469.919.515.100 | 42.567.764.080 |
| 1.2 | Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 6.153.333.333 | - | 30.000.000.000 | - | - | - |
| 1.3 | Các khoản phải thu ngắn hạn | 496.457.054.880 | 699.403.325.617 | 951.290.523.619 | 1.249.984.440.619 | 1.915.443.533.555 | 665.459.092.936 |
| 1.4 | Hàng tồn kho | 1.122.033.575.196 | 1.458.170.374.347 | 1.513.931.435.283 | 1.986.792.777.928 | 1.913.745.246.413 | (73.047.531.515) |
| 1.5 | Tài sản ngắn hạn khác | 90.886.111.583 | 137.536.460.013 | 139.842.352.907 | 130.366.037.793 | 157.196.983.595 | 26.830.945.802 |
| 2 | Tài sản dài hạn | 770.555.114.830 | 608.848.996.604 | 518.411.252.031 | 609.832.297.541 | 1.127.451.451.166 | 517.619.153.625 |
| 2.1 | Các khoản phải thu dài hạn | 30.000.000 | 30.000.000 | 30.000.000 | 30.000.000 | 30.000.000 | - |
| 2.2 | Tài sản cố định | 597.265.777.339 | 548.377.023.352 | 483.762.757.473 | 548.662.662.740 | 1.058.231.180.457 | 509.568.517.717 |
| 2.3 | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 123.070.832.393 | 4.674.389.078 | 20.669.627.555 | 40.498.242.919 | 47.698.857.585 | 7.200.614.666 |
| 2.4 | Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 35.207.382.225 | 38.248.003.359 | - | - | - | - |
| 2.5 | Tài sản dài hạn khác | 14.981.122.873 | 17.519.580.815 | 13.948.867.003 | 20.641.391.882 | 21.491.413.124 | 850.021.242 |
| 2.6 | Lợi thế thương mại | - | - | - | - | - | - |
| | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 2.781.480.262.114 | 3.337.930.763.897 | 3.809.754.626.699 | 4.404.327.304.901 | 5.583.756.729.829 | 1.179.429.424.928 |
| B | NGUỒN VỐN | | | | | | |
| I | Nợ phải trả | 1.782.888.942.313 | 1.890.794.978.521 | 1.413.864.163.277 | 1.673.774.768.632 | 2.135.070.735.316 | 461.295.966.684 |
| 1.1 | Nợ ngắn hạn | 1.457.948.384.373 | 1.714.188.084.146 | 1.413.416.219.225 | 1.673.444.027.380 | 1.882.161.864.194 | 208.717.836.814 |
| 1.2 | Nợ dài hạn | 324.940.557.940 | 176.606.894.375 | 447.944.052 | 330.741.252 | 252.908.871.122 | 252.578.129.870 |
| II | Nguồn vốn chủ sở hữu | 998.362.316.520 | 1.447.135.785.376 | 2.395.890.463.422 | 2.730.552.536.269 | 3.448.685.994.513 | 718.133.458.244 |
| 2.1 | Vốn chủ sở hữu | 998.362.316.520 | 1.447.135.785.376 | 2.395.890.463.422 | 2.730.552.536.269 | 3.448.685.994.513 | 718.133.458.244 |
| 2.2 | Nguồn kinh phí và quỹ khác | - | - | - | - | - | - |
| C | LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT | 229.003.281 | - | - | - | - | - |
| | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 2.781.480.262.114 | 3.337.930.763.897 | 3.809.754.626.699 | 4.404.327.304.901 | 5.583.756.729.829 | 1.179.429.424.928 |

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán)

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 2019 (Tiếp)

Tổng tài sản năm 2019 tăng so với năm 2018: **1.179.429,42** triệu đồng.

Bao gồm: Tài sản ngắn hạn tăng: **661.810,27** triệu đồng; Tài sản dài hạn tăng: **517.619,15** triệu đồng.

Tài sản ngắn hạn tăng với các lý do như sau:

- Tiền và các khoản tương đương tiền tăng: **42.567,76** triệu đồng.
- Các khoản phải thu ngắn hạn tăng **665.459,09** triệu đồng, cụ thể:

| | Đầu năm | Cuối năm | Cuối năm - đầu năm |
|------------------------------------|--------------------------|--------------------------|------------------------|
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 1.219.015.670.542 | 1.890.709.549.117 | 671.693.878.575 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 29.809.324.436 | 21.282.711.304 | (8.526.613.132) |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | 50.129.329 | 50.129.329 | - |
| Các khoản phải thu khác | 2.014.625.084 | 4.306.452.577 | 2.291.827.493 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | (905.308.772) | (905.308.772) | - |
| TỔNG | 1.249.984.440.619 | 1.915.443.533.555 | 665.459.092.936 |

Phải thu ngắn hạn của khách hàng tăng 671.693,88 triệu đồng từ 1.219.015,67 triệu đồng đầu năm lên 1.890.709,55 triệu đồng vào cuối năm. Các khách hàng được trả chậm đều là khách hàng truyền thống, có năng lực tài chính tốt, có lịch sử thanh toán đúng hạn.

Trả trước cho người bán ngắn hạn giảm 8.526,61 triệu đồng từ 29.809,32 triệu đồng đầu năm xuống 21.282,71 triệu đồng vào cuối năm.

Các khoản phải thu khác tăng 2.291,83 triệu đồng do Phải thu khác của người lao động tăng 1.920,91 triệu đồng; tạm ứng cho CBCNV tăng 370,92 triệu đồng.

| | | |
|---|--------------------|-------------------|
| Hàng tồn kho giảm: | (73.047,53) | triệu đồng |
| Bao gồm: | | |
| Hàng mua đang trên đường giảm: | (11.460,49) | triệu đồng |
| Nguyên liệu, vật liệu tăng: | 68.503,07 | triệu đồng |
| Công cụ, dụng cụ giảm: | (547,08) | triệu đồng |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tăng: | 14.478,78 | triệu đồng |
| Thành phẩm | (144.021,81) | triệu đồng |

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tăng: 56.495,50 triệu đồng để đáp ứng các kế hoạch sản xuất, dự phòng sửa chữa thiết bị của Công ty. Tồn kho của thành phẩm giảm 144.021,81 triệu đồng do doanh thu bán hàng tăng, Công ty đã tiêu thụ được một phần hàng tồn kho cũ.

| | | |
|------------------------------------|---------------|-------------------|
| Tài sản ngắn hạn khác tăng: | 26.831 | Triệu đồng |
| Do: | | |
| • Chi phí trả trước ngắn hạn tăng | 3.348 | triệu đồng |
| • Thuế GTGT được khấu trừ tăng | 23.483 | triệu đồng |

| | | |
|--|----------------|------------------------|
| Tài sản dài hạn tăng: | 517.619 | triệu đồng, gồm |
| Tài sản cố định tăng | 509.569 | triệu đồng |
| Do: | | |
| • Giảm do trích khấu hao trong năm | (103.979) | triệu đồng |
| • Tăng do mua mới, XD CB hoàn thành trong kỳ | 50.433 | triệu đồng |
| • Tăng do hợp nhất kinh doanh | 563.115 | triệu đồng |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tăng | 7.201 | triệu đồng |
| Nguyên nhân: | | |
| • Các dự án xây dựng cơ bản giảm | (14.551) | triệu đồng |
| • Mua sắm giảm | (21.752) | triệu đồng |
| Tài sản dài hạn khác tăng | 850 | triệu đồng |
| Do: | | |
| • Chi phí trả trước dài hạn tăng | 850 | triệu đồng |

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 2019 (Tiếp)

| Nguồn vốn bù đắp cho số tài sản tăng lên do: | | |
|--|-----------|------------|
| Nợ phải trả tăng | 461.296 | triệu đồng |
| Trong đó: | | |
| <ul style="list-style-type: none"> Phải trả người bán ngắn hạn và Người mua trả tiền trước ngắn hạn tăng | 19.453 | triệu đồng |
| <ul style="list-style-type: none"> Vay và nợ thuê tài chính dài hạn tăng | 252.695 | triệu đồng |
| <ul style="list-style-type: none"> Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tăng | 266.992 | triệu đồng |
| <ul style="list-style-type: none"> Thuế và các khoản phải trả nhà nước giảm | (31.846) | triệu đồng |
| <ul style="list-style-type: none"> Cổ tức phải trả giảm | (86.312) | triệu đồng |
| <ul style="list-style-type: none"> Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn, dài hạn còn lại tăng | 40.314 | triệu đồng |
| Vốn chủ sở hữu tăng | 718.133 | triệu đồng |
| Trong đó: | | |
| <ul style="list-style-type: none"> Lợi nhuận từ kết quả hoạt động SXKD năm 2019 | 1.410.115 | triệu đồng |
| <ul style="list-style-type: none"> Tái phát hành cổ phiếu quỹ | 253 | triệu đồng |
| <ul style="list-style-type: none"> Giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối do trả cổ tức | (627.200) | triệu đồng |
| <ul style="list-style-type: none"> Giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối do trích quỹ khen thưởng phúc lợi | (83.585) | triệu đồng |
| <ul style="list-style-type: none"> Tăng do hợp nhất kinh doanh | 18.551 | triệu đồng |

Như vậy Tài sản tăng do Tài sản ngắn hạn và Tài sản dài hạn đều tăng, Nguồn bù đắp cho phần tài sản tăng thêm là do Nợ phải trả và Vốn chủ sở hữu tăng.



Sản phẩm đá thạch anh Vicostone Grande - BQ8729

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 2019 (Tiếp)

3. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Đơn vị tính: VNĐ

| Chỉ tiêu | Năm 2015 | Năm 2016 | Năm 2017 | Năm 2018 | Năm 2019 |
|--|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Doanh thu thuần | 2.616.164.952.027 | 3.211.489.780.383 | 4.352.524.092.876 | 4.521.596.112.810 | 5.562.762.994.808 |
| Tổng chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp | | | | | |
| Chi phí nhân viên | 28.672.664.199 | 26.918.224.498 | 27.380.348.589 | 25.513.576.940 | 40.363.160.819 |
| Tỷ lệ % | 1,10% | 0,84% | 0,63% | 0,56% | 0,73% |
| Chi phí vật liệu, CCDC | 8.773.098.358 | 9.358.263.710 | 13.321.939.880 | 18.734.670.015 | 25.300.690.295 |
| Tỷ lệ % | 0,34% | 0,29% | 0,31% | 0,41% | 0,45% |
| Chi phí khấu hao | 8.157.887.278 | 8.188.359.761 | 8.494.440.007 | 8.744.006.369 | 9.786.432.991 |
| Tỷ lệ % | 0,31% | 0,25% | 0,20% | 0,19% | 0,18% |
| Chi phí bảo hành | - | - | - | - | - |
| Tỷ lệ % | 0,00% | 0,00% | 0,00% | 0,00% | 0,00% |
| Thuế, phí, lệ phí | 311.740.940 | 344.118.401 | 362.583.440 | 357.541.897 | 1.044.489.700 |
| Tỷ lệ % | 0,01% | 0,01% | 0,01% | 0,01% | 0,02% |
| Chi phí dự phòng, thương hiệu, lợi thế thương mại | 737.209.696 | 163.670.575 | 280.673.174 | 58.320.012 | 127.361.667 |
| Tỷ lệ % | 0,03% | 0,01% | 0,01% | 0,00% | 0,00% |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 70.582.464.832 | 72.610.662.579 | 81.005.720.128 | 80.062.121.096 | 119.633.436.185 |
| Tỷ lệ % | 2,70% | 2,26% | 1,86% | 1,77% | 2,15% |
| Chi phí bằng tiền khác | 15.254.938.718 | 18.652.619.067 | 17.002.160.943 | 12.551.895.623 | 20.201.037.280 |
| Tỷ lệ % | 0,58% | 0,58% | 0,39% | 0,28% | 0,36% |
| Cộng chi phí bán hàng, chi phí QLDN | 132.490.004.021 | 136.235.918.591 | 147.847.866.161 | 146.022.131.952 | 216.456.608.938 |
| Tỷ lệ % | 5,06% | 4,24% | 3,40% | 3,23% | 3,89% |

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán)

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 2019 (Tiếp)

Như đã nói ở trên, ngày 23 tháng 05 năm 2019, Công ty đã hoàn thành giao dịch nhận chuyển nhượng toàn bộ vốn góp của CTCP Tập đoàn Phurong Hoàng Xanh A&A tại CT TNHH MTV Đầu tư và Chế biến Khoáng sản Phenikaa Huế. Theo đó, từ ngày 23 tháng 05 năm 2019 Công ty Phenikaa Huế là công ty con của Công ty. Vì vậy, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty năm 2019 tăng hơn so với cùng kỳ năm trước, cụ thể như sau:

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2019 tăng 70.434,48 triệu đồng so với năm 2018; tỷ lệ trên Doanh thu thuần tương ứng tăng từ 3,23% lên 3,89%. Chi tiết việc tăng giảm như sau:

- Chi phí nhân viên tăng 14.849,58 triệu đồng tương ứng với 58,20%; tỷ lệ trên Doanh thu thuần tăng từ 0,56% lên 0,73%. Công ty luôn đảm bảo sự tăng trưởng trong thu nhập của người lao động. Thu nhập bình quân của nhân viên tăng từ 18,68 triệu đồng/tháng lên 21,073 triệu đồng/tháng.

- Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ tăng 6.566,02 triệu đồng tương ứng với 35,05%, tỷ lệ trên Doanh thu thuần tăng từ 0,41% lên 0,45%, do trong năm, số lượng hàng bán tăng nên chi phí vật liệu bán hàng cũng tăng tương ứng. Ngoài ra, trong năm, hoạt động bán hàng trong nước cũng được đẩy mạnh hơn nên các chi phí này cũng tăng lên so với năm 2018;
- Chi phí khấu hao tài sản cố định tăng 1.042,43 triệu đồng tương ứng với 11,92%, tỷ lệ trên Doanh thu thuần giảm từ 0,19% xuống 0,18%;
- Chi phí dịch vụ mua ngoài tăng 39.571,32 triệu đồng tương ứng với 49,43%, tỷ lệ trên Doanh thu thuần tăng từ 1,77% lên 2,15%;
- Chi phí bằng tiền khác tăng 7.649,14 triệu đồng tương ứng với 60,94%, tỷ lệ trên Doanh thu thuần tăng từ 0,28% lên 0,36%.

Nợ phải trả

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu | Nợ cuối năm 2015 | Nợ cuối năm 2016 | Nợ cuối năm 2017 | Nợ cuối năm 2018 | Nợ cuối năm 2019 | Tăng/giảm 2019 so 2018 |
|-----------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|------------------------|
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 1.178.560.448.863 | 1.083.352.550.815 | 955.024.601.355 | 1.150.561.555.555 | 1.417.553.641.838 | 266.992.086.283 |
| Nợ ngắn hạn khác | 279.387.935.510 | 630.835.533.331 | 458.391.617.870 | 522.882.471.825 | 464.608.222.356 | (58.274.249.469) |
| Nợ dài hạn | 324.940.557.940 | 176.606.894.375 | 447.944.052 | 330.741.252 | 252.908.871.122 | 252.578.129.870 |
| TỔNG NỢ | 1.782.888.942.313 | 1.890.794.978.521 | 1.413.864.163.277 | 1.673.774.768.632 | 2.135.070.735.316 | 461.295.966.684 |

| | | |
|-----------------------------|-----------------|------|
| Vay và nợ ngắn hạn tăng | 266.992.086.283 | Đồng |
| Vay ngắn hạn tăng | 213.793.068.879 | Đồng |
| Nợ dài hạn đến hạn trả tăng | 53.199.017.404 | Đồng |

| | | |
|---|------------------|------|
| Nợ ngắn hạn khác giảm | (58.274.249.469) | Đồng |
| Phải trả người bán ngắn hạn tăng | 15.027.911.006 | Đồng |
| Người mua trả tiền trước tăng | 4.424.883.655 | Đồng |
| Thuế và các khoản nộp Nhà nước giảm (*) | (31.845.685.412) | Đồng |
| Phải trả người lao động tăng | 13.313.067.922 | Đồng |
| Phải trả ngắn hạn khác giảm (**) | (78.546.805.510) | Đồng |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi tăng | 19.352.378.870 | Đồng |

| | | |
|---|-----------------|------|
| Nợ dài hạn tăng | 252.578.129.870 | Đồng |
| Vay và nợ dài hạn tăng | 252.695.332.670 | Đồng |
| Quỹ Phát triển khoa học và Công nghệ giảm | (117.202.800) | Đồng |

(*) Biến động này chủ yếu ở thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp. Cuối năm 2019, Công ty còn thuế TNDN phải nộp là 29,79 tỷ đồng; cuối năm 2018, Công ty còn số thuế TNDN phải nộp là 63,47 tỷ đồng.

(**) Biến động này chủ yếu ở khoản cổ tức phải trả cho Công ty Cổ phần tập đoàn Phurong Hoàng Xanh A&A.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 2019 (Tiếp)

4. Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VNĐ

| Chỉ tiêu | Năm 2015 | Năm 2016 | Năm 2017 | Năm 2018 | Năm 2019 |
|----------------------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| Giá vốn hàng bán | 1.857.540.589.728 | 2.220.055.820.303 | 3.085.309.497.515 | 3.025.953.450.218 | 3.650.651.586.771 |
| Hàng mua đang đi đường | 36.923.516.159 | 26.704.251.421 | 56.557.798.286 | 54.474.340.275 | 43.013.849.103 |
| Nguyên nhiên vật liệu | 162.387.381.159 | 110.092.084.679 | 105.223.708.093 | 124.253.280.221 | 192.756.347.566 |
| Công cụ dụng cụ | 31.008.735.399 | 27.377.003.498 | 43.829.087.955 | 74.626.818.042 | 74.079.740.327 |
| Bán thành phẩm | 30.595.300.853 | 318.277.186.910 | 32.146.742.719 | 14.482.115.768 | 28.960.892.798 |
| Trong đó: Chi phí xây dựng nhà ở | | 275.356.571.531 | - | - | - |
| Thành phẩm | 894.876.239.640 | 996.355.217.321 | 1.287.309.735.495 | 1.723.738.302.000 | 1.579.716.494.997 |
| Hàng gửi bán | | | | | |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (33.757.598.014) | (20.635.369.482) | (11.135.637.265) | (4.782.078.378) | (4.782.078.378) |
| Cộng hàng tồn kho | 1.122.033.575.196 | 1.458.170.374.347 | 1.513.931.435.283 | 1.986.792.777.928 | 1.913.745.246.413 |

Hàng tồn kho cuối năm 2019 giảm 73.048 triệu đồng so với cuối năm 2018, trong đó thành phẩm (bao gồm thành phẩm tự sản xuất và thành phẩm mua ngoài) giảm 144.022 triệu đồng do doanh thu bán hàng tăng. Nguyên nhiên vật liệu và công cụ dụng cụ tăng 56.495 triệu đồng để đáp ứng các kế hoạch sản xuất, dự phòng sửa chữa thiết bị của Công ty.

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán)

5. Hệ số quay vòng hàng tồn kho

| Chỉ tiêu | Năm 2015 | Năm 2016 | Năm 2017 | Năm 2018 | Năm 2019 |
|------------------------------|----------|----------|----------|----------|----------|
| Hệ số quay vòng hàng tồn kho | 1,83 | 1,72 | 2,08 | 1,73 | 1,87 |

Hệ số quay vòng hàng tồn kho năm 2019 của Công ty cao hơn so với năm 2018.

6. Những thay đổi về vốn cổ đông

Đơn vị tính: Tỷ VNĐ

| | Năm 2015 (*) | Năm 2016 | Năm 2017 | Năm 2018 (*) | Năm 2019 |
|---------------------|--------------|----------|----------|--------------|----------|
| Vốn góp của cổ đông | 423,99 | 600,00 | 800,00 | 1.568,00 | 1.600,00 |

(*) Công ty nắm giữ số lượng cổ phiếu quỹ vào cuối năm 2015 là 10.599.800 cổ phiếu; cuối năm 2018 là 3.200.000 cổ phiếu.

Tổng số cổ phần theo từng loại: Tính đến ngày 31/12/2019, số cổ phiếu lưu hành trên thị trường là 160.000.000 cổ phiếu.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 2019 (Tiếp)

7. Phân tích các chỉ tiêu trong Báo cáo kết quả kinh doanh

7.1. Báo cáo kết quả kinh doanh qua các năm

Đơn vị tính: VNĐ

| CHỈ TIÊU | NĂM 2015 | NĂM 2016 | NĂM 2017 | NĂM 2018 | NĂM 2019 |
|---|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 2.618.277.734.889 | 3.211.964.848.407 | 4.352.524.092.876 | 4.522.435.184.761 | 5.568.613.461.812 |
| Các khoản giảm trừ | 2.112.782.862 | 475.068.024 | - | 839.071.951 | 5.850.467.004 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 2.616.164.952.027 | 3.211.489.780.383 | 4.352.524.092.876 | 4.521.596.112.810 | 5.562.762.994.808 |
| Giá vốn hàng bán | 1.857.540.589.728 | 2.220.055.820.303 | 3.085.309.497.515 | 3.025.953.450.218 | 3.650.651.586.771 |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 758.624.362.299 | 991.433.960.080 | 1.124.929.642.487 | 1.321.149.637.095 | 1.912.111.408.037 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 25.512.052.408 | 25.934.115.295 | 54.377.404.040 | 41.397.309.947 | 26.341.074.370 |
| Chi phí tài chính | 169.979.978.711 | 70.953.282.040 | 48.814.490.753 | 69.868.203.492 | 68.019.078.673 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 81.066.518.606 | 50.242.971.449 | 40.596.080.433 | 32.204.626.279 | 59.995.756.140 |
| Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh | 5.724.536.337 | 3.854.482.424 | - | - | - |
| Chi phí bán hàng | 76.966.485.013 | 76.843.762.966 | 95.648.232.925 | 99.926.387.202 | 154.062.211.849 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 55.523.519.008 | 59.392.155.625 | 52.199.633.236 | 46.095.744.750 | 62.394.397.089 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 487.390.968.312 | 814.033.357.168 | 1.124.929.642.487 | 1.321.149.637.095 | 1.653.976.794.796 |
| Thu nhập khác | 826.873.115 | 869.766.648 | 1.178.903.601 | 1.509.915.834 | 1.447.542.683 |
| Chi phí khác | 9.004.133.907 | 1.140.985.779 | 1.096.988.069 | 4.148.980.489 | 2.761.669.460 |
| Lợi nhuận khác | (8.177.260.792) | (271.219.131) | 81.915.532 | (2.639.064.655) | (1.314.126.777) |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 479.213.707.520 | 813.762.138.037 | 1.125.011.558.019 | 1.318.510.572.440 | 1.652.662.668.019 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 74.582.447.525 | 139.608.246.117 | 3.233.701.436 | 194.966.717.351 | 242.548.054.943 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | (2.118.943) | (1.827.825.932) | - | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 404.633.378.938 | 675.981.717.852 | 1.121.777.856.583 | 1.123.543.855.089 | 1.410.114.613.076 |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ | 404.633.378.938 | 675.981.717.852 | 1.121.777.856.583 | 1.123.543.855.089 | 1.410.114.613.076 |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | - | - | - | - | - |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 8.637 | 10.813 | 13.461 | 6.548 | 8.114 |

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán)

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 2019 (Tiếp)

7.2. Dữ liệu tài chính khác

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | NĂM 2015 | NĂM 2016 | NĂM 2017 | NĂM 2018 | NĂM 2019 |
|---|-----------------|-----------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| 1. Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (1) | 404.633.378.938 | 675.981.717.852 | 1.121.777.856.583 | 1.123.543.855.089 | 1.410.114.613.076 |
| 2. Chi phí thuế TNDN hiện hành và hoãn lại (2) | 74.580.328.582 | 137.780.420.185 | 3.233.701.436 | 194.966.717.351 | 242.548.054.943 |
| 3. Khấu hao và hao mòn tài sản cố định (3) | 68.702.778.929 | 67.588.776.716 | 69.627.210.979 | 73.428.586.478 | 103.979.030.170 |
| 4. Chi phí tài chính | 169.979.978.711 | 70.953.282.040 | 48.814.490.753 | 69.868.203.492 | 68.019.078.673 |
| Trong đó: | | | | | |
| • Chi phí lãi vay (4) | 81.066.518.606 | 50.242.971.449 | 40.596.080.433 | 32.204.626.279 | 59.995.756.140 |
| • Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện và chưa thực hiện (5) | 88.913.460.105 | 20.710.310.591 | 8.156.543.240 | 37.663.577.213 | 8.023.322.533 |
| • Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư (6) | | | | | |
| • Chi phí tài chính khác (7) | | | 61.867.080 | - | - |
| 5. Doanh thu tài chính | 25.512.052.408 | 25.934.115.295 | 54.377.404.040 | 41.397.309.947 | 26.341.074.370 |
| Trong đó: | | | | | |
| • Lãi tiền gửi, tiền cho vay (8) | 9.940.115.018 | 5.365.302.094 | 12.271.399.748 | 10.705.402.612 | 2.124.441.929 |
| • Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện và chưa thực hiện (9) | 15.571.937.390 | 17.297.046.372 | 22.050.257.892 | 30.691.907.335 | 24.016.357.892 |
| • Lãi thanh lý các khoản đầu tư (10) | | | 20.055.746.400 | - | - |
| • Doanh thu hoạt động tài chính khác (11) | | | | | 200.274.549 |
| 6. EBITDA điều chỉnh (9)=(1)+(2)+(3)+(4)+(5)+(6)+(7)-(8)-(9)-(10)-(11) | 692.384.412.752 | 929.641.848.327 | 1.189.075.855.711 | 1.420.410.052.463 | 1.798.319.702.492 |
| 7. EBITDA Margin (%) | 26,47% | 28,95% | 27,32% | 31,41% | 32,33% |

EBITDA phản ánh thu nhập trước thuế, trả lãi và khấu hao, là một chỉ tiêu đánh giá tỷ suất sinh lợi của doanh nghiệp, bằng thu nhập trừ các chi phí, nhưng chưa trừ tiền trả lãi, thuế và khấu hao.

Chỉ tiêu EBITDA điều chỉnh như một thước đo hiệu suất bổ sung vì nó giúp quá trình so sánh hiệu suất hoạt động giữa các giai đoạn và giữa các công ty trở nên dễ dàng hơn bằng cách chỉ ra những chênh lệch gây ra bởi sự thay đổi kết cấu vốn (ảnh hưởng chi phí lãi vay), sự thay đổi tỷ giá hối đoái (ảnh hưởng tới chi phí tài chính, doanh thu tài chính), sự khác nhau của thuế suất thuế TNDN (tác động tới các giai đoạn và các công ty có sự khác biệt về thuế suất), sự khác nhau về giá trị của tài sản cố định (ảnh hưởng đến

chi phí khấu hao). EBITDA đã điều chỉnh không bao gồm khoản lãi, lỗ do thanh lý các khoản đầu tư vì Công ty tin rằng nó giúp so sánh tốt hơn hiệu suất kinh doanh của hoạt động chính qua các giai đoạn. EBITDA đã điều chỉnh thường được sử dụng bởi các nhà phân tích chứng khoán, người cho vay và một số đối tượng khác trong quá trình đánh giá về công ty. EBITDA đã điều chỉnh không được sử dụng để thay thế cho các thước đo như: Lợi nhuận sau thuế TNDN, lưu lượng tiền mặt từ quá trình hoạt động, khả năng sinh lời, khả năng thanh toán hay bất cứ thước đo hiệu suất nào, vì nó có những hạn chế giống như các công cụ phân tích, và không nên xét tới chúng một cách riêng biệt hay là sự thay thế cho quá trình phân tích kết quả.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 2019 (Tiếp)

8. So sánh hiệu quả của các giai đoạn

Bảng dưới đây thể hiện kết quả hoạt động theo tỷ lệ phần trăm theo doanh thu trong các giai đoạn
(Đơn vị tính: Tỷ VNĐ)

Qua bảng số liệu cho thấy tỷ suất Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần của Công ty các năm sau đều tăng hơn so với năm trước và đều đạt ở mức cao: năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019 lần lượt là 18,32%; 25,34%; 25,85%; 29,16%; 29,71%. Điều này cho thấy Công ty hoạt động rất hiệu quả.

| Chỉ tiêu | Năm 2015 | | Năm 2016 | | Năm 2017 | | Năm 2018 | | Năm 2019 | |
|--|---------------|----------------------------|---------------|----------------------------|-----------------|----------------------------|-----------------|----------------------------|-----------------|----------------------------|
| | Số tiền | Tỷ lệ trên doanh thu thuần | Số tiền | Tỷ lệ trên doanh thu thuần | Số tiền | Tỷ lệ trên doanh thu thuần | Số tiền | Tỷ lệ trên doanh thu thuần | Số tiền | Tỷ lệ trên doanh thu thuần |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 2.618,28 | | 3.211,96 | | 4.352,52 | | 4.522,44 | | 5.568,61 | |
| Các khoản giảm trừ | 2,11 | | 0,48 | | - | | 0,84 | | 5,85 | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 2.616,16 | | 3.211,49 | | 4.352,52 | | 4.521,60 | | 5.562,76 | |
| Giá vốn hàng bán | 1.857,54 | | 2.220,06 | | 3.085,31 | | 3.025,95 | | 3.650,65 | |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 758,62 | 29,00% | 991,43 | 30,87% | 1.267,21 | 29,11% | 1.495,64 | 33,08% | 1.912,11 | 34,37% |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 25,51 | 0,98% | 25,93 | 0,81% | 54,38 | 1,25% | 41,40 | 0,92% | 26,34 | 0,47% |
| Chi phí tài chính | 169,98 | 6,50% | 70,95 | 2,21% | 48,81 | 1,12% | 69,87 | 1,55% | 68,02 | 1,22% |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 81,07 | 3,10% | 50,24 | 1,56% | 40,60 | 0,93% | 32,20 | 0,71% | 60,00 | 1,08% |
| Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh | 5,72 | 0,22% | 3,85 | 0,12% | - | 0,00% | - | 0,00% | - | 0,00% |
| Chi phí bán hàng | 76,97 | 2,94% | 76,84 | 2,39% | 95,65 | 2,20% | 99,93 | 2,21% | 154,06 | 2,77% |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 55,52 | 2,12% | 59,39 | 1,85% | 52,20 | 1,20% | 46,10 | 1,02% | 62,39 | 1,12% |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 487,39 | 18,63% | 814,03 | 25,35% | 1.124,93 | 25,85% | 1.321,15 | 29,22% | 1.653,98 | 29,73% |
| Thu nhập khác | 0,83 | 0,03% | 0,87 | 0,03% | 1,18 | 0,03% | 1,51 | 0,03% | 1,45 | 0,03% |
| Chi phí khác | 9,00 | 0,34% | 1,14 | 0,04% | 1,10 | 0,03% | 4,15 | 0,09% | 2,76 | 0,05% |
| Lợi nhuận khác | (8,18) | -0,31% | (0,27) | -0,01% | 0,08 | 0,00% | (2,64) | -0,06% | (1,31) | -0,02% |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 479,21 | 18,32% | 813,76 | 25,34% | 1.125,01 | 25,85% | 1.318,51 | 29,16% | 1.652,66 | 29,71% |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 74,58 | 2,85% | 139,61 | 4,35% | 3,23 | 0,07% | 194,97 | 4,31% | 242,55 | 4,36% |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | - | 0,00% | (1,83) | -0,06% | - | 0,00% | - | 0,00% | - | 0,00% |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 404,63 | 15,47% | 675,98 | 21,05% | 1.121,78 | 25,77% | 1.123,54 | 24,85% | 1.410,11 | 25,35% |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số | - | 0,00% | - | 0,00% | - | 0,00% | - | 0,00% | - | 0,00% |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ | 404,63 | 15,47% | 675,98 | 21,05% | 1.121,78 | 25,77% | 1.123,54 | 24,85% | 1.410,11 | 25,35% |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng) | 8.637 | | 10.813 | | 13.461 | | 6.548 | | 8.114 | |

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán)

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 2019 (Tiếp)

9. Khả năng thanh toán và nguồn vốn

Nguồn thu chủ yếu trong năm 2019 của Công ty đến từ: tiền thu từ hoạt động bán hàng hóa, thành phẩm; tiền thu từ thuế giá trị gia tăng được hoàn và tiền vay ngắn hạn nhận được từ các tổ chức tín dụng.

Các yêu cầu vốn chủ yếu năm 2019 của Công ty nhằm tài trợ cho các nhu cầu vốn lưu động, đáp ứng yêu cầu thanh toán nợ vay, nợ phải trả nhà cung cấp và trả cổ tức cho cổ đông. Các yêu cầu về vốn lưu động của công ty bị tác động bởi một số yếu tố, trong đó chủ yếu là nhu cầu về nguyên vật liệu đầu vào, máy móc thiết bị cho sản xuất, dịch vụ vận chuyển, hàng hóa và các yếu tố đầu vào khác.

Chiến lược hàng tồn kho của Công ty là nhằm duy trì mức độ tồn kho đầy đủ để đáp ứng ngay nhu cầu sản phẩm và khách hàng. Với phương châm cung cấp hàng một cách nhanh nhất, Công ty luôn duy trì lượng thành phẩm và hàng hoá đủ lớn để cung cấp ngay cho khách hàng khi nhận được đơn hàng. Hàng tồn kho của Công ty bị ảnh hưởng đáng kể bởi doanh số bán hàng tại Mỹ, Úc và Canada, những thị trường lớn nhất của Công ty hiện nay. Trong những năm tới, Công ty vẫn tiếp tục duy trì chính sách hàng tồn kho này và tiếp tục tập trung vào việc đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng sản phẩm bằng cách thực hiện các quy trình để nâng cao hiệu quả quá trình lập kế hoạch sản xuất, quản lý sản xuất.

Dựa trên kế hoạch kinh doanh hiện có, tiền và các khoản tương đương tiền, khoản tiền từ hoạt động kinh doanh và các khoản vay sẵn có theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn và dài hạn, Công ty tin rằng có thể đáp ứng các yêu cầu về vốn cho quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho năm 2019 và các năm tiếp theo.

Bảng dưới đây trình bày các thành phần của luồng tiền mặt được sử dụng và cung cấp trong các hoạt động kinh doanh, đầu tư và tài chính trong các giai đoạn:

(ĐVT: VNĐ)

| Mã chỉ tiêu | Chỉ tiêu | Năm 2017 | Năm 2018 | Năm 2019 |
|---|---|-------------------|-------------------|-------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 01 | Tổng lợi nhuận trước thuế | 1.125.011.558.019 | 1.318.510.572.440 | 1.652.662.668.019 |
| | Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| 02 | Khấu hao TSCĐ (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại) | 69.515.393.902 | 73.311.383.678 | 103.861.827.370 |
| 03 | Các khoản dự phòng | (9.351.468.914) | (6.353.558.887) | - |
| 04 | (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | (2.542.157.433) | 14.558.364.655 | 28.114.223 |
| 05 | (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư | (32.427.146.147) | (10.788.956.248) | (2.124.441.929) |
| 06 | Chi phí lãi vay | 40.596.080.433 | 32.204.626.279 | 59.995.756.140 |
| 08 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 1.190.802.259.860 | 1.421.442.431.917 | 1.814.423.923.823 |

| Mã chỉ tiêu | Chỉ tiêu | Năm 2017 | Năm 2018 | Năm 2019 |
|-------------|---|-------------------|-------------------|-------------------|
| 09 | (Tăng)/giảm các khoản phải thu | (253.598.141.064) | (338.745.283.287) | (604.986.876.688) |
| 10 | (Tăng)/giảm hàng tồn kho | (46.261.328.719) | (466.507.783.758) | 88.265.536.716 |
| 11 | Tăng/(giảm) các khoản phải trả | (12.968.875.438) | (104.162.599.172) | (14.169.178.938) |
| 12 | (Tăng)/giảm chi phí trả trước | 3.250.173.887 | (6.907.943.910) | (2.004.949.282) |
| 14 | Tiền lãi vay đã trả | (40.596.080.433) | (32.204.626.279) | (55.684.099.565) |
| 15 | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | (88.050.389.739) | (90.110.382.305) | (276.235.539.417) |
| 16 | Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | - | - | - |
| 17 | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | (45.254.691.969) | (61.771.915.626) | (64.232.613.310) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 707.322.926.385 | 321.031.897.580 | 885.376.203.339 |

II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư

| | | | | |
|----|---|------------------|-------------------|------------------|
| 21 | Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | (83.893.283.198) | (151.732.739.001) | (50.651.275.363) |
| 22 | Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 110.000.000 | 91.909.000 | - |
| 23 | Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | (32.200.000.000) | (2.200.000.000) | - |
| 24 | Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 2.200.000.000 | 32.200.000.000 | - |
| 25 | Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | - | - | (49.269.557.490) |
| 26 | Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trừ đi tiền do đơn vị bị thanh lý nắm giữ | 40.487.040.000 | - | - |
| 27 | Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 12.271.399.748 | 10.705.402.612 | 2.124.441.929 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | (61.024.843.450) | (110.935.427.389) | (97.796.390.924) |

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

| | | | | |
|----|---|---|---|-------------|
| 31 | Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | - | - | 252.603.810 |
|----|---|---|---|-------------|

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 2019 (Tiếp)

(ĐVT: VNĐ)

| Mã chỉ tiêu | Chỉ tiêu | TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH Năm 2017 | Năm 2018 | Năm 2019 |
|-------------|---|--|---------------------|---------------------|
| 32 | Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | - | (240.431.166.590) | - |
| 33 | Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 1.651.455.987.647 | 1.774.781.625.802 | 2.092.507.128.245 |
| 34 | Tiền chi trả nợ gốc vay | (1.956.498.149.142) | (1.582.405.125.369) | (2.124.196.594.726) |
| 35 | Tiền chi trả nợ thuê tài chính | - | - | - |
| 36 | Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | (120.012.199.500) | (388.181.228.100) | (713.512.226.500) |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | (425.054.360.995) | (436.235.894.257) | (744.949.089.171) |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40) | 221.243.721.940 | (226.139.424.066) | 42.630.723.244 |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu năm | 433.971.607.316 | 656.279.062.859 | 427.351.751.020 |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 1.063.733.603 | (2.787.887.773) | (62.959.164) |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61) | 656.279.062.859 | 427.351.751.020 | 469.919.515.100 |

TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tiền từ hoạt động kinh doanh được xác định bằng tổng lợi nhuận kế toán trước thuế điều chỉnh cho các hạng mục: khấu hao và hao mòn tài sản cố định, các khoản dự phòng, chi phí lãi vay, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện, lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư tài chính, thanh lý tài sản cố định (được gọi là các khoản mục không phải bằng tiền và không thuộc hoạt động kinh doanh). Ngoài ra, tiền từ hoạt động kinh doanh chịu tác động bởi sự thay đổi của các khoản phải thu, phải trả, hàng tồn kho, chi phí trả trước, tiền lãi vay và chi phí phát sinh.

Năm 2019 so với năm 2018: Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh tăng 564,34 tỷ đồng do lợi nhuận trước thuế sau khi trừ các khoản mục không phải bằng tiền và không thuộc hoạt động kinh doanh tăng 392,98 tỷ đồng (trong đó tổng lợi nhuận kế toán trước thuế tăng 334,15 tỷ đồng) và sự thay đổi của vốn lưu động tăng 171,36 tỷ đồng.

Trong năm 2019 lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh là 885,38 tỷ đồng bao gồm tổng lợi nhuận kế toán trước thuế là 1652,66 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế này sau khi trừ các khoản mục không phải bằng tiền và không thuộc hoạt động kinh doanh 161,76 tỷ đồng, sau đó được tiếp tục điều chỉnh với sự thay đổi của các khoản mục với tổng giá trị là -929,05 tỷ đồng.

Sự thay đổi của các khoản mục cụ thể như sau:



TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư năm 2019 là -97,8 tỷ đồng, cụ thể như sau:

- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác là: -50,65 tỷ đồng, trong đó: -17,53 tỷ đồng đầu tư hệ thống mài, -7,68 tỷ đồng đầu tư máy nén khí, -7,36 tỷ đồng đầu tư hệ thống nạp liệu, nghiền bột, nghiền hạt.
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là: -49,27 tỷ đồng, là khoản góp vốn vào CT TNHH MTV Đầu tư và Chế biến Khoáng sản Phenikaa Huế trừ đi tiền thu về.
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia là: 2,12 tỷ đồng là lãi tiền gửi ngân hàng.

TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính năm 2019 là -744,95 tỷ đồng, cụ thể như sau:

- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu là: 0,25 tỷ đồng
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được trong năm là 2.092,51 tỷ đồng, toàn bộ số tiền vay nhận được đều là các khoản vay vốn lưu động ngắn hạn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh có thời hạn dưới 9 tháng của Công ty
- Tiền chi trả nợ gốc vay trong năm là 2.124,20 tỷ đồng
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu trong năm là 713,51 tỷ đồng. Đây chủ yếu là khoản cổ tức được chia từ lợi nhuận sau thuế cho cổ đông theo Nghị quyết số 09/2019 NQ/VCS-HĐQT ngày 24/05/2019 và Nghị quyết số 13/09 NQ/VCS-HĐQT ngày 09/08/2019 của HĐQT Công ty.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 2019 (Tiếp)

IV Kế hoạch và nhiệm vụ trọng tâm

1. Một số chỉ tiêu kế hoạch chính năm 2020

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị | Năm 2019 | Kế hoạch năm 2020 | Tăng trưởng (%) |
|-----|--|---------|----------|-------------------|-----------------|
| 1 | Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | Tỷ đồng | 5.563 | 6.654 | 19,61% |
| 2 | Tổng lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 1.653 | 1.980 | 19,79% |

2. Định hướng và kế hoạch năm 2020

- Thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 và đảm bảo cam kết với các bên liên quan;
- Thực hiện quá trình chuyển đổi số theo lộ trình chiến lược, triển khai toàn diện trên các lĩnh vực sản xuất kinh doanh và quản trị doanh nghiệp để chủ động thích ứng hiệu quả trước các biến động của kinh tế, thị trường và công nghệ;
- Về tài chính, nâng cao khả năng sinh lời và đảm bảo tăng trưởng doanh thu bền vững bằng việc tiếp tục duy trì và phát triển các thị trường hiện có, đồng thời triển khai nghiên cứu thị trường, tiếp cận và khai thác các thị trường tiềm năng;
- Đối với khách hàng, nâng cao lợi thế cạnh tranh khác biệt bằng chiến lược giá phù hợp với phân khúc khách hàng mục tiêu và đặc thù của từng thị trường; không ngừng sáng tạo phát triển sản phẩm mới, sản phẩm độc đáo - khác biệt; liên tục cải tiến, đổi mới để nâng cao chất lượng dịch vụ và các giá trị gia tăng, nhằm nâng cao mức độ hài lòng, tin tưởng và gắn bó của khách hàng đối với Vicostone, hướng tới mục tiêu trở thành Top 3 thương hiệu hàng đầu tại thị trường trọng điểm và số 1 tại Việt Nam;
- Trong công tác quản trị, nâng cao hiệu quả sản xuất thông qua việc quản trị nguồn nguyên vật liệu, tiếp tục triển khai chiến lược nội địa hóa nguồn nguyên liệu nhằm nâng khả năng tự chủ trên 95% nguồn nguyên liệu đầu vào; cải tiến các quy trình công nghệ sản xuất để tiếp tục nâng cao năng suất và chất



Giới thiệu Sản phẩm Vicostone với khách hàng tại Showroom

lượng sản phẩm đầu ra; đảm bảo toàn bộ quá trình vận hành sản xuất kinh doanh tuân thủ nghiêm túc các quy chuẩn, quy định về môi trường tại Việt Nam và tại các thị trường xuất khẩu sản phẩm VICOSTONE®.

- Phát triển nguồn nhân lực bền vững và xây dựng môi trường làm việc hạnh phúc cho người lao động; thực hiện quy hoạch và phát triển năng lực cho đội ngũ lãnh đạo kế cận; tăng cường đào tạo, chủ động trang bị cho người lao động kiến thức, kỹ năng cần thiết nhằm đáp ứng hiệu quả quá trình chuyển đổi số và xu thế nâng cao tỉ trọng công nghệ trong sản xuất công nghiệp; nâng cao năng lực về nghiên cứu phát triển, ứng dụng khoa học và nghiên cứu thị trường để phát huy lợi thế cạnh tranh nhằm khai thác hiệu quả các thị trường trọng yếu và thị trường tiềm năng; khuyến khích văn hóa phản biện để mỗi cá nhân không ngừng đổi mới sáng tạo tiếp tục đóng góp cho sự phát triển bền vững của Vicostone.



03

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 108 Định hướng chiến lược đến 2025 và Tầm nhìn 2030
- 110 Báo cáo của Hội đồng quản trị
- 124 Báo cáo kiểm toán nội bộ
- 130 Quan hệ cổ đông

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC ĐẾN 2025 VÀ TẦM NHÌN 2030



Dựa trên những kết quả đạt được trong năm 2019 – năm đầu tiên thực hiện kế hoạch 5 năm 2019 - 2023, Vicostone thường xuyên xem xét, nhìn nhận và bám sát diễn biến trên thị trường Thế giới. Các chiến lược về nguyên vật liệu, công nghệ, công tác Tái cơ cấu doanh nghiệp, Phát triển thị trường, về Quản trị nhân sự, Quản trị tài chính, Hệ thống Quản trị công ty... sẽ tiếp tục được hoàn thiện, nâng cao và sửa đổi phù hợp với tình hình thực tế công ty và thực tế để điều chỉnh các mục tiêu đề ra.

1 VỀ CÔNG NGHỆ

- Chuyển đổi số trong tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, ứng dụng của bộ phận R&D Công ty nói riêng và Tập đoàn nói chung, phối hợp với các Viện nghiên cứu của Tập đoàn để chuyển giao các sản phẩm nghiên cứu giải quyết các vấn đề thực tế trong sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Tiếp tục nghiên cứu, triển khai công nghệ sản xuất thông minh nhằm áp dụng AI, tiến hành Robot hóa những khu vực sản xuất trọng yếu, tối ưu hiệu quả sản xuất, tạo sự khác biệt về sản phẩm và chi phí để nâng cao sức cạnh tranh.

2 VỀ NGUỒN NHÂN LỰC

- Với yêu cầu nguồn lực lãnh đạo, quản lý hiện có và kế cận cần trang bị tư duy và kỹ năng lãnh đạo phù hợp với xu thế của công nghệ nhằm phục vụ tầm nhìn dài hạn, công tác đào tạo nguồn nhân lực được quan tâm và chú trọng, trong đó bao gồm việc triển khai các khóa học về:
 - » Các khóa đào tạo dưới các hình thức ngắn hạn và dài hạn về Quản trị kinh doanh (MBA), Năng lực lãnh đạo (Leadership)... dành cho lãnh đạo, quản lý và các khóa học đào tạo chuyên môn trong các lĩnh vực: Công nghệ số, sản xuất thông minh, AI, IoT...
 - » Về lĩnh vực chuyên môn, tổ chức đào tạo chuyên sâu cho lực lượng cán bộ hiện có đối với ngành Công nghệ như: Kỹ thuật số, sản xuất thông minh, AI, IoT, vật liệu mới...
- Nâng cao mức độ hạnh phúc của người lao động nhằm tăng hiệu quả công việc, mức độ gắn kết của người lao động.

3 VỀ HỆ THỐNG

- Chuyển đổi hệ thống theo hướng chuyển đổi số toàn diện, hoàn thiện hệ thống quản trị thông minh, tối ưu nguồn lực một cách bền vững, làm giàu cơ sở dữ liệu (big data);
- Đầu tư xây dựng hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, tạo ra phương tiện làm việc nhanh chóng, hiệu quả, giúp CBCNV phát huy tối đa năng lực cá nhân;
- Tiếp tục hoàn thiện Hệ thống quản trị rủi ro, đồng thời thực hiện quản trị các rủi ro trọng yếu đã được Công ty xác định.

4 THỊ TRƯỜNG

- Tiếp tục phát triển thị trường quốc tế vì đây là thị trường tiêu thụ chủ yếu, chủ động quản trị rủi ro trong đó có các rủi ro trọng yếu tại các thị trường này, và rủi ro do việc tập trung vào thị trường lớn;
- Thị trường Việt Nam là một trong những thị trường tiềm năng, với mục tiêu trong giai đoạn này đưa tỷ lệ doanh thu tăng 40%/Tổng doanh thu, để hạn chế rủi ro từ các thị trường lớn.

5 TÀI CHÍNH

- Tiếp tục duy trì các chỉ số tài chính ở mức cao như hiện nay, chỉ số tỉ lệ Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản không thấp hơn 80% vào năm 2023;
- Cắt giảm và kiểm soát chi phí để nâng cao khả năng cạnh tranh trên cơ sở giá thành hợp lý với chất lượng và đẳng cấp sản phẩm.

6 TÁI CƠ CẤU

- Đẩy mạnh chiến lược tái cấu trúc trở thành đơn vị duy nhất trong Tập đoàn chuyên kinh doanh sản xuất đá tấm, nguyên vật liệu đầu vào. Từ đó, Công ty tiếp tục mở rộng và đầu tư để nâng cao năng suất, dự kiến từ năm 2021 đến 2024, hoàn thành đầu tư thêm ít nhất 02 dây chuyền sản xuất đá thạch anh, nâng năng suất lên 5 triệu m²/năm.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị

1. Danh sách thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2019 – 2023 và số cổ phiếu nắm giữ tại Vicostone

| STT | Thành viên HĐQT | Chức danh | Thời gian được bổ nhiệm/bầu/miễn nhiệm | Số cổ phiếu nắm giữ tại Vicostone | Tỷ lệ sở hữu/Số lượng CP đang lưu hành (%) |
|-----|--------------------------|-------------------------------|--|-----------------------------------|--|
| 1 | Ông Hồ Xuân Năng | Chủ tịch HĐQT không điều hành | Được bầu vào HĐQT 12/04/2019 | 5.804.231 | 3,63% |
| 2 | Ông Phạm Anh Tuấn | Ủy viên HĐQT Tổng Giám đốc | Được bầu vào HĐQT 12/04/2019 | 19.317 | 0,01% |
| 3 | Bà Nghiêm Thị Ngọc Diệp | Ủy viên HĐQT độc lập | Được bầu vào HĐQT 12/04/2019 | - | - |
| 4 | Bà Nguyễn Diệu Thúy Ngọc | Ủy viên HĐQT không điều hành | Được bầu vào HĐQT 12/04/2019 | - | - |
| 5 | Bà Trần Lan Phương | Ủy viên HĐQT | Được bầu vào HĐQT 12/04/2019 | 18 | - |

Tính đến ngày 31/12/2019, HĐQT Công ty có: 01 thành viên độc lập và có 04 thành viên HĐQT không tham gia điều hành, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về tỷ lệ thành viên độc lập trong công ty niêm yết.

(Thông tin chi tiết về các thành viên HĐQT được trình bày tại phần Cơ cấu tổ chức, nhân sự)

2. Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Toàn bộ thành viên HĐQT của Công ty đã tham gia chương trình đào tạo về quản trị công ty.



Hoạt động của HĐQT năm 2019

1. Tổng quan về hoạt động của HĐQT năm 2019

Để đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty, tiếp tục duy trì vị thế là doanh nghiệp niêm yết tiêu biểu trên thị trường chứng khoán Việt Nam, trong năm 2019, Hội đồng Quản trị đã từng bước nâng cao chất lượng và tính minh bạch trong công tác quản trị doanh nghiệp. HĐQT phát huy hiệu quả vai trò chỉ đạo xây dựng các mục tiêu, chiến lược và kế hoạch kinh doanh năm 2019 và định hướng chiến lược giai đoạn 2019 - 2023 với định hướng trọng tâm “**Chủ động thích ứng để phát triển bền vững**”, đẩy mạnh các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành doanh nghiệp, đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học và tăng cường việc ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, hướng tới thực hiện chiến lược tăng trưởng và phát triển bền vững.

Hội đồng Quản trị đã thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức hoạt động của Hội đồng Quản trị. Căn cứ vào trình độ chuyên môn của từng cá nhân, Hội đồng Quản trị đã phân công phụ trách các mảng hoạt động khác nhau trong toàn bộ hoạt động của Công ty, chịu trách nhiệm giám sát, chỉ đạo, đôn đốc Ban Tổng Giám đốc và các đơn vị trong Công ty thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2019

Ngày 12/04/2019, Công ty đã tổ chức thành công cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019, thông qua Nghị quyết số 01/2019 VCS/NQ-ĐHĐCĐ với các nội dung, cụ thể:

- Phê chuẩn Báo cáo của Hội đồng Quản trị về tình hình hoạt động năm 2018 và hoạt động của Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2014 - 2019;
- Phê chuẩn Báo cáo của Ban kiểm soát về việc thẩm định hoạt động SXKD của Công ty năm 2018 và hoạt động của Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2014 - 2019;
- Phê chuẩn kết quả SXKD năm 2018 và kế hoạch SXKD năm 2019;
- Phê chuẩn Báo cáo thường niên năm 2018;
- Phê chuẩn Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018, lựa chọn đơn vị thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019;
- Phê chuẩn phương án Lựa chọn mô hình quản trị Công ty và sửa đổi Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty;
- Bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2019 – 2023;
- Phê chuẩn Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018, Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả thù lao cho HĐQT năm 2019;
- Phê chuẩn việc ủy quyền cho HĐQT phê duyệt các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ, các giao dịch, hợp đồng ký giữa CTCP Vicostone và các bên có liên quan;
- Phê chuẩn chủ trương nhận chuyển nhượng vốn góp của CTCP Tập đoàn Phụng Hoàng Xanh A&A tại Công ty TNHH MTV đầu tư và chế biến khoáng sản Phenikaa Huế;
- Phê chuẩn Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động.

Xin ý kiến cổ đông bằng văn bản

Bên cạnh hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, ngày 23/07/2019, Hội đồng Quản trị đã thông qua phương thức xin ý kiến bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Ngày 05/09/2019, ĐHĐCĐ bất thường năm 2019 của CTCP Vicostone đã thông qua phương án chia cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu từ nguồn cổ phiếu quỹ dựa trên kết quả xin ý kiến cổ đông bằng văn bản. Theo đó, toàn bộ số lượng cổ phiếu quỹ của Công ty là 3,2 triệu cổ phiếu đã được thưởng cho cổ đông hiện hữu của Công ty, nguồn vốn thực hiện là thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

2. Nội dung các cuộc họp của HĐQT

Trong năm 2019, HĐQT đã tổ chức 24 cuộc họp để thông qua các nội dung quan trọng của Công ty. Đối với các cuộc họp có tính chất đặc biệt quan trọng và cần có sự trao đổi của Ban TGD, HĐQT đều mời Ban TGD tham dự họp và cho ý kiến.

Các cuộc họp của HĐQT được tổ chức thực hiện theo đúng quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Các thành viên HĐQT Công ty đã nghiêm túc tham dự trực tiếp các cuộc họp của HĐQT và biểu quyết theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT.

Tỷ lệ tham dự họp của các thành viên HĐQT (nhiệm kỳ 2014 - 2019 và 2019 - 2023) trong năm 2019 cụ thể như sau:

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp)

| STT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không dự họp |
|-----|--------------------------|--------------|--------------------------|-------------------|---|
| 1 | Ông Hồ Xuân Năng | Chủ tịch | 24 | 100% | |
| 2 | Ông Nguyễn Quốc Trưởng | Ủy viên HĐQT | 7 | 100% | Không còn là UV HĐQT từ ngày 12/04/2019 |
| 3 | Ông Phạm Anh Tuấn | Ủy viên HĐQT | 24 | 100% | |
| 4 | Bà Nghiêm Thị Ngọc Diệp | Ủy viên HĐQT | 24 | 100% | |
| 5 | Bà Nguyễn Diệu Thúy Ngọc | Ủy viên HĐQT | 24 | 100% | |
| 6 | Bà Trần Lan Phương | Ủy viên HĐQT | 17 | 100% | Là UV HĐQT từ ngày 12/04/2019 |

Các cuộc họp HĐQT đã tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm liên quan đến chỉ đạo tổ chức Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019; xây dựng và triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2019 và chiến lược kinh doanh giai đoạn 2019 – 2023 theo phê duyệt của ĐHĐCĐ; chỉ đạo sát sao việc thực hiện kế hoạch kinh doanh, triển khai các nhiệm vụ trọng tâm, thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2019... Các Nghị quyết được HĐQT thống nhất đưa ra tại các cuộc họp là những định hướng quan trọng giúp Ban Tổng giám đốc tổ chức thực hiện nhiệm vụ kinh doanh của Công ty hiệu quả và bền vững.

2.1 Các Nghị quyết HĐQT đã ban hành trong năm 2019

Trong năm 2019, HĐQT đã thông qua những nội dung quan trọng sau:

| STT | Số Nghị quyết | Ngày tháng | Nội dung |
|-----|---------------------|------------|---|
| 1 | 01/2019 NQ/VCS-HĐQT | 09/01/2019 | Thông qua các giao dịch năm 2019 về việc mua bán hàng hóa/dịch vụ giữa Công ty và các công ty có liên quan |
| 2 | 02/2019 NQ/VCS-HĐQT | 30/01/2019 | Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 |
| 3 | 03/2019 NQ/VCS-HĐQT | 30/01/2019 | Thưởng ban quản lý điều hành |
| 4 | 04/2019 NQ/VCS-HĐQT | 20/02/2019 | Triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 |
| 5 | 05/2019 NQ/VCS-HĐQT | 28/03/2019 | Thông qua thời gian họp và hồ sơ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 |
| 6 | 06/2019 NQ/VCS-HĐQT | 01/04/2019 | Đề cử bổ sung ứng viên vào Hội đồng Quản trị CTCP Vicostone, nhiệm kỳ 2019 - 2024 |
| 7 | 07/2019 NQ/VCS-HĐQT | 12/04/2019 | Bầu chủ tịch HĐQT CTCP Vicostone nhiệm kỳ 2019 - 2024 |
| 8 | 08/2019 NQ/VCS-HĐQT | 22/05/2019 | Thông qua chủ trương nhận chuyển nhượng vốn góp tại Công ty TNHH MTV Đầu tư và Chế biến Khoáng sản Phenikaa Huế |

| STT | Số Nghị quyết | Ngày tháng | Nội dung |
|-----|----------------------|------------|---|
| 9 | 08a/2019 NQ/VCS-HĐQT | 24/05/2019 | Thông qua việc cử người đại diện phần vốn góp và sửa đổi Điều lệ Phenikaa Huế |
| 10 | 09/2019 NQ/VCS-HĐQT | 24/05/2019 | Thông qua Phương án tạm ứng cổ tức bằng tiền lần 01 năm 2019 |
| 11 | 10/2019 NQ/VCS-HĐQT | 03/07/2019 | Lựa chọn đơn vị thực hiện việc soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty |
| 12 | 11/2019 NQ/VCS-HĐQT | 23/07/2019 | Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản |
| 13 | 12/2019 NQ/VCS-HĐQT | 01/08/2019 | Thông qua việc miễn nhiệm, bổ nhiệm thành viên Hội đồng thành viên, cử người đại diện phần vốn góp tại Phenikaa Huế |
| 14 | 13/2019 NQ/VCS-HĐQT | 09/08/2019 | Thông qua mức và thời gian tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt lần 02 năm 2019 |
| 15 | 14/2019 NQ/VCS-HĐQT | 15/08/2019 | Đính chính nội dung tại Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 2205/2019/BB/VCS-HĐQT ngày 22/05/2019 |
| 16 | 15/2019 NQ/VCS-HĐQT | 04/09/2019 | Ban hành Quy chế kiểm phiếu, thông qua kế hoạch kiểm phiếu và nhân sự Ban kiểm phiếu, Ban giám sát kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản |
| 17 | 16/2019 NQ/VCS-HĐQT | 10/09/2019 | Thông qua phương án về nguồn vốn, phương án làm tròn, xử lý cổ phiếu lẻ đối với đợt chia cổ phiếu thưởng cho cổ đông từ nguồn cổ phiếu quỹ |
| 18 | 17/2019 NQ/VCS-HĐQT | 17/09/2019 | Thông qua việc điều chỉnh phương án chia cổ phiếu thưởng cho cổ đông từ nguồn cổ phiếu quỹ |
| 19 | 18/2019 NQ/VCS-HĐQT | 20/09/2019 | Quyết định thời gian và địa điểm chia cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu từ nguồn cổ phiếu quỹ |
| 20 | 19/2019 NQ/VCS-HĐQT | 09/10/2019 | Thông qua thời gian phân phối, phương án xử lý và giá bán cổ phiếu lẻ phát sinh từ đợt chia cổ phiếu thưởng cho cổ đông từ nguồn cổ phiếu quỹ |
| 21 | 20/2019 NQ/VCS-HĐQT | 17/10/2019 | Điều chỉnh thời gian phân phối cổ phiếu thưởng cho cổ đông từ nguồn cổ phiếu quỹ |
| 22 | 21/2019 NQ/VCS-HĐQT | 16/12/2019 | Bổ nhiệm Tổng Giám đốc |
| 23 | 22/2019 NQ/VCS-HĐQT | 31/12/2019 | Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 |

2.2 Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập, không điều hành

Tính đến ngày 31/12/2019, HĐQT Công ty có: 01 thành viên độc lập là Bà Nghiêm Thị Ngọc Diệp, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về tỷ lệ thành viên độc lập đối với công ty niêm yết; và có 04 thành viên HĐQT không tham gia điều hành: Ông Hồ Xuân Năng, bà Nguyễn Diệu Thúy Ngọc, bà Nghiêm Thị Ngọc Diệp và bà Trần Lan Phương.

Thành viên HĐQT của Vicostone đều là những người có kinh nghiệm, đã từng tham gia hoạt động trong nhiều lĩnh vực như: quản trị tài chính, thương mại quốc tế, quản trị kinh doanh, quản trị nhân sự, công nghệ sản xuất, pháp chế.... Từng thành viên HĐQT luôn đề cao tinh thần trách nhiệm trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ của HĐQT, đặt lợi ích của người lao động và cổ đông Công ty lên hàng đầu, thực hiện hiệu quả và chặt chẽ trong công tác giám sát hoạt động của toàn Công ty.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp)

Ông Hồ Xuân Năng - Chủ tịch HĐQT

Ông Hồ Xuân Năng là người đã xây dựng và hoạch định chiến lược phát triển cho Vicostone từ thời kỳ đầu cho đến nay trở thành một trong những thương hiệu đá thạch anh hàng đầu trên thế giới. Hiện nay tuy không trực tiếp tham gia vào công tác điều hành, nhưng với kiến thức sâu rộng và bề dày kinh nghiệm gắn bó với Công ty, ông Hồ Xuân Năng vẫn tiếp tục hỗ trợ Ban TGD và thể hệ CBQL kế cận trong công tác điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chủ động nắm bắt tình hình thị trường trong nước và trên thế giới để đưa ra những chỉ đạo đúng đắn và kịp thời.

Bà Nguyễn Diệu Thúy Ngọc - Thành viên HĐQT không điều hành

Bà Nguyễn Diệu Thúy Ngọc đã có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, kế toán, đảm nhiệm vị trí Kế toán trưởng tại nhiều công ty. Đối với công tác của HĐQT, bà Ngọc giữ vai trò quan trọng trong công tác kiểm toán nội bộ và giám sát hoạt động tài chính – kế toán, giám sát việc lập và kiểm toán BCTC của Công ty đảm bảo chính xác, minh bạch và kịp thời.

Bà Nghiêm Thị Ngọc Diệp - Thành viên HĐQT độc lập

Bà Nghiêm Thị Ngọc Diệp đã có rất nhiều đóng góp trong việc giám sát các hoạt động đảm bảo tuân thủ theo pháp luật và điều lệ Công ty.

Bà Trần Lan Phương – Thành viên HĐQT không điều hành

Bà Trần Lan Phương có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị nhân sự. Bà đã có nhiều đóng góp trong việc xây dựng chiến lược nguồn nhân lực và chiến lược đào tạo cho Công ty để đảm bảo cho việc cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu mở rộng, phát triển của Công ty;



Hoạt động của các tiểu ban trực thuộc HĐQT

Tiểu ban Tổng hợp

Trong năm 2019, Tiểu ban Tổng hợp đã thực hiện một số công việc quan trọng sau:

- Theo dõi, phân tích các biến động về thị trường và tổng hợp các thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, kịp thời báo cáo Ban Lãnh đạo;
- Phối hợp với các phòng, ban trong Công ty thực hiện tư vấn về mặt pháp lý liên quan đến luật doanh nghiệp, luật chứng khoán cho Ban Lãnh đạo, công bố thông tin, trả lời các thắc mắc của cổ đông Công ty;
- Tổ chức các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc;
- Thực hiện các công việc phát sinh khác.

Ban Kiểm toán

Trong năm 2019, Ban Kiểm toán đã thực hiện một số công việc quan trọng sau:

- Xây dựng quy trình nghiệp vụ kiểm toán nội bộ của Công ty;
- Thực hiện các hoạt động, chính sách, quy trình, thủ tục kiểm toán nội bộ đã được phê duyệt, đảm bảo chất lượng và hiệu quả;
- Kiểm toán đột xuất và tư vấn theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị Công ty;
- Kiến nghị các biện pháp sửa chữa, khắc phục sai sót; đề xuất biện pháp nhằm hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hệ thống toán nội bộ;
- Lập các báo cáo kiểm toán nội bộ, thông báo và gửi kịp thời kết quả kiểm toán nội bộ theo quy định;
- Phát triển, chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện phương pháp kiểm toán nội bộ và phạm vi hoạt động của kiểm toán tại Công ty;
- Duy trì việc trao đổi thường xuyên với tổ chức kiểm toán độc lập của Công ty nhằm đảm bảo hợp tác có hiệu quả;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng Quản trị Công ty giao hoặc theo quy định của pháp luật.



Kết quả giám sát của HĐQT đối với Ban TGD

1. Phương pháp giám sát

- HĐQT Công ty thực hiện giám sát định kỳ và thường xuyên đối với Ban TGD thông qua các báo cáo tại các cuộc họp định kỳ và đột xuất, thông qua thư điện tử và điện thoại trao đổi về tình hình triển khai thực hiện các chiến lược, mục tiêu, nội dung và kế hoạch SXKD đã được ĐHĐCĐ phê duyệt và việc triển khai các Nghị quyết của HĐQT. Mặt khác, Ban TGD cũng thường xuyên trao đổi, chủ động báo cáo HĐQT về tiến độ thực hiện các công việc theo kế hoạch và những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện để kịp thời trao đổi và xin ý kiến HĐQT để có được phương án giải quyết tối ưu nhất;
- Ban Kiểm toán phối hợp với các đơn vị phòng, ban chức năng thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện các hoạt động liên quan đến công tác quản trị rủi ro, kiểm toán nội bộ, kiểm soát báo cáo tài chính trong Công ty;
- Ban kiểm toán là cầu nối thông tin giữa HĐQT và Ban TGD để kịp thời cập nhật tình hình SXKD, các khó khăn, vướng mắc, sự thay đổi của thị trường quốc tế... để HĐQT và Ban TGD có thể trao đổi và đưa ra giải pháp ứng phó kịp thời.

2. Các nội dung giám sát

- Giám sát việc lập kế hoạch SXKD năm 2019 và thực hiện các chỉ tiêu lợi nhuận 2019 theo kế hoạch đã được ĐHĐCĐ phê duyệt;
- Rà soát và nâng cao hoạt động quản trị doanh nghiệp, kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro;
- Giám sát việc lập báo cáo tài chính riêng và hợp nhất cho các quý và năm tài chính 2019 theo đúng trình tự, tiến độ và quy định;
- Giám sát việc chi trả cổ tức và chia cổ phiếu thưởng cho cổ đông từ nguồn cổ phiếu quỹ.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp)



Kết quả của hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban TGD thể hiện cụ thể ở những điểm sau

1. Hoạt động sản xuất kinh doanh

- Chỉ đạo việc tận dụng lợi thế cạnh tranh từ thị trường do chiến tranh thương mại Mỹ - Trung để đẩy mạnh công tác bán hàng tại thị trường Mỹ;
- Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc và các đơn vị trong Công ty thực hiện các dự án trọng điểm của Công ty đã được lập kế hoạch như: dự án IMC năm 2019 nhằm tăng mức độ nhận biết đối với sản phẩm Vicostone tại thị trường nội địa, các dự án cải tiến thiết bị, đầu tư dây chuyền sản xuất;
- Chỉ đạo thực hiện thành công việc nhận chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và chế biến khoáng sản Phenikaa Huế;
- Chỉ đạo xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 và các chiến lược chức năng.

2. Công tác quan hệ cổ đông

- Chỉ đạo tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên diễn ra vào ngày 12/04/2019;
- Chỉ đạo thực hiện thành công việc chia 3,2 triệu cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu từ nguồn cổ phiếu quỹ;
- Chỉ đạo Ban quan hệ cổ đông soạn thảo, phát hành Báo cáo thường niên và Báo cáo phát triển bền vững của Công ty năm 2018. Báo cáo thường niên của Công ty đã lọt vào TOP 3 doanh nghiệp vốn hóa lớn có báo cáo thường niên tốt nhất.

a. Công tác hoạch định nguồn nhân sự

- Tiếp tục chỉ đạo việc xây dựng chiến lược nguồn nhân lực và chiến lược đào tạo giai đoạn 2020 - 2024 để đảm bảo cho việc cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu mở rộng, phát triển của Công ty;
- Bổ nhiệm ông Phạm Anh Tuấn tiếp tục giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty, nhiệm kỳ 03 năm kể từ ngày 16 tháng 12 năm 2019;
- Chỉ đạo kiện toàn cơ cấu tổ chức và nhân sự Ban kiểm toán.

b. Công tác quản trị doanh nghiệp

- Chỉ đạo thay đổi mô hình công ty theo mô hình tại điểm b khoản 1 Điều 134 Luật doanh nghiệp 2014, theo đó Công ty giải thể Ban Kiểm soát, xây dựng cơ cấu tổ chức quản lý tại Công ty theo mô hình: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Ban Kiểm toán (trực thuộc HĐQT);
- Chỉ đạo sát sao trong việc đổi mới phương pháp làm việc hiệu quả, nghiên cứu phát triển công nghệ mới, sản phẩm mới, tự động hóa các quy trình sản xuất;
- Chỉ đạo xây dựng, triển khai các kế hoạch ứng phó với tình hình thị trường trong và ngoài nước, kế hoạch hành động đối với những dấu hiệu cạnh tranh không lành mạnh.

3. Kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ 2019

Thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Kế hoạch năm 2019 | Thực hiện năm 2019 | TH/KH năm 2019 (%) | Tăng trưởng 2019 so với năm 2018 (%) |
|-----|---------------------------|-------------|-------------------|--------------------|--------------------|--------------------------------------|
| 1 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 5.309,89 | 5.590,55 | 105,29% | 22,48% |
| 2 | Tổng lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 1.564,63 | 1.652,66 | 105,63% | 25,34% |

Lựa chọn đơn vị thực hiện việc kiểm toán tài chính năm 2019

Được sự ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT Công ty đã thống nhất lựa chọn và ký hợp đồng với Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (là một trong "Big Four" - bốn công ty kiểm toán lớn và có uy tín hàng đầu trên thế giới) để thực hiện công tác soát xét BCTC bán niên và kiểm toán BCTC năm 2019.

Sau nhiều năm thực hiện kiểm toán BCTC cho Vicostone, Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, bên cạnh việc luôn đảm bảo tiến độ, chất lượng kiểm toán theo quy định của hợp đồng, chi phí cho dịch vụ kiểm toán ở mức độ phù hợp, đội ngũ kiểm toán viên của E&Y còn có những ý kiến đóng góp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài chính của Công ty đảm bảo tuân thủ đúng chế độ chính sách của Nhà nước.

BCTC của Vicostone luôn đảm bảo số liệu chính xác, minh bạch, độ tin cậy, đảm bảo tuân thủ theo các quy định về lập BCTC, phản ánh trung thực về tình hình tài chính của Công ty và là nguồn thông tin hữu ích đối với các nhà đầu tư.

Phân phối lợi nhuận năm 2018

Trong năm 2018, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận vào các quỹ theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên ngày 12/04/2019, cụ thể:

| STT | Chỉ tiêu | Thực hiện | Tỷ lệ % | Ghi chú |
|-----|---|-------------------|---------|---|
| I | Lợi nhuận năm trước chuyển sang | 1.214.762.656.158 | | |
| II | Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2019 | 1.641.750.519.470 | | |
| III | Thuế thu nhập doanh nghiệp | 242.548.054.943 | | |
| 1 | Thuế TNDN hiện hành | 242.548.054.943 | | |
| 2 | Thuế TNDN hoãn lại | - | | |
| IV | Lợi nhuận sau thuế TNDN | 1.399.202.464.527 | | |
| 1 | Trả cổ tức bằng tiền năm 2019 lần 1 | 313.600.000.000 | 20,00% | Trích %/mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành |
| 2 | Trả cổ tức bằng tiền năm 2019 lần 2 | 313.600.000.000 | 20,00% | Trích %/mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành |
| 3 | Trả cổ tức bằng tiền năm 2019 lần 3 | 320.000.000.000 | 20,00% | Trích %/mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành |
| 4 | Phân phối cổ phiếu thưởng cho cổ đông từ nguồn cổ phiếu quỹ | 240.247.311.882 | | 3.197.553 Cổ phiếu quỹ |
| 5 | Trích Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty | 27.984.049.291 | 2,00% | Trích %/Lợi nhuận sau thuế |
| 6 | Trích Quỹ khen thưởng và phúc lợi | 83.952.147.872 | 6,00% | Trích %/Lợi nhuận sau thuế |
| V | Lợi nhuận đã phân phối | 1.299.383.509.045 | | |
| VI | Lợi nhuận còn lại chưa phân phối | 1.314.581.611.640 | | |

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp)

Trong năm 2019, HĐQT đã thông qua các đợt chi trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ như sau:



Tháng 06/2019: Tạm ứng cổ tức bằng tiền lần 1 năm 2019 - tỷ lệ 20%



Tháng 08/2019: Tạm ứng cổ tức bằng tiền lần 2 năm 2019 - tỷ lệ 20%



Tháng 03/2020: Tạm ứng cổ tức bằng tiền lần 3 năm 2019 - tỷ lệ 20%

Lựa chọn mô hình quản trị Công ty, Sửa đổi Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ

ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 đã thông qua phương án giải thể Ban Kiểm soát và đề xuất cơ cấu tổ chức quản lý tại Công ty: ĐHĐCĐ; HĐQT; TGD; Ban Kiểm toán (trực thuộc HĐQT).

Ngày 28/06/2019, HĐQT đã thông qua phương án Thay đổi cơ cấu tổ chức, kiện toàn nhân sự Ban kiểm toán và sửa đổi bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty.

Ngoài ra, HĐQT đã chỉ đạo các đơn vị chức năng thực hiện sửa đổi Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ CTCP Vicostone sau khi thay đổi mô hình quản trị Công ty.

Ủy quyền cho HĐQT chịu trách nhiệm xem xét phê duyệt các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ, các giao dịch, hợp đồng ký giữa Vicostone và các bên có liên quan

Ngày 09/01/2019, HĐQT đã thông qua các giao dịch năm 2019 về việc mua bán hàng hóa/dịch vụ giữa Công ty và các công ty có liên quan.

Nội dung cụ thể của hợp đồng nguyên tắc đã được công bố thông tin trên trang web của Công ty và hệ thống công bố thông tin điện tử của Sở GDCK Hà Nội và Ủy ban chứng khoán Nhà nước để đảm bảo tính hợp pháp và minh bạch.

Nhận chuyển nhượng vốn góp của CTCP Tập đoàn Phương Hoàng Xanh A&A tại Công ty TNHH MTV Đầu tư và Chế biến Khoáng sản Phenikaa Huế

Ngày 22/05/2019, HĐQT đã thông qua chủ trương nhận chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Công ty TNHH MTV Đầu tư và Chế biến Khoáng sản Phenikaa Huế. Đến nay việc nhận chuyển nhượng vốn góp đã hoàn tất.

Phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động

ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động, cán bộ, công nhân viên đáp ứng tiêu chuẩn do HĐQT phê duyệt.

Tuy nhiên, do trong năm 2019 Công ty đã tiến hành tái cơ cấu phòng ban và nhân sự trong Công ty, nên HĐQT quyết định chưa thực hiện việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, cán bộ, công nhân viên.

Nội dung này sẽ được báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 để điều chỉnh thời gian thực hiện.

Chi trả thù lao thành viên HĐQT năm 2019

Trong năm 2019, Công ty đã tiến hành việc chi trả thù lao cho thành viên HĐQT Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019. Tổng số tiền thù lao Công ty đã chi trả cho thành viên HĐQT trong năm 2019 là: 312.000.000 đồng, cụ thể:

| STT | Họ và tên | Chức danh | Số tháng | Số tiền (đồng) |
|------------------|--------------------------|--------------------|----------|--------------------|
| 1 | Ông Hồ Xuân Năng | Chủ tịch HĐQT | 12 | 72.000.000 |
| 2 | Ông Phạm Anh Tuấn | Ủy viên HĐQT - TGD | 12 | 60.000.000 |
| 3 | Ông Nguyễn Quốc Trường | Ủy viên HĐQT | 03 | 17.000.000 |
| 4 | Bà Nguyễn Diệu Thúy Ngọc | Ủy viên HĐQT | 12 | 60.000.000 |
| 5 | Bà Nghiêm Thị Ngọc Diệp | Ủy viên HĐQT | 12 | 60.000.000 |
| 6 | Bà Trần Lan Phương | Ủy viên HĐQT | 09 | 43.000.000 |
| TỔNG CỘNG | | | | 312.000.000 |

(Chi tiết thu nhập của HĐQT, Ban TGD tại phần Quản trị doanh nghiệp).

4. Đánh giá công tác điều hành hoạt động SXKD và thực hiện nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2019

Trong năm 2019, Công ty đã hoàn thành vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thông qua, cụ thể:

1.1 Kết quả SXKD hợp nhất

Tổng doanh thu hợp nhất năm 2019 của Tổ hợp Vicostone đạt 5.590,55 tỷ đồng, tăng 22,48% so với năm 2018; Lợi nhuận trước thuế năm 2019 đạt 1.652,66 tỷ đồng, tăng 25,34% so với năm 2018.

1.2. Kết quả SXKD Công ty mẹ

Vicostone hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 do Đại hội đồng cổ đông giao với tổng doanh thu đạt 5.537,76 tỷ đồng; lợi nhuận trước thuế đạt 1.641,75 tỷ đồng. Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân đạt 45,50%, đảm bảo tỷ lệ chi trả cổ tức đã cam kết với cổ đông.

1.3. Kết quả thực hiện nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2019

Bên cạnh những kết quả tích cực đã đạt được về các chỉ tiêu kinh doanh, với chiến lược “**khác biệt và sáng tạo công nghệ để phát triển bền vững**”, Vicostone đã quyết liệt thực hiện các giải pháp chiến lược công nghệ nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, khẳng định thương hiệu và chất lượng sản phẩm.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp)



Các nhiệm vụ trọng tâm năm 2019 và kết quả thực hiện

Năm 2019 là năm khởi đầu của kế hoạch 2019 – 2023. Mặc dù tình hình kinh tế - chính trị thế giới có nhiều biến động và bất ổn nhưng với sự dự báo chính xác và sự nhạy bén với tình hình thực tế. HĐQT đã có những chỉ đạo định hướng rất rõ nét và quyết liệt. Vì vậy kết quả đạt được năm 2019 rất đáng khích lệ.

Khác biệt và sáng tạo về công nghệ để phát triển bền vững, tập trung vào lĩnh vực SXKD cốt lõi trên cơ sở đảm bảo và không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, giữ vững uy tín thương hiệu

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học và áp dụng công nghệ cao, đưa các ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất nhằm chuẩn hóa và tự động hóa toàn bộ các khâu dây chuyền sản xuất đem lại năng suất cao và chất lượng vượt trội.

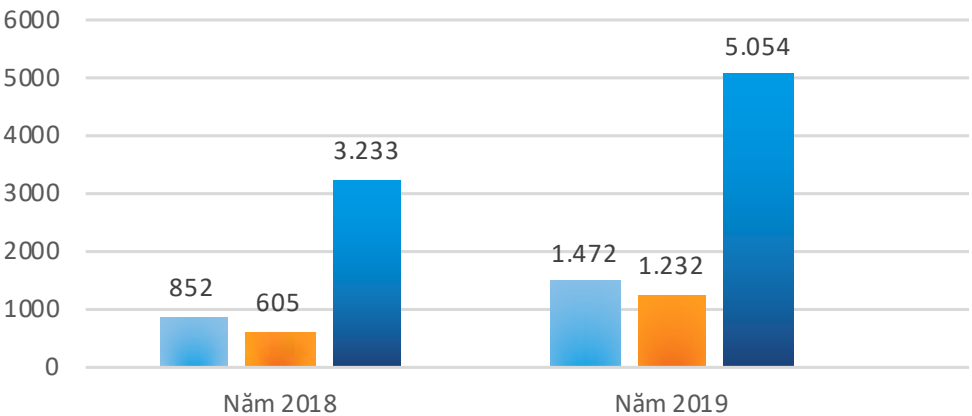
Kết quả thực hiện:

Đã tạo ra nhiều mẫu mã sản phẩm mới để tăng sức cạnh tranh trên thị trường, tạo nên uy tín thương hiệu. Đã chuyển giao một số nghiên cứu và sản xuất, làm hạ giá thành sản phẩm và bước đầu tạo cơ sở để tạo ra một số vật liệu nền có tính năng cao hơn loại đang dùng.

- Chương trình Kaizen “cải tiến liên tục” được duy trì, đẩy mạnh và được khuyến khích trở thành văn hóa góp phần cắt giảm tối đa sự lãng phí trong sản xuất, giảm thời gian lao động, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh. Việc đề xuất ý tưởng cải tiến giúp CBCNV tự học hỏi và luôn hướng tới việc không ngừng nâng cao hiệu quả công việc.

Kết quả thực hiện:

Phát huy đúng tinh thần của Kaizen - “Thay đổi để tốt hơn”, Vicostone khuyến khích và vận động CBCNV tích cực đóng góp ý tưởng cải tiến ngay từ những hành động nhỏ nhất. Bên cạnh các ý tưởng Kaizen về an toàn, sức khỏe, môi trường, chương trình đã đóng góp nhiều ý tưởng mang lại giá trị kinh tế cao. Kết quả ghi nhận việc thực hiện Kaizen của Vicostone liên tục tăng qua các năm.



- Giá trị hiệu quả thực hiện (Triệu VND)
- Số ý tưởng thực hiện hoàn thành
- Số ý tưởng được chấp nhận

Tình hình thực hiện kaizen Vicostone

Kết quả của chương trình Kaizen tại Vicostone bắt nguồn từ những thay đổi nhỏ nhưng tích lũy theo thời gian, từ đó góp phần tạo nên giá trị lớn cho Công ty. Những ý tưởng được áp dụng thành công trong năm 2019 đã góp phần tăng năng suất, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm tiêu hao nguyên vật liệu, tiết kiệm được chi phí đá mài, chi phí xử lý nước mài, chi phí xử lý rác thải... góp phần bảo vệ môi trường, hạn chế lãng phí tài nguyên thiên nhiên. Điều đặc biệt, chương trình tạo nên thói quen văn hóa: Cải tiến không ngừng trong mọi hoạt động của Công ty.

- Triển khai ứng dụng các giải pháp công nghệ vào quản trị Công ty: Marketing, Quản trị khách hàng, Quản trị thông tin thị trường, dịch vụ trước và sau bán hàng; Hệ thống sản xuất, tồn kho, nhân sự... Hiện đại hóa và tự động hóa trên nền tảng công nghệ thông tin cần được áp dụng cho nhiều công đoạn và xuyên suốt trong chuỗi giá trị sản xuất - kinh doanh nhằm tối ưu các hoạt động vận hành của doanh nghiệp.

Kết quả thực hiện:

Trong năm 2019, Công ty đã phát triển, nâng cấp, triển khai ứng dụng các giải pháp, phần mềm công nghệ thông tin phục vụ quản trị, điều hành, và kinh doanh, đáp ứng yêu cầu cạnh tranh trong xu hướng cách mạng công nghiệp 4.0. Bên cạnh đó, Công ty cũng đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án công nghệ thông tin trọng điểm, hoàn thiện nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu kinh doanh trong thời đại công nghệ số.

Một số ứng dụng giải pháp công nghệ thông tin tiêu biểu năm 2019



- Đảm bảo mức tăng trưởng doanh thu theo kế hoạch đặt ra bằng việc nâng cao chất lượng sản phẩm, năng suất lao động và kiểm soát chi phí. Việc cắt giảm và kiểm soát chi phí hợp lý giúp doanh nghiệp giảm giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Kết quả thực hiện:

Tổng doanh thu hợp nhất: 5.590,55 tỷ đồng, tăng trưởng 22,48% so với năm 2018
Tổng Lợi nhuận sau thuế hợp nhất: 1.410,12 tỷ đồng, tăng trưởng 25,51% so với năm 2018

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp)

- Đảm bảo tăng thu nhập hàng năm cho người lao động từ 5 - 7% thông qua các hoạt động: đẩy mạnh công tác đào tạo phát triển triển khai đánh giá năng lực để xét nâng lương định kỳ hàng năm. Các hoạt động Quản trị nhân sự được tập trung góp phần hoàn thành mục tiêu như: đẩy mạnh công tác đào tạo phát triển nhằm nâng cao năng lực cho người lao động, triển khai đánh giá năng lực để xét nâng lương định kỳ hàng năm.

Kết quả thực hiện:

Năm 2019, Công ty tiến hành xây dựng Khung năng lực mới cho từng vị trí, từng bộ phận nhằm đánh giá năng lực của CBCNV một cách chính xác, từ đó đảm bảo tiêu chí công bằng trong cách trả lương của Công ty cổ phần VICOSTONE. Công ty thực hiện chế độ tăng lương định kỳ hàng năm và đột xuất, qua đó khuyến khích người lao động có trình độ và tay nghề cao, cũng như đảm bảo Công ty có mức tiền lương cạnh tranh so với thị trường, thu hút nguồn ứng viên chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu công việc của các đơn vị và chiến lược sản xuất kinh doanh của Công ty. Năm 2019, mức lương trung bình của người lao động đạt trên 21 triệu đồng (tăng 13,1% so với năm 2018).

Trong năm 2019, Công ty đã tổ chức 75 khóa đào tạo, trong đó có 55 khóa đào tạo nội bộ và 20 khóa đào tạo bên ngoài. Tổng số giờ đào tạo của toàn bộ CBCNV Công ty trong năm là 109.143 giờ đào tạo, riêng chi phí đào tạo thuê ngoài của Công ty năm 2019 trên 740 triệu đồng.



CBCNV Vicostone trong khóa Đào tạo Tư duy Phản biện

VII Định hướng và kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2020

Năm 2020 là điểm mốc đánh dấu chặng đường một thập kỷ phát triển của Vicostone và khởi động một thập kỷ mới, một thập kỷ của “Chuyển đổi”. HĐQT Công ty tập trung vào một số nội dung trọng tâm sau:

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu và triển khai công nghệ sản xuất thông minh nhằm tối ưu hiệu quả cho lĩnh vực SXKD cốt lõi, khác biệt và sáng tạo về công nghệ để phát triển bền vững trên cơ sở đảm bảo và không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, giữ vững uy tín thương hiệu;
- Tiếp tục đẩy mạnh việc phát triển các dòng sản phẩm mới, độc đáo, tạo được ấn tượng với khách hàng và khác biệt với các đối thủ cạnh tranh;
- Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, các ứng dụng AI, Robot... giúp nâng cao năng suất, chất lượng, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường góp phần thúc đẩy kinh tế, tạo nên những bước tiến vượt bậc và đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững.



- Tiếp tục đẩy mạnh Chương trình Kaizen “cải tiến liên tục” trở thành văn hóa góp phần cắt giảm tối đa sự lãng phí trong sản xuất, giảm thời gian lao động, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Đảm bảo mức tăng trưởng doanh thu vượt kế hoạch đặt ra bằng các giải pháp hiệu quả trong các lĩnh vực Marketing, phát triển thị trường mới. Việc cắt giảm và kiểm soát chi phí hợp lý giúp doanh nghiệp giảm giá thành sản phẩm, tăng lợi thế cạnh tranh, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Đảm bảo tăng thu nhập hàng năm cho người lao động. Đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao để đáp ứng được nhu cầu nhân sự thời điểm hiện tại và tương lai. Đầu tư vào các chương trình nâng cao kỹ năng cho toàn thể đội ngũ CBCNV để có đủ chuyên môn, kinh nghiệm thích ứng với những giai đoạn và chiến lược phát triển của Công ty.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông, xây dựng văn hóa kinh doanh có ý thức.

VIII Đề xuất kế hoạch phân phối lợi nhuận và một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2020

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Tỷ lệ trích % /Lợi nhuận sau thuế | Ghi chú |
|-----|--|-------------|-----------------------------------|----------------------------|
| 1 | Quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi | % | 6,0 | Trích %/lợi nhuận sau thuế |
| 2 | Trích thưởng Ban quản lý điều hành Công ty | % | 2,0 | Trích %/lợi nhuận sau thuế |

BÁO CÁO KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Kiểm toán nội bộ (KTNB) đóng vai trò rất quan trọng trong bộ máy hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, góp phần cho sự phát triển bền vững của Công ty, làm nền tảng vững chắc để Công ty tăng khả năng thích ứng và chủ động đưa ra các giải pháp trong các tình huống biến động/thay đổi nhằm kiểm soát rủi ro và nắm bắt cơ hội trong các hoạt động của Công ty.

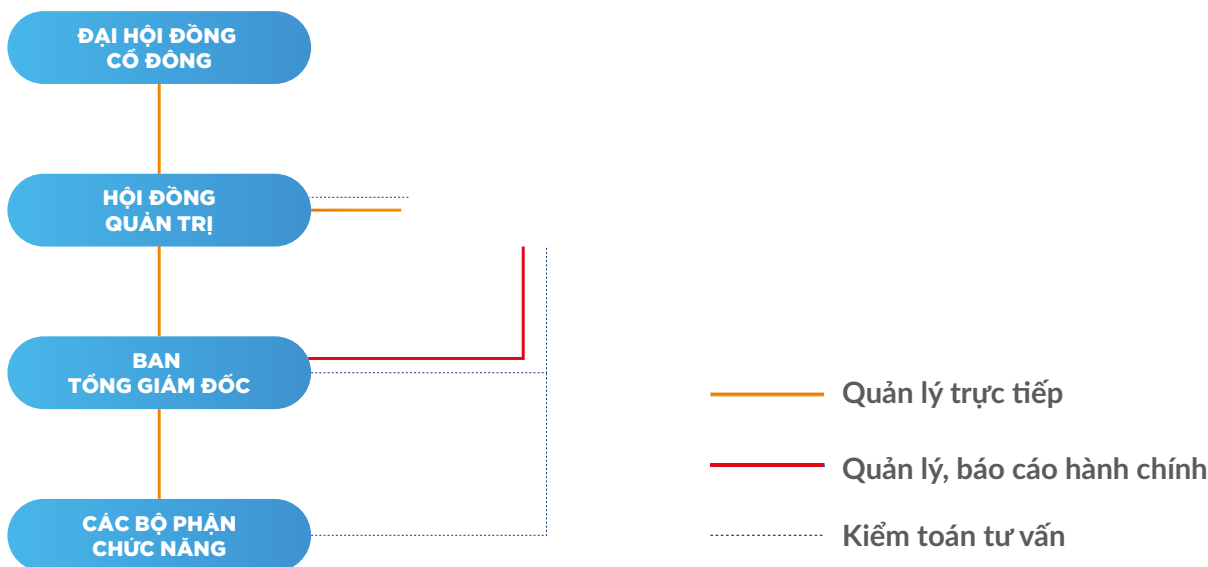
Năm 2019 là năm đầu tiên Công ty chuyển đổi mô hình quản lý theo Điểm b, Điều 134 của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc Hội. Theo đó, Ban Kiểm toán được thành lập trực thuộc HĐQT thay cho mô hình có Ban Kiểm soát. Hoạt động kiểm toán nội bộ “KTNB” vì vậy cũng có những thay đổi để phù hợp với mô hình mới của Công ty.

Trong mô hình mới, vai trò của Ban Kiểm toán ngày càng được thể hiện rõ ràng và giúp Công ty đạt hiệu quả cao:

1 KTNB đưa ra đảm bảo độc lập về tính thích hợp và tính hiệu quả của hệ thống KSNB, hệ thống Quản trị rủi ro “QTRR” trong Công ty; đảm bảo các hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc được giám sát chặt chẽ, nâng cao tính minh bạch và hiệu quả trong quản lý, điều hành Công ty; tăng tính tuân thủ và văn hóa QTRR, giúp các hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra liên tục, ổn định.

2 KTNB tư vấn và tham mưu tới HĐQT và Ban Tổng Giám đốc về các định hướng chiến lược, quản trị Công ty, giúp các đơn vị chức năng hoạt động hiệu quả. Nhờ vậy, năm 2019 đánh dấu một năm thành công của Vicostone trong việc kiểm soát rủi ro và hoàn thành các mục tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông giao phó.

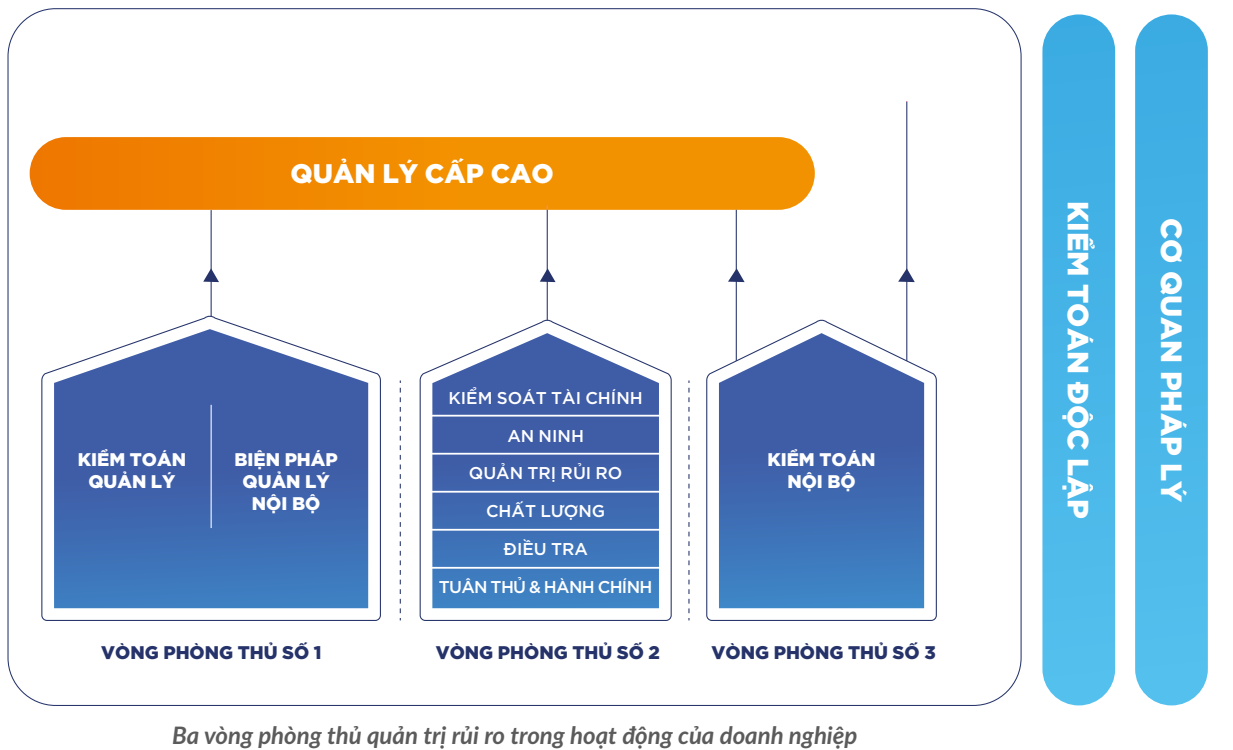
1. Cơ cấu tổ chức KTNB



BÁO CÁO KIỂM TOÁN NỘI BỘ (Tiếp)

2. Chức năng của KTNB

Tập đoàn đã thành lập Ban Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro nhằm hoàn thiện và nâng cao hệ thống quản trị nội bộ, đồng thời tích hợp Quản trị rủi ro nhằm củng cố thêm vòng phòng thủ thứ 3 trong Quản trị rủi ro tại Tập đoàn.



Trong hoạt động Quản trị rủi ro của Công ty, KTNB thực hiện các chức năng quan trọng:

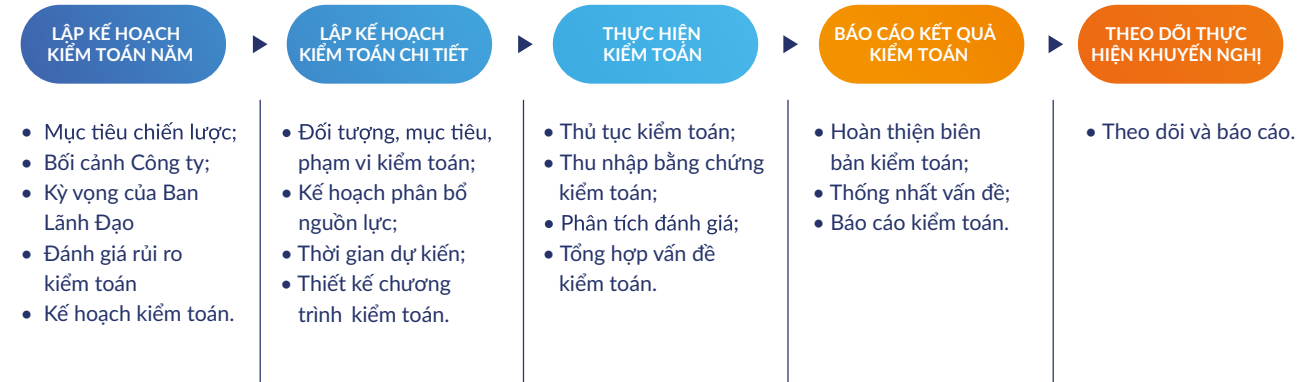
- Đưa ra đánh giá độc lập, khách quan về tính tuân thủ, tính kinh tế, tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ và QTRR;
- Kiểm tra, giám sát và tư vấn hoàn thiện, cải tiến các quy trình điều hành, quản lý và hoạt động của Công ty;
- Đảm bảo các hoạt động của Công ty tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

3. Phương pháp kiểm toán

- Phương pháp thực hiện kiểm toán nội bộ là phương pháp kiểm toán “định hướng theo rủi ro”, ưu tiên tập trung nguồn lực để kiểm toán các đơn vị, bộ phận, quy trình được đánh giá có mức độ rủi ro cao;
- Kế hoạch kiểm toán nội bộ được xây dựng dựa trên kết quả đánh giá rủi ro và được cập nhật, điều chỉnh phù hợp với các diễn biến, thay đổi trong hoạt động của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN NỘI BỘ (Tiếp)

4. Quy trình Kiểm toán nội bộ



5. Các công việc đã thực hiện năm 2019

- Giám sát công tác lập chiến lược, quản lý, điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc;
- Đánh giá hiệu quả hoạt động Công ty;
- Phối hợp với kiểm toán độc lập trong việc thực hiện soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019;
- Rà soát, cập nhật hệ thống văn bản quy định về kiểm toán nội bộ đảm bảo tuân thủ các quy định của Việt Nam, phù hợp với các chuẩn mực, thông lệ quốc tế;
- Đánh giá hệ thống KSNB, hệ thống QTRR và tư vấn hoàn thiện hệ thống KSNB, QTRR Công ty;
- Kiểm toán chương trình cắt giảm chi phí “Cut Cost” tại Nhà máy sản xuất số 1 và Nhà máy sản xuất số 2;
- Kiểm toán hoạt động bảo mật của hệ thống CNTT Công ty;
- Kiểm toán các quy trình ISO áp dụng tại các nhà máy sản xuất;
- Tham mưu tới HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong công tác lập chiến lược, điều hành và quản lý Công ty.

6. Kết quả kiểm toán

6.1. Kết quả hoạt động giám sát

a. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT

- HĐQT luôn tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty trong hoạt động điều hành doanh nghiệp;
- HĐQT đã nắm bắt kịp thời tình hình biến động của thị trường, tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty để kịp thời điều chỉnh chiến lược sản xuất kinh doanh phù hợp. Vì vậy, trong năm 2019, HĐQT đã hoàn thành các nhiệm vụ được giao;
- Không có xung đột lợi ích của các thành viên HĐQT với lợi ích của Công ty.

b. Kết quả giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

- Năm 2019, Ban Tổng Giám đốc đã nỗ lực trong công tác điều hành, không những đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh tăng trưởng ổn định qua các năm, mà còn giúp Công ty hoàn thành vượt chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra;

Đơn vị tính: Tỷ VNĐ

| CHỈ TIÊU | NĂM 2018 | KH NĂM 2019 | THỰC HIỆN 2019 | TỶ LỆ HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH | TĂNG TRƯỞNG SO VỚI 2018 |
|---------------------------|----------|-------------|----------------|---------------------------|-------------------------|
| Tổng doanh thu | 4.564,50 | 5.309,89 | 5.590,55 | 105,29% | 22,48% |
| Tổng lợi nhuận trước thuế | 1.318,51 | 1.564,63 | 1.652,66 | 105,63% | 25,34% |

- Ban Giám đốc tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành và tuân thủ các quy trình, quy định trong hoạt động điều hành doanh nghiệp theo Điều lệ, quy chế quản trị Công ty;
- Không có xung đột lợi ích giữa Ban Tổng Giám đốc với HĐQT, giữa lợi ích của Ban Tổng Giám đốc với lợi ích của Công ty;
- Ban Tổng Giám đốc luôn tạo điều kiện, hỗ trợ và phối hợp cùng KTNB trong suốt quá trình diễn ra các cuộc kiểm toán, giúp KTNB hoàn thành các công việc, nhiệm vụ được giao.

6.2. Kết quả kiểm toán nội bộ

a. Kết quả kiểm toán hệ thống KTNB và QTRR

- Hệ thống KSNB và QTRR của Công ty hoạt động hiệu quả:
 - Hệ thống quy chế, quy trình, chính sách QTRR được ban hành đầy đủ;
 - Các hoạt động triển khai để QTRR được thực hiện và báo cáo định kỳ hàng tháng;
 - Ban hành đầy đủ các quy trình hướng dẫn thực hiện công việc cho từng lĩnh vực/hoạt động theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015;
 - Có các phòng, ban chuyên trách triển khai và giám sát công tác QTRR, giám sát, đảm bảo triển khai các hoạt động kiểm soát nội bộ.
- Mức độ tuân thủ các quy trình, quy định ở mức cao, không có phát hiện sai phạm ở mức độ trọng yếu;
- Các đơn vị được kiểm toán và các cá nhân, đơn vị có liên quan luôn tạo điều kiện và hợp tác cùng KTNB trong suốt quá trình diễn ra các cuộc kiểm toán, giúp KTNB hoàn thành các công việc, nhiệm vụ được giao;
- Các tư vấn, khuyến nghị của KTNB đều được các đơn vị thực hiện nghiêm túc với tinh thần và trách nhiệm cao, đảm bảo hoàn thành đúng kế hoạch đã đề ra.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN NỘI BỘ (Tiếp)

b Kết quả kiểm toán báo cáo tài chính

Trong năm, KTNB phối hợp cùng kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo soát xét giữa niên độ và báo cáo tài chính năm 2019, kết quả kiểm toán nội bộ cho thấy:

- Báo cáo tài chính phản ánh đúng tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty trong năm 2019;
- Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tính tới thời điểm ngày 31/12/2019, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Báo cáo tài chính năm 2019 được lập và công bố phù hợp với các quy định của UBCK Nhà nước, Sở GDCK Hà Nội và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.



Các thành viên Ban kiểm toán nội bộ luôn nỗ lực học hỏi và trao đổi kinh nghiệm thường xuyên để trở thành tuyến phòng thủ vững chắc cho Công ty

7. Kế hoạch kiểm toán trọng tâm năm 2020

Để tiếp tục phát huy tối đa hiệu quả trong vai trò là tuyến phòng vệ cuối trong mô hình 3 tuyến phòng thủ của Công ty, Ban Kiểm toán đã đặt ra các mục tiêu trọng tâm trong năm 2020 như sau:



QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

I Thông tin cổ đông

1. Thông tin chung

Mã chứng khoán

VCS

cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), chính thức khai trương phiên giao dịch đầu tiên vào ngày 17/12/2007.

Địa chỉ

Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hoà, huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội

Điện thoại

02433 685 826

Fax

02433 686 652

Email

quanhecodong@vicostone.com

Website

<https://vicostone.com/vi-vn/investor-news>

Vốn điều lệ đăng ký

160.000.000.000 đồng

Tổng khối lượng cổ phần đã phát hành và niêm yết

160.000.000 cổ phần

Số lượng cổ phiếu quỹ

0 cổ phần

Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành

160.000.000 cổ phần

Loại cổ phần

Phổ thông

Mệnh giá

10.000 đồng

2. Số lượng và loại cổ phần lưu hành

(Căn cứ Danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam lập tại ngày đăng ký cuối cùng 24/02/2020)

| STT | Cổ đông | Số cổ phần | Tỷ lệ (%) | Ghi chú |
|-----|-------------|--------------------|-------------|---|
| 1 | Chưa lưu ký | 117.899.348 | 73,69% | Tính theo số lượng cổ phiếu đang lưu hành |
| 2 | Lưu ký | 42.100.652 | 26,31% | |
| | TỔNG | 160.000.000 | 100% | |
| 1 | Tổ chức | 134.851.295 | 84,28% | |
| 2 | Cá nhân | 25.148.705 | 15,72% | |
| | TỔNG | 160.000.000 | 100% | |
| 1 | Trong nước | 156.173.208 | 97,61% | |
| 2 | Nước ngoài | 3.826.792 | 2,39% | |
| | TỔNG | 160.000.000 | 100% | |

3. Cơ cấu cổ đông

(Căn cứ Danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam lập tại ngày đăng ký cuối cùng 24/02/2020)

| STT | Cổ đông | Số Lượng |
|-----|--------------------|----------|
| 1 | Tổng số cổ đông | 4.008 |
| 2 | Cổ đông trong nước | 3.906 |
| 3 | Cổ đông nước ngoài | 102 |
| 4 | Cổ đông cá nhân | 3.946 |
| 5 | Cổ đông tổ chức | 63 |

QUAN HỆ CỔ ĐÔNG (Tiếp)

4. Danh sách cổ đông lớn

(Căn cứ Danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam lập tại ngày đăng ký cuối cùng 24/02/2020)

| STT | Tên cá nhân/ tổ chức (người đại diện) | Phân loại cổ đông | | Số CMND/ Giấy chứng nhận ĐKDN | Ngày cấp | Số lượng CP nắm giữ | Tỷ lệ CP nắm giữ/ CP đang lưu hành (%) |
|-----|--|------------------------|----------------|--|------------|------------------------|--|
| | | Cổ đông nhà nước | Cổ đông lớn | | | | |
| 1 | Công ty cổ phần Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A | | X | 0104961939 | 20/10/2010 | 130.611.198 | 81,63% |

5. Thông tin sở hữu cổ phần của người nội bộ (thành viên HĐQT, Ban TGD, Ban Kiểm toán)

(Căn cứ Danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam lập tại ngày đăng ký cuối cùng 24/02/2020)

| STT | Tên cá nhân | Chức vụ tại công ty | Số cổ phiếu sở hữu đến cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu/Số lượng CP đang lưu hành (%) |
|-----|--------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|--|
| 1 | Ông Hồ Xuân Năng | Chủ tịch HĐQT | 5.804.231 | 3,63% |
| 2 | Bà Nghiêm Thị Ngọc Diệp | UV HĐQT | - | - |
| 3 | Bà Nguyễn Diệu Thúy Ngọc | UV HĐQT - Trưởng Ban Kiểm toán | - | - |
| 4 | Ông Phạm Anh Tuấn | UV HĐQT - TGD | 19.317 | 0,01% |
| 5 | Bà Trần Lan Phương | UV HĐQT | 18 | - |
| 6 | Ông Lưu Công An | Phó TGD | 305.079 | 0,19% |
| 7 | Ông Phạm Trí Dũng | Phó TGD | 342.800 | 0,21% |
| 8 | Ông Nguyễn Chí Công | Phó TGD | 8.706 | 0,01% |
| 9 | Bà Nguyễn Thị Nga | Kế toán Trưởng | - | - |
| 10 | Ông Nguyễn Văn Toàn | Thành viên Ban Kiểm toán | - | - |
| | TỔNG | | 6.480.151 | 4,05% |

6. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan

Danh sách các giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty phát sinh trong năm 2019 như sau:

| STT | Người thực hiện giao dịch | Chức vụ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ | | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | | Lý do tăng, giảm |
|-----|---|-----------------------------------|------------------------------|---|-------------------------------|---|--|
| | | | Số cổ phiếu | Tỷ lệ/ Số lượng CP lưu hành | Số cổ phiếu | Tỷ lệ/ Số lượng CP lưu hành | |
| 1 | CTCP Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A | Công ty mẹ | 128.000.000 | 81,63% | 130.611.198 | 81,63% | Được nhận cổ phiếu thưởng từ nguồn cổ phiếu quỹ |
| 2 | Ông Hồ Xuân Năng | Chủ tịch HĐQT | 5.685.794 | 3,63% | 5.804.231 | 3,63% | Được nhận cổ phiếu thưởng từ nguồn cổ phiếu quỹ - Thực hiện mua 2.447 CP lẻ phát sinh từ đợt chia cổ phiếu thưởng từ cổ phiếu quỹ trong 10/2019 |
| 3 | Ông Phạm Anh Tuấn | Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc | 18.864 | 0,01% | 19.317 | 0,01% | Được nhận cổ phiếu thưởng từ nguồn cổ phiếu quỹ |
| 4 | Ông Lưu Công An | Phó Tổng giám đốc | 298.980 | 0,19% | 305.079 | 0,19% | Được nhận cổ phiếu thưởng từ nguồn cổ phiếu quỹ |
| 5 | Ông Phạm Trí Dũng | Phó Tổng giám đốc | 335.948 | 0,21% | 342.800 | 0,21% | Được nhận cổ phiếu thưởng từ nguồn cổ phiếu quỹ |
| 6 | Ông Nguyễn Chí Công | Phó Tổng giám đốc | 8.532 | 0,005% | 8.706 | 0,01% | Được nhận cổ phiếu thưởng từ nguồn cổ phiếu quỹ |

7. Giao dịch cổ phiếu quỹ

| STT | Người thực hiện giao dịch | Số lượng cổ phiếu quỹ trước khi giao dịch | Số lượng cổ phiếu quỹ sau khi giao dịch | Thời gian giao dịch | Giá giao dịch bình quân (VNĐ) |
|-----|------------------------------|--|--|------------------------|---|
| 1 | CTCP Vicostone | 3.200.000 | 0 | 22/09/2019 | Không có (do việc bán cổ phiếu quỹ nhằm mục đích chia cổ phiếu thưởng cho cổ đồng hiện hữu) |

QUAN HỆ CỔ ĐÔNG (Tiếp)

8. Chính sách cổ tức và tỷ lệ chi trả cổ tức

Việc chi trả cổ tức cho các cổ đông được Công ty thực hiện theo tỷ lệ, hình thức chi trả cổ tức hàng năm đã được ĐHCĐ phê chuẩn trên cơ sở đề xuất của HĐQT và tuân thủ các nguyên tắc cơ bản sau:



Chỉ được trả cổ tức cho các cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, sau khi đã trích lập các quỹ, hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;



Sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các khoản nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả;



Đảm bảo được hai mục tiêu cơ bản: quyền lợi cho các cổ đông và nhu cầu vốn mở rộng sản xuất kinh doanh của Công ty.

Cổ đông được chia cổ tức theo tỷ lệ sở hữu cổ phiếu:

| Năm | Tỷ lệ cổ tức | Số tiền cổ tức đã trích trong năm (đồng) | Số tiền cổ tức đã thanh toán trong năm (đồng) | Ghi chú |
|------|--------------|--|---|--|
| 2007 | 14% | 3.354.483.463 | 3.284.483.463 | Trích từ LNST năm 2006 |
| 2008 | 20% | 14.717.824.240 | 14.787.824.240 | Trích từ LNST năm 2007 |
| 2009 | - | 1.497.600.000 | 1.497.600.000 | Trích từ LNST năm 2008 |
| 2010 | 35% | 53.625.000.000 | 53.625.000.000 | Trích 20% từ LNST năm 2009 Trích 15% từ LNST năm 2010 |

| Năm | Tỷ lệ cổ tức | Số tiền cổ tức đã trích trong năm (đồng) | Số tiền cổ tức đã thanh toán trong năm (đồng) | Ghi chú |
|------|--------------|--|---|---|
| 2011 | 5% | 9.942.391.000 | 10.533.300.000 | Trích từ LNST năm 2010 |
| 2012 | 20% | 105.998.502.000 | 106.427.397.000 | Trích từ LNST năm 2011 |
| 2013 | - | - | 124.536.000 | - |
| 2014 | 25% | 111.298.527.500 | 26.495.156.100 | Trích 5% từ LNST năm 2013 + 20% từ LNST năm 2014 |
| 2015 | 40% | 169.597.804.000 | 169.571.493.275 | Trích từ LNST năm 2015 |
| 2016 | 40,00% | 190.797.404.000 | 275.186.472.700 | Trích từ LNST năm 2016 |
| | ~ 13,21% | 70.007.490.000 | - | Trả cổ tức bằng cổ phiếu |
| 2017 | 20,00% | 120.000.000.000 | 120.012.199.500 | Trích từ LNST năm 2017 |
| | ~ 33,33% | 200.000.000.000 | - | Trả cổ tức bằng cổ phiếu |
| 2018 | 40% | 476.800.000.000 | 388.181.228.100 | Trích 20% từ LNST năm 2017 + 20% từ LNST năm 2018 |
| | 100% | 800.000.000.000 | | Trả cổ tức bằng cổ phiếu |
| 2019 | 40% | 627,200,000,000 | 713,512,226,500 | Trích 40% từ LNST năm 2019 |
| | 2,04% | 240.247.311.882 | | Phân phối cổ phiếu thưởng cho cổ đông từ nguồn cổ phiếu quỹ |

QUAN HỆ CỔ ĐÔNG (Tiếp)



Thực hiện công tác quan hệ cổ đông trong năm 2019



Trong năm 2019, Ban Quan hệ cổ đông đã thực hiện tốt công tác đối ngoại và thực hiện chức năng công bố thông tin trên tinh thần tuân thủ nghiêm túc các quy định về CBTT theo Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, quy định của UBCKNN và Sở GDCK Hà Nội.

Các thông tin liên quan đến tình hình quản trị, hoạt động kinh doanh của Công ty và các thông tin, sự kiện bất thường đều được Công ty công bố thông tin theo đúng thời hạn quy định, đảm bảo tính minh bạch, chính xác, trung thực, đầy đủ và kịp thời. Mục Quan hệ cổ đông trên website Công ty là địa chỉ cung cấp các thông tin, tài liệu về Vicostone bao gồm các thông tin được công bố, dữ liệu về tài chính, các báo cáo thường niên, tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, Báo cáo quản trị Công ty.

Công tác Quan hệ cổ đông trong năm 2019 của Vicostone đã đạt được các kết quả nổi bật sau:

- Xây dựng Báo cáo thường niên chuyên nghiệp, đầy đủ đảm bảo thông tin chính xác được truyền tải đến các cổ đông và các nhà đầu tư. Báo cáo được thể hiện bằng 2 bản tiếng Anh và tiếng Việt. Sự nỗ lực đó được minh chứng bằng việc Công ty lọt vào Top 3 doanh nghiệp vốn hóa lớn có Báo cáo thường niên tốt nhất. Báo cáo thường niên của Công ty được đánh giá tiêu biểu, nổi bật với nội dung và cách trình bày minh bạch, súc tích, chuyên nghiệp, sáng tạo, cung cấp đầy đủ thông tin về chiến lược, định hướng phát triển của Công ty, chính sách đối với môi trường, xã hội, cộng đồng, người lao động...;
- Đảm bảo đối xử bình đẳng với cổ đông: Đảm bảo đối xử bình đẳng giữa các cổ đông là nguyên tắc được thực hiện xuyên suốt kể từ khi thành lập. Các cổ đông được cung cấp các thông tin như nhau, tạo điều kiện cho cổ đông (đặc biệt là cổ đông nước ngoài) thực hiện biểu quyết thông qua việc ủy quyền tham dự đại hội;
- Thực hiện việc công bố thông tin trên website của Công ty, hệ thống CIMS của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và hệ thống IDS của Ủy ban chứng khoán Nhà nước một cách nghiêm túc, minh bạch và hợp pháp theo đúng các quy định của Thông tư 155/2015/TT-BTC. Các thông tin về kết quả kinh doanh, tình hình tài chính, tình hình quản trị Công ty, các thông tin có thể ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của cổ đông luôn được cập nhật chính xác, đầy đủ và thường xuyên;
- Trong năm vừa qua, Ban quan hệ cổ đông Vicostone đã hoạt động tích cực và hiệu quả, tiếp nhận và phản hồi nhanh, kịp thời các thắc mắc của các cổ đông qua các kênh như: Điện thoại, email...; cung cấp đến cổ đông những thông tin quan trọng và kịp thời nhất có thể ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích của cổ đông.



Kế hoạch hoạt động quan hệ cổ đông trong năm 2020

Công ty cam kết thực hiện tốt công tác quan hệ nhà đầu tư – quan hệ cổ đông nhằm đảm bảo tính minh bạch, chính xác, trung thực, đầy đủ và kịp thời thông tin hoạt động SXKD của Công ty, thể hiện trách nhiệm của Công ty đối với các nhà đầu tư, các cổ đông. Trên tinh thần đó, Vicostone đã đề ra kế hoạch công tác quan hệ cổ đông năm 2020 gồm các nội dung cơ bản sau:



Định kỳ cung cấp cho các nhà đầu tư, cổ đông thông tin về tình hình hoạt động của Công ty thông qua website Vicostone, không chỉ giới hạn ở các thông tin bắt buộc phải công bố theo quy định của pháp luật;



Nâng cao chất lượng công bố thông tin, tăng tính chuẩn mực, minh bạch, kịp thời, độ trung thực và tin cậy của thông tin công bố, góp phần tích cực vào sự phát triển ổn định và bền vững của Vicostone trên thị trường chứng khoán;



Chú trọng bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng nghiệp vụ cho Ban Quan hệ cổ đông, đội ngũ công bố thông tin về tất cả các lĩnh vực liên quan đến sản xuất kinh doanh của Công ty;



Duy trì và đa dạng hóa các kênh trao đổi thông tin với các nhà đầu tư, các cổ đông như: gặp gỡ trực tiếp, điện thoại, email... đảm bảo tính kịp thời, đầy đủ, rõ ràng trong công tác công bố thông tin và quan hệ nhà đầu tư – quan hệ cổ đông;



Cấu trúc lại chuyên trang Quan hệ cổ đông dành cho cổ đông, nhà đầu tư. Website của Công ty theo hướng thân thiện và dễ tiếp cận hơn; Xem xét mở rộng việc thực hiện công bố thông tin theo hình thức song ngữ tiếng Anh – Việt hoặc mở trang Quan hệ cổ đông bằng tiếng Anh dành riêng cho các nhà đầu tư nước ngoài.

04

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 140 Cam kết phát triển bền vững
- 142 Hoạt động phát triển bền vững nổi bật năm 2019
- 144 Gắn kết các bên liên quan
- 148 Quy tắc ứng xử của vicostone với các bên liên quan
- 152 Báo cáo hoạt động phát triển bền vững

CAM KẾT VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trong suốt hơn 17 năm phát triển, Vicostone luôn coi “Phát triển bền vững” là trọng tâm và kim chỉ nam cho mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị công ty, đầu tư nghiên cứu và phát triển nguồn nhân lực. Ý thức và hành động đúng cam kết vì lợi ích của con người và xã hội là nguyên tắc cơ bản trong hoạt động của Vicostone.

Thỏa mãn mọi yêu cầu hợp lý của khách hàng, bảo vệ môi trường, đảm bảo an sinh xã hội, an toàn sức khỏe nghề nghiệp là nền tảng để phát triển bền vững của Vicostone. Theo đó, Vicostone cam kết:

- Coi khách hàng là trung tâm của mọi công việc;
- Xác định “Con người” là nguồn sức mạnh, nguồn nhân lực cao là tài sản vô hình, vô giá. Đoàn kết, hợp tác, trách nhiệm, phản biện, nói đi đôi với làm là cốt lõi của Văn hóa Công ty;
- Cải tiến liên tục, sử dụng công nghệ xanh, sạch, tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, ngăn chặn và giảm thiểu ô nhiễm đảm bảo an toàn sức khỏe nghề nghiệp và an sinh cho người lao động;
- Hiện thực hóa mọi cam kết, chất lượng vượt trội, khác biệt về sản phẩm và dịch vụ là định hướng xuyên suốt tạo uy tín thương hiệu, trở thành Công ty hàng đầu trong lĩnh vực đá thạch anh cao cấp;
- Thượng tôn pháp luật, quản trị Công ty minh bạch, vì lợi ích chung của cổ đông, người lao động gắn với sự phát triển của Công ty với trách nhiệm cộng đồng, xã hội, phát triển doanh nghiệp bền vững.

Cung cấp đầy đủ nguồn lực để duy trì và cải tiến liên tục Hệ thống Quản lý Chất lượng – Môi trường – Trách nhiệm xã hội – An toàn sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 14001:2015; SA8000:2014, ISO 45001:2018.



Hệ thống pin năng lượng mặt trời

HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NỔI BẬT NĂM 2019

Với mục tiêu trở thành Top 3 thương hiệu đá thạch anh hàng đầu Thế giới, Vicostone coi Phát triển bền vững là yêu cầu quan trọng trong chiến lược phát triển dài hạn, là hướng đi cần thiết để hiện thực hóa mọi cam kết tới các đối tượng liên quan. Trong hành trình hướng tới sự phát triển bền vững, Vicostone đã được nhiều tổ chức uy tín đánh giá, ghi nhận:

- Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam (do tạp chí Forbes trao tặng);
- Top 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam (do Vietnam Report & Báo Vietnam net trao tặng);
- Năm thứ tư liên tiếp, Vicostone thuộc Top 100 Doanh nghiệp phát triển bền vững 2019 do Hội đồng doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững Việt Nam (VBCSD) trực thuộc VCCI đánh giá và chứng nhận;
- Top 500 Doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam (do Vietnam Report & Báo Vietnam net trao tặng);
- Doanh nghiệp niêm yết duy nhất trên sàn HNX xếp hạng Top 10 Báo cáo Phát triển bền vững tốt nhất năm 2019 do Sở Chứng khoán TP Hồ Chí Minh, Sở Chứng khoán Hà Nội, Báo Đầu tư và Dragon Capital tổ chức bình chọn và đánh giá;
- Top 3 Doanh nghiệp vốn hóa lớn có Báo cáo thường niên tốt nhất 2019 (do Sở Chứng khoán TP Hồ Chí Minh, Sở Chứng khoán Hà Nội, Báo Đầu tư và Dragon Capital tổ chức bình chọn và đánh giá);
- Top 10 Doanh nghiệp quản trị tốt nhất Việt Nam (do VCCI trao tặng).



Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam 2019



Top 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam



Top 100 Doanh nghiệp phát triển bền vững 2019



Về kinh tế

- Tổng doanh thu tăng trưởng **22,48%** so với 2018;
- Lợi nhuận trước thuế tăng trưởng **25,34%** so với 2018;
- Lợi nhuận sau thuế tăng trưởng **25,51%** so với 2018;
- Đóng góp nộp Ngân sách nhà nước tăng **56,16%** so với năm 2018.

Về môi trường

- Đầu tư xây dựng hệ thống quan trắc tự động cho các nhà máy trong Tập đoàn nói chung và Vicostone nói riêng để chủ động hơn trong việc kiểm soát chất lượng khí thải và nước thải, tuân thủ bảo vệ môi trường theo các tiêu chuẩn cao nhất của Việt Nam và quốc tế.

Về xã hội

- Thu nhập người lao động/tháng/người tăng gần 13% so với năm 2018;
- Triển khai mua bảo hiểm chăm sóc sức khỏe và hỗ trợ y tế PJICO cho 100% người lao động tại Công ty, nâng giá trị gói bảo hiểm lên gấp gần 8 lần so với các năm trước đó;
- Hơn 2 tỷ đồng: Tổng số tiền đóng góp cho các hoạt động từ thiện, hỗ trợ cộng đồng.

GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN

Một trong những mục tiêu quan trọng của Vicostone là hài hòa lợi ích của cổ đông, khách hàng, đối tác, người lao động, cộng đồng và xã hội. Do đó, Công ty luôn chú trọng đến các vấn đề mà các bên liên quan quan tâm, tìm cách tiếp cận sâu sát, hiệu quả nhất để gắn kết các bên liên quan. Trên cơ sở xem xét, đánh giá tính đặc thù và xác định chính xác các vấn đề các bên liên quan quan tâm cũng như mục tiêu Công ty mong muốn đạt được, Vicostone xác định các phương pháp tiếp cận một cách phù hợp, hiệu quả nhất và chủ động xây dựng các kế hoạch gắn kết và truyền thông.

| Bên liên quan | Mối quan tâm của các bên liên quan | Mục tiêu Vicostone hướng đến | Hành động của Vicostone | Giá trị mang lại |
|--|--|---|--|--|
| Cổ đông và nhà đầu tư | <ul style="list-style-type: none">Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư;Thông tin minh bạch và nhanh chóng;Đảm bảo quyền và quyền lợi của Cổ đông và Nhà đầu tư;Giá trị thị trường của cổ phiếu và giá trị của doanh nghiệp;Năng lực quản trị doanh nghiệp của Công ty tốt. | <ul style="list-style-type: none">Duy trì và mở rộng quan hệ với các Cổ đông và các Nhà đầu tư;Tuân thủ đúng, đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định, đảm bảo tính minh bạch;Đảm bảo thực hiện đầy đủ các quyền và quyền lợi của các Cổ đông và Nhà đầu tư. | <ul style="list-style-type: none">Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường;Tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản;Tăng cường hiệu quả hoạt động của Ban Quan hệ Cổ đông;Đảm bảo thực hiện đầy đủ các quyền của cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;Đảm bảo cung cấp đầy đủ, minh bạch, kịp thời các thông tin về hoạt động SXKD cho các Cổ đông, các Nhà đầu tư;Đảm bảo việc đối xử bình đẳng giữa các cổ đông;Thực hiện và tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ, trách nhiệm của một Công ty niêm yết phù hợp với quy định của pháp luật chứng khoán, quảng bá thương hiệu VICOSTONE® đến các Nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán. | <ul style="list-style-type: none">Tốc độ tăng trưởng bình quân bền vững;Thông tin được công bố đầy đủ, kịp thời, công khai, minh bạch;Luôn đem lại mức cổ tức cao cho nhà đầu tư. |
| Khách hàng - Đối tác phân phối sản phẩm VICOSTONE® | <ul style="list-style-type: none">Mẫu mã sản phẩm đẹp, thiết kế đa dạng, phong phú, nhiều lựa chọn cho khách hàng;Chất lượng sản phẩm ổn định, các tính chất cơ lý đảm bảo theo yêu cầu kỹ thuật;Giá bán, dịch vụ, chính sách bán hàng và hậu mãi tốt, bao gồm dịch vụ tư vấn, bán hàng, chính sách giá/khuyến mại, chính sách bảo hành... | <ul style="list-style-type: none">Nâng cao mức độ hài lòng của khách hàng đối với sản phẩm và chính sách, dịch vụ của Vicostone;Tăng mức độ nhận biết và mức độ yêu thích của người tiêu dùng với thương hiệu VICOSTONE®;Cung cấp sản phẩm tốt nhất tới người tiêu dùng với giá cả, dịch vụ, chính sách tốt nhất. | <ul style="list-style-type: none">Tiến hành các cuộc điều tra, khảo sát thị trường để nắm bắt và dự báo xu hướng tiêu dùng. Từ đó, phát triển những dòng sản phẩm đáp ứng đúng thị hiếu tiêu dùng mà các đối thủ khác không có;Liên tục mở rộng hệ thống phân phối, đại lý, showroom để tăng độ phủ và có thể phục vụ khách hàng là người tiêu dùng một cách tốt nhất;Lựa chọn đối tác là những đơn vị uy tín để đảm bảo chất lượng dịch vụ đi kèm;Xây dựng đội ngũ chăm sóc khách hàng chuyên nghiệp và hệ thống giải quyết khiếu nại khách hàng Call center phục vụ 24/7;Khảo sát, đo lường sự hài lòng của khách hàng (Người tiêu dùng cuối và đối tác phân phối) để tiếp tục phát triển các điểm mạnh của Công ty, cải thiện các điểm khách hàng còn chưa thực sự hài lòng (nếu có), gia tăng giá trị/dịch vụ để đáp ứng tốt nhất sự kỳ vọng của khách hàng. | <ul style="list-style-type: none">Cung cấp sản phẩm và dịch vụ chất lượng, theo tiêu chuẩn quốc tế;Sản phẩm đẹp, độc đáo được người tiêu dùng yêu thích và lựa chọn;Chính sách (giá cả, hậu mãi, báo hành...) hợp lý, cạnh tranh và tương xứng với giá trị mang lại cho khách hàng;Sự yêu mến, gắn kết của khách hàng đối với doanh nghiệp và thương hiệu VICOSTONE®. |
| Nhà cung cấp | <ul style="list-style-type: none">Những lợi ích về tài chính mà nhà cung cấp đạt được;Không tiết lộ thông tin bí mật của nhà cung cấp cho đối thủ cạnh tranh của họ;Sự cạnh tranh bình đẳng giữa các nhà cung cấp. | <ul style="list-style-type: none">Củng cố và mở rộng hệ thống các nhà cung cấp, tạo chuỗi giá trị cung ứng bền vững;Đảm bảo đôi bên cùng có lợi;Đảm bảo việc thực thi và tuân thủ các nghĩa vụ và cam kết giữa các liên quan. | <ul style="list-style-type: none">Trao đổi thông tin thông qua quá trình đàm phán Hợp đồng;Gặp gỡ trực tiếp;Đánh giá nhà cung cấp định kỳ hàng năm, trong đó chú trọng khía cạnh an toàn, đảm bảo môi trường và cam kết giữa các bên;Tham dự hội chợ, triển lãm chuyên ngành, để tăng cường tìm kiếm cơ hội hợp tác kinh doanh;Nhận ý kiến trực tiếp thông qua email và số điện thoại của Công ty. | <ul style="list-style-type: none">Đảm bảo chất lượng sản phẩm, giá cả cạnh tranh, thời gian giao hàng nhanh giúp Công ty có được sản phẩm, dịch vụ chất lượng như mong muốn với giá cả hợp lý, đủ sức cạnh tranh trên thương trường. |

GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp)

| Bên liên quan | Mối quan tâm của các bên liên quan | Mục tiêu Vicostone hướng đến | Hành động của Vicostone | Giá trị mang lại |
|-------------------------------|---|---|---|--|
| Người lao động | <ul style="list-style-type: none">Môi trường làm việc an toàn, lành mạnh, không phân biệt đối xử;Chính sách lương, thưởng hấp dẫn, chế độ phúc lợi đa dạng, cạnh tranh so với các doanh nghiệp khác;Cơ hội đào tạo, phát triển nghề nghiệp;Những thành tựu và đóng góp của cá nhân được ghi nhận. | <ul style="list-style-type: none">Tăng cường tinh thần đoàn kết và hợp tác trong công việc, kỷ luật, tác phong công nghiệp cho người lao động;Tăng cường và nâng cao sự gắn bó, trung thành của người lao động;Đánh giá nhằm cải thiện các chính sách phúc lợi cho người lao động;Truyền thông CBCNV tham gia và đóng góp giá trị cho cộng đồng. | <ul style="list-style-type: none">Đảm bảo điều kiện làm việc an toàn, quyền tự do bình đẳng và chăm lo sức khỏe nghề nghiệp;Duy trì và không ngừng nâng cao chính sách phúc lợi và thu nhập tốt;Không ngừng cải thiện môi trường làm việc, mang lại cho nhân viên cơ hội học tập và phát triển;Tất cả các nhân viên được đánh giá kết quả công việc, được tạo điều kiện tối đa để phát huy năng lực;Tổ chức các hoạt động Team Building để tới người lao động;Xây dựng môi trường làm việc gắn bó, cùng học tập và phát triển bền vững;Khảo sát, đo lường định kỳ mức độ hạnh phúc và mong muốn của người lao động để có những cải thiện/ giải pháp kịp thời và phù hợp, nhằm xây dựng một môi trường làm việc hạnh phúc. | <ul style="list-style-type: none">Luôn duy trì môi trường làm việc an toàn, tỷ lệ bệnh nghề nghiệp, tai nạn lao động được kiểm soát và giảm thiểu;Trong năm 2019, tổ chức 77 khóa đào tạo với tổng chi phí trên 700 triệu đồng;Chính sách lương dựa trên nguyên tắc đảm bảo công bằng, cạnh tranh và hợp lý theo phương pháp 3P (đánh giá theo năng lực, vị trí, hiệu quả công việc). |
| Xã hội, cộng đồng, địa phương | <ul style="list-style-type: none">Chất lượng, mức độ an toàn đối với người sử dụng sản phẩm, tính thân thiện với môi trường của sản phẩm;Không gây ô nhiễm môi trường, không gây ảnh hưởng đến cộng đồng xung quanh;Vấn đề việc làm của người dân địa phương;Kinh tế địa phương phát triển;Những đóng góp cho xã hội của Công ty. | <ul style="list-style-type: none">Hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội của địa phương, đảm bảo môi trường an toàn, lành mạnh;Góp phần vào sự phát triển bền vững chung của cộng đồng và xã hội;Gắn sự phát triển của Công ty với trách nhiệm với xã hội, đặc biệt các vấn đề Môi trường an toàn, an sinh tại Xã hội tại địa phương. | <ul style="list-style-type: none">Phối hợp với chính quyền địa phương tiếp nhận các ý kiến phản hồi về Công ty;Thực hiện giải quyết công ăn việc làm với thu nhập tốt cho số lượng lao động phần lớn là người địa phương, góp phần ổn định trật tự xã hội và đời sống tại địa phương;Tham gia các hoạt động về môi trường, các hoạt động vì cộng đồng xã hội tại địa phương;Thực hiện các trách nhiệm với cộng đồng, xã hội dựa trên khả năng và thực lực của Công ty; tích cực tham gia các hoạt động vì cộng đồng, góp phần xây dựng xã hội bền vững;Thường xuyên gặp gỡ cơ quan chính quyền địa phương để nắm bắt thông tin và cùng xử lý, xây dựng các chương trình bảo vệ môi trường. | <ul style="list-style-type: none">Số lượng lao động là người địa phương tại Công ty là 537 người (chiếm 77,6% tổng lao động);Tài trợ xây dựng đường dân sinh trị giá 800 triệu đồng cho xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, TP Hà Nội;Trao tặng 30 xe gom rác thu dọn vệ sinh cho xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, TP Hà Nội;Liên tục cải tiến để đạt chất lượng tốt nhất, thân thiện với môi trường, góp phần bảo vệ môi trường bền vững. |
| Cơ quan nhà nước | <ul style="list-style-type: none">Tuân thủ các quy định pháp luật nói chung và các quyết định của cơ quan quản lý địa phương nói riêng;Thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của Nhà nước;Sự tham gia tích cực của Công ty vào các hoạt động do cơ quan nhà nước tổ chức. | <ul style="list-style-type: none">Tham gia hoàn thiện các quy định pháp luật, quy định quản lý Nhà nước liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Công ty;Thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Nhà nước theo quy định;Đóng góp tích cực cho các hoạt động do cơ quan nhà nước tổ chức. | <ul style="list-style-type: none">Liên tục cập nhật các Văn bản pháp lý mới có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Công ty;Thực hiện đầy đủ và đúng hạn trách nhiệm và nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Nhà nước theo quy định;Tham vấn ý kiến của cơ quan nhà nước về các vấn đề liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty;Tham gia ý kiến đối với các chính sách, quy định của nhà nước;Tham gia các chương trình nâng cao nhận thức cho cộng đồng về phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, các chương trình của Chính phủ nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. | <ul style="list-style-type: none">Góp phần minh bạch hóa thông tin, quảng bá thương hiệu và sản phẩm, dịch vụ tới đông đảo khách hàng thông qua việc cập nhật kịp thời các quy định của pháp luật và hoạt động theo đúng quy định của pháp luật;Đóng góp ngày càng nhiều cho xã hội bằng việc thực hiện tốt nghĩa vụ thuế với cơ quan nhà nước. |
| Cơ quan thông tấn báo chí | <ul style="list-style-type: none">Cung cấp thông tin nhanh chóng và trung thực cho cơ quan báo chí. | <ul style="list-style-type: none">Tăng cường trao đổi và chia sẻ thông tin với báo chí, xây dựng hình ảnh doanh nghiệp uy tín, minh bạch. | <ul style="list-style-type: none">Giữ mối liên hệ với các cơ quan báo chí và tổ chức họp báo khi cần thông tin;Cung cấp thông tin kết quả hoạt động của Công ty một cách chính xác, thường xuyên và kịp thời để đảm bảo tính minh bạch;Xây dựng và duy trì “văn hóa chia sẻ” để đảm bảo quyền tiếp cận thông tin công bằng giữa các cơ quan báo chí. | <ul style="list-style-type: none">Góp phần minh bạch hóa thông tin, nâng cao sự nhận biết thương hiệu, sản phẩm, dịch vụ tới khách hàng nói riêng và công chúng nói chung;Cung cấp những tin tức, bài viết với góc nhìn đa chiều, là một kênh để Công ty thu thập thông tin, nắm bắt thị trường, nhu cầu của khách hàng... |

QUY TẮC ỨNG XỬ CỦA VICOSTONE VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

I Ứng xử với Cổ đông và Nhà đầu tư

- Minh bạch trong cung cấp thông tin: Vicostone cam kết các báo cáo tài chính, hồ sơ pháp lý và các tài liệu khác được cung cấp tới cổ đông và nhà đầu tư có đầy đủ thông tin, chính xác, kịp thời và theo đúng quy định pháp luật;
- Tôn trọng lợi ích các bên, bình đẳng và hợp tác cùng có lợi: Tôn trọng ý kiến, quyền lợi hay những yêu cầu hợp lý của cổ đông và nhà đầu tư; cam kết mỗi CBCNV làm việc tại Công ty luôn hành động vì mục đích chung, không sử dụng những hỗ trợ của Công ty nhằm tư lợi cá nhân, gây tổn hại tới lợi ích của cổ đông và nhà đầu tư....

II Ứng xử với Khách hàng, Đối tác phân phối sản phẩm Vicostone

- Cung cấp sản phẩm và dịch vụ chất lượng, theo tiêu chuẩn quốc tế, chủ động sáng tạo, sử dụng công nghệ khác biệt để phát triển và cải tiến sản phẩm, dịch vụ, tạo nên sản phẩm mới độc đáo, khác biệt;
- Xây dựng chữ “Tín” trong mối quan hệ với khách hàng: Kinh doanh công bằng, trung thực dựa trên những ưu điểm của sản phẩm, dịch vụ và nguồn lực; không dung thứ hành vi hối lộ; lắng nghe để hiểu được suy nghĩ, nhu cầu của khách hàng nhằm xây dựng những giá trị mới cho sản phẩm và dịch vụ;
- Tuân thủ quy định thương mại quốc tế và thông tin cá nhân khách hàng: Tôn trọng quyền được bảo vệ thông tin cá nhân theo đúng quy định của pháp luật nước sở tại.



Nhân viên Vicostone trao đổi với Khách hàng trong triển lãm Vietbuild

III Ứng xử với Nhà cung cấp và Đối tác kinh doanh

- Tôn trọng lợi ích các bên: Tạo dựng mối quan hệ hai bên cùng có lợi, tôn trọng thông tin bảo mật của các bên và sự cạnh tranh lành mạnh giữa các nhà cung cấp, đồng thời nghiêm cấm hành vi nhận hối lộ từ nhà cung cấp và đối tác kinh doanh;
- Cung cấp thông tin đầy đủ và chính xác về nguyên tắc, quy trình làm việc, nhằm đảm bảo quy trình làm việc thuận lợi, công bằng, cạnh tranh lành mạnh giữa các nhà cung cấp và đối tác;
- Tuân thủ luật pháp: Coi các yêu cầu pháp lý là một tiêu chuẩn tối thiểu đặc biệt là các vấn đề về sức khỏe và an toàn.

IV Ứng xử với Người lao động

1. Tôn trọng

- Vicostone coi người lao động là “Nguồn sức mạnh” của Công ty, khuyến khích, tôn trọng đón nhận mọi ý tưởng, sáng kiến của người lao động, cam kết nỗ lực hết mình để tạo điều kiện cho mỗi nhân viên phát huy năng lực, kinh nghiệm trong công việc, tạo cơ hội phát triển sự nghiệp, góp phần kiến tạo thành công của mỗi cá nhân và cùng nhau chinh phục những đỉnh cao của tri thức và thành tựu.



CBCNV Vicostone cùng trao đổi công việc

QUY TẮC ỨNG XỬ CỦA VICOSTONE VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp)

2. Chia sẻ thông tin

- Vicostone khuyến khích chia sẻ các thông tin liên quan tới người lao động trên cơ sở đề cao tinh thần phản biện và giao tiếp cởi mở; tôn trọng các ý kiến đóng góp của từng cá nhân, không phân biệt cấp bậc, tuổi tác;
- Thông tin cá nhân: Tôn trọng thông tin cá nhân của người lao động và coi đây là một trong những thông tin bảo mật của Công ty. Việc thu thập, xử lý, lưu giữ, sử dụng thông tin cá nhân của người lao động chỉ được thực hiện trong trường hợp cần thiết và theo quy định pháp luật.

3. Cung cấp cơ hội bình đẳng cho tất cả nhân viên

- Công bằng trong việc đánh giá năng lực của nhân viên: Căn cứ trên năng lực, thái độ, phẩm chất, kết quả làm việc để đánh giá, tuyển dụng, đề bạt, đào tạo, xét lương hoặc kỷ luật;
- Công bằng trong cung cấp cơ hội đào tạo: Căn cứ vào yêu cầu công việc của từng vị trí, Công ty cung cấp các khóa đào tạo, nâng cao năng lực nhằm tạo cơ hội phát triển nghề nghiệp cho mọi CBCNV;
- Sử dụng hệ thống kiểm soát, phương pháp tiên tiến để giám sát quy trình làm việc, theo dõi, đánh giá hiệu quả công việc của mỗi CBCNV để đãi ngộ một cách công bằng, bình đẳng.

4. Đảm bảo môi trường làm việc an toàn, lành mạnh

- Cung cấp điều kiện làm việc tốt nhất cho người lao động trên các khía cạnh: Không gian làm việc thuận lợi, trang thiết bị đầy đủ, môi trường làm việc bình đẳng, kỷ luật, không khói thuốc, rượu bia...;
- Đảm bảo sức khỏe cho người lao động: Tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định về an toàn và sức khỏe cho người lao động;
- Giải quyết các vụ việc một cách nhanh nhất, đảm bảo tính công bằng, chính xác và theo quy định của pháp luật.



Kỹ sư Vicostone làm việc tại Nhà máy

V Ứng xử với Đối thủ cạnh tranh

- Cạnh tranh lành mạnh, không xâm phạm lợi ích hợp pháp của đối thủ cạnh tranh. Cam kết không thực hiện những hành vi cạnh tranh không lành mạnh như: Thu thập thông tin bí mật của đối thủ cạnh tranh bằng hình thức phi hợp pháp hoặc phi đạo đức, đưa thông tin sai lệch về đối thủ cạnh tranh hay các hành vi cản trở cạnh tranh trên thị trường...;
- Không ký kết những thỏa thuận hay biên bản ghi nhớ giữa những đối thủ cạnh tranh gây ảnh hưởng tiêu cực tới thị trường nói chung cũng như khách hàng của Công ty nói riêng;
- Tuân thủ các nguyên tắc, hiệp định, giao thương giữa các bên; tôn trọng thông tin bảo mật của đối thủ, không thực hiện các biện pháp trả đũa trái quy định của luật cạnh tranh và các công ước quốc tế;
- Không xâm phạm vấn đề bản quyền, quyền sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp khác. Công ty coi cạnh tranh là động lực để phát triển, quan niệm tôn trọng và học hỏi từ chính đối thủ của mình là một trong những bước đi để thành công.
- Khuyến khích và ủng hộ CBCNV đưa ra các sáng kiến, cải tiến nhằm cải tạo môi trường làm việc, bảo vệ môi trường xung quanh, tích cực tổ chức và tham gia các hoạt động/ phong trào vì cộng đồng xã hội;
- Hỗ trợ phát triển địa phương: Tích cực tham gia các chương trình của Chính phủ nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân địa phương, đẩy mạnh các chương trình xây dựng và nâng cấp cơ sở hạ tầng, xóa đói giảm nghèo, tạo công ăn việc làm và hỗ trợ các trường hợp khó khăn trong xã hội, tham gia các chương trình quyên góp và ủng hộ của Chính phủ/ địa phương;
- Hỗ trợ các chương trình nâng cao nhận thức cho cộng đồng về phát triển bền vững và bảo vệ môi trường: Sử dụng năng lượng hiệu quả; phòng ngừa, ứng phó với thiên tai, tham gia và thực hiện các sáng kiến, các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu do các tổ chức trong và ngoài Công ty phát động.

VII Ứng xử với Cơ quan Nhà nước

VI Ứng xử với Cộng đồng, Xã hội

- Cam kết thực hiện các trách nhiệm với cộng đồng, xã hội dựa trên khả năng và thực lực của Công ty, luôn chú trọng và nỗ lực bảo vệ môi trường trong tất cả các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, thực hiện cải tiến liên tục và sử dụng tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, ngăn chặn, giảm thiểu ô nhiễm môi trường; tích cực tham gia các hoạt động vì cộng đồng, góp phần xây dựng xã hội bền vững;
- Tôn trọng Luật pháp, cam kết tuân thủ, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định/ bộ luật ban hành của pháp luật như: Luật Cạnh tranh, luật Bảo vệ môi trường, luật Lao động, luật Sở hữu trí tuệ, luật Chứng khoán...;
- Thực hiện đầy đủ và đúng hạn trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Nhà nước;
- Chính trực trong tất cả các mối quan hệ với Cơ quan Nhà nước, cam kết không thực hiện những hành vi phi pháp, trái đạo đức để thu thập thông tin hoặc che giấu thông tin nhằm mang lại lợi ích riêng cho Công ty;
- Sẵn sàng hỗ trợ, hợp tác điều tra với các cơ quan chức năng khi cần.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

I Các hệ thống quản lý

1. Tiêu chuẩn & chứng nhận hệ thống quản lý

Với quan điểm con người là sức mạnh của doanh nghiệp, Vicostone đã thiết lập và không ngừng cập nhật, cải tiến hệ thống tích hợp các tiêu chuẩn HSEQ (Sức khỏe – An toàn – Môi trường - Chất lượng) nhằm đảm bảo sự an toàn, môi trường, điều kiện làm việc tốt nhất cho người lao động trong Công ty. Đảm bảo cung cấp cho khách hàng sản phẩm ổn định chất lượng, dịch vụ tốt nhất, đồng thời gắn sự phát triển của Công ty với trách nhiệm cộng đồng và bảo vệ môi trường bền vững. Hệ thống tiêu chuẩn bao gồm các hệ thống cụ thể:

- Hệ thống Quản lý chất lượng ISO 9001:2015;
- Hệ thống Quản lý môi trường ISO 14001:2015;
- Hệ thống Quản lý sức khỏe và an toàn nghề nghiệp ISO 45001:2018;
- Hệ thống Trách nhiệm xã hội SA 8000:2014.



| Tiêu chuẩn áp dụng | Ngày đăng ký đầu tiên | Ngày sửa đổi sau cùng | Ngày hiệu lực | Số chứng nhận | Tổ chức chứng nhận |
|--|-----------------------|-----------------------|---------------|---------------|--------------------|
| ISO 9001:2015 | 05/11/2005 | 14/09/2018 | 14/09/2018 | FM 692548 | BSI |
| ISO 14001:2015 | 25/10/2006 | 14/09/2018 | 14/09/2019 | EMS 692550 | BSI |
| ISO 45001:2018 (Trước đó là OHSAS 18001:2007) | 20/10/2015 | 16/08/2019 | 16/08/2019 | OHS 692551 | BSI |
| SA 8000:2014 | 21/12/2010 | 27/04/2018 | 21/12/2016 | SA 569249 | BSI |

1.1. Hệ thống Quản lý chất lượng ISO 9001:2015



Với mục đích cung cấp một cách ổn định các sản phẩm và dịch vụ, đáp ứng kịp thời các yêu cầu của khách hàng, yêu cầu luật định và chế định hiện hành, năm 2017 Công ty Vicostone đã thực hiện nâng cấp tài liệu Hệ thống Quản lý chất lượng ISO 9001:2008 lên phiên bản ISO 9001:2015. Phiên bản mới của tiêu chuẩn ISO 9001:2015 có nhiều sự thay đổi so với trước đây nhưng các điều khoản mới tập trung như sau:

- *Một là*, việc xác định bối cảnh của tổ chức theo từng giai đoạn khác nhau giúp Vicostone xác định rõ điểm mạnh, điểm yếu, làm nền tảng nhận diện các rủi ro trong hệ thống, xác định các chính sách, mục tiêu phù hợp qua từng thời kỳ. Đồng thời, Vicostone có thể chủ động hoạch định các nguồn lực cần thiết, linh hoạt để phát triển ổn định và bền vững hơn;
- *Hai là*, công tác nhận diện và kiểm soát rủi ro mở rộng khỏi chức năng của Ban Kiểm toán nội bộ, được triển khai nhất quán và theo chiều rộng tới từng cấp đơn vị. Các rủi ro được nhận diện một cách chủ động, dựa trên bối cảnh đã được xác định qua từng thời kỳ nhằm đảm bảo hệ thống quản lý chất lượng có thể đạt được các kết quả dự kiến, cải tiến, nâng cao tác động mong muốn, ngăn ngừa hoặc giảm bớt các tác động không mong muốn;
- *Ba là*, hoạch định và kiểm soát sự thay đổi đối với hệ thống quản lý chất lượng. Vicostone chủ động xem xét mục đích của các sự thay đổi và các hệ quả tiềm ẩn liên quan, tính toàn vẹn của hệ thống quản lý chất lượng. Việc làm này đảm bảo sẵn sàng nguồn lực, đánh giá lại việc phân công và phân công trách nhiệm, quyền hạn.

Với sự cập nhật này, cùng với việc thiết lập Ban Kiểm toán nội bộ, hoạt động đảm bảo chất lượng được thực hiện một cách nhất quán và hiệu quả hơn, nhờ có xem xét đến các rủi ro trong cả quá trình ở tại các đơn vị, thiết lập các vòng kiểm soát và quản trị rủi ro, có xem xét đến các yếu tố thay đổi trong các thời điểm. Do đó, không chỉ chất lượng sản phẩm mà chất lượng của quá trình, các hoạt động trong toàn Công ty được đảm bảo ổn định, nâng cao và ngày càng hiệu quả.

1.2. Hệ thống Quản lý môi trường ISO 14001:2015



Cũng trong năm 2017, Công ty đã nâng cấp và áp dụng hệ thống Quản lý môi trường ISO 14001:2015 trên nền tảng của tiêu chuẩn ISO 14001:2004 áp dụng trước đó. Sự thay đổi đầu tiên của phiên bản mới liên quan tới cấu trúc trình bày của tiêu chuẩn. Cấu trúc này sẽ tạo nhiều lợi ích vì Công ty có thể tích hợp nhiều tiêu chuẩn trong quá trình triển khai áp dụng.

Thông qua việc áp dụng ISO 14001:2015, Công ty nắm rõ hơn về thực trạng, bối cảnh để quản lý rủi ro tốt hơn. Trên thực tế, Công ty đã chuyển hóa thành trên 11 quy trình, bao gồm: Trao đổi thông tin, tham vấn các bên liên quan, xác định và đánh giá các khía cạnh môi trường, đánh giá mức độ tuân thủ yêu cầu của pháp luật, thiết lập mục tiêu và kế hoạch hành động, kiểm soát nhà thầu, quản lý chất thải, nước thải sinh hoạt, vận thành hệ thống nước tuần hoàn, theo dõi và đo lường an toàn môi trường và sức khỏe nghề nghiệp, quản lý hóa chất... Hệ thống giúp Vicostone xác định các tác động của Công ty trên khía cạnh môi trường, từ đó thường xuyên cải tiến, tăng cường các hoạt động bảo vệ môi trường, tiết kiệm tài nguyên, giảm lượng chất thải ra môi trường, tối ưu chi phí vận hành doanh nghiệp.

Nhờ việc áp dụng hệ thống mới cùng với các hành động thiết thực, kịp thời, xem xét đến các yếu tố, khía cạnh môi trường có ý nghĩa tại Công ty và các nhà thầu, Vicostone đã quản lý một cách có hiệu quả hệ thống. Do đó, Công ty thường xuyên được các tổ chức đánh giá và ghi nhận về hoạt động môi trường như: Chứng nhận cơ sở sản xuất công nghiệp sử dụng năng lượng xanh 4 sao bởi Sở Công Thương Hà Nội.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (Tiếp)

1.3. Hệ thống Quản lý sức khỏe và an toàn nghề nghiệp ISO 45001:2018



Vicostone luôn xác định “con người” là nguồn sức mạnh, là tài sản vô giá vô hình. Do đó, Công ty luôn đảm bảo an toàn sức khỏe, môi trường lao động an toàn bền vững. Năm 2019, Công ty thực hiện việc nâng cấp, chuyển đổi hệ thống ATSKNN OHSAS 18001:2007 sang hệ thống ISO 45001:2018. Một số điểm khác biệt rõ ràng giữa OHSAS 18001 và ISO 45001 như sau:

- Cấu trúc trình bày tiêu chuẩn ISO 45001 được cải tiến tương tự các tiêu chuẩn của hệ thống ISO 9001, ISO 14001 phiên bản hiện hành. Điều này giúp Công ty tích hợp nhiều hệ thống quản lý một cách gọn gàng, thuận lợi hơn;
- Giúp công ty chủ động tập trung và tăng cường kiểm soát rủi ro thông qua việc xác định bối cảnh qua từng giai đoạn. Việc này nhằm xây dựng các biện pháp phòng ngừa và bảo vệ cho người lao động, đào tạo nhận thức để người lao động tích cực và chủ động bảo vệ sự an toàn của bản thân, ứng phó kịp thời và nhanh chóng báo cáo các sự cố, mối nguy cho phòng ban chức năng, hạn chế những thương tổn không đáng có cho người lao động và tổ chức;
- Giúp người lao động tham gia, tham vấn nhiều hơn trong việc phát triển, hoạch định, thực hiện, đánh giá các kết quả hoạt động và các hành động để cải tiến hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp;
- Áp dụng Hệ thống ISO 45001:2018 giúp Vicostone đánh giá, dự báo các rủi ro tiềm ẩn trong quá trình lao động sản xuất ảnh hưởng tới sự an toàn, sức khỏe của người lao động, nhờ đó xây dựng các biện pháp phòng ngừa và bảo vệ cho người lao động, đào tạo nhận thức để người lao động tích cực và chủ động bảo vệ sự an toàn của bản thân, ứng phó kịp thời và nhanh chóng báo cáo các sự cố, mối nguy cho phòng ban chức năng, hạn chế những thương tổn không đáng có cho người lao động và tổ chức.

Chính những điểm mới của hệ thống được áp dụng vào Vicostone, người lao động tại Công ty luôn được quan tâm chăm sóc sức khỏe, làm việc trong điều kiện môi trường tốt nhất. Trong những năm gần đây, Công ty không xảy ra các trường hợp tại nạn lao động nặng, chỉ số khảo sát mức độ hạnh phúc người lao động luôn đạt mức cao, thuộc nhóm cao trong ngành VLXD.

1.4. Hệ thống Trách nhiệm xã hội SA 8000:2014



SA 8000:2014 bao gồm 09 nội dung về: Lao động trẻ em, lao động cưỡng bức, sức khỏe và an toàn tại nơi làm việc, quyền tự do hiệp hội và thảo ước tập thể, phân biệt đối xử, kỷ luật lao động, thời gian làm việc, tiền lương và các phúc lợi xã hội khác, hệ thống quản lý doanh nghiệp.

SA 8000 là căn cứ để Vicostone không ngừng nâng cao điều kiện làm việc cho người lao động, bảo hộ người lao động trong quá trình làm việc, lắng nghe mong muốn, đề xuất của người lao động, từ đó trở thành công cụ hỗ trợ đánh giá và giám sát việc thực hiện trách nhiệm xã hội, hướng tới xây dựng nguồn nhân lực bền vững cho Công ty.

Bên cạnh hệ thống tiêu chuẩn HSEQ (Sức khỏe – An toàn – Môi trường - Chất lượng) nêu trên, Công ty cũng áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế và được các tổ chức uy tín hàng đầu thế giới như: Tổ chức Vật liệu Xanh Quốc tế, Tổ chức An toàn Thực phẩm Hoa kỳ, Tổ chức SGS tại Vương quốc Anh cấp các chứng chỉ NSF, Microbial Resistant, GreenGuard về an toàn cho môi trường và người sử dụng, vệ sinh an toàn thực phẩm; chứng chỉ CE về sản phẩm đạt tiêu chuẩn Châu Âu...

Với những cam kết và hành động thiết thực được thực hiện với Người lao động, với sản phẩm, môi trường và xã hội. Sản phẩm của Công ty được khách hàng trên toàn thế giới tin dùng và ưa chuộng, dù đó là những Khách hàng đến từ các quốc gia không chỉ đòi hỏi cao về chất lượng sản phẩm, mà các hệ thống sản xuất và những tác động của hoạt động sản xuất đến môi trường, xã hội. Vicostone đều vượt qua và đáp ứng tốt nhất.



Phát triển nguồn nhân lực bền vững

Coi con người là tài sản vô giá, vì vậy Vicostone luôn chú trọng công tác phát triển nguồn nhân lực bền vững, xây dựng đội ngũ nhân sự chất lượng cao có năng lực, kỹ năng và sự gắn kết với công ty để đảm bảo sự phát triển bền vững cho doanh nghiệp.

Nhân lực của Vicostone hiện nay gồm 692 Cán bộ công nhân viên, trong đó 95% là nhân sự dưới 45 tuổi, được đào tạo qua các trường lớp, có kinh nghiệm và năng lực làm việc. Đây là một trong những tài sản vô giá của Công ty, đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc tạo dựng uy tín, đảm bảo sự tăng trưởng về doanh thu, lợi nhuận và mang lại giá trị cho doanh nghiệp. Để làm được việc đó, Vicostone đã chủ trương và tiếp tục tập trung vào các chính sách nhân sự sau đây:

1. Chính sách tuyển dụng

Con người đóng vai trò quan trọng nhất trong mỗi tổ chức, chất lượng nhân sự quyết định sự thành bại của mỗi doanh nghiệp. Nhận thức được điều này, Vicostone luôn chú trọng đến công tác tuyển dụng nhân sự, đảm bảo cả về số lượng và chất lượng nhân sự để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chính sách tuyển dụng của Vicostone:



Đảm bảo tính công bằng, minh bạch trong quá trình tuyển dụng



Lựa chọn những ứng viên đáp ứng năng lực chuyên môn và kỹ năng đối với vị trí tuyển dụng



Phù hợp với môi trường, văn hóa doanh nghiệp



Tôn trọng sự khác biệt, sáng tạo và cá tính cá nhân

Kế hoạch tuyển dụng hàng năm được xây dựng dựa trên kế hoạch sản xuất kinh doanh, đồng thời đáp ứng yêu cầu chiến lược phát triển ngắn và dài hạn của Công ty. Nhân sự được tuyển dụng không chỉ nhằm đáp ứng được yêu cầu công việc hiện tại mà còn là nhân tố phát triển trong tương lai. Vicostone cũng cân đối nguồn tuyển dụng nội bộ và bên ngoài một cách hợp lý, trên cơ sở ưu tiên nguồn nội bộ để phát huy tối đa năng lực của nguồn nhân sự hiện có. Trong năm 2019, Vicostone đã tuyển dụng 90 CBCNV mới, trong đó tỷ lệ nhân sự tiếp nhận mới là 96,7% và tỷ lệ điều chuyển nhân sự trong nội bộ Tập đoàn Phenikaa chiếm 3,3%.

Bên cạnh đó, Vicostone còn xây dựng các chính sách nhân sự để thu hút và giữ chân nhân tài: Tạo lập môi trường làm việc chuyên nghiệp, linh hoạt, chính sách lương thưởng công bằng tương xứng với năng lực và cạnh tranh với thị trường lao động, tăng thời gian nghỉ ngơi và tái tạo sức lao động, ghi nhận và khen thưởng thành tích đối với các cá nhân có đóng góp lớn đối với công ty.

Song song với việc thực hiện công tác tuyển dụng nguồn nhân sự để phục vụ sản xuất kinh doanh, Vicostone đang phối hợp với Ban nhân lực Tập đoàn Phenikaa triển khai dự án Xây dựng thương hiệu Nhà tuyển dụng đối với thương hiệu tuyển dụng VICOSTONE để được biết đến nhiều hơn, trở thành mục tiêu hướng đến của các nhân sự tài năng đang tìm kiếm công việc trên thị trường lao động.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (Tiếp)

2. Chính sách đào tạo

Coi con người là trung tâm của sự phát triển, Vicostone luôn tạo điều kiện để mỗi nhân viên có thể phát huy tối đa năng lực và thể mạnh trong công việc, tạo cơ hội phát triển sự nghiệp, góp phần kết tạo thành công của mỗi cá nhân.

Do đặc thù về công nghệ sản xuất, chính sách đào tạo của Vicostone có sự khác biệt so với chính sách đào tạo của các doanh nghiệp khác cùng ngành, cụ thể: (1) VICOSTONE tập trung vào công tác đào tạo nội bộ để nâng cao năng lực chuyên môn (đặc biệt đối với khối sản xuất và công nghệ); (2) Ưu tiên đào tạo đối với đội ngũ Ban lãnh đạo, Cán bộ quản lý và đội ngũ cán bộ kế cận; (3) Đào tạo các năng lực cốt lõi của Công ty theo lộ trình thống nhất và gắn với công việc thực tế để đánh giá hiệu quả đào tạo.



Tại Vicostone, các chương trình đào tạo được xây dựng căn cứ vào 02 nhu cầu: Nhu cầu của công ty, đơn vị đối với năng lực của nguồn nhân sự hiện có để hoàn thành tốt công việc và Nhu cầu phát triển bản thân, nâng cao năng lực và giá trị của mỗi CBCNV Vicostone.

Theo đó, dựa trên hệ thống từ điển năng lực và khung năng lực đã xây dựng, định kỳ hàng năm, đội ngũ CBQL thực hiện đánh giá năng lực của CBCNV đơn vị mình. Từ việc đánh giá năng lực thực tế, so sánh với chuẩn năng lực vị trí, các đơn vị sẽ tìm ra được GAP (khoảng cách) giữa chuẩn năng lực và năng lực thực tế, để đề xuất các chương trình đào tạo phù hợp, cần thiết nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ CBCNV, đảm bảo nguồn nhân lực có đủ năng lực và kỹ năng để thực hiện mục tiêu sản xuất kinh doanh.

Mỗi CBCNV Vicostone có quyền được đề đạt các chương trình đào tạo để nâng cao năng lực bản thân, phục vụ hiệu quả cho công việc hiện tại và luôn được Công ty tạo điều kiện để tham gia các chương trình đào tạo, hội thảo khoa học...giúp nâng cao giá trị bản thân.

Trong năm 2019 Công ty đã tổ chức 75 khóa đào tạo, trong đó có 55 khóa đào tạo nội bộ và 20 khóa đào tạo bên ngoài. Tổng số giờ đào tạo của toàn bộ CBCNV Công ty trong năm là 109.143 giờ đào tạo, riêng chi phí đào tạo thuê ngoài của Công ty năm 2019 trên 740 triệu đồng. Trung bình mỗi người lao động Vicostone được đào tạo 157 giờ/năm (tương đương 19,7 ngày/năm).



Một số chương trình trong chương trình đào tạo tiêu biểu của VICOSTONE năm 2019:

Chương trình đào tạo hội nhập Nhân viên mới

100% nhân viên mới tuyển dụng vào Vicostone sẽ được tham gia chương trình đào tạo hội nhập nhằm giúp người lao động hiểu rõ lịch sử hình thành và phát triển, môi trường làm việc, các sản phẩm của Vicostone và được đào tạo, huấn luyện về nghiệp vụ giúp người lao động nắm bắt và hòa nhập nhanh nhất với công việc tại Vicostone. Các CBCNV đều phải tham gia các khóa đào tạo bắt buộc liên quan đến quy định của pháp luật về an toàn vệ sinh lao động...

Chương trình đào tạo Kỹ năng tư duy phản biện

Bên cạnh các chương trình đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn cho từng đối tượng cụ thể, năm 2019, Công ty đã triển khai chương trình đào tạo “kỹ năng tư duy phản biện”. Nội dung đào tạo của Khóa Tư duy Phản Biện được thiết kế riêng để phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh, đặc trưng văn hóa và con người Vicostone và phân theo từng nhóm đối tượng: Ban Lãnh đạo, cán bộ quản lý, kỹ sư và Công nhân sản xuất, nhằm tiếp nhận và tháo gỡ những vướng mắc trong việc thực hành phản biện của từng nhóm đối tượng có tính chất khác nhau, truyền tải kiến thức mới, thực hành các bài tập tình huống, trao đổi, giải đáp thắc mắc nhằm xóa bỏ rào cản phản biện của bản thân, khuyến khích và phát triển văn hóa phản biện tại đơn vị.



CBCNV tham gia các khóa đào tạo do công ty tổ chức

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (Tiếp)

Các khóa đào tạo chuyên môn

Theo xu hướng của thế giới, Vicostone đã và đang tích cực thực hiện đào tạo theo nhiều phương pháp mới như hội thảo nội bộ, các buổi nói chuyện do người lao động tự chủ trì... để thúc đẩy và lan tỏa tinh thần tự học hỏi phát triển bản thân, tạo ra văn hóa học tập mới cho Vicostone.

Vicostone thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo được thiết kế riêng, phù hợp với đặc thù sản xuất kinh doanh của Công ty, trang bị cho nhân viên, cán bộ có năng lực và tố chất thực tập làm Giám đốc sản xuất, Giám đốc chất lượng để giải quyết các khó khăn, thách thức hiện có của Công ty. Cách này đã giúp Công ty xây dựng được đội ngũ nhân viên nòng cốt, tạo cảm hứng cho phong trào học tập và rèn luyện không ngừng để góp phần phát triển trong toàn Công ty.

Truyền thông về văn hóa đọc

Công ty cũng tập trung xây dựng và lan toả văn hoá đọc, chia sẻ tri thức. Tủ sách được vận hành với hàng ngàn đầu sách thuộc nhiều lĩnh vực. Định kỳ tháng, hoạt động chia sẻ sách hay được tiến hành tại cuộc giao ban tháng dành cho Cán bộ quản lý và sách cũng là quà tặng cho các CBQL sinh nhật trong tháng. Công ty cũng sử dụng kênh truyền thông mạng xã hội để truyền thông định kỳ tháng về văn hoá đọc.



Văn hóa đọc sách tại Vicostone

3. Chính sách lương, thưởng

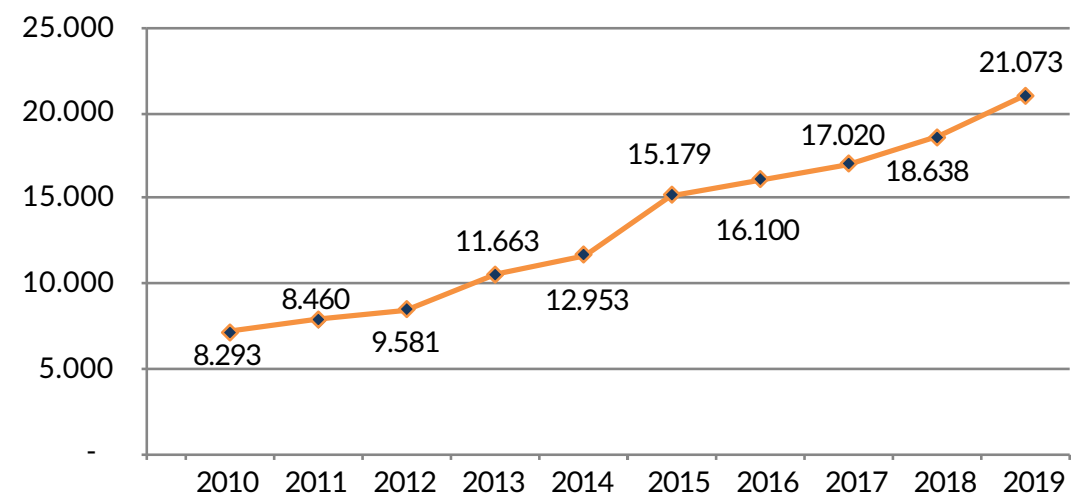
Vicostone xây dựng chính sách lương thưởng dựa trên nguyên tắc: đảm bảo tính công bằng và tương xứng với năng lực và đóng góp của người lao động, cạnh tranh với thị trường lao động để giữ chân nhân sự.

Vicostone trả lương theo phương pháp 3P (Trả lương theo năng lực, vị trí, hiệu quả công việc) và trả lương khoán theo sản lượng và doanh thu bán hàng. Mức lương của CBCNV được xác định theo đúng vị trí chức danh công việc, trên cơ sở những tiêu chí đánh giá rõ ràng và mang tính định lượng, đảm bảo phù hợp với năng lực và kết quả công việc đạt được.

Năm 2019, Công ty tiến hành xây dựng Khung năng lực mới cho từng vị trí, từng bộ phận nhằm đánh giá năng lực của CBCNV một cách chính xác, từ đó nâng cao tiêu chí công bằng trong cách trả lương của Công ty cổ phần Vicostone. Ngoài việc điều chỉnh thu nhập tăng theo mức độ lạm phát và trượt giá của nền kinh tế, công ty còn tiếp tục gia tăng thu nhập hằng năm đối với các lao động có năng lực và kết quả hoàn thành công việc được đánh giá cao.

Bên cạnh đó, Công ty bổ sung các chính sách về phụ cấp phục vụ công việc như bồi dưỡng, phụ cấp công tác (xăng xe, điện thoại, ăn trưa...) giúp người lao động yên tâm làm việc, cống hiến hết sức mình cho Công ty.

Chính sách lương thưởng được gắn liền với thành tích công việc, hiệu quả sản xuất kinh doanh như thưởng thành tích, hiệu quả công việc hàng tháng, thưởng kinh doanh, thưởng sáng kiến cải tiến kỹ thuật, thưởng cho tập thể và CBCNV có thành tích xuất sắc (tập thể tiêu biểu, Người lao động tiêu biểu), có đóng góp cho Công ty. Ngoài ra còn chế độ thưởng các ngày Lễ lớn như (Tết Dương Lịch, Tết Nguyên đán, Lễ 30/4 và 1/5, Lễ Quốc khánh 2/9), nghỉ mát hàng năm, thành lập Công ty...



Thu nhập bình quân 2010 - 2019 (ĐVT: Nghìn đồng/người/tháng)

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (Tiếp)

4. Chính sách phúc lợi

Công ty cam kết và luôn thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước về chế độ, chính sách đối với người lao động. Ngoài ra, Vicostone luôn gia tăng phúc lợi đối với người lao động qua từng năm, triển khai các chương trình phúc lợi đa dạng và mang lại nhiều lợi ích thiết thực cho người lao động, các chính sách phúc lợi nổi bật của Vicostone:

- 100% CBCNV được hưởng các chế độ bảo hiểm Y tế, bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm thất nghiệp;
- 100% CBCNV được mua gói bảo hiểm chăm sóc sức khỏe và hỗ trợ y tế (loại hình bảo hiểm không bắt buộc và ít được các doanh nghiệp sản xuất triển khai do vấn đề chi phí) nhằm đảm bảo sức khỏe của người lao động được chăm sóc tốt nhất, giảm thiểu mức độ rủi ro về tài chính khi không may gặp rủi ro về sức khỏe;
- Được gửi con vào nhà trẻ Vicostone với mức ưu đãi 100% học phí và tất cả các chi phí khác;



Các cháu bé đang vui chơi tại nhà trẻ Vicostone

- Được mua nhà tại Chung cư Vicostone với mức giá ưu đãi và hỗ trợ về lãi suất và các thủ tục với ngân hàng;
- Thưởng đối với toàn bộ CBCNV vào các ngày Lễ lớn của Quốc gia, kèm theo chế độ nghỉ mát hàng năm và thưởng trong ngày thành lập công ty.

| TT | Các loại hình bảo hiểm | Số tiền bảo hiểm năm 2019 (VNĐ) | Kết quả Tháng 04/2019 |
|----|---|---------------------------------|--|
| I | Bảo hiểm xã hội | | |
| 1 | Bảo hiểm xã hội | 9.936.845.374 | Các loại hình bảo hiểm theo quy định bắt buộc của Bộ Luật lao động |
| 2 | Bảo hiểm y tế | 1.811.092.521 | |
| 3 | Bảo hiểm thất nghiệp | 794.991.347 | |
| 4 | Bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp | 198.714.542 | |
| | TỔNG CỘNG | 12.741.643.784 | |
| II | Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe và hỗ trợ y tế PJICO | | |
| 1 | Gói Bảo hiểm dành cho Ban Lãnh đạo, CBQL và người thân đi kèm | 153.588.000 | Bảo hiểm không bắt buộc |
| 2 | Gói Bảo hiểm dành cho nhân viên | 459.750.000 | |
| | TỔNG CỘNG | 613.338.000 | |

Bảng tổng hợp các khoản chi Bảo hiểm của VICOSTONE năm 2019

Từ năm 2019, Vicostone đã thực hiện chế độ nghỉ tất cả các thứ 7 và chủ nhật cho CBCNV khối gián tiếp và nghỉ luân phiên 8 ngày/tháng đối với CBCNV khối trực tiếp – điều mà ít doanh nghiệp sản xuất tại Việt Nam có thể thực hiện được. Việc giảm số ngày làm việc, tăng thời gian nghỉ ngơi cho toàn bộ CBCNV Công ty nhằm mục đích để người lao động có thêm thời gian thư giãn, tái tạo sức lao động và cân bằng giữa công việc và cuộc sống, từ đó khi quay trở lại với Công việc sẽ nâng cao sự tập trung cũng như năng suất làm việc.

5. Ghi nhận và vinh danh

Một trong những nhu cầu thiết yếu và chính đáng của người lao động là được ghi nhận những nỗ lực và đóng góp của họ với tổ chức và được vinh danh, tưởng thưởng đối với những nỗ lực đó.

Tại Vicostone, công tác ghi nhận và vinh danh người lao động được thực hiện một cách bài bản, hệ thống và thể hiện sự trân trọng của Công ty đối với những đóng góp của người lao động.

Người lao động được công nhận những đóng góp, thành tích của mình dưới nhiều hình thức. Hàng năm, công ty tiến hành bình chọn “Chiến sĩ thi đua”, “Lao động tiên tiến”. Ngoài ra, tại Hội nghị sơ kết 06 tháng đầu năm và tổng kết năm 2019, công ty vinh danh và trao thưởng cho các “Tập thể VICOSTONE tiêu biểu”, “Cán bộ quản lý tiêu biểu”, “Người lao động tiêu biểu” với tổng số tiền thưởng cho các tập thể cá nhân tiêu biểu là 590 triệu đồng.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (Tiếp)



Vinh danh và trao thưởng “Người lao động tiêu biểu” năm 2019

Nhằm ghi nhận tinh thần sáng tạo và không ngừng cải tiến, Vicostone trao giải thưởng hàng tháng/quý/năm cho ý tưởng Kaizen. Trong năm 2019, đã có tổng số 1.472 Kaizen được ghi nhận và 1.232 Kaizen được đưa vào thực tế vận hành mang lại giá trị hơn 5 tỷ đồng.

Công ty cũng thực hiện chế độ thưởng đột xuất cho các đơn vị có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực nghiên cứu, sáng tạo.

Trong ấn phẩm tập san hàng Quý của Tập đoàn PHENIKAA luôn có mục vinh danh: “Tập thể tiêu biểu”, “Cán bộ quản lý tiêu biểu”, “Người lao động tiêu biểu”. Đó là một cách để Công ty ghi nhận những đóng góp nỗ lực mà người lao động đã đem lại cho Công ty.

6. Tạo dựng một môi trường làm việc tích cực và gắn kết

Vicostone xây dựng môi trường làm việc trên sáu yếu tố chính: Trung thực, tôn trọng, dũng cảm, hợp tác, kỷ luật và liêm chính. Người lao động được khuyến khích nêu lên các ý kiến, thắc mắc về tất cả các lĩnh vực, thông qua diễn đàn nội bộ, khảo sát hàng năm hoặc qua trao đổi trực tiếp, qua email đến Ban lãnh đạo và quản lý của Vicostone. Các ý kiến đó đều được giải quyết hoặc được ghi nhận để làm cơ sở cho việc cải tiến các quy trình, quy định đã ban hành.



Truyền thông nội bộ cũng là một yếu tố quan trọng để xây dựng môi trường làm việc tích cực, góp phần truyền tải thông tin hai chiều giữa Ban lãnh đạo và toàn thể người lao động trong Công ty. Vicostone sử dụng đa dạng các kênh truyền thông: website, hệ thống email, gặp mặt trực tiếp giữa Tổng giám đốc và Nhân viên định kỳ, Tập san, kênh Facebook, họp giao ban nhằm tăng cường chia sẻ và cập nhật thông tin như chính sách mới, thông tin về bảo hiểm, các sự kiện tiêu biểu... Bằng cách này Công ty tạo ra những luồng trao đổi thông tin cởi mở, đa chiều giữa quản lý – nhân viên, giữa nhân viên – nhân viên.

Năm 2019, Vicostone đã tổ chức các chương trình thi giao lưu văn hóa văn nghệ, hội thi cắm hoa, các giải bóng đá nam/nữ... nhân dịp 20/10 - thành lập Công ty nhằm phát huy tài năng và gắn kết người lao động thông qua các hoạt động giải trí, văn nghệ.

Với những nỗ lực và hành động thiết thực nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, gia tăng sự gắn kết của người lao động với công ty, kết quả khảo sát nguồn nhân lực hạnh phúc năm 2019 của Vicostone cho thấy: Năm 2019, tỷ lệ hài lòng của người lao động làm việc tại Vicostone tăng từ 66,2% năm 2018 lên 70%, tăng 3,8%.



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (Tiếp)

Trong hành trình xây dựng và phát triển, Vicostone đã và đang nỗ lực không ngừng để chinh phục khát vọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, vì chúng tôi tin rằng nguồn nhân lực tốt nhất sẽ mang lại những giá trị tốt nhất cho khách hàng, cổ đông, đối tác, xã hội và chính người lao động của Công ty. Với những nỗ lực không ngừng, chúng tôi cố gắng “hiện thực hóa mọi cam kết” để tạo dựng một môi trường làm việc lý tưởng, giúp người lao động luôn gắn kết, đóng góp hết mình, mang lại giá trị bền vững cho doanh nghiệp, xã hội, đồng thời Công ty sẽ có cơ hội trao gửi lại các giá trị bền vững cho tất cả nhân viên, đúng như slogan của Tập đoàn.



Các hoạt động teambuilding của Vicostone cùng các công ty thành viên của Tập đoàn Phenikaa

III Trách nhiệm với sản phẩm

1. Sản xuất sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về chất lượng và an toàn sức khỏe cho người tiêu dùng

Bên cạnh việc áp dụng các hệ thống quản lý tiêu chuẩn HSEQ (Sức khỏe, An toàn, Môi trường và Chất lượng) trong công tác quản lý, Vicostone luôn duy trì hệ thống sản xuất và sản phẩm đáp ứng các yêu cầu, tiêu chuẩn quốc tế, đã được nhiều tổ chức uy tín chứng nhận. Cụ thể:

| STT | Tổ chức chứng nhận | Nội dung | Hiệu lực | Tổ chức chứng nhận |
|-----|--|---|---------------------------|--------------------|
| 1 | NSF International (Tổ chức An toàn thực phẩm Hoa Kỳ) | Chứng chỉ NSF công nhận sản phẩm an toàn để sử dụng trong phòng thí nghiệm, cơ sở y tế và môi trường chuẩn bị thực phẩm. | Năm 2008 | Duy trì hàng năm |
| 2 | Greenguard Environmental Institute (Tổ chức Vật liệu xanh quốc tế) | Chứng chỉ GreenGuard và GreenGuard Gold chứng nhận sản phẩm an toàn cho môi trường không khí trong nhà và trường học, an toàn đối với trẻ em. | Năm 2009 | Duy trì hàng năm |
| 3 | SGS United Kingdom Ltd (Tổ chức SGS - Vương quốc Anh) | Chứng chỉ CE (EN 15285: 2008 và EN 15286:2013) chứng nhận sản phẩm đạt các tiêu chuẩn Châu Âu về chỉ số cơ lý tính như: Kích thước, độ bền, chống thấm nước, chống mài mòn... | Năm 2009 | Duy trì hàng năm |
| 4 | Greenguard Environmental Institute (Tổ chức Vật liệu xanh quốc tế) | Chứng chỉ Microbial Resistant chứng nhận sản phẩm là loại vật liệu không bị nhiễm khuẩn, chống vi khuẩn sinh sống trên bề mặt, đảm bảo an toàn cho người sử dụng và môi trường. | Duy trì hàng năm | Duy trì hàng năm |
| 5 | Viện Vật liệu Xây dựng (Bộ Xây dựng) | Đánh giá chứng nhận hợp quy sản phẩm Đá ốp lát nhân tạo phù hợp QCVN 16:2014/BXD nhóm sản phẩm gạch, đá ốp lát | Tái chứng nhận 04/12/2017 | 03/12/2020 |



Microbial Resistance
ASTM D 6329-98

* Các chứng chỉ của sản phẩm đá Vicostone

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (Tiếp)

Để đảm bảo chất lượng theo các tiêu chuẩn khắt khe nhất đã cam kết với Khách hàng, Vicostone thực hiện nghiêm ngặt quy trình kiểm soát chất lượng ngay từ đầu nguyên vật liệu trong suốt quá trình sản xuất đá trước khi giao tới cho Khách hàng.

Sản phẩm của Vicostone không ngừng được cải tiến để đạt được chất lượng tốt nhất, thân thiện với môi trường, đáp ứng cao nhất yêu cầu của khách hàng.

Dưới đây là bảng thông số kỹ thuật của sản phẩm đá thạch anh VICOSTONE® được kiểm định theo các tiêu chuẩn quốc tế:

| Đặc tính | Phương pháp thử | Kết quả |
|---|---|---|
| Độ hấp thụ nước (% khối lượng) | ASTM C97/C97M-09:2009 | ≤ 0,05% |
| | EN 14617-1:2013 | ≤ 0,06% |
| Tỷ trọng biểu kiến | ASTM C97/C97M-09:2009 | 2,2-2,4 g/cm ³ |
| | EN 14617-1:2013 | |
| Độ bền uốn | ASTM C880/C880M-09:2009 | > 40 MPa |
| | EN 14617-2:2008 | |
| Độ ổn kích thước | EN 14617-12:2012 | Hạng A |
| Xác định điện trở suất | EN 14617-13:2013 | Điện trở (R_v) = $0,9 \times 10^{14} \Omega$ Điện trở suất (ρ_v) = $4,88 \times 10^{14} \Omega m$ |
| Độ bền va đập | ASTM D1709:2015 | ≥ 3,0 J |
| | EN 14617-9:2005 | |
| Độ bền nén | ASTM C170/C170M-09:2009 | ≥ 155 Mpa |
| | EN 14617-15:2005 | |
| Độ cứng theo thang Mohs | EN101 | 6,0 – 7,0 |
| Khả năng chịu mài mòn sâu | ASTM C1243:2009 | Thể tích bị mài mòn: $V \leq 195 \text{ mm}^3$ |
| | EN 14617-5:2012 | |
| Khả năng chống đông kết và tan chảy | ASTM C1026:2013 | Không có thay đổi sau 15 chu kỳ |
| | EN 14617-5:2012 | Không có thay đổi sau 25 chu kỳ |
| Khả năng chống trơn trượt ở độ nhám 400 | DIN 51130:2004 | R9 – R10 |
| Khả năng kháng khuẩn | ASTM D 6329:2015 | Kháng độ 3: vi khuẩn không phát triển |
| Khả năng chịu hóa chất, axit | EN 14617-10:2012 | Hạng C4 |
| Khả năng chịu sốc nhiệt | EN 14617-6:2012 | Không quan sát được thay đổi sau 20 chu kỳ |
| Độ bền khi ngâm trong nước sôi | AS 2924.2-7: 1998 (EQUI. TO ISO 4586.2-8: 1997) | Tác dụng lên bề mặt (mức độ): 5 - (không quan sát được sự thay đổi) |
| Độ bền khi gia nhiệt khô | AS 2924.2-8: 1998 (EQUI. TO ISO 4586.2-8: 1997) | Tác dụng lên bề mặt (mức độ): 5 - (không quan sát được sự thay đổi) |
| Độ bền khi nhuộm màu | AS 2924.2-15: 1998 (EQUI. TO ISO 4586.2-15: 1997) | Tác dụng lên bề mặt (mức độ): 5 - (không quan sát được sự thay đổi) |

2. Kiểm soát chất lượng sản phẩm ngay từ khâu nguyên vật liệu, nhằm đảm bảo chất lượng và an toàn trong quá trình sản xuất

Tất cả các nguyên vật liệu sản xuất đá thạch anh Vicostone đều được cung cấp bởi các đối tác uy tín trong và ngoài nước và kiểm soát nghiêm ngặt với quy trình như sau:

2.1. Quy trình kiểm tra nguyên vật liệu nhập khẩu

1 Trước khi nhập

- Kiểm tra chất lượng mẫu;
- Đánh giá năng lực sản xuất của Nhà cung cấp;
- Đánh giá năng lực quản lý của Nhà cung cấp;
- Đánh giá năng lực duy trì và ổn định Nhà cung cấp.

2 Nhập hàng loạt

- Nguyên vật liệu (NVL) được nhập hàng loạt phải đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn sau khi đã thử nghiệm với lô lớn trên dây chuyền;
- Trước khi quyết định nhập hàng loạt (nhập liên tục) nguyên vật liệu, có thể tổ chức đoàn đánh giá hiện trạng nhà cung cấp.

3 Kiểm tra trước khi nhập kho

- 100% các lô nguyên vật liệu nhập về đều được kiểm tra trước khi nhập kho theo các quy trình và tiêu chuẩn ban hành;
- Nếu có trường hợp không đạt, ngay lập tức được khoanh vùng riêng chờ làm việc với nhà cung cấp về biện pháp xử lý. Tuyệt đối không đưa vào sản xuất nếu nguyên vật liệu không đạt các yêu cầu chất lượng.

4 Kiểm soát trong quá trình bảo quản

- Tất cả các loại nguyên vật liệu được bảo quản trong các kho tiêu chuẩn. Định kỳ rà soát, kiểm tra, đánh giá về quy cách, điều kiện lưu kho, đảm bảo chất lượng tốt nhất trước khi đưa vào sản xuất.

5 Kiểm soát trong quá trình đưa vào sản xuất

- Trước khi nguyên vật liệu được đưa vào sản xuất đều được PQC của Phòng QLCL kiểm tra;
- Trong quá trình sản xuất nếu có phát hiện vấn đề ảnh hưởng chất lượng nguyên vật liệu ngay lập tức được khoanh vùng riêng và giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy trình.

6 Đánh giá

- 100% sản phẩm đều được đánh giá chất lượng theo tiêu chuẩn đã ban hành.

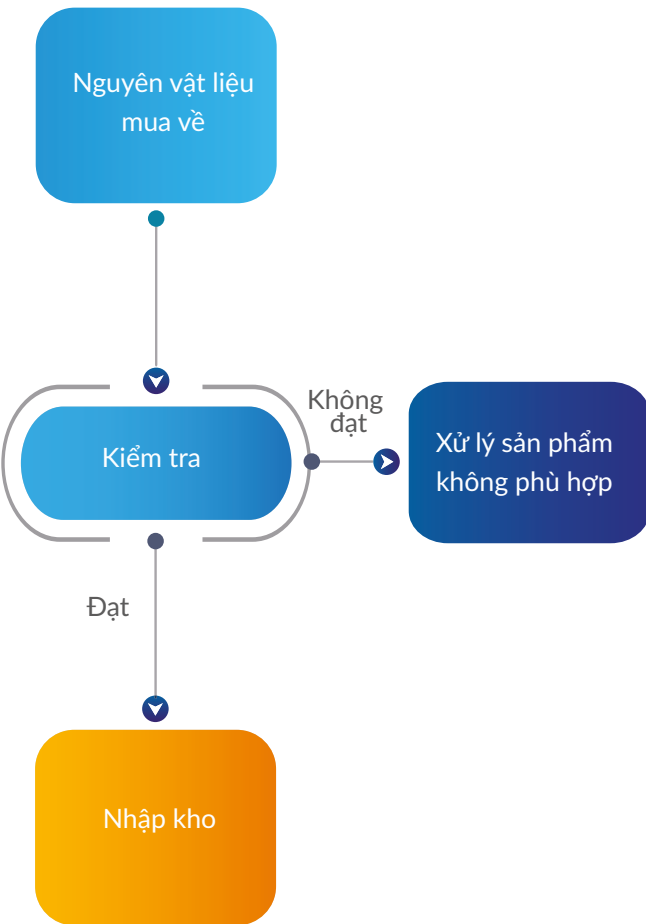
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (Tiếp)

2.2. Quá trình kiểm soát nguyên vật liệu

Trước khi tiến hành nhập kho, nguyên vật liệu được nhân viên Kiểm tra chất lượng đầu vào (IQC) tiến hành kiểm tra lần thứ nhất bằng các thiết bị chuyên dụng, đáp ứng tiêu chuẩn nghiêm ngặt, đảm bảo vật liệu tuân thủ các yêu cầu về an toàn môi trường và phù hợp với công nghệ sản xuất của Vicostone. Sau khi nhập kho, nguyên vật liệu được bảo quản theo tiêu chuẩn, không để xảy ra tình trạng suy giảm chất lượng trong quá trình lưu kho. Trước khi đưa vào sản xuất, nguyên vật liệu tiếp tục được kiểm tra, đánh giá lần 2 về chất lượng và các thông số an toàn môi trường.

Kiểm tra nguyên vật liệu nhập khẩu

Quy trình kiểm tra nguyên vật liệu nhập khẩu



Nội dung thực hiện

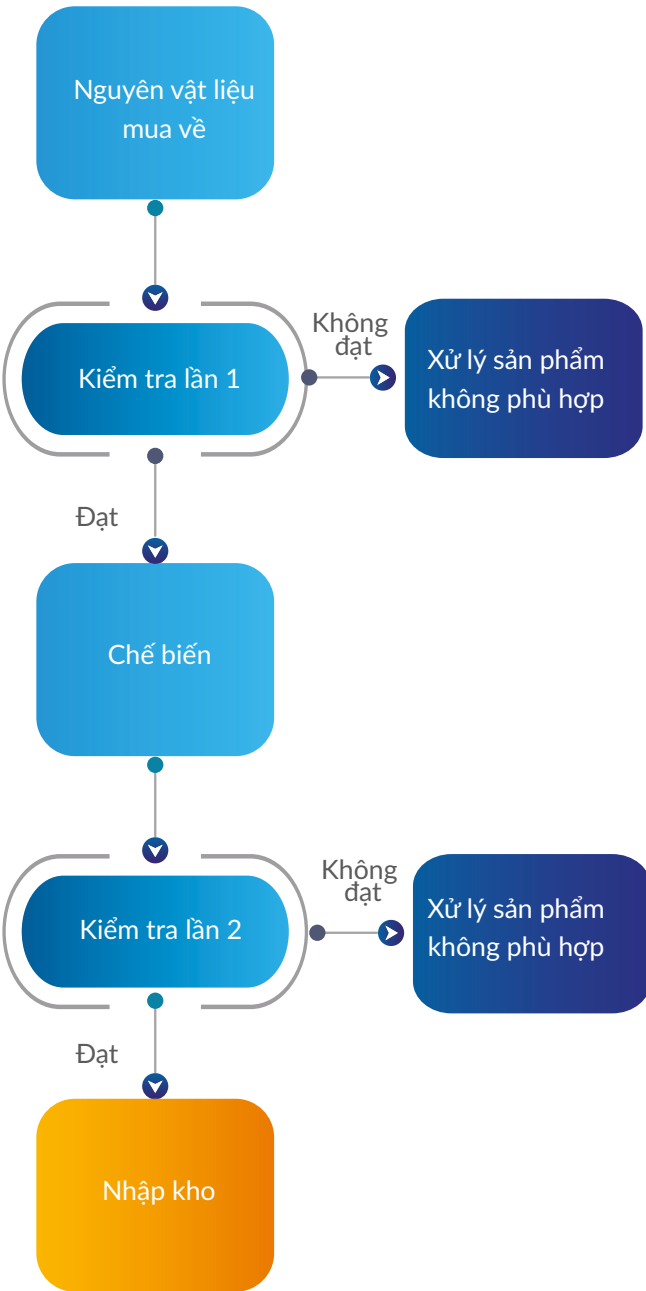
Nguyên vật liệu mua về theo “Quy trình mua hàng” được phòng Kinh doanh chuẩn bị đầy đủ các thông tin liên quan và thông báo cho Phòng vật tư và Phòng Quản lý chất lượng tiến hành kiểm tra.

Nhân viên IQC – Phòng Quản lý chất lượng kiểm tra, đánh giá 100% nguyên vật liệu mua về theo các hướng dẫn và tiêu chuẩn kiểm tra đã được Ban Lãnh đạo Công ty phê duyệt (kiểm tra lần 1), trường hợp:

- Đạt: Cho nhập kho;
- Không đạt: Yêu cầu xử lý sản phẩm không phù hợp theo quy định.

Kiểm tra nguyên vật liệu nội địa

Quy trình kiểm tra nguyên vật liệu nội địa



Nội dung thực hiện

Nguyên vật liệu mua về theo “Quy trình mua hàng” được Phòng Kinh doanh chuẩn bị đầy đủ các thông tin liên quan và thông báo cho Phòng Vật tư và Phòng Quản lý chất lượng tiến hành kiểm tra.

Nhân viên KCS – Phòng Quản lý chất lượng kiểm tra, đánh giá 100% nguyên vật liệu mua về theo các hướng dẫn và tiêu chuẩn kiểm tra đã được Ban Lãnh đạo Công ty phê duyệt (kiểm tra lần 1), trường hợp:

- Đạt: Cho nhập kho;
- Không đạt: Yêu cầu xử lý sản phẩm không phù hợp theo quy định.

Nhân viên Xưởng Nghiền sàng thực hiện theo “Quy trình kiểm soát quá trình nghiền sàng” để chế biến các nguyên vật liệu thô thành nguyên vật liệu tinh đạt yêu cầu sản xuất sản phẩm.

Nhân viên PQC – Phòng Quản lý chất lượng thực hiện kiểm soát chất lượng nguyên vật liệu trong quá trình chế biến.

Nhân viên PQC – Phòng Quản lý chất lượng kiểm tra, đánh giá 100% nguyên vật liệu sau khi được chế biến, theo các hướng dẫn và tiêu chuẩn kiểm tra (kiểm tra lần 2), trường hợp:

- Đạt: Cho nhập kho;
- Không đạt: Yêu cầu xử lý sản phẩm không phù hợp theo quy định.

Nguyên vật liệu sau khi được nhân viên PQC – Phòng Quản lý chất lượng kiểm tra, xác nhận đạt yêu cầu sẽ được bàn giao cho Phòng Vật tư lưu kho và bảo quản theo tiêu chuẩn, đảm bảo không để xảy ra tình trạng suy giảm chất lượng, số lượng nguyên vật liệu trong quá trình lưu kho chờ sản xuất.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (Tiếp)

Nhờ quy trình và các biện pháp kiểm tra, giám sát chất lượng chặt chẽ, 100% các loại nguyên vật liệu mua sắm tại Vicostone đều được đánh giá và đảm bảo chất lượng tốt nhất trước khi đưa vào sản xuất. Năm 2019, Công ty tiếp tục thực hiện chính sách nội địa hóa nguyên vật liệu. Đặc biệt, việc Công ty TNHH MTV Đầu tư và chế biến khoáng sản Phenikaa Huế (gọi tắt là Phenikaa Huế) trở thành đơn vị thành viên mới trong hệ thống sản xuất công nghiệp của Công ty Cổ phần Vicostone, đã tạo nên một mắt xích quan trọng, giúp Vicostone chủ động và ổn định nguồn nguyên vật liệu đầu vào, giảm giá thành sản phẩm. Việc làm chủ nguyên liệu đá thạch anh đã tạo một lợi thế không nhỏ cho Vicostone trên thị trường.

Sau khi nguyên vật liệu được nhập kho, các đơn vị phòng ban chức năng tiếp tục kiểm soát công tác sản xuất và hoàn thiện sản phẩm theo các tiêu chuẩn chung nghiêm ngặt. Các tiêu chuẩn này được thể hiện trong bộ tiêu chuẩn quy trình được ban hành công khai và thống nhất giữa các Nhà máy. Hệ thống các quy trình/hướng dẫn trong quá trình sản xuất của Vicostone được thể hiện như sau:

- 1

KIỂM TRA ĐẢM BẢO NVL ĐẦU VÀO
- 2

KIỂM SOÁT QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT
- 3

TRUY XUẤT NGUỒN GỐC SẢN PHẨM
- 4

KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM
- 5

KIỂM TRA TÍNH CHẤT CƠ - LÝ - HÓA
- 6

KIỂM TRA CÁC TÍNH CHẤT AN TOÀN SỬ DỤNG
- 7

KIỂM TRA CÁC TÍNH CHẤT AN TOÀN MÔI TRƯỜNG
- 8

KIỂM TRA TÍNH CHẤT AN TOÀN SẢN PHẨM
- 9

KIỂM SOÁT QUÁ TRÌNH ĐÓNG HÀNG

| STT | Nội dung kiểm soát | Quy trình/Hướng dẫn | Tần suất | Diễn giải ngắn gọn |
|-----|---|---|--|--|
| 1 | Kiểm tra đảm bảo NVL đầu vào | "Quy trình kiểm tra vật tư nguyên vật liệu đầu vào" QT-30 | 100 % Đơn vị đóng gói NVL | Nguyên vật liệu mua về được kiểm tra 100% đạt chất lượng theo tiêu chuẩn trước khi nhập kho chờ sản xuất |
| 2 | Kiểm soát quá trình sản xuất | "Quy trình kiểm soát chất lượng sản phẩm" QT-32 | 100 % Ca sản xuất | Quá trình cấu thành sản phẩm đều được PQC kiểm tra đạt ứng với công đoạn thích hợp |
| 3 | Truy xuất nguồn gốc sản phẩm | "Quy trình nhận biết và truy xuất nguồn gốc sản phẩm" QT-07 | 100 % Tấm đá | Công ty trang bị các công cụ thích hợp để nhận biết sản phẩm, đảm bảo yêu cầu theo dõi và đo lường trong toàn bộ quá trình sản xuất và cung cấp dịch vụ |
| 4 | Kiểm soát chất lượng sản phẩm | "Quy trình kiểm soát chất lượng sản phẩm" QT-32 | 100 % Lô sản xuất | Các sản phẩm tương ứng được kiểm tra ít nhất 1 lượt bằng các tiêu chí nghiêm ngặt về bề mặt và phân loại chất lượng |
| 5 | Kiểm tra tính chất Cơ - Lý - Hóa | "Quy trình kiểm soát chất lượng sản phẩm" QT-32 | 100 % Các lô sản xuất | 100% các lô sản xuất đều được kiểm tra các tính chất Cơ - Lý - Hóa và so sánh với các tiêu chí nghiêm ngặt để đảm bảo chất lượng tốt nhất tới tay khách hàng |
| 6 | Kiểm tra các tính chất an toàn sử dụng | "Quy trình phát triển và triển khai sản xuất - bán hàng sản phẩm mới" QT-08 | 100 % Các lô sản xuất | Các tính chất an toàn cho người sử dụng như tính chống trơn trượt, tính chống cháy,... đều được kiểm tra định kỳ khi phát triển sản phẩm mới |
| 7 | Kiểm tra các tính chất an toàn môi trường | "Quy trình phát triển và triển khai sản xuất - bán hàng sản phẩm mới" QT-08 | Theo quy định của Tổ chức cấp Chứng nhận | Định kỳ hàng năm, VICOSTONE gửi sản phẩm mẫu cho tổ chức GreenGuard để kiểm tra các tiêu chí về phát thải của sản phẩm ra môi trường tại phòng thí nghiệm UL Environment (Mỹ) |
| 8 | Kiểm tra tính chất an toàn sản phẩm | "Quy trình phát triển và triển khai sản xuất - bán hàng sản phẩm mới" QT-08 | Theo quy định của Tổ chức cấp Chứng nhận | Các tính chất về an toàn thực phẩm như tính phơi nhiễm, hàm lượng kim loại nặng trong NVL, khả năng phát triển nấm mốc, vi sinh vật đều được tổ chức NSF (Mỹ) kiểm định và đánh giá lại hàng năm |
| 9 | Kiểm soát quá trình đóng hàng | "Quy trình đóng hàng" QT-28 | 100 % cont | 100% container hàng được kiểm soát bởi KCS - Phòng Quản lý chất lượng về chất lượng sản phẩm đóng hàng và quy cách đóng hàng |

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (Tiếp)

3. Bảo hộ các quyền sở hữu trí tuệ

Sở hữu trí tuệ (SHTT) là một trong những tài sản vô hình vô cùng quan trọng và có giá trị đối với mỗi doanh nghiệp. Nhiều doanh nghiệp trên thế giới đã thành công nhờ khai thác hiệu quả quyền SHTT như: Coca Cola, Microsoft, IBM...với giá trị thương hiệu - tài sản SHTT lên tới hàng chục tỷ Đô la Mỹ.

Tại Vicostone, việc bảo vệ các quyền SHTT được quan tâm, chú trọng và thực hiện ngay từ những ngày đầu thành lập. Trong những năm qua, đứng trước những cơ hội & thách thức, đặc biệt là những rủi ro về pháp lý vấn đề bị sử dụng trái phép SHTT, các hoạt động bảo vệ quyền SHTT được thực hiện một cách chủ động, đồng bộ và hệ thống nhằm bảo vệ tài sản trí tuệ và tính cạnh tranh của Công ty.

Các giải pháp bảo vệ quyền SHTT nổi bật như sau:

3.1. Đăng ký bảo hộ trong nước và ở nước ngoài đối với các tài sản trí tuệ để bảo vệ tính cạnh tranh của doanh nghiệp

Hiện nay, nhãn hiệu VICOSTONE® đã được đăng ký bảo hộ tại 67 quốc gia trong đó có các thị trường trọng điểm của Công ty gồm: Mỹ, Canada, Úc, New Zealand, EU (28 quốc gia). Bên cạnh việc đăng ký bảo hộ nhãn hiệu VICOSTONE®, Công ty –đã đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp đối với các thiết kế sản phẩm và đăng ký bảo hộ tên các sản phẩm chủ lực. Từ năm 2017, Công ty đã tiến hành nộp 18 đơn đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp đối với các thiết kế sản phẩm chủ lực, trong đó có 05 thiết kế đã được cấp bằng độc quyền bảo hộ kiểu dáng công nghiệp (BQ8863, BQ8840, BQ8860, BQ8686, BQ8730) tại Việt Nam. Trong năm 2019, Công ty đã tiến hành nộp đơn đăng ký bảo hộ tên của một số sản phẩm chủ lực tại Mỹ, Canada và Việt Nam với 243 đơn. Các biện pháp bảo vệ thương hiệu khác.

Các sản phẩm đá thạch anh VICOSTONE® là sự kết tinh của công nghệ, trí tuệ, kinh nghiệm, bí quyết riêng và sự nỗ lực sáng tạo không ngừng của đội ngũ nghiên cứu, phát triển sản phẩm. Trên thực tế, việc đối thủ cạnh tranh sao chép và biến tấu các mẫu đá diễn ra rất phổ biến, mặc dù pháp luật quốc tế có quy định cụ thể, chặt chẽ về sở hữu trí tuệ. Việc khiếu kiện mất rất nhiều thời gian, chi phí. Do vậy, Công ty luôn chú trọng, chủ động trong việc bảo vệ tài sản trí tuệ và thương hiệu của mình. Cụ thể như sau:

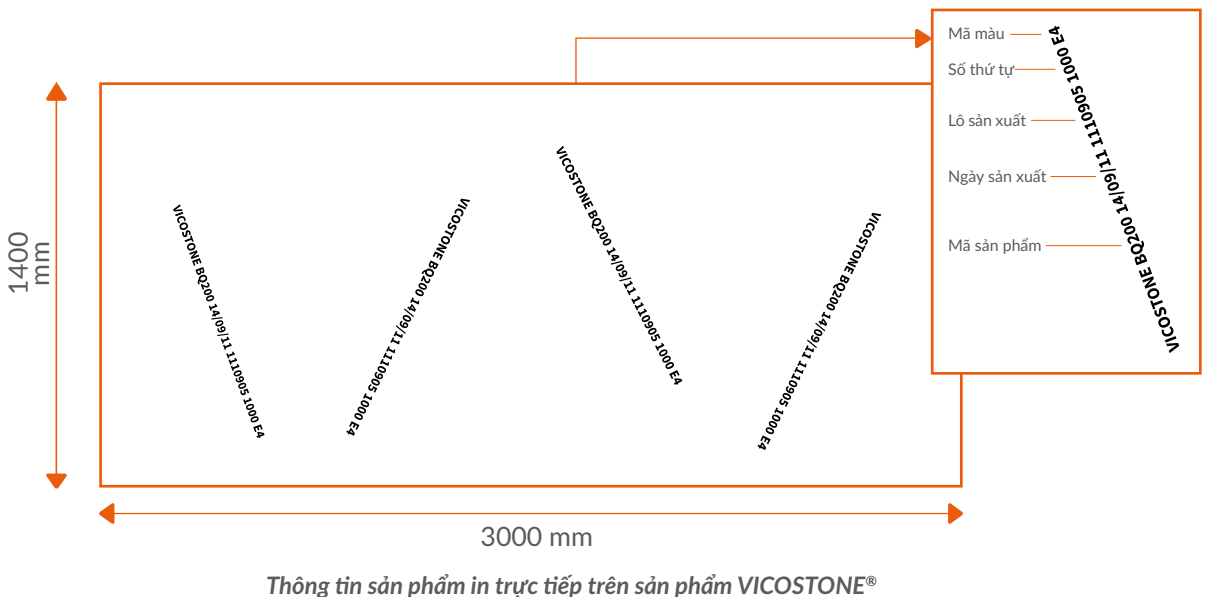
Công cụ chống hàng giả hàng nhái



Tem nhận biết sản phẩm đá thạch anh thương hiệu VICOSTONE®

Hiện Công ty đang sử dụng hệ thống mã vạch quản lý toàn bộ thông tin liên quan đến từng sản phẩm (mã số nhận dạng sản phẩm). Mã sản phẩm được tạo ra bởi máy chủ trung tâm và chuyển thành dạng mã vạch hai chiều sau đó gắn lên sản phẩm theo hai phương thức:

- In các thông tin cần thiết để quản lý sản phẩm lên tem nhãn, sau đó gắn lên sản phẩm: Hệ thống sẽ in sẵn các mã vạch lên tem nhãn và các tem nhãn sẽ được dán lên sản phẩm tương ứng;
- In trực tiếp lên mặt sau sản phẩm: Tên thương hiệu sản phẩm VICOSTONE® được in ở mặt sau tấm đá cùng thông tin về mã sản phẩm, ngày sản xuất, số hiệu và mã màu nhằm tăng tính nhận diện của thương hiệu đối với người tiêu dùng. Những thông tin này sẽ không bị mất hay làm mờ trong quá trình vận chuyển, chế tác và tồn tại vĩnh viễn cùng sản phẩm;
- Mỗi sản phẩm đều được dán tem nhãn với mã vạch riêng biệt nhằm đảm bảo việc truy xuất thông tin nhanh chóng và chính xác. Các thông tin này giúp khách hàng đăng ký bảo hành sản phẩm thông qua website của Công ty và xác nhận sản phẩm thật hay giả.

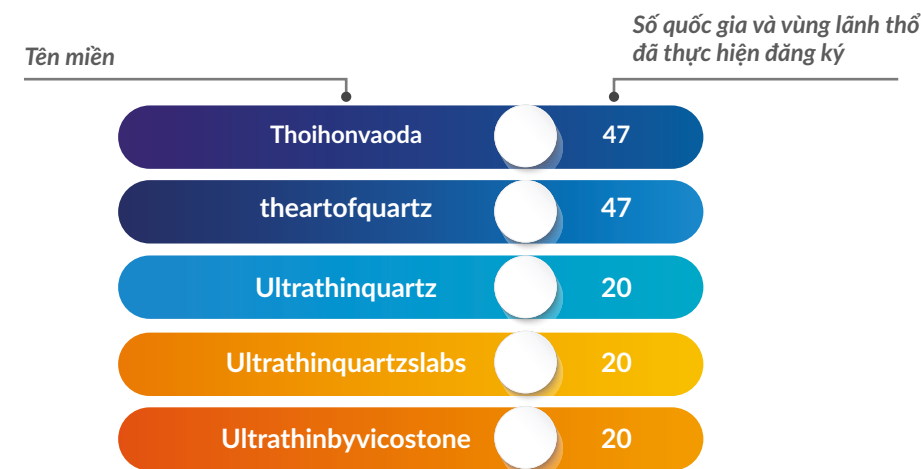


3.2. Sử dụng các biện pháp kĩ thuật

Bên cạnh việc đăng ký bảo hộ, Công ty tăng cường đăng ký, bảo vệ thương hiệu của mình trên môi trường Internet để tránh việc tranh chấp, chiếm quyền sở hữu tên miền, đánh cắp sở hữu trí tuệ... Cụ thể, Công ty đã sử dụng tên miền trùng với nhãn hiệu (<http://vicostone.com/>) và đầu tư cho tên miền của trang web của Công ty tại gần 50 quốc gia trên thế giới. Các thị trường trọng điểm của Vicostone như

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (Tiếp)

Bắc Mỹ (USA - vicostoneus.com, Canada - vicostone.ca) và các thị trường khác như châu Âu (vicostone.co.uk, vicostone.fr) đều có đầy đủ thông tin về sản phẩm, thương hiệu, địa điểm mua hàng chính hãng trên website của Công ty. Ngoài ra, trong năm 2019 Công ty cũng đã tiến hành đăng ký các tên miền trùng với tên của một số sản phẩm trọng điểm và thương hiệu của Công ty như:



3.3. Các biện pháp khác

- Công ty tăng cường áp dụng các biện pháp nội bộ nhằm quản lý chặt chẽ việc bảo vệ bí mật công nghệ, thiết bị máy móc, dây chuyền... như hạn chế/cấm quay phim, chụp ảnh các khu vực sản xuất liên quan đến yếu tố công nghệ, hay bí mật công nghệ cần được bảo mật. Toàn thể cán bộ công nhân viên ký cam kết bảo mật, đảm bảo không làm rò rỉ bất kỳ thông tin, tài liệu bảo mật ra bên ngoài trong suốt quá trình công tác và kể cả khi không còn làm việc tại Công ty.
- Yêu cầu đối tác cam kết tuân thủ quyền sở hữu trí tuệ đối với thương hiệu của Công ty: Trong các giao dịch với đối tác nước ngoài, các hợp đồng mua bán, khách hàng đều phải cam kết không vi phạm Quyền Sở hữu Thương hiệu, nếu gây thiệt hại sẽ phải bồi thường theo quy định pháp luật.
- Tại thị trường Việt Nam, hiện tại, Vicostone cung cấp đầy đủ các dịch vụ cho khách hàng, từ đo vẽ, chào giá, lắp đặt, bảo hành, đăng ký bảo hành trên website... Việc này đã hạn chế đáng kể khả năng bán hàng giả, hàng nhái thương hiệu đá thạch anh VICOSTONE®.

Cùng với quy mô ngày càng lớn của Công ty, các quyền SHTT của Công ty ngày càng nhiều, việc bảo vệ các quyền SHTT tránh khỏi những hành vi xâm phạm sẽ ngày càng khó khăn. Để bảo vệ hiệu quả các quyền SHTT, bên cạnh việc xây dựng và đưa vào vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu và quản lý thông tin các quyền SHTT thông qua việc tăng cường áp dụng các biện pháp công nghệ trong xây dựng cơ sở dữ liệu và quản lý thông tin, trong năm 2020, Công ty sẽ triển khai các giải pháp sau:

- Xây dựng và áp dụng vào thực tiễn chiến lược SHTT và chính sách quản lý hoạt động SHTT tại Công ty.
- Xây dựng và đưa vào vận hành thực tế một bộ phận chuyên trách về quản trị tài sản trí tuệ tại Công ty, bao gồm các thành viên thuộc Ban Pháp chế, Ban Marketing và Trung tâm R&D.
- Xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách được đào tạo chuyên sâu về SHTT để tổ chức triển khai các hoạt động SHTT một cách tổng thể, đồng bộ, có hệ thống tại Công ty.

IV Trách nhiệm với môi trường

Ngày nay, sự phát triển của nền kinh tế, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa ... đã tạo ra sự thay đổi lớn đối với đời sống của con người. Tuy nhiên, các quá trình trên cũng tác động và gây những ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường. Những vấn đề liên quan đến môi trường như: ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, cạn kiệt tài nguyên... đã trở thành những vấn đề toàn cầu và việc bảo vệ môi trường không chỉ dừng lại ở ý thức của mỗi cá nhân mà trở thành nghĩa vụ và được luật định hóa.

Cùng với đó, nhận thức về môi trường của con người ngày càng phát triển. Đối tác và người tiêu dùng quan tâm nhiều hơn tới các sản phẩm xanh – sạch – đẹp. Nếu các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp dẫn đến ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên sẽ không đáp ứng được nhu cầu và các tiêu chí lựa chọn của người tiêu dùng. Do đó, bảo vệ môi trường đã trở thành vấn đề trọng yếu, đảm bảo sự phát triển bền vững của các doanh nghiệp.

Là một doanh nghiệp hoạt động trong môi trường kinh doanh quốc tế, sản phẩm VICOSTONE® đã được xuất khẩu tới hơn 40 quốc gia ở khắp 05 châu lục, Vicostone luôn luôn ý thức được trách nhiệm của mình trong việc bảo vệ môi trường. Đây là một trong ba nhiệm vụ trọng tâm trong chiến lược phát triển bền vững của Vicostone, là cơ sở để Vicostone nỗ lực đưa ra các giải pháp nhằm giảm thiểu tối đa các ảnh hưởng đến môi trường trên các khía cạnh phát triển dòng sản phẩm sinh thái, nghiên cứu và ứng dụng các công nghệ mới, tiết kiệm năng lượng và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho người lao động.

Trách nhiệm đối với môi trường của Vicostone không chỉ dừng ở khu vực có hoạt động sản xuất mà được thực hiện ở tất cả các khu vực khác thông qua việc cung cấp các sản phẩm xanh, thân thiện với người tiêu dùng và môi trường xung quanh.



Môi trường làm việc sạch sẽ tại nhà máy Vicostone

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (Tiếp)

1. Rủi ro về môi trường

Rủi ro về môi trường là các yếu tố có thể xảy ra về môi trường có tác động không tốt đối với sức khỏe con người, môi trường xung quanh, tài sản, uy tín và thương hiệu của Công ty.

Vicostone đã có những hành động cụ thể, thiết thực để chủ động phòng ngừa và ngăn chặn rủi ro về môi trường có thể xảy ra thông qua việc nhận diện, đánh giá nghiêm túc và đưa ra các biện pháp quản trị phù hợp đối với các nguyên nhân có thể dẫn đến rủi ro về môi trường. Các biện pháp quản trị được tiến hành đồng bộ, quyết liệt nhằm giảm thiểu tối đa rủi ro về môi trường có thể xảy ra để bảo vệ môi trường, bảo vệ tài sản và uy tín, thương hiệu của Công ty.

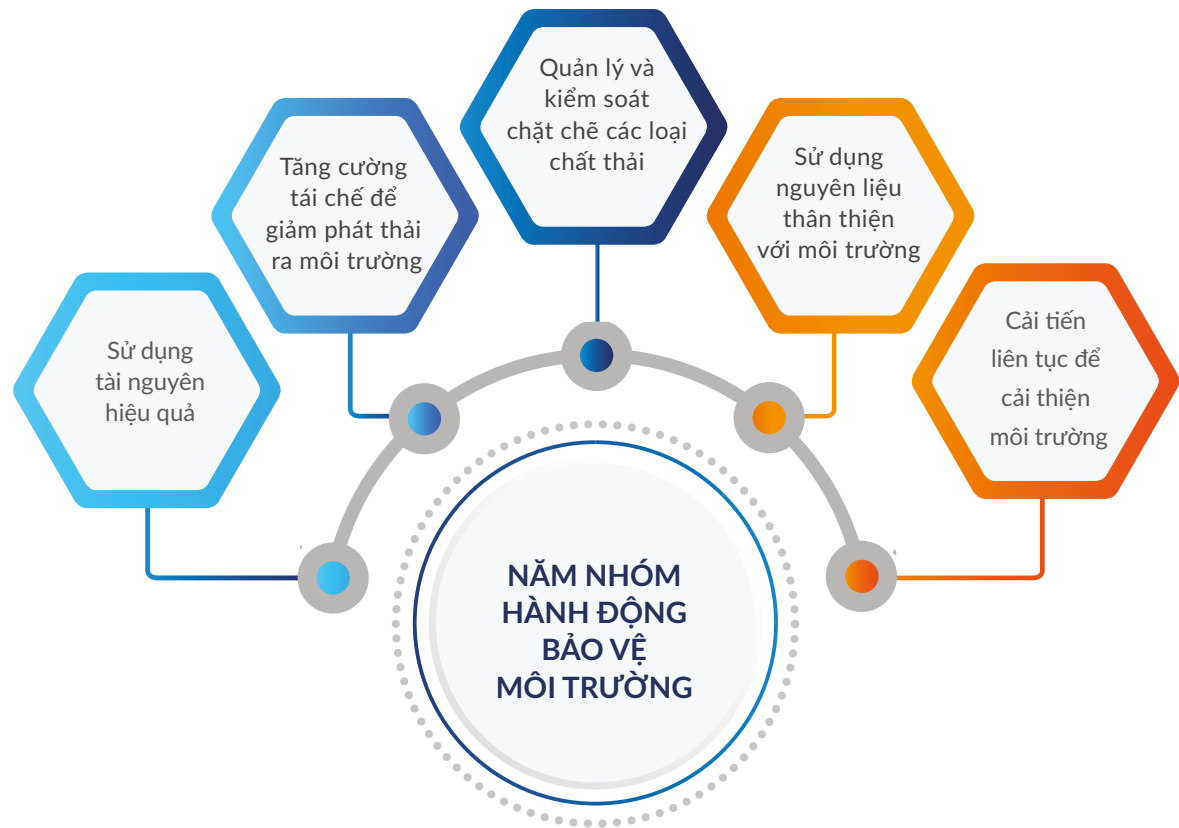


| Rủi ro | Ảnh hưởng | | Nguyên nhân | Nhóm nguyên nhân | Biện pháp quản trị |
|--|---|--|--|--------------------------------------|---|
| Rủi ro môi trường: Các sự cố liên quan đến môi trường trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. | <ul style="list-style-type: none">Ảnh hưởng đến môi trường, sức khỏe cho CBCNV, người dân sinh sống trong khu vực và khách hàng;Hoạt động sản xuất bị gián đoạn ảnh hưởng lớn đến kết quả kinh doanh của Công ty; Các cơ quan nhà nước xử phạt, ảnh hưởng đến uy tín, thương hiệu của Công ty. | | <ul style="list-style-type: none">Không tuân thủ hoặc tuân thủ không đầy đủ các quy định của luật bảo vệ môi trường; | Con người | <ul style="list-style-type: none">Thường xuyên cập nhật các quyết định của pháp luật, tuyên truyền và cụ thể hóa bằng các văn bản, quyết định của công ty để tất các thực hiện và tuân thủ |
| | | | <ul style="list-style-type: none">Sử dụng tài nguyên không hiệu quả;Chất lượng nguồn nguyên liệu không đảm bảo, ảnh hưởng đến môi trường;Công nghệ không hiện đại. | Nguyên vật liệu đầu vào Công nghệ | <ul style="list-style-type: none">Kiểm soát nguyên vật liệu đầu vào từ NCC;Đảm bảo NVL được khai thác;Sử dụng hiệu quả, tránh lãng phí;Tăng cường tái chế, tái sử dụng làm giảm chất thải. |
| | | | <ul style="list-style-type: none">Hệ thống xử lý chất thải, khí thải, nước thải không đảm bảo;Các thiết bị đo, kiểm tra không chính xác. | Máy móc, thiết bị | <ul style="list-style-type: none">Thường xuyên cải tiến và kiểm soát việc vận hành các thiết bị. |
| | | | <ul style="list-style-type: none">Hệ thống quản lý môi trường không hiệu quả. | Quy trình, phương pháp | <ul style="list-style-type: none">Cải tiến, cập nhật các tiêu chuẩn mới;Đào tạo con người. |
| | | | <ul style="list-style-type: none">Các yếu tố không mong muốn khác từ bên ngoài. | Môi trường | <ul style="list-style-type: none">Theo dõi, cập nhật các thông tin từ Cơ quan quản lý nhà nước; phương tiện truyền thông. |

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (Tiếp)

2. Các hoạt động, biện pháp bảo vệ môi trường

Để chủ động phòng ngừa và ngăn chặn rủi ro về môi trường có thể xảy ra, Vicostone đã sử dụng đồng bộ nhiều biện pháp nhằm tác động lên tất cả các nguyên nhân có thể dẫn đến rủi ro về môi trường, các biện pháp bảo vệ môi trường của Vicostone được chia thành năm nhóm hành động như sau:



2.1. Sử dụng tài nguyên hiệu quả

Việc sử dụng hiệu quả các tài nguyên không chỉ tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mà còn là yếu tố quan trọng trong việc tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, giảm bớt các nguồn phát thải ra môi trường, đảm bảo môi trường bền vững.

Điện, nước, gas và dầu diesel là những loại năng lượng, tài nguyên quan trọng, ảnh hưởng nhiều đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Vicostone, Công ty luôn ý thức được mức độ quan trọng và luôn cải tiến, tìm kiếm những giải pháp phù hợp nhằm sử dụng một cách hiệu quả nhất đối với những loại tài nguyên này. Thực tế những năm gần đây cho thấy, Vicostone đang kiểm soát khá tốt việc sử dụng khá hiệu quả các tài nguyên này, cụ thể:

| Năm | M ² rung ép | Điện (KWh/M ²) | Gas (Kg/M ²) | Dầu Diesel (Lít/M ²) | Nước (M3/M ²) |
|------|------------------------|----------------------------|--------------------------|----------------------------------|---------------------------|
| 2016 | 666,352 | 16.94 | 0.24 | 0.16 | 0.041 |
| 2017 | 801,413 | 16.06 | 0.23 | 0.14 | 0.036 |
| 2018 | 928,830 | 16.5 | 0.23 | 0.13 | 0.045 |
| 2019 | 1,016,991 | 15.1 | 0.24 | 0.12 | 0.046 |

Tình hình sử dụng điện giai đoạn 2016 - 2019

- Lượng điện tiêu thụ trung bình đối với 1m² sản phẩm trong năm 2019 giảm mạnh so với những năm trước. Đây là kết quả của việc áp dụng hàng loạt các giải pháp đồng bộ như: sử dụng nguồn điện từ hệ thống pin năng lượng mặt trời đầu tư từ năm 2018 để giảm bớt các nguồn điện mua ngoài như: thủy điện, nhiệt điện...; Thay thế hệ thống chiếu sáng Halozen bằng đèn Led tại một số khu vực; Vận hành các máy nén khí nhỏ hỗ trợ nhằm giảm thời gian hoạt động của máy nén khí lớn...;
- Lượng gas tiêu thụ trung bình đối với 1m² luôn được duy trì ổn định trong những năm gần đây. Trên thực tế, hiệu suất của máy móc và hệ thống truyền dẫn sẽ giảm sau 1 thời gian dài sử dụng dẫn đến lượng gas sử dụng tăng lên, tuy nhiên, bằng việc thực hiện tốt công tác Kaizen – 5S, bảo dưỡng và sửa chữa máy móc thiết bị, hệ thống truyền dẫn ... để duy trì tình trạng hoạt động và hiệu suất sử dụng tốt nhất của hệ thống đã giúp Công ty kiểm soát rất tốt và sử dụng hiệu quả nguồn năng lượng gas.



Trạm cấp gas của công ty Vicostone

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (Tiếp)

- Lượng dầu diesel sử dụng trung bình cho 1 m² sản phẩm giảm mạnh trong những năm gần đây thể hiện việc Công ty ngày càng sử dụng hiệu quả tài nguyên này. Đây là kết quả của việc Công ty luôn duy trì và cải tiến liên tục các hoạt động: Bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị; Tối ưu hóa việc sắp xếp để giảm khối lượng vận chuyển; Nâng cao trình độ, tay nghề của công nhân vận hành ...
- Lượng nước sử dụng trung bình trong năm 2019 vẫn giữ được mức ổn định so với năm 2018. Tuy nhiên, để giảm thiểu rủi ro về lượng nước bị thất thoát do hệ thống đường dẫn được đầu tư từ nhiều năm, Vicostone đã chủ động đầu tư và đưa vào sử dụng hệ thống dẫn nước mới bằng ống cách nhiệt PPR từ cuối năm 2019. Hệ thống dẫn nước đi nổi sẽ giúp Công ty kiểm soát dễ dàng hơn, giảm tiêu hao và sử dụng hiệu quả hơn.

Đặc biệt, trong hoạt động sản xuất đá, Quartz chiếm tỷ lệ trên 90% cấu thành sản phẩm, việc kiểm soát tốt và sử dụng tối ưu quartz không chỉ giúp Công ty giảm các loại chi phí mà còn giảm một lượng lớn các loại chất thải cần được xử lý.

Từ giữa năm 2019, Vicostone đã tiến hành nghiên cứu các biện pháp công nghệ và các giải pháp kỹ thuật nhằm giảm 15-20% chiều dày đối với bán thành phẩm. Dự án này được triển khai, hàng năm Vicostone có thể tiết kiệm được trên 20 tỷ đồng từ việc giảm trên 2.000 tấn quartz đầu vào và giảm khoảng gần 3.000 m³ bùn thải cần phải xử lý (đối với kế hoạch sản xuất 1,25 triệu m²/năm).

Bùn thải trong quá trình sản xuất của Vicostone là chất thải thông thường, không gây ô nhiễm đến môi trường, được sử dụng làm nguyên liệu để sản xuất gạch không nung đáp ứng theo tiêu chuẩn TCVN 6477:2016 ứng dụng trong các công trình xây dựng. Tuy nhiên, Vicostone luôn nỗ lực tìm kiếm các giải pháp giảm thiểu tối đa các loại chất thải cho dù là chất thải thông thường, để tránh các ảnh hưởng đối với môi trường và sức khỏe cộng đồng.

2.2. Tăng cường hoạt động tái chế để giảm phát thải ra môi trường

a. Tái chế chất thải rắn

Xác định nghiên cứu khoa học là nhiệm vụ trọng yếu trong quá trình phát triển bền vững tại Vicostone, những năm qua, hoạt động nghiên cứu khoa học tại Công ty luôn được đặc biệt quan tâm và đầu tư. Công tác nghiên cứu không chỉ phục vụ hoạt động sản xuất như: tìm kiếm các nguồn nguyên vật liệu thay thế, các giải pháp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm... mà còn tập trung vào các nhiệm vụ mang tính chiến lược của Công ty và Tập đoàn như: cải tiến quá trình sản xuất để “Xanh – Sạch – Bền vững” hay các đề tài nghiên cứu khoa học mang tính đột phá giải mã công nghệ, tìm ra các bí quyết mới.

Tạo ra sản phẩm cao cấp nhưng phải thân thiện môi trường là điểm khác biệt mà Vicostone hướng tới. Trong những năm qua, Công ty rất chú trọng đầu tư nghiên cứu các giải pháp để hạn chế tối đa sự tác động đến môi trường, trong đó có việc tái sử dụng chất thải rắn trong quá trình sản xuất thành các sản phẩm, vật liệu thân thiện môi trường. Từ mục tiêu đó, Công ty đã mở ra nhiều dự án nghiên cứu khoa học, trong đó có các đề tài nghiên cứu trọng điểm:



Nghiên cứu tái sử dụng bột đá thải trong sản xuất đá thạch anh để sản xuất các loại vữa khô trộn sẵn gốc xi măng (keo lát nền, vữa xây, vữa ốp tường ...)

Sản phẩm của dự án đã được áp dụng vào các công trình xây dựng của Công ty như nhà điều hành, nhà chung cư 21 tầng, công trình tôn giáo ở Vĩnh Yên (Vĩnh Phúc) và một số công trình dân dụng với tổng số 400 tấn keo được sản xuất ra.



Nghiên cứu xử lý bột đá thải để sản xuất gạch không nung theo công nghệ Geopolymer

Vicostone đã tìm được phối liệu và quy trình công nghệ phù hợp và triển khai sản xuất thử thành công trên thiết bị sản xuất gạch không nung theo công nghệ Geopolymer – Một công nghệ rất mới trên thế giới và Việt Nam hiện nay. Năm 2019, công ty đã triển khai sản xuất với số lượng lớn để ứng dụng vào các công trình nội bộ trong tập đoàn và một phần sản phẩm được bán ra thị trường khi có nhu cầu.



Bùn thải được sử dụng làm nguyên liệu để sản xuất gạch không nung

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (Tiếp)

b. Tái sử dụng nước thải công nghiệp

Với hệ thống xử lý nước thải tuần hoàn được đầu tư và vận hành liên tục, nước sử dụng trong quá trình sản xuất được xử lý và tái sử dụng nhiều lần, liên tục.

Trong quá trình mài hoàn thiện sản phẩm cần sử dụng một lượng nước lớn. Nước sau khi sử dụng có lẫn các tạp chất vô cơ (Silic oxit, các oxit kim loại,...) và các tạp chất hữu cơ. Nước được xử lý qua hệ thống lọc Xyclon kết hợp với các hóa chất xử lý để lắng hoàn toàn các

tạp chất vô cơ và hữu cơ dưới dạng bùn. Phần nước sau khi lọc được tái sử dụng đưa quay trở lại dây chuyền sản xuất. Phần bùn thải được đưa qua máy ép bùn thành bùn khô, có thể làm nguyên vật liệu không nung hoặc các sản phẩm khác có giá trị sử dụng, thân thiện môi trường.

Với quy trình công nghệ và thiết bị xử lý nước như trên, toàn bộ lượng nước thải công nghiệp sau khi xử lý đều được tuần hoàn và tái sử dụng lại, không phát thải ra môi trường.



Hệ thống Silo nước tuần hoàn

c. Các hoạt động khác

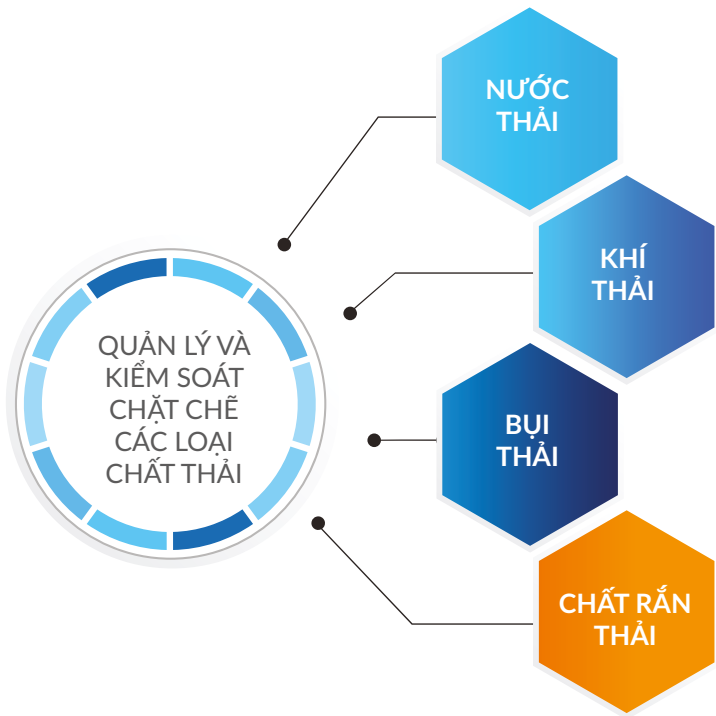
Ngoài công tác nghiên cứu, ứng dụng các quy trình công nghệ để tái chế, tái sử dụng chất thải rắn và nguồn nước thải công nghiệp, Công ty còn có một số hoạt động tái chế, tái sử dụng khác để góp phần giảm bớt nguồn phát thải ra môi trường như:

- Tái sử dụng các nguồn nhiệt thải ra từ dây chuyền để sử dụng vào chính quá trình sản xuất nhằm tối đa hóa hiệu quả việc sử dụng các nguồn năng lượng;
- Sử dụng các nguyên vật liệu tái chế như kính gương phế thải, đá thạch anh tái chế... để sản xuất các vật liệu Composite cao cấp, giảm nhu cầu đối với nguyên vật liệu gốc.



2.3. Quản lý và kiểm soát chặt chẽ các loại chất thải

Trong những năm qua, bằng việc luôn luôn tuân thủ các quy định/chính sách về môi trường, Vicostone đã xây dựng, triển khai và quản lý hiệu quả các hệ thống quản lý môi trường, luôn kiểm soát được các loại chất thải, đảm bảo các loại chất thải trước khi đưa ra môi trường đều được xử lý đạt theo các tiêu chuẩn đã được quy định, đặc biệt là nước thải, khí thải, bụi thải và chất thải rắn.



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (Tiếp)

a. Nước thải

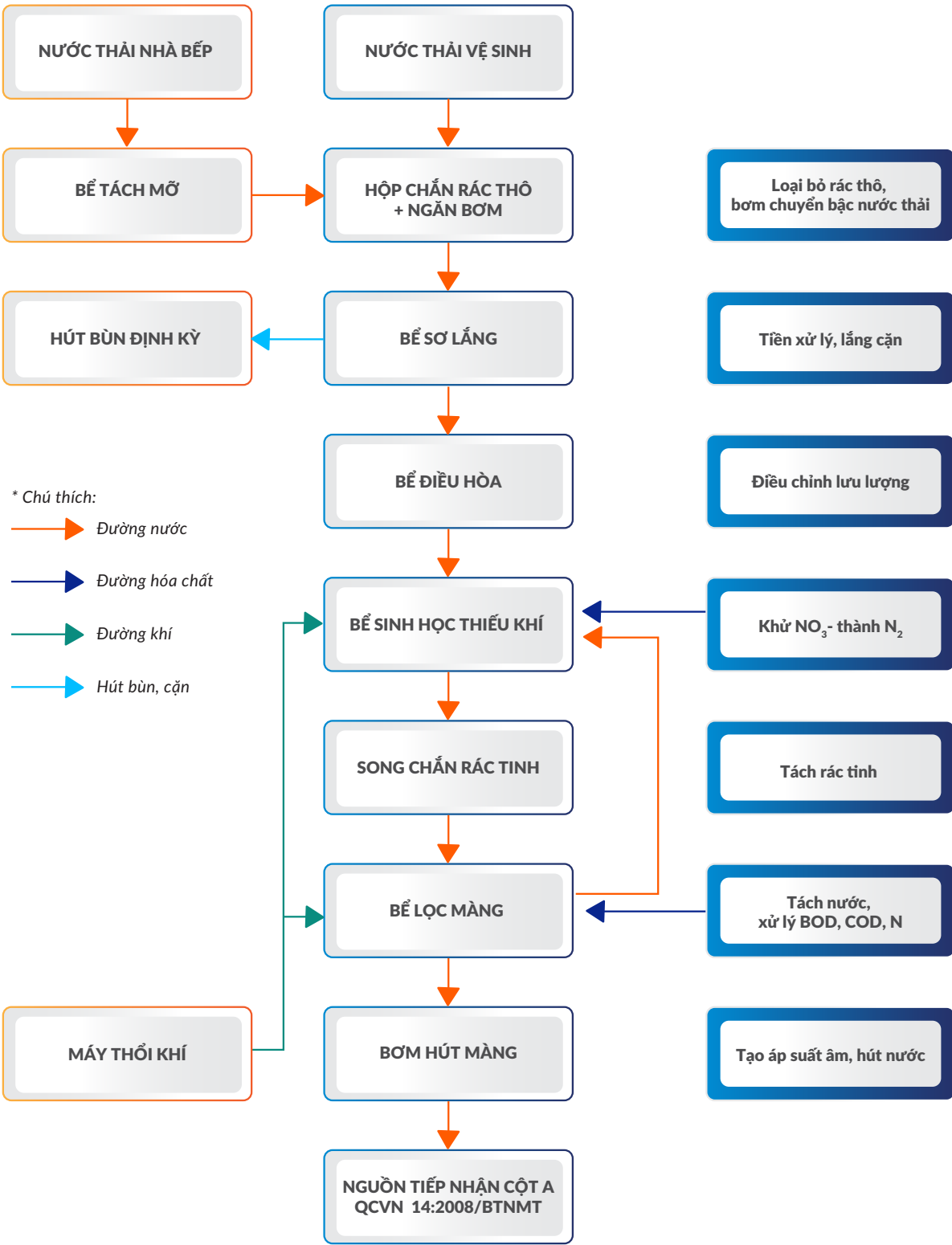
Tại Vicostone, chỉ có nước thải sinh hoạt, đã được xử lý là xả ra môi trường với sự đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định Bộ Tài nguyên Môi trường. 100% nước thải công nghiệp đều được sử dụng tuần hoàn cho hoạt động sản xuất và không xả ra môi trường.

Nước thải sinh hoạt của Công ty được xử lý qua hệ thống xử lý nước thải hiện đại nhất hiện nay với công nghệ AAO kết hợp lọc màng MBR. Chất lượng nước sau xử lý đạt Cột A, QCVN 14:2008/BTNMT, là quy chuẩn cao nhất đối với nước thải sinh hoạt hiện hành tại Việt Nam. Hệ thống này được đầu tư nâng cấp từ năm 2017 và hiện nay vẫn đáp ứng được công suất xử lý nước thải sinh hoạt.

Với công nghệ xử lý hiện đại, Công ty luôn đảm bảo nước thải sinh hoạt đáp ứng các chỉ tiêu về môi trường trước khi ra khỏi nhà máy.



Trạm xử lý nước thải sinh hoạt



Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (Tiếp)

Kết quả phân tích các chỉ tiêu với các tiêu chuẩn năm 2019

| STT | Chỉ tiêu phân tích | Đơn vị | Kết quả Quý I | Kết quả Quý II | Kết quả Quý III | Kết quả Quý IV | QCVN 14:2008 / BTNMT QCVN 40/2011 /BTNMT | |
|-----|--------------------------------|-----------|---------------|----------------|-----------------|----------------|--|-------|
| | | | | | | | Cột A | Cột B |
| 1 | pH | - | 7,18 | 7,91 | 7 | 7,4 | 5 - 9 | 6 - 9 |
| 2 | Nhu cầu oxy hoá học (COD) | mg/l | 32 | 41,6 | 45,8 | 40,5 | - | 150 |
| 3 | Nhu cầu oxy sinh hoá (BOD5) | mg/l | 18,9 | 18,3 | 16,9 | 17,6 | 30 | 50 |
| 4 | Chất rắn lơ lửng (TSS) | mg/l | 15 | 19 | 35 | 24 | 50 | 100 |
| 5 | Tổng chất rắn hoà tan (TDS) | mg/l | 270 | 310 | 288 | 280 | 500 | - |
| 6 | Sắt (Fe) | mg/l | 0,154 | 0,112 | <0,05 | 0,119 | - | 5 |
| 7 | Thủy ngân (Hg) | mg/l | <0,0003 | <0,0003 | <0,0003 | <0,0003 | - | 0,01 |
| 8 | Cadimi (Cd) | mg/l | <0,01 | <0,01 | <0,01 | <0,01 | - | 0,1 |
| 9 | Asen (As) | mg/l | <0,0005 | <0,0005 | <0,0005 | <0,0005 | - | 0,1 |
| 10 | Chì (Pb) | mg/l | <0,003 | <0,003 | <0,003 | <0,003 | - | 0,5 |
| 11 | Coliform | MPN/100ml | 1600 | 700 | 500 | 310 | 3000 | 5000 |
| 12 | Sunfua tính theo H2S | mg/l | <0,14 | 0,18 | 0,24 | 0,23 | 1.0 | - |
| 13 | Amonia tính theo N (NH3) | mg/l | 0,49 | 4,46 | 4,21 | 4,76 | 5 | 10 |
| 14 | Nitrat tính theo N (NO3-) | mg/l | 16,38 | 23,6 | 20,9 | 21,8 | 30 | - |
| 15 | Dầu mỡ động, thực vật | mg/l | 2,56 | 0,56 | 0,72 | 0,64 | 10 | - |
| 16 | Tổng các chất hoạt động bề mặt | mg/l | 1,23 | 0,65 | 0,72 | 0,74 | 5 | - |
| 17 | Phốt phát tính theo P (PO43-) | mg/l | 5,1 | 4,52 | 4,72 | 3,34 | 6 | - |

b. Khí thải

Khí thải ảnh hưởng trực tiếp với sức khỏe của CBCNV trong Công ty cũng như môi trường nếu khí thải phát ra môi trường không được xử lý. Đặt sức khỏe của CBCNV và bảo vệ môi trường là một trong những mối quan tâm hàng đầu, Vicostone đã tiến hành nhiều biện pháp đồng bộ để quản lý chất lượng không khí trong Công ty cũng như trước khi đưa ra ngoài môi trường.

Công ty luôn luôn duy trì hệ thống xử lý khí thải, đảm bảo toàn bộ các vị trí phát sinh mùi hay khí thải đều được lắp đầu hút, khí thải được hút về và lọc qua các tấm màng lọc than hoạt tính trước khi thải ra ngoài không khí. Khí thải ở đầu ra hệ thống xử lý đáp ứng tiêu chuẩn QCVN 20:2009 – yêu cầu về khí thải công nghiệp đối với một số khí hữu cơ.

Định kỳ 6 tháng, Công ty sử dụng đơn vị đủ năng lực thực hiện quan trắc, đánh giá chất lượng khí thải sau hệ thống xử lý để đảm bảo và duy trì hiệu quả của hệ thống.

Kết quả đánh giá chất lượng khí thải sau hệ thống xử lý của Nhà máy sản xuất

| STT | Thông số | Đơn vị | Kết quả Tháng 04/2019 | Kết quả Tháng 10/2019 | QCTĐHN 01:2014/ BTNMT | QCVN 20:2009/ BTNMT Nồng độ tối đa |
|---------------------------------|-----------------|--------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------------------|
| Khí thải sau hệ thống xử lý bụi | | | | | | |
| 1 | Bụi Tổng | mg/Nm ³ | 26,4 | 27.1 | 200 | - |
| 2 | CO | mg/Nm ³ | <20 | <20 | 1000 | - |
| 3 | SO ₂ | mg/Nm ³ | <3,4 | <3,4 | 500 | - |
| 4 | NO ₂ | mg/Nm ³ | <5 | <5 | 850 | - |
| Khí thải sau hệ thống hút mùi | | | | | | |
| 1 | Benzen | mg/Nm ³ | <0,03 | <0,03 | - | 5 |
| 2 | Styren | mg/Nm ³ | 8,9 | 7,24 | - | 100 |
| 3 | Toluen | mg/Nm ³ | <0,03 | <0,03 | - | 750 |

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (Tiếp)

Kết quả đánh giá chất lượng khí thải sau hệ thống xử lý của Nhà máy 2

| STT | Thông số | Đơn vị | Kết quả Tháng 04/2019 | Kết quả Tháng 10/2019 | QCTĐHN 01:2014/ BTNMT | QCVN 20:2009/ BTNMT Nồng độ tối đa |
|---------------------------------|-----------------|--------------------|--------------------------|--------------------------|-----------------------------|---|
| Khí thải sau hệ thống xử lý bụi | | | | | | |
| 1 | Bụi Tổng | mg/Nm ³ | 31,5 | 30,8 | 200 | - |
| 2 | CO | mg/Nm ³ | <20 | <20 | 1000 | - |
| 3 | SO ₂ | mg/Nm ³ | <3,4 | <3,4 | 500 | - |
| 4 | NO ₂ | mg/Nm ³ | <5 | <5 | 850 | - |
| Khí thải sau hệ thống hút mùi | | | | | | |
| 1 | Benzen | mg/Nm ³ | <0,03 | <0,03 | - | 5 |
| 2 | Styren | mg/Nm ³ | 6,34 | 5,15 | - | 100 |
| 3 | Toluen | mg/Nm ³ | <0,03 | <0,03 | - | 750 |

c. Bụi thải

Công ty duy trì và cải tiến hệ thống lọc bụi sử dụng túi vải lọc Polyester chịu nước, chịu dầu, và toàn bộ các vị trí phát sinh bụi đều được lắp đầu hút, đưa về hệ thống xử lý. Khí thải vô cơ ở đầu ra hệ thống xử lý bụi đáp ứng tiêu chuẩn QCVN 19:2009 – yêu cầu về khí thải công nghiệp đối với bụi và khí vô cơ.



Hệ thống xử lý bụi trong nhà máy

d. Chất thải rắn

Trong năm 2019, với việc ứng dụng công nghệ “xử lý bột đá thải để sản xuất gạch không nung theo công nghệ Geopolymer” vào sản xuất thực tế, một lượng đáng kể chất thải rắn đã được sử dụng để làm nguyên liệu cho việc sản xuất gạch không nung. Với công suất dự kiến khoảng 25 triệu viên/năm, khoảng 50% lượng chất thải rắn sẽ được sử dụng để sản xuất gạch, từ đó giảm bớt một phần lớn áp lực về việc xử lý chất thải rắn của Công ty. Đối với phần còn lại, Công ty tiếp tục nghiên cứu thêm các ứng dụng khác dùng để tối đa chất thải rắn thành nguyên vật liệu thân thiện với môi trường.

Công ty đã quy hoạch, xây dựng kho lưu giữ tạm thời chất thải thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất, đảm bảo các tiêu chuẩn, yêu cầu của pháp luật đối với kho chứa chất thải. Công ty trang bị kho lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất, đảm bảo các tiêu chuẩn đối với kho chứa chất thải nguy hại.

Tuân thủ đúng quy định của Nhà nước đối với chất thải nguy hại đảm bảo không ảnh hưởng tới môi trường, công tác phân loại chất thải được thực hiện từ nguồn phát sinh, hợp đồng với các đơn vị đủ năng lực xử lý theo yêu cầu của pháp luật. Đối với chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất, Công ty thực hiện ký kết hợp đồng số 671/2018/HĐCN/URENCO11-VICOSTONE ngày 13/12/2018 với Công ty cổ phần Môi trường đô thị và Công nghiệp 11 - Urenco 11, là đơn vị có giấy phép xử lý đối với chất thải nguy hại, để xử lý theo đúng yêu cầu của pháp luật. Chất thải công nghiệp thông thường, Vicostone ký hợp đồng số 000261/HĐ/XLCT ngày 31/08/2016 với Công ty cổ phần Môi trường đô thị và Công nghiệp Hà Nội và hợp đồng số 314/2019/PH-VN ngày 30/05/2019 với Công ty TNHH Môi trường Phú Hà để vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình sản xuất.

Công ty thường xuyên đánh giá lại các đơn vị đối tác trong việc xử lý chất thải nhằm kiểm soát chặt hơn cũng như lựa chọn được những đối tác tin cậy, đủ năng lực để hợp tác, đảm bảo việc xử lý chất thải đúng theo các quy định của pháp luật và không ảnh hưởng đến môi trường.

e. Hệ thống quan trắc tự động

Trong năm 2019, Tập đoàn Phenikaa đã có chủ trương đầu tư xây dựng hệ thống quan trắc tự động cho các nhà máy trong Tập đoàn nói chung và Vicostone nói riêng để chủ động hơn trong việc kiểm soát chất lượng khí thải và nước thải.

Hệ thống quan trắc tự động tại các nhà máy sẽ bao gồm: trạm quan trắc khí vô cơ (lưu lượng, nhiệt độ, áp suất, bụi tổng, SO₂, NO_x, CO); trạm quan trắc khí hữu cơ (nhiệt độ, lưu lượng, áp suất, Toluen, Benzen, Styren) và trạm quan trắc nước thải (nhiệt độ, lưu lượng, PH, COD, TSS, Amoni).

Với các thiết bị đo hiện đại và chính xác, Công ty sẽ chủ động hơn trong việc thường xuyên theo dõi, kiểm soát các chỉ số nước thải, khí thải, bụi thải để có những biện pháp can thiệp, xử lý kịp thời nhằm ngăn chặn ảnh hưởng không tốt nếu có đối với sức khỏe của CBCNV và môi trường bên ngoài, xây dựng môi trường làm việc an toàn trong Công ty.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (Tiếp)

2.4 Sử dụng nguyên liệu thân thiện, an toàn

Việc sử dụng các nguyên liệu thân thiện với môi trường để sản xuất ra những sản phẩm sạch góp phần không nhỏ vào việc giảm bớt các nguồn phát thải và bảo vệ môi trường.

Sản phẩm đá thạch anh VICOSTONE® được tổ chức NSF (Hoa Kỳ) chứng nhận an toàn khi tiếp xúc với thực phẩm (ANSI 051) và được tổ chức Greenguard xác nhận không có hợp chất hữu cơ bay hơi, đảm bảo an toàn đối với chất lượng không khí trong các công trình thương mại, nhà ở, các công trình dành cho trẻ em, trường học.

Bên cạnh đó, Vicostone tiếp tục đầu tư và đưa vào sử dụng hệ thống pin năng lượng mặt trời để giảm bớt nguồn điện năng tiêu thụ từ các loại hình khác như thủy điện, nhiệt điện. Hiện tại, toàn bộ điện năng tiêu thụ của hai nhà điều hành của Công ty đang được sử dụng từ hệ thống pin năng lượng mặt trời. Trong tương lai, Công ty sẽ tiếp tục đầu tư mở rộng hệ thống pin năng lượng mặt trời để phục vụ hoạt động sản xuất. Việc đầu tư hệ thống pin năng lượng mặt trời không những giúp Vicostone giảm bớt chi phí sử dụng điện mua ngoài, mà còn giúp Vicostone chủ động tránh rủi ro về việc nguồn điện bên ngoài không đáp ứng được nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.



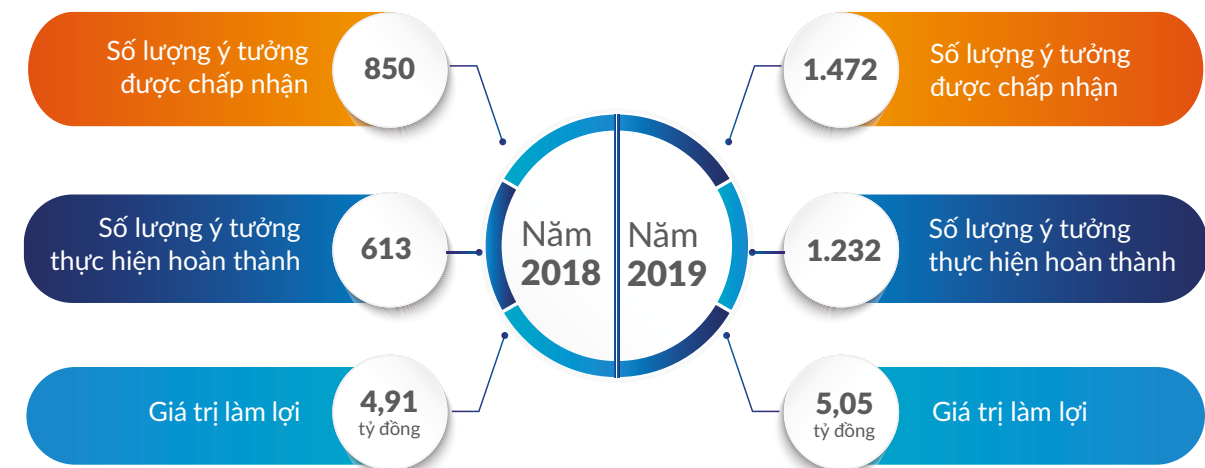
Hệ thống pin năng lượng mặt trời

2.5 Hoạt động cải tiến cải thiện môi trường

a. Hoạt động cải tiến

Kaizen – 5S là những công cụ, phương pháp được sử dụng trong công tác quản lý để thúc đẩy hoạt động cải tiến liên tục với sự tham gia của mọi người nhằm cải thiện không ngừng môi trường làm việc. Kaizen – 5S là hoạt động rất quan trọng và mang lại rất nhiều lợi ích cho doanh nghiệp như: nâng cao năng suất, chất lượng, giảm chi phí, lãng phí, cải thiện môi trường làm việc ...

Vicostone luôn nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động Kaizen – 5S đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, chính vì vậy, hoạt động Kaizen – 5S của Công ty luôn được Ban Lãnh đạo Công ty quan tâm, chỉ đạo quyết liệt và duy trì một cách hiệu quả. Kết quả thực hiện công tác Kaizen – 5S trong 2 năm 2018 và 2019 như sau:



Kết quả công tác kaizen – 5s năm 2018 và 2019

b. Hoạt động cải thiện môi trường

Ngoài giá trị làm lợi về kinh tế, những ý tưởng Kaizen – 5S liên quan đến môi trường được Ban Lãnh đạo rất quan tâm và khuyến khích triển khai. Trong năm 2019 có rất nhiều ý tưởng Kaizen – 5S đã góp phần nâng cao môi trường làm việc trong Công ty cũng như bảo vệ môi trường bên ngoài, như: Ý tưởng “cải tiến quy trình công nghệ, thiết bị để giảm chiều dày bán thành phẩm” giúp tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu, chi phí xử lý chất thải; tiết kiệm tài nguyên, giảm lượng chất thải cần xử lý để bảo vệ môi trường. Ý tưởng “sử dụng nước tuần hoàn để pha hóa chất thay cho nước sạch” giúp tiết kiệm tài nguyên nước, không để nước thải chưa được xử lý ra môi trường để bảo vệ môi trường. Các ý tưởng khác: giảm lượng bùn thải, lọc bụi tại các ống xả trước khi xả ra môi trường ... để bảo vệ môi trường.

Ngoài ra, Công ty tiếp tục triển khai chương trình bảo vệ môi trường “Vicostone – Môi trường xanh, sống trong lành” và chương trình “Ngày thứ sáu tươi sáng” nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của mỗi CBCNV trong Công ty, tuân thủ các tiêu chuẩn, hạn chế rác thải, tự giác nhặt rác, phân loại rác và đổ rác đúng nơi quy định. Trong những năm qua, hoạt động Kaizen – 5S đã trở thành một phần trong văn hóa của Công ty và góp phần rất lớn trong việc bảo vệ không chỉ môi trường làm việc trong Công ty mà còn cả môi trường bên ngoài.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (Tiếp)

Trách nhiệm với cộng đồng

Với định hướng phát triển bền vững, Vicostone xác định, nền tảng và thành quả thực sự của doanh nghiệp không chỉ thể hiện ở các chỉ số tài chính hay những giải thưởng doanh nghiệp được vinh danh. Phát triển bền vững ở chính giá trị gia tăng Công ty có thể mang lại cho tất cả các bên liên quan, trong đó phải nói tới cộng đồng – xã hội. Đó không chỉ là định hướng mà trở thành giá trị cốt lõi, văn hóa mang đậm tính nhân văn của Vicostone.

Phụng dưỡng bà mẹ Việt Nam anh hùng, tặng quà và thăm hỏi các gia đình CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, tài trợ xây dựng trường học, ủng hộ Quỹ nhân đạo huyện Thạch Thất, tổ chức chương trình Xuân ấm biên cương cho bà con dân tộc thiểu số ở Hà Giang, Lào Cai...là những hoạt động rất thiết thực và ý nghĩa, là một nét trong văn hóa hành động hướng đến cộng đồng của Vicostone, thể hiện trách nhiệm cũng như đóng góp xây dựng lợi ích cho cộng đồng xã hội mà Công ty đã thực hiện trong nhiều năm qua.

Các hoạt động tiêu biểu trong năm 2019:

Hoạt động hướng tới bảo vệ và phát triển môi trường

- Năm 2019, nhằm tháo gỡ khó khăn, giúp người dân trên địa bàn thuận tiện hơn khi tham gia giao thông, hạn chế những rủi ro tai nạn không đáng có, Công ty đã đầu tư gần 800 triệu đồng xây dựng và bàn giao đưa vào sử dụng đoạn đường bê tông, thay thế cho đoạn đường đất bị hư hỏng của Thôn 1, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Hà Nội;
- Công ty hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường trong khu vực xã Thạch Hòa với việc tài trợ 30 xe chở rác với tổng giá trị gần 100 triệu đồng, phục vụ công tác thu gom rác thải sinh hoạt hàng ngày, đảm bảo vệ sinh môi trường cho hàng trăm hộ dân trên địa bàn xã;



Lễ bàn giao đường dân sinh với đại diện UBND xã Thạch Hòa

- Triển khai chương trình bảo vệ môi trường “Vicostone – Môi trường xanh, sống trong lành” và chương trình “Ngày thứ sáu tươi sáng” nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của mỗi CBCNV trong Công ty, tuân thủ các tiêu chuẩn, hạn chế rác thải, tự giác nhặt rác, phân loại rác và đổ rác đúng nơi quy định. Mỗi CBCNV Vicostone là một người thực hiện và giám sát bảo vệ môi trường.



Đồng chí Nguyễn Văn Thá - Bí thư kiêm Chủ tịch UBND xã Thạch Hòa đại diện nhận trao tặng 30 xe rác

Hoạt động hướng tới con người

Chung tay vì sự nghiệp giáo dục, ươm mầm, phát triển thế hệ trẻ

- Tài trợ toàn bộ kinh phí hoạt động cho Nhà trẻ Vicostone: Nơi trông giữ trẻ em là con em CBCNV của Công ty và những người dân sống xung quanh, nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất để CBCNV yên tâm công tác. CTCP Vicostone xây dựng Nhà trẻ dành riêng cho con em CBCNV tại tầng 1, chung cư Phenikaa, cách Nhà máy ~1km. Ngoài hoạt động học tập, các cháu được tham gia nhiều hoạt động vui chơi, vận động ngoài trời, khuyến khích tự do sáng tạo để phát triển toàn diện cả thể chất và tinh thần. Hàng năm, Vicostone tài trợ trên 1 tỷ đồng toàn bộ kinh phí duy trì hoạt động của nhà trẻ. Năm 2019, Công ty tổ chức nhiều hoạt động chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, Tết Thiếu nhi 01/06, Tết Trung thu, trao tặng sách, quà tặng cho các em... cùng nhiều hoạt động sôi nổi khác. Đặc biệt, người dân sống quanh Công ty cũng có thể gửi con em khi có nhu cầu;



Các cháu bé Nhà trẻ Vicostone vui múa hát trong ngày hội đến trường

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (Tiếp)

- Phối hợp nâng cao kỹ năng và chương trình đào tạo cho sinh viên: Là một trong những doanh nghiệp cốt lõi trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, công nghệ của Hệ sinh thái Phenikaa, Vicostone là môi trường trải nghiệm thực sự cho các bạn sinh viên. Các bạn sinh viên được tham quan, tìm hiểu và trực tiếp trải nghiệm môi trường doanh nghiệp với sự hướng dẫn tận tâm của các cán bộ của Vicostone. Bên cạnh đó, Ban Lãnh đạo và Trưởng các đơn vị của Vicostone không chỉ tham gia chia sẻ về kiến thức thực tiễn, kinh nghiệm làm việc, phát triển bản thân cho sinh viên tại Trường Đại học Phenikaa, và một số các Trường Đại học khác trên địa bàn Hà Nội. Việc này giúp các bạn trẻ hiểu rõ và có cái nhìn trực diện hơn những yêu cầu về kiến thức – kỹ năng cần phải trau dồi có để đáp ứng đúng nhu cầu của thị trường lao động và ứng dụng hiệu quả vào việc học tập, nghiên cứu. Vicostone cũng cam kết tạo điều kiện việc làm cho các bạn sinh viên có thành tích học tập và rèn luyện xuất sắc, đáp ứng nhu cầu và chất lượng nhân lực của Công ty sau tốt nghiệp;
- Môi trường thực nghiệm và đầu ra cho các đề tài nghiên cứu ứng dụng của các Nhà khoa học: Với định hướng phát triển trở thành doanh nghiệp đi đầu về sản xuất thông minh, Vicostone sẽ trở thành nơi ứng dụng, chuyển giao công nghệ, thực nghiệm các dự án nghiên cứu khoa học từ Trường Đại học Phenikaa, các viện và trung tâm nghiên cứu, để giải quyết các bài toán sản xuất kinh doanh của Tập đoàn và đáp ứng các nhu cầu của kinh tế - xã hội. Cùng với Quỹ Đổi mới Sáng tạo của Tập đoàn Phenikaa, Vicostone đóng góp không nhỏ vào việc nuôi dưỡng và phát triển tài năng của các nhà khoa học xuất sắc, có khả năng tạo ra các công trình nghiên cứu có tính đột phá, chuyển giao tri thức và đem lại những giá trị cho doanh nghiệp, cộng đồng và xã hội.



Người lao động trao đổi, học hỏi kinh nghiệm làm việc từ lãnh đạo công ty



Tạo công ăn việc làm, nâng cao đời sống cho người lao động địa phương

- Vicostone quan tâm đến việc thực hiện nghĩa vụ đối với cộng đồng và xã hội thông qua việc cung cấp công ăn việc làm với thu nhập tốt cho phần lớn lao động là người địa phương, góp phần ổn định trật tự xã hội và đời sống tại địa phương. Với tính chất là công ty sản xuất công nghiệp, có khối sản xuất trực tiếp làm việc theo ca/kíp, công ty ưu tiên việc tuyển dụng người lao động địa phương để người lao động có thể dễ dàng di chuyển tới nơi làm việc, có tính gắn bó cao hơn. Số lượng người lao động địa phương tại công ty chiếm tỉ lệ cao. Năm 2019 số lượng lao động là người địa phương tại Công ty là 537 người (chiếm 77,6%). Thu nhập bình quân là 21.073.000 VNĐ/người/tháng.

Vicostone luôn quan niệm “Phát triển kinh tế phải gắn liền với phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội”. Các hành động hướng tới cộng đồng đều xuất phát từ tinh thần tự nguyện, trách nhiệm và mong muốn đóng góp sự phát triển chung của xã hội của BLD và toàn thể CBCNV. Người Vicostone sẽ tiếp tục triển khai và nhân rộng các hoạt động cộng đồng để xây dựng một xã hội vững bền bằng chính văn hóa kinh doanh đậm tính nhân văn của mình.

05

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Đã kiểm toán)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

- 198 Thông tin chung
- 202 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 204 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 206 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 207 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 209 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

THÔNG TIN CHUNG

1 Công ty



Công ty Cổ phần Vicostone (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500469512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp ngày 2 tháng 6 năm 2005 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 18 vào ngày 16 tháng 4 năm 2018.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh đá thạch anh.

Công ty có trụ sở chính tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

2 Hội đồng Quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | | |
|---------------------------------|------------|-------------------------------------|
| ÔNG HỒ XUÂN NĂNG | Chủ tịch | |
| BÀ NGHIÊM THỊ NGỌC DIỆP | Thành viên | |
| ÔNG PHẠM ANH TUẤN | Thành viên | |
| BÀ NGUYỄN DIỆU THÚY NGỌC | Thành viên | |
| BÀ TRẦN LAN PHƯƠNG | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2019 |
| ÔNG NGUYỄN QUỐC TRƯỞNG | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2019 |

3 Ban Kiểm soát (*)

Các thành viên Ban kiểm soát từ ngày 1 tháng 1 năm 2019 đến ngày 12 tháng 4 năm 2019 như sau:

| | | |
|-------------------------------|----------------------|-------------------------------------|
| ÔNG LƯƠNG XUÂN MẪN | Trưởng Ban Kiểm soát | Miễn nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2019 |
| BÀ TRẦN LAN PHƯƠNG | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2019 |
| BÀ TRẦN THỊ PHƯƠNG HOA | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2019 |

4 Ban Kiểm toán nội bộ (*)

Các thành viên Ban kiểm toán nội bộ từ ngày 28 tháng 6 đến ngày lập báo cáo này như sau:

| | | |
|---------------------------------|----------------------|-----------------------------------|
| BÀ NGUYỄN DIỆU THÚY NGỌC | Trưởng Ban kiểm toán | Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2019 |
| ÔNG NGUYỄN VĂN TOÀN | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2019 |

(*) Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên số 01/2019 NQ/VCS-ĐHCD ngày 12 tháng 4 năm 2019, Đại hội đồng Cổ đông đã phê duyệt việc giải thể Ban kiểm soát và thành lập Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị. Chức năng của Ban kiểm toán nội bộ là tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các hoạt động có liên quan đến công tác quản trị rủi ro, kiểm toán nội bộ và kiểm soát báo cáo tài chính của Công ty. Từ ngày 12 tháng 4 đến ngày 28 tháng 6 năm 2019, mọi công việc của Ban kiểm soát được đảm nhiệm bởi Phòng quản trị rủi ro và kiểm toán nội bộ được thành lập và trực thuộc Hội đồng Quản trị từ ngày 1 tháng 6 năm 2018

5 Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | |
|----------------------------|-------------------|
| ÔNG PHẠM ANH TUẤN | Tổng Giám đốc |
| ÔNG PHẠM TRÍ DŨNG | Phó Tổng Giám đốc |
| ÔNG LƯU CÔNG AN | Phó Tổng Giám đốc |
| ÔNG NGUYỄN CHÍ CÔNG | Phó Tổng Giám đốc |

6 Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Hồ Xuân Năng, Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Ông Phạm Anh Tuấn được Ông Hồ Xuân Năng ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 theo Giấy Ủy quyền số 171/2017/UQ-Vicostone ngày 25 tháng 4 năm 2017.

7 Kiểm toán viên

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vicostone (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (sau đây gọi chung là “Công ty và công ty con”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

I Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo Cáo Tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

II Công bố của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc:

PHẠM ANH TUẤN

Tổng Giám đốc
Ngày 10 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số tham chiếu: 60999244/21042563-HN



Tầng 8, tòa nhà CornerStone
16 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Phone: +84 24 3831 5100
Fax: +84 24 3831 5090

Kính gửi: Các Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty CP Vicostone

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vicostone (“Công ty”) và công ty con (sau đây gọi chung là “Công ty và công ty con”), được lập ngày 9 tháng 3 năm 2020 và được trình bày từ trang 6 đến trang 45, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Kết luận của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



PHÙNG MẠNH PHÚ

Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán:
2598-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 10 tháng 3 năm 2020

TRỊNH XUÂN HÒA

Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán:
0754-2018-004-1


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT


ngày 31 tháng 12 năm 2019


Đơn vị tính: VNĐ

| Mã số | Tài sản | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------|--|-------------|-------------------|-------------------|
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 4.456.305.278.663 | 3.794.495.007.360 |
| 110 | I. Tiền và các khoản tương đương tiền | V | 469.919.515.100 | 427.351.751.020 |
| 111 | 1. Tiền | | 176.419.515.100 | 292.851.751.020 |
| 112 | 2. Các khoản tương đương tiền | | 293.500.000.000 | 134.500.000.000 |
| 130 | II. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 1.915.443.533.555 | 1.249.984.440.619 |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | VI | 1.890.709.549.117 | 1.219.015.670.542 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | | 21.282.711.304 | 29.809.324.436 |
| 135 | 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | | 50.129.329 | 50.129.329 |
| 136 | 4 Phải thu ngắn hạn khác | | 4.306.452.577 | 2.014.625.084 |
| 137 | 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | VI | (905.308.772) | (905.308.772) |
| 140 | III. Hàng tồn kho | VII | 1.913.745.246.413 | 1.986.792.777.928 |
| 141 | 1. Hàng tồn kho | | 1.918.527.324.791 | 1.991.574.856.306 |
| 149 | 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | | (4.782.078.378) | (4.782.078.378) |
| 150 | IV. Tài sản ngắn hạn khác | | 157.196.983.595 | 130.366.037.793 |
| 151 | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | XI | 5.174.895.276 | 1.826.553.049 |
| 152 | 2. Thuế GTGT được khấu trừ | | 152.022.088.319 | 128.539.484.744 |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 1.127.451.451.166 | 609.832.297.541 |
| 210 | I. Các khoản phải thu dài hạn | | 30.000.000 | 30.000.000 |
| 216 | 1. Phải thu dài hạn khác | | 30.000.000 | 30.000.000 |
| 220 | II. Tài sản cố định | | 1.058.231.180.457 | 548.662.662.740 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | VIII | 1.048.730.437.914 | 537.227.636.517 |
| 222 | • Nguyên giá | | 1.876.531.820.995 | 1.255.459.757.371 |
| 223 | • Giá trị khấu hao lũy kế | | (827.801.383.081) | (718.232.120.854) |
| 227 | Tài sản cố định vô hình | IX | 9.500.742.543 | 11.435.026.223 |
| 228 | • Nguyên giá | | 27.508.407.497 | 27.088.415.497 |
| 229 | • Giá trị khấu hao lũy kế | | (18.007.664.954) | (15.653.389.274) |
| 240 | III. Tài sản dở dang dài hạn | | 47.698.857.585 | 40.498.242.919 |
| 242 | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | X | 47.698.857.585 | 40.498.242.919 |
| 260 | IV. Tài sản dài hạn khác | | 21.491.413.124 | 20.641.391.882 |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | XI | 21.491.413.124 | 20.641.391.882 |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 5.583.756.729.829 | 4.404.327.304.901 |

| Mã số | Nguồn vốn | Thuyết minh | Số cuối năm | Đơn vị tính: VNĐ Số đầu năm |
|-------|---|-------------|-------------------|--------------------------------|
| 300 | C NỢ PHẢI TRẢ | | 2.135.070.735.316 | 1.673.774.768.632 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 1.882.161.864.194 | 1.673.444.027.380 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | XII | 349.468.119.144 | 334.440.208.138 |
| 312 | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | | 14.182.559.412 | 9.757.675.757 |
| 313 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | XIII | 32.732.177.771 | 64.577.863.183 |
| 314 | 4. Phải trả người lao động | | 13.542.355.910 | 229.287.988 |
| 315 | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | | 6.656.570.340 | - |
| 319 | 6. Phải trả ngắn hạn khác | XIV | 4.222.331.198 | 89.425.707.048 |
| 320 | 7. Vay ngắn hạn | XV | 1.417.553.641.838 | 1.150.561.555.555 |
| 322 | 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | XVI | 43.804.108.581 | 24.451.729.711 |
| 330 | II. Nợ dài hạn | | 252.908.871.122 | 330.741.252 |
| 338 | 1. Vay dài hạn | XV | 252.695.332.670 | - |
| 343 | 2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | | 213.538.452 | 330.741.252 |
| 400 | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 3.448.685.994.513 | 2.730.552.536.269 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | XVII | 3.448.685.994.513 | 2.730.552.536.269 |
| 411 | 1. Vốn cổ phần đã phát hành | | 1.600.000.000.000 | 1.600.000.000.000 |
| 411a | • Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 1.600.000.000.000 | 1.600.000.000.000 |
| 412 | 2. Thặng dư vốn cổ phần | | 129.549.102 | 60.800.000 |
| 415 | 3. Cổ phiếu quỹ | | - | (240.431.166.590) |
| 418 | 4. Quỹ đầu tư phát triển | | 88.958.137.122 | 88.958.137.122 |
| 420 | 5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | | 18.551.233.538 | - |
| 421 | 6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 1.741.047.074.751 | 1.281.964.765.737 |
| 421a | • Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | | 974.515.344.276 | 497.902.309.476 |
| 421b | • Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay | | 766.531.730.475 | 784.062.456.261 |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 5.583.756.729.829 | 4.404.327.304.901 |


DOÃN THỊ NGỌC
Người lập biểu
Ngày 9 tháng 3 năm 2020


NGUYỄN THỊ NGÀ
Kế toán trưởng


PHẠM ANH TUẤN
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VNĐ

| Mã số | Chỉ tiêu | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------|---|-------------|-------------------|-------------------|
| 01 | 1. Doanh thu bán hàng | XIX.1 | 5.568.613.461.812 | 4.522.435.184.761 |
| 02 | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | XIX.1 | 5.850.467.004 | 839.071.951 |
| 10 | 3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02) | XIX.1 | 5.562.762.994.808 | 4.521.596.112.810 |
| 11 | 4. Giá vốn hàng bán | XX | 3.650.651.586.771 | 3.025.953.450.218 |
| 20 | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20 = 10 - 11) | | 1.912.111.408.037 | 1.495.642.662.592 |
| 21 | 6. Doanh thu hoạt động tài chính | XIX.2 | 26.341.074.370 | 41.397.309.947 |
| 22 | 7. Chi phí tài chính | XXI | 68.019.078.673 | 69.868.203.492 |
| 23 | Trong đó: chi phí lãi vay | | 59.995.756.140 | 32.204.626.279 |
| 25 | 8. Chi phí bán hàng | XXII | 154.062.211.849 | 99.926.387.202 |
| 26 | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | XXII | 62.394.397.089 | 46.095.744.750 |
| 30 | 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)} | | 1.653.976.794.796 | 1.321.149.637.095 |
| 31 | 11. Thu nhập khác | | 1.447.542.683 | 1.509.915.834 |
| 32 | 12. Chi phí khác | | 2.761.669.460 | 4.148.980.489 |
| 40 | 13. Lỗ khác (40 = 31 - 32) | | (1.314.126.777) | (2.639.064.655) |
| 50 | 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | | 1.652.662.668.019 | 1.318.510.572.440 |
| 51 | 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | XXIV | 242.548.054.943 | 194.966.717.351 |
| 60 | 16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51) | | 1.410.114.613.076 | 1.123.543.855.089 |
| 70 | 17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | XXVII | 8.114 | 6.460 |
| 71 | 18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | XXVII | 8.114 | 6.460 |

DOÃN THỊ NGỌC

Người lập biểu
Ngày 9 tháng 3 năm 2020

NGUYỄN THỊ NGÀ

Kế toán trưởng

PHẠM ANH TUẤN

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

| Mã số | Chỉ tiêu | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------|--|-------------|-------------------|-------------------|
| | I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 01 | Lợi nhuận trước thuế | | 1.652.662.668.019 | 1.318.510.572.440 |
| | Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| 02 | Khấu hao TSCĐ hữu hình và hao mòn TSCĐ vô hình | | 103.861.827.370 | 73.311.383.678 |
| 03 | Hoàn nhập dự phòng | | - | (6.353.558.887) |
| 04 | Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | | 28.114.223 | 14.558.364.655 |
| 05 | Lãi từ hoạt động đầu tư | | (2.124.441.929) | (10.788.956.248) |
| 06 | Chi phí lãi vay | XXI | 59.995.756.140 | 32.204.626.279 |
| 08 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | 1.814.423.923.823 | 1.421.442.431.917 |
| 09 | Tăng các khoản phải thu | | (604.986.876.688) | (338.745.283.287) |
| 10 | Giảm/(tăng) hàng tồn kho | | 88.265.536.716 | (466.507.783.758) |
| 11 | Giảm các khoản phải trả | | (14.169.178.938) | (104.162.599.172) |
| 12 | Tăng chi phí trả trước | | (2.004.949.282) | (6.907.943.910) |
| 14 | Tiền lãi vay đã trả | | (55.684.099.565) | (32.204.626.279) |
| 15 | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | XIII | (276.235.539.417) | (90.110.382.305) |
| 17 | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | | (64.232.613.310) | (61.771.915.626) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | 885.376.203.339 | 321.031.897.580 |
| | II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 21 | Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | | (50.651.275.363) | (151.732.739.001) |
| 22 | Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | | - | 91.909.000 |
| 23 | Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | | - | (2.200.000.000) |
| 24 | Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | | - | 32.200.000.000 |
| 25 | Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền thu về) | | (49.269.557.490) | - |
| 27 | Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | | 2.124.441.929 | 10.705.402.612 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư | | (97.796.390.924) | (110.935.427.389) |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VNĐ

| Mã số | Chỉ tiêu | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------|---|-------------|---------------------|---------------------|
| | III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 31 | Tiền thu từ phát hành cổ phiếu | | 252.603.810 | - |
| 32 | Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu | | - | (240.431.166.590) |
| 33 | Tiền thu từ đi vay | | 2.092.507.128.245 | 1.774.781.625.802 |
| 34 | Tiền chi trả nợ gốc vay | | (2.124.196.594.726) | (1.582.405.125.369) |
| 36 | Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | | (713.512.226.500) | (388.181.228.100) |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính | | (744.949.089.171) | (436.235.894.257) |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong năm | | 42.630.723.244 | (226.139.424.066) |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu năm | | 427.351.751.020 | 656.279.062.859 |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | | (62.959.164) | (2.787.887.773) |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối năm | V | 469.919.515.100 | 427.351.751.020 |

DOÃN THỊ NGỌC

Người lập biểu
Ngày 9 tháng 3 năm 2020

NGUYỄN THỊ NGÀ

Kế toán trưởng

PHẠM ANH TUẤN

Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

I Thông tin về Công ty

Công ty Cổ phần Vicostone (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500469512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp ngày 2 tháng 6 năm 2005 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 18 vào ngày 16 tháng 4 năm 2018.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh đá thạch anh.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và công ty con là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 832 (ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 682 nhân viên).

1.1 Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có một công ty con là Công ty TNHH MTV Đầu tư và Chế biến Khoáng sản Phenikaa Huế (“Công ty Phenikaa Huế”).

Công ty Phenikaa Huế là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3301601070 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 21 tháng 12 năm 2016 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 4 vào ngày 2 tháng 7 năm 2019. Công ty Phenikaa Huế có trụ sở chính tại Lô CN15 Khu B, Khu Công nghiệp Phong Điền, xã Phong Hòa, huyện Phong Điền, Tỉnh Thừa Thiên Huế. Hoạt động chính của Công ty Phenikaa Huế là đầu tư và chế biến khoáng sản.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty nắm 100% phần vốn chủ sở hữu trong công ty con này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày



Cơ sở trình bày

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

4. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa công ty mẹ và công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.



Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

| | |
|--|---|
| Nguyên vật liệu và hàng hóa | Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty và công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hợp nhất.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

5. Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

7. Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

| Nhà xưởng và vật kiến trúc | 5 - 25 năm |
|----------------------------|------------|
| Máy móc, thiết bị | 3 - 20 năm |
| Phương tiện vận tải | 4 - 10 năm |
| Thiết bị văn phòng | 3 - 8 năm |
| Tài sản cố định khác | 5 - 10 năm |
| Phần mềm máy tính | 5 - 12 năm |

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh lớn; và
- Chi phí khác.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của các khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Khu Công nghiệp Bắc Phú Cát vào ngày 30 tháng 5 năm 2008 trong thời hạn 48 năm 7 tháng 19 ngày và với Khu Công nghiệp Phong Điền, Tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 24 tháng 3 năm 2017 với thời hạn thuê là 39 năm 9 tháng 8 ngày. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, các khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

10. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, Công ty đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung

Giao dịch hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả của các đơn vị được hợp nhất theo giá trị ghi sổ tại ngày hợp nhất kinh doanh;
- Không có lợi thế thương mại phát sinh từ giao dịch hợp nhất kinh doanh;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh của các đơn vị được hợp nhất từ thời điểm hợp nhất kinh doanh; và
- Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và giá trị tài sản thuần của bên bị hợp nhất được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

12. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

13. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

14. Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

15. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và công ty con trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty và công ty con.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ này được trích lập để phục vụ việc nghiên cứu, thử nghiệm các nguyên vật liệu, hóa chất mới phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

16. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

17. Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty và công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty và công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

19. Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên việc sản xuất và bán đá thạch anh. Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty dựa theo vị trí địa lý của khách hàng mà Công ty xuất hàng bán.

20. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

IV Hợp nhất kinh doanh

Mua Công ty Phenikaa Huế

Vào ngày 23 tháng 5 năm 2019, Công ty đã hoàn tất việc mua 100% vốn chủ sở hữu của Công ty Phenikaa Huế với tổng giá phí là 50 tỷ VND từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Phurong Hoàng Xanh A&A, công ty mẹ của Công ty. Theo đánh giá của Công ty, đây là giao dịch hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung và theo đó, phần chênh lệch giữa giá phí của khoản đầu tư và giá trị tài sản thuần của Công ty Phenikaa Huế được hạch toán vào khoản mục Vốn chủ sở hữu như trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Công ty Phenikaa Huế tại ngày mua được trình bày dưới đây:

| Tài Sản | |
|--|------------------------|
| Tiền | 730.442.510 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 30.759.881.058 |
| Hàng tồn kho | 15.218.005.201 |
| Các tài sản ngắn hạn khác | 54.643.030.362 |
| Tài sản cố định | 563.114.601.131 |
| Tài sản dài hạn khác | 967.006.955 |
| TỔNG CỘNG | 665.432.967.217 |
| Nợ phải trả | |
| Nợ và vay ngắn hạn, dài hạn | 551.789.533.814 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 35.113.977.663 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 4.880.194.674 |
| Phải trả người lao động | 593.628.691 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 4.494.462.287 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 9.936.550 |
| TỔNG CỘNG | 596.881.733.679 |
| TỔNG TÀI SẢN THUẦN THEO GIÁ TRỊ SỔ SÁCH | 68.551.233.538 |
| Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu phát sinh từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số XVII) | (18.551.233.538) |
| TỔNG GIÁ PHÍ HỢP NHẤT KINH DOANH ĐÃ THANH TOÁN | 50.000.000.000 |

Kể từ ngày mua, Công ty Phenikaa Huế đã đóng góp 10.912.148.549 VND vào lợi nhuận trước thuế của Công ty và công ty con.

Doanh thu và lợi nhuận thuần trước thuế của Công ty Phenikaa Huế từ đầu năm đến trước ngày hợp nhất tương ứng là 80.301.040.000 VND và 18.551.233.538 VND.

V Tiền và các khoản tương đương tiền

Đơn vị tính: VND

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------------|------------------------|------------------------|
| Tiền mặt | 2.540.917.053 | 884.341.985 |
| Tiền gửi ngân hàng | 173.878.598.047 | 291.967.409.035 |
| Các khoản tương đương tiền | 293.500.000.000 | 134.500.000.000 |
| TỔNG CỘNG | 469.919.515.100 | 427.351.751.020 |

VI Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Đơn vị tính: VND

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Phải thu từ khách hàng | 858.059.014.026 | 588.695.638.554 |
| • Công ty Australian Stone Design Marble Work | 297.316.529.747 | 194.563.368.623 |
| • Công ty Pental Granite & Marble | 238.677.998.020 | 131.437.062.376 |
| • Các khoản phải thu khách hàng khác | 322.064.486.259 | 262.695.207.555 |
| Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số XXVI) | 1.032.650.535.091 | 630.320.031.988 |
| TỔNG CỘNG | 1.890.709.549.117 | 1.219.015.670.542 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn từ khách hàng | (905.308.772) | (905.308.772) |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày



Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VNĐ

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-------------------------------------|--------------------------|------------------------|--------------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Hàng đang đi trên đường | 43.013.849.103 | - | 54.474.340.275 | - |
| Nguyên liệu, vật liệu tồn kho | 192.756.347.566 | - | 124.253.280.221 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 74.079.740.327 | - | 74.626.818.042 | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 28.960.892.798 | - | 14.482.115.768 | - |
| Thành phẩm | 374.508.683.097 | (4.782.078.378) | 365.744.912.305 | (4.782.078.378) |
| Hàng hóa | 1.205.207.811.900 | - | 1.357.993.389.695 | - |
| TỔNG CỘNG | 1.918.527.324.791 | (4.782.078.378) | 1.991.574.856.306 | (4.782.078.378) |

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

| | Năm nay | Năm trước |
|--|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 4.782.078.378 | 11.135.637.265 |
| Cộng: Dự phòng trích lập trong năm | - | - |
| Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm | - | (6.353.558.887) |
| Số cuối năm (*) | 4.782.078.378 | 4.782.078.378 |

(*) Đây là khoản dự phòng được trích lập cho một số sản phẩm đá Breston. Các sản phẩm này, theo đánh giá của Công ty, có chất lượng bị giảm sút, lỗi thời và không đáp ứng được yêu cầu bán hàng và thị hiếu của người tiêu dùng.



Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VNĐ

| | Nhà xưởng, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải | Thiết bị văn phòng | Tài sản cố định khác | Tổng cộng |
|-------------------------------------|--------------------------|-------------------|---------------------|--------------------|----------------------|-------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số đầu năm | 161.376.129.446 | 1.049.749.662.442 | 27.142.851.889 | 17.191.113.594 | - | 1.255.459.757.371 |
| • Mua trong năm | 104.000.000 | 4.490.727.185 | 1.380.000.000 | 439.884.162 | - | 6.414.611.347 |
| • Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | 806.341.236 | 42.636.152.173 | - | 155.850.000 | - | 43.598.343.409 |

Đơn vị tính: VNĐ

| | Nhà xưởng, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải | Thiết bị văn phòng | Tài sản cố định khác | Tổng cộng |
|-------------------------------|--------------------------|-------------------|---------------------|--------------------|----------------------|-------------------|
| • Tăng do hợp nhất kinh doanh | 124.905.274.006 | 431.796.070.186 | 12.964.108.561 | 400.510.007 | 993.146.108 | 571.059.108.868 |
| Số cuối năm | 287.191.744.688 | 1.528.672.611.986 | 41.486.960.450 | 18.187.357.763 | 993.146.108 | 1.876.531.820.995 |
| Trong đó: Đã khấu hao hết | 48.511.955.263 | 233.636.937.568 | 12.594.270.158 | 7.140.448.895 | - | 301.883.611.884 |
| Giá trị khấu hao lũy kế | | | | | | |
| Số đầu năm | 103.374.904.308 | 580.587.423.035 | 21.775.529.645 | 12.494.263.866 | - | 718.232.120.854 |
| • Khấu hao trong năm | 13.447.268.034 | 83.194.828.087 | 3.172.867.706 | 1.737.373.759 | 72.416.904 | 101.624.754.490 |
| • Tăng do hợp nhất kinh doanh | 1.789.661.979 | 5.697.481.909 | 405.128.391 | 21.199.642 | 31.035.816 | 7.944.507.737 |
| Số cuối năm | 118.611.834.321 | 669.479.733.031 | 25.353.525.742 | 14.252.837.267 | 103.452.720 | 827.801.383.081 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số đầu năm | 58.001.225.138 | 469.162.239.407 | 5.367.322.244 | 4.696.849.728 | - | 537.227.636.517 |
| Số cuối năm | 168.579.910.367 | 859.192.878.955 | 16.133.434.708 | 3.934.520.496 | 889.693.388 | 1.048.730.437.914 |

Công ty Phenikaa Huế đã thế chấp toàn bộ máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư “Nhà máy sản xuất vật liệu Cristobalite” tại địa chỉ Lô CN15 Khu B, Khu Công nghiệp Phong Điền, Xã Phong Hòa, Huyện Phong Điền, Tỉnh Thừa Thiên – Huế, Việt Nam thuộc sở hữu của công ty này với giá trị còn lại là 545,5 tỷ VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cho khoản vay ngân hàng dài hạn như trình bày tại Thuyết minh số 15.



Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VNĐ

| | Phần mềm máy tính | Tài sản cố định vô hình khác | Tổng cộng |
|--------------------------|-------------------|------------------------------|----------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 27.050.415.497 | 38.000.000 | 27.088.415.497 |
| • Mua trong năm | 419.992.000 | - | 419.992.000 |
| Số cuối năm | 27.470.407.497 | 38.000.000 | 27.508.407.497 |
| Trong đó: Đã hao mòn hết | 1.300.827.400 | 38.000.000 | 1.338.827.400 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| Số đầu năm | 15.615.389.274 | 38.000.000 | 15.653.389.274 |
| • Hao mòn trong năm | 2.354.275.680 | - | 2.354.275.680 |
| Số cuối năm | 17.969.664.954 | 38.000.000 | 18.007.664.954 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 11.435.026.223 | - | 11.435.026.223 |
| Số cuối năm | 9.500.742.543 | - | 9.500.742.543 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày



Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị tính: VNĐ

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Các dự án xây dựng cơ bản dở dang | 22.119.620.896 | 367.987.063 |
| Mua sắm | 25.579.236.689 | 40.130.255.856 |
| TỔNG CỘNG | 47.698.857.585 | 40.498.242.919 |



Chi phí trả trước

Đơn vị tính: VNĐ

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Ngắn hạn | | |
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng | 3.489.786.674 | 1.553.624.709 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 1.685.108.602 | 272.928.340 |
| TỔNG CỘNG | 5.174.895.276 | 1.826.553.049 |
| Dài hạn | | |
| Tiền thuê đất trả trước (*) | 6.387.528.325 | 6.662.260.726 |
| Công cụ, dụng cụ | 6.803.980.563 | 4.410.483.626 |
| Chi phí sửa chữa TSCĐ | 1.416.516.054 | 2.038.767.637 |
| Chi phí trả trước dài hạn khác | 6.883.388.182 | 7.529.879.893 |
| TỔNG CỘNG | 21.491.413.124 | 20.641.391.882 |



Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VNĐ

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Phải trả người bán ngắn hạn | | | | |
| • SHCP Pte, Ltd. | 63.578.187.000 | 63.578.187.000 | 29.466.524.250 | 29.466.524.250 |
| • Eternal Materials Co., Ltd. | 55.603.328.000 | 55.603.328.000 | 32.059.652.768 | 32.059.652.768 |
| • Phải trả cho các đối tượng khác | 140.621.375.753 | 140.621.375.753 | 109.631.361.356 | 109.631.361.356 |
| Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số XXVI) | 89.665.228.391 | 89.665.228.391 | 163.282.669.764 | 163.282.669.764 |
| TỔNG CỘNG | 349.468.119.144 | 349.468.119.144 | 334.440.208.138 | 334.440.208.138 |



Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VNĐ

| | Số đầu năm | Số phải nộp trong năm | Số đã nộp trong năm | Số cuối năm |
|--|-----------------------|------------------------|--------------------------|-----------------------|
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | - | 68.923.802.738 | (68.923.802.738) | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 63.473.940.931 | 242.548.054.943 | (276.235.539.417) | 29.786.456.457 |
| Thuế xuất, nhập khẩu | 486.180.180 | 7.293.074.429 | (7.180.761.980) | 598.492.629 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 617.742.072 | 14.061.511.160 | (12.332.024.547) | 2.347.228.685 |
| Thuế và các khoản phải nộp nhà nước khác | - | 899.974.429 | (899.974.429) | - |
| TỔNG CỘNG | 64.577.863.183 | 333.726.417.699 | (365.572.103.111) | 32.732.177.771 |



Phải trả ngắn hạn khác

Đơn vị tính: VNĐ

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|----------------------|-----------------------|
| Cổ tức phải trả | 2.772.437.325 | 1.481.757.825 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 1.449.893.873 | 341.043.223 |
| Phải trả ngắn hạn khác cho bên liên quan (Thuyết minh số XXVI) | - | 87.602.906.000 |
| TỔNG CỘNG | 4.222.331.198 | 89.425.707.048 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày



Đơn vị tính: VNĐ

| | Số đầu năm | | Số phát sinh trong năm | | | Số cuối năm | |
|---|--------------------------|--------------------------|-----------------------------|--------------------------|----------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng do hợp nhất kinh doanh | Tăng khác | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Vay ngắn hạn | | | | | | | |
| Vay ngân hàng (Thuyết minh số XV.1) | 1.150.561.555.555 | 1.150.561.555.555 | - | 2.092.094.479.865 | (1.878.301.410.986) | 1.364.354.624.434 | 1.364.354.624.434 |
| Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số XV.2) | - | - | - | 66.498.771.755 | (13.299.754.351) | 53.199.017.404 | 53.199.017.404 |
| Vay các bên liên quan | - | - | 3.752.278.719 | - | (3.752.278.719) | - | - |
| TỔNG CỘNG | 1.150.561.555.555 | 1.150.561.555.555 | 3.752.278.719 | 2.158.593.251.620 | (1.895.353.444.056) | 1.417.553.641.838 | 1.417.553.641.838 |
| Vay dài hạn | | | | | | | |
| Vay ngân hàng (Thuyết minh số 15.2) | - | - | 319.194.104.425 | - | (66.498.771.755) | 252.695.332.670 | 252.695.332.670 |
| Vay các bên liên quan | - | - | 228.843.150.670 | - | (228.843.150.670) | - | - |
| | - | - | 548.037.255.095 | - | (295.341.922.425) | 252.695.332.670 | 252.695.332.670 |
| TỔNG CỘNG | 1.150.561.555.555 | 1.150.561.555.555 | 551.789.533.814 | 2.158.593.251.620 | (2.190.695.366.481) | 1.670.248.974.508 | 1.670.248.974.508 |

1. Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Đơn vị tính: VNĐ

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn tín chấp từ ngân hàng của Công ty và khoản vay của Công ty con (*) được trình bày như sau:

(*) Đây là khoản vay ngắn hạn của Công ty con, lãi suất là 9,025%/năm. Tài sản đảm bảo là toàn bộ máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư “Nhà máy sản xuất vật liệu Cristobalite” tại địa chỉ số đường Lô CN15 Khu B, Khu Công nghiệp Phong Điền, xã Phong Hòa, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên – Huế.

| Ngân hàng | Số cuối năm (VNĐ) | Nguyên tệ (USD) | Kỳ hạn trả gốc và lãi |
|---|--------------------------|-----------------|--|
| Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Thiên Long | 270.274.373.622 | 11.644.738,20 | Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 2 đến tháng 8 năm 2020. |
| Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Hoàng Quốc Việt | 230.672.047.996 | 9.927.783,43 | Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 2 đến tháng 8 năm 2020. |
| Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành Công | 194.810.250.794 | 8.386.149,41 | Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 2 đến tháng 8 năm 2020. |
| Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Hà Thành | 165.875.088.600 | 7.143.630,00 | Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 2 đến tháng 9 năm 2020. |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thạch Thất | 152.115.608.025 | - | Lãi và gốc phải trả từ tháng 1 đến tháng 2 năm 2020. |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội | 112.602.975.096 | 4.847.934,52 | Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 1 đến tháng 5 năm 2020. |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thạch Thất | 110.777.574.670 | 4.768.729,00 | Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 1 đến tháng 4 năm 2020. |
| Ngân hàng BNP Paribas – Chi nhánh Hà Nội | 82.743.336.667 | 3.558.853,19 | Lãi và gốc phải trả từ tháng 1 đến tháng 7 năm 2020. |
| Ngân hàng TNHH MTV United Overseas – Chi nhánh Hà Nội | 12.764.587.910 | 548.778,50 | Lãi và gốc phải trả từ tháng 5 đến tháng 6 năm 2020. |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Thăng Long | 16.532.171.694 | 711.765,26 | Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả trong tháng 5 năm 2020. |
| Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công (*) | 15.186.609.360 | - | Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả trong tháng 12 năm 2020. |
| TỔNG CỘNG | 1.364.354.624.434 | | |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

| Ngân hàng | Số Cuối năm (VNĐ) | Kỳ hạn trả gốc và lãi | Lãi suất năm | Hình thức đảm bảo |
|---|------------------------|---|--------------|---|
| Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công | 305.894.350.074 | Tiền lãi được trả hàng tháng. Gốc phải trả từ tháng 12 năm 2019 đến tháng 9 năm 2025. | 9,025% | Toàn bộ máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư “Nhà máy sản xuất vật liệu Cristobalite” tại địa chỉ số đường Lô CN15 Khu B, Khu Công nghiệp Phong Điền, xã Phong Hòa, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên – Huế. |
| TỔNG CỘNG | 305.894.350.074 | | | |
| Trong đó: | | | | |
| • Vay dài hạn đến hạn trả | 53.199.017.404 | | | |
| • Vay dài hạn | 252.695.332.670 | | | |



Vốn chủ sở hữu

1. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

| | Vốn cổ phần đã phát hành | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Tổng cộng |
|---|--------------------------|----------------------|-------------------|-----------------------|-------------------------------|-----------------------------------|-------------------|
| Năm trước | | | | | | | |
| Số đầu năm | 800.000.000.000 | 60.800.000 | - | 88.958.137.122 | - | 1.506.871.526.300 | 2.395.890.463.422 |
| • Mua cổ phiếu quỹ | - | - | (240.431.166.590) | - | - | - | (240.431.166.590) |
| • Trả cổ tức bằng cổ phiếu | 800.000.000.000 | - | - | - | - | (800.000.000.000) | - |
| • Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | - | - | (71.650.615.652) | (71.650.615.652) |
| • Chia cổ tức từ LNST năm 2017 | - | - | - | - | - | (160.000.000.000) | (160.000.000.000) |
| • Tạm chia cổ tức năm 2018 | - | - | - | - | - | (316.800.000.000) | (316.800.000.000) |
| • Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | - | 1.123.543.855.089 | 1.123.543.855.089 |
| Số cuối năm | 1.600.000.000.000 | 60.800.000 | (240.431.166.590) | 88.958.137.122 | - | 1.281.964.765.737 | 2.730.552.536.269 |
| Năm nay | | | | | | | |
| Số đầu năm | 1.600.000.000.000 | 60.800.000 | (240.431.166.590) | 88.958.137.122 | - | 1.281.964.765.737 | 2.730.552.536.269 |
| • Chia cổ tức bằng cổ phiếu quỹ (**) | - | 68.749.102 | 240.431.166.590 | - | - | (240.247.311.882) | 252.603.810 |
| • Tăng từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số IV) | - | - | - | - | 18.551.233.538 | - | 18.551.233.538 |
| • Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) | - | - | - | - | - | (83.584.992.180) | (83.584.992.180) |
| • Tạm chia cổ tức năm 2019 (***) | - | - | - | - | - | (627.200.000.000) | (627.200.000.000) |
| • Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | - | 1.410.114.613.076 | 1.410.114.613.076 |
| Số cuối năm | 1.600.000.000.000 | 129.549.102 | - | 88.958.137.122 | 18.551.233.538 | 1.741.047.074.751 | 3.448.685.994.513 |



Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Đơn vị tính: VNĐ

| | Năm nay | Năm trước |
|---|------------------|------------------|
| Số đầu năm | 24.451.729.711 | 14.573.029.685 |
| Trích quỹ trong năm (Thuyết minh số XVII.1) | 83.584.992.180 | 71.650.615.652 |
| Sử dụng quỹ trong năm | (64.232.613.310) | (61.771.915.626) |
| Số cuối năm | 43.804.108.581 | 24.451.729.711 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Trong năm, Công ty đã trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2018 và năm 2019 theo Nghị quyết số 01/2019 NQ/VCS-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019.

(**) Trong năm, Công ty đã tiến hành chia cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu từ nguồn cổ phiếu quỹ theo Nghị quyết số 02/2019 NQ/VCS-ĐHĐCĐ ngày 5 tháng 9 năm 2019 của Đại Hội đồng cổ đông bất thường năm 2019 với tỷ lệ 2.04:100.

(***) Trong năm, Công ty cũng đã quyết định tạm ứng cổ tức năm 2019 theo Nghị quyết số 01/2019 NQ/VCS-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 và theo các Nghị quyết số 09/2019 NQ/VCS-HĐQT ngày 24 tháng 5 năm 2019 với số tiền là 313,6 BVND và Nghị quyết số 13/09 NQ/VCS-HĐQT ngày 9 tháng 8 năm 2019 với số tiền là 313,6 BVND của Hội đồng Quản trị Công ty.

2. Chi tiết vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VNĐ

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|--------------------------|--------------------|--------------------------|--------------------|
| | Tổng số (VNĐ) | Cổ phiếu phổ thông | Tổng số (VNĐ) | Cổ phiếu phổ thông |
| Vốn góp cổ đông | 1.600.000.000.000 | 160.000.000 | 1.600.000.000.000 | 160.000.000 |
| Vốn góp của CTCTập đoàn Phụng Hoàng Xanh A&A | 1.306.111.980.000 | 130.611.198 | 1.280.000.000.000 | 128.000.000 |
| Vốn góp của các đối tượng khác | 293.888.020.000 | 29.388.802 | 320.000.000.000 | 32.000.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 129.549.102 | - | 60.800.000 | - |
| Cổ phiếu quỹ | - | - | (240.431.166.590) | (3.200.000) |
| TỔNG CỘNG | 1.600.129.549.102 | 160.000.000 | 1.359.629.633.410 | 156.800.000 |

3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

Đơn vị tính: VNĐ

| | Năm nay | Năm trước |
|---|-------------------|-------------------|
| Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu | | |
| Số đầu năm | 1.600.000.000.000 | 800.000.000.000 |
| Phát hành cổ phần để chi trả cổ tức | - | 800.000.000.000 |
| Số cuối năm | 1.600.000.000.000 | 1.600.000.000.000 |

4. Cổ tức

Đơn vị tính: VNĐ

| | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------------|-------------------|
| Cổ tức đã công bố trong năm | 867.447.311.882 | 1.276.800.000.000 |
| Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông | 867.447.311.882 | 1.276.800.000.000 |
| Chia cổ tức bằng tiền lần 2 năm 2017 (1.000 VND/cổ phiếu) | - | 160.000.000.000 |
| Tạm ứng cổ tức bằng tiền lần 1 năm 2018 (1.000 VND/cổ phiếu) | - | 160.000.000.000 |
| Tạm ứng cổ tức bằng tiền lần 2 năm 2018 (1.000 VND/cổ phiếu) | - | 156.800.000.000 |
| Trả cổ tức năm 2017 bằng cổ phiếu (tỷ lệ phát hành 1:1) | - | 800.000.000.000 |
| Tạm ứng cổ tức bằng tiền lần 1 năm 2019 (2.000 VND/cổ phiếu) | 313.600.000.000 | - |
| Tạm ứng cổ tức bằng tiền lần 2 năm 2019 (2.000 VND/cổ phiếu) | 313.600.000.000 | - |
| Chia cổ tức bằng cổ phiếu quỹ (tỷ lệ phát hành 2,04:100) | 240.247.311.882 | - |

5. Cổ phiếu

Đơn vị tính: VNĐ

| | Số cuối năm Số lượng | Số đầu năm Số lượng |
|--|-------------------------|------------------------|
| Cổ phiếu đã đăng ký phát hành | 160.000.000 | 160.000.000 |
| Cổ phiếu đã phát hành | 160.000.000 | 160.000.000 |
| Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ | 160.000.000 | 160.000.000 |
| Cổ phiếu phổ thông | 160.000.000 | 160.000.000 |
| Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Cổ phiếu quỹ | - | (3.200.000) |
| Cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ | - | (3.200.000) |
| Cổ phiếu phổ thông | - | (3.200.000) |
| Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Cổ phiếu đang lưu hành | 160.000.000 | 156.800.000 |
| Cổ phiếu phổ thông | 160.000.000 | 156.800.000 |
| Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu
(ngày 31 tháng 12 năm 2018: 10.000 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày



Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

| Ngoại tệ các loại | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--------------------|-------------|------------|
| Đô la Mỹ (USD) | 6.481.928 | 9.146.284 |
| Euro (EUR) | 79.936 | 382.588 |
| Đô la Canada (CAD) | 3.969 | 2.343.235 |



Doanh thu

1 Doanh thu bán hàng

Đơn vị tính: VND

| | Năm Nay | Năm Trước |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Tổng doanh thu | 5.568.613.461.812 | 4.522.435.184.761 |
| Doanh thu bán hàng | 5.568.613.461.812 | 4.522.435.184.761 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | (5.850.467.004) | (839.071.951) |
| Chiết khấu thương mại | (4.489.776.004) | (839.071.951) |
| Hàng bán bị trả lại | (1.360.691.000) | - |
| Doanh thu thuần | 5.562.762.994.808 | 4.521.596.112.810 |
| Trong đó: | | |
| Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số XXVI) | 2.300.179.486.625 | 1.815.380.893.832 |
| Doanh thu đối với bên khác | 3.262.583.508.183 | 2.706.215.218.978 |

2 Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị tính: VND

| | Năm Nay | Năm Trước |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Lãi chênh lệch tỷ giá | 24.016.357.892 | 30.691.907.335 |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 2.124.441.929 | 10.705.402.612 |
| Doanh thu khác | 200.274.549 | - |
| TỔNG CỘNG | 26.341.074.370 | 41.397.309.947 |



Giá vốn bán hàng

Đơn vị tính: VND

| | Năm nay | Năm trước |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán | 3.650.651.586.771 | 3.032.307.009.105 |
| Sử dụng dự phòng giảm giá hàng tồn kho | - | (6.353.558.887) |
| TỔNG CỘNG | 3.650.651.586.771 | 3.025.953.450.218 |



Chi phí tài chính

Đơn vị tính: VND

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Lãi tiền vay | 59.995.756.140 | 32.204.626.279 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá | 8.023.322.533 | 37.663.577.213 |
| TỔNG CỘNG | 68.019.078.673 | 69.868.203.492 |



Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Đơn vị tính: VND

| | Năm nay | Năm trước |
|--|------------------------|-----------------------|
| Chi phí bán hàng | | |
| • Chi phí vận chuyển xếp dỡ, chuyển phát nhanh | 86.514.850.422 | 62.987.281.432 |
| • Chi phí đóng hàng | 17.944.182.965 | 10.720.258.475 |
| • Chi phí lương nhân viên | 11.512.927.017 | 5.564.230.904 |
| • Chi phí bán hàng khác | 38.090.251.445 | 20.654.616.391 |
| TỔNG CỘNG | 154.062.211.849 | 99.926.387.202 |
| Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp | | |
| • Chi phí lương quản lý | 28.850.233.802 | 19.949.346.036 |
| • Chi phí khấu hao | 9.231.543.576 | 8.528.020.127 |
| • Chi phí quản lý doanh nghiệp khác | 24.312.619.711 | 17.618.378.587 |
| TỔNG CỘNG | 62.394.397.089 | 46.095.744.750 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày



Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Đơn vị tính: VNĐ

| | Năm nay | Năm trước |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu và hàng hóa | 3.471.184.531.891 | 2.900.241.008.682 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 157.475.235.065 | 109.586.601.787 |
| Chi phí nhân công | 127.730.295.119 | 84.207.910.711 |
| Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định | 103.861.827.370 | 73.311.383.678 |
| Chi phí khác | 44.492.160.213 | 14.959.385.461 |
| TỔNG CỘNG | 3.904.744.049.658 | 3.182.306.290.319 |



Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty và công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) như sau:

- Công ty Cổ phần Vicostone

Đối với hoạt động bán sản phẩm của nhà máy 1 là dự án đầu tư ban đầu:

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho hoạt động này trong năm là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Đối với hoạt động bán sản phẩm của nhà máy 2 là dự án đầu tư mở rộng:

Dự án đầu tư vào nhà máy 2 của Công ty thỏa mãn điều kiện là dự án đầu tư mở rộng theo Thông tư 96/2015/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2015 (“Thông tư 96”). Theo đó, Công ty áp dụng thời gian miễn thuế, giảm thuế bằng với thời gian miễn thuế, giảm thuế áp dụng đối với dự án đầu tư mới trên cùng địa bàn, cụ thể là miễn thuế TNDN trong 4 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% thuế suất thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo. Nhà máy 2 có lợi nhuận chịu thuế từ năm 2014. Tuy nhiên, Thông tư 96 chỉ áp dụng cho năm tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2015, do đó, thời gian miễn thuế của Công ty được tính từ năm 2015 đến năm 2017 và Công ty được giảm 50% thuế suất thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo (năm 2018 đến năm 2026). Do đó, thuế TNDN áp dụng cho hoạt động này trong năm là 10% lợi nhuận chịu thuế.

Đối với hoạt động thương mại:

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho thu nhập từ hoạt động này là 20% lợi nhuận chịu thuế.

- Công ty Phenikaa Huế, công ty con

Công ty Phenikaa Huế được hưởng thuế suất 17% trong thời hạn 10 năm kể từ năm đầu tiên doanh nghiệp có doanh thu từ Dự án đầu tư. Công ty Phenikaa Huế được miễn thuế TNDN trong 2 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế (từ năm 2019 đến năm 2020) và được giảm 50% thuế suất thuế TNDN trong 4 năm tiếp theo (năm 2021 đến năm 2024). Theo đó, Công ty Phenikaa Huế được miễn thuế trong năm nay.

Các báo cáo thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

1. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Đơn vị tính: VNĐ

| | Năm nay | Năm trước |
|--|------------------------|------------------------|
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 238.986.868.579 | 193.231.308.456 |
| Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu của năm trước | 3.561.186.364 | 1.735.408.895 |
| TỔNG CỘNG | 242.548.054.943 | 194.966.717.351 |

2. Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

Đơn vị tính: VNĐ

| | Năm nay | Năm trước |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 1.652.662.668.019 | 1.318.510.572.440 |
| Thuế TNDN theo mức thuế suất 20% | 330.532.533.604 | 263.702.114.488 |
| <i>Điều chỉnh:</i> | | |
| Khoản phạt nộp chậm | 54.704.803 | 564.609.039 |
| Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước | 3.561.186.364 | 1.735.408.895 |
| Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện trong năm nay | 57.573.359 | 2.229.718.818 |
| Các khoản chi phí không được khấu trừ | 359.555.590 | 128.725.579 |
| Điều chỉnh cho mục đích hợp nhất kinh doanh | 6.512.095.309 | - |
| Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước đã thực hiện trong năm nay | (2.229.718.818) | - |
| Thuế TNDN được miễn, giảm | (96.299.875.268) | (73.393.859.468) |
| Chí phí thuế TNDN | 242.548.054.943 | 194.966.717.351 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày



Thông tin theo bộ phận

Công ty và công ty con lựa chọn các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty và công ty con bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về địa điểm mà Công ty và công ty con xuất hàng bán.

Các hoạt động kinh doanh của Công ty và công ty con được tổ chức và quản lý theo địa điểm địa lý nơi Công ty và công ty con cung cấp với mỗi một bộ phận là một thị trường kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Thông tin về doanh thu và một số tài sản của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty và công ty con như sau:
Đơn vị tính: VNĐ

| | Hoạt động kinh doanh trong nước | Hoạt động kinh doanh xuất khẩu | Loại trừ | Tổng cộng |
|---|---------------------------------------|--------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày | | | | |
| Doanh thu | | | | |
| Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài | 1.339.397.578.206 | 4.223.365.416.602 | - | 5.562.762.994.808 |
| Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận | 151.254.564.963 | - | (151.254.564.963) | - |
| Tổng doanh thu | 1.490.652.143.169 | 4.223.365.416.602 | (151.254.564.963) | 5.562.762.994.808 |
| Kết quả | | | | |
| Lợi nhuận gộp của bộ phận | 260.672.226.814 | 1.659.542.900.102 | - | 1.920.215.126.916 |
| Giá vốn hàng bán không phân bổ | - | - | - | (8.103.718.879) |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng | - | - | - | 1.912.111.408.037 |
| Thu nhập, chi phí không phân bổ | - | - | - | (259.448.740.018) |
| Lợi nhuận thuần trước thuế | - | - | - | 1.652.662.668.019 |
| Chi phí thuế TNDN | - | - | - | (242.548.054.943) |
| Lợi nhuận thuần sau thuế | - | - | - | 1.410.114.613.076 |
| Tài sản và nợ phải trả | | | | |
| Tài sản bộ phận | 568.052.021.280 | 1.322.657.527.837 | - | 1.890.709.549.117 |
| Tài sản không phân bổ | - | - | - | 3.693.047.180.712 |
| Tổng tài sản | - | - | - | 5.583.756.729.829 |
| Nợ phải trả không phân bổ | - | - | - | 2.135.070.735.316 |
| Tổng nợ phải trả | - | - | - | 2.135.070.735.316 |
| Các thông tin bộ phận khác | | | | |
| Chi phí hình thành tài sản cố định hữu hình | - | - | - | 50.432.946.756 |
| Khấu hao | - | - | - | 103.979.030.170 |

Đơn vị tính: VNĐ

| | Hoạt động kinh doanh trong nước | Hoạt động kinh doanh xuất khẩu | Loại trừ | Tổng cộng |
|---|---------------------------------------|--------------------------------------|----------|-------------------|
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày | | | | |
| Doanh thu | | | | |
| Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài | 1.295.941.289.723 | 3.225.654.823.087 | - | 4.521.596.112.810 |
| Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận | - | - | - | - |
| Tổng doanh thu | 1.295.941.289.723 | 3.225.654.823.087 | - | 4.521.596.112.810 |
| Kết quả | | | | |
| Lợi nhuận gộp của bộ phận | 255.220.404.353 | 1.245.891.534.409 | - | 1.501.111.938.762 |
| Giá vốn hàng bán không phân bổ | - | - | - | (5.469.276.170) |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng | - | - | - | 1.495.642.662.592 |
| Thu nhập, chi phí không phân bổ | - | - | - | (177.132.090.152) |
| Lợi nhuận thuần trước thuế | - | - | - | 1.318.510.572.440 |
| Chi phí thuế TNDN | - | - | - | (194.966.717.351) |
| Lợi nhuận thuần sau thuế | - | - | - | 1.123.543.855.089 |
| Tài sản và nợ phải trả | | | | |
| Tài sản bộ phận | 389.347.159.095 | 828.763.202.675 | - | 1.218.110.361.770 |
| Tài sản không phân bổ | - | - | - | 3.186.216.943.131 |
| Tổng tài sản | - | - | - | 4.404.327.304.901 |
| Nợ phải trả không phân bổ | - | - | - | 1.673.774.768.632 |
| Tổng nợ phải trả | - | - | - | 1.673.774.768.632 |
| Các thông tin bộ phận khác | | | | |
| Chi phí hình thành tài sản cố định hữu hình | - | - | - | 138.328.491.745 |
| Khấu hao | - | - | - | 73.428.586.478 |

Giá vốn hàng bán không phân bổ chủ yếu bao gồm hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho và một số giá vốn khác không phân bổ được theo khu vực địa lý.

Thu nhập và chi phí ngoài giá vốn hàng bán, các tài sản ngoài nợ phải thu khách hàng và dự phòng phải thu tương ứng và các khoản nợ phải trả, do không tách riêng được mục đích cho từng hoạt động, không phân bổ theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày



Nghịệp vụ với các bên liên quan

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VNĐ

| Bên liên quan | Mối quan hệ | Nội dung nghiệp vụ | Năm nay | Năm trước |
|--|--|---|-------------------|-----------------|
| CTCP Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A | Công ty mẹ | Doanh thu bán nguyên vật liệu, vật tư | 236.289.673.726 | 386.304.091.533 |
| | | Mua hàng hóa, dịch vụ | 637.079.448.132 | 801.260.219.582 |
| | | Cổ tức phải trả | 512.000.000.000 | 384.000.000.000 |
| | | Thanh toán gốc vay | 228.843.150.670 | - |
| Công ty Cổ phần Style Stone | Công ty con cùng Tập đoàn | Mua hàng hóa | 676.189.570.075 | 643.099.680.793 |
| | | Doanh thu bán nguyên vật liệu, vật tư, thành phẩm | 233.558.749.968 | 358.584.601.812 |
| Công ty TNHH Stylenquaza | Công ty liên kết của công ty mẹ | Doanh thu bán đá thành phẩm, vật tư | 1.156.445.552.924 | 641.403.162.286 |
| | | Hàng bán bị trả lại | 1.360.691.000 | - |
| CTCP Chế tác đá Việt Nam | Công ty con cùng Tập đoàn | Doanh thu bán đá thành phẩm | 485.437.633.231 | 308.784.413.377 |
| | | Mua hàng hóa, dịch vụ | 595.138.238.442 | 250.334.436.514 |
| CTCP Công nghiệp Trần Long | Công ty con cùng Tập đoàn | Doanh thu bán đá thành phẩm, vật tư | 69.128.098.319 | 109.296.498.384 |
| | | Mua hàng hóa, dịch vụ | 128.103.556.263 | 39.207.226.392 |
| Công ty Phenikaa Huế | Công ty cùng chủ sở hữu (cho đến ngày 23 tháng 5 năm 2019) | Mua nguyên vật liệu | 82.349.890.000 | - |
| | | Doanh thu bán vật tư | 1.187.210.176 | 11.008.126.440 |
| CTCP Trung tâm Sec G3 | Công ty con cùng Tập đoàn | Mua hàng hóa, văn phòng phẩm, thực phẩm | 11.497.642.388 | 7.971.484.274 |
| | | Chi phí thi công xây dựng | 407.680.690 | - |
| | | Chi phí thuê mặt bằng, điện nước, dịch vụ | 2.084.486.246 | 2.069.520.404 |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án VPM Hà Nội | Công ty con cùng Tập đoàn | Chi phí thi công xây dựng | 1.351.332.210 | 4.738.060.895 |
| Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế và công nghệ Sitotech Toàn cầu | Công ty cùng chủ sở hữu | Mua hàng hóa, vật tư | 30.232.727 | - |
| Trường Đại học Phenikaa | Công ty con cùng Tập đoàn | Doanh thu bán hàng hóa, vật tư | 119.493.259.281 | - |

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty mua/bán hàng cho các bên liên quan theo mức giá niêm yết thông thường, mức giá này được phê duyệt bởi Hội đồng Quản trị.

Số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan tại thời điểm cuối kỳ kế toán không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc cần trừ công nợ. Các khoản phải thu từ bên liên quan như được trình bày ở Thuyết minh số 6 có thời hạn thanh toán từ 3 đến 12 tháng. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty và công ty con chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty và công ty con.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

| Bên liên quan | Mối quan hệ | Nội dung nghiệp vụ | Số năm nay | Số năm trước |
|---|--|-------------------------------------|-------------------|-----------------------|
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số VI) | | | | |
| Công ty TNHH Stylenquaza | Công ty liên kết cùng Tập đoàn | Phải thu về bán đá thành phẩm | 539.401.462.435 | 283.227.452.416 |
| CTCP Chế tác đá Việt Nam | Công ty con cùng Tập đoàn | Phải thu về bán vật tư, thành phẩm | 290.810.913.263 | 184.089.313.453 |
| CTCP Công nghiệp Trần Long | Công ty con cùng Tập đoàn | Phải thu về bán vật tư, thành phẩm | 119.962.031.451 | 152.760.686.798 |
| Trường Đại học Phenikaa | Công ty con cùng Tập đoàn | Phải thu về bán vật tư, thành phẩm | 35.351.610.942 | - |
| Công ty Phenikaa Huế | Công ty con cùng Tập đoàn (Cho tới ngày 23 tháng 5 năm 2019) | Phải thu về bán vật tư, thành phẩm | - | 10.242.579.321 |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A | Công ty mẹ | Phải thu bán nguyên vật liệu | 21.366.180.000 | - |
| Công ty Cổ Phần Style Stone | Công ty con cùng Tập đoàn | Phải thu bán nguyên vật liệu | 25.758.337.000 | - |
| | | | 1.032.650.535.091 | 630.320.031.988 |
| Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số XII) | | | | |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A | Công ty mẹ | Phải trả mua đá thành phẩm | 51.167.886.459 | 116.013.165.671 |
| Công ty Cổ phần Trung tâm Sec G3 | Công ty con cùng Tập đoàn | Phải trả mua văn phòng phẩm, vật tư | 1.780.117.493 | 1.962.447.041 |
| Công ty Cổ phần Style Stone | Công ty con cùng Tập đoàn | Phải trả mua đá thành phẩm | 36.717.224.439 | 45.307.057.052 |
| | | | 89.665.228.391 | 163.282.669.764 |
| Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số XIV) | | | | |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A | Công ty mẹ | Phải trả tiền cổ tức | - | 87.602.906.000 |
| | | | - | 87.602.906.000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

Đơn vị tính: VNĐ

| | Năm nay | Năm trước |
|------------------|-----------------------|-----------------------|
| Lương và thưởng | 14.323.853.132 | 13.707.461.339 |
| TỔNG CỘNG | 14.323.853.132 | 13.707.461.339 |



Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

Đơn vị tính: VNĐ

| | Năm nay | Năm trước (Trình bày lại) |
|--|--------------------------|------------------------------|
| Lợi nhuận sau thuế TNDN | 1.410.114.613.076 | 1.123.543.855.089 |
| Dự kiến/thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) | 111.936.197.162 | 89.883.508.407 |
| Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm | 1.298.178.415.914 | 1.033.660.346.682 |
| Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 160.000.000 | 160.000.000 |
| Lãi trên cổ phiếu | | |
| • Lãi cơ bản | 8.114 | 6.460 |
| • Lãi suy giảm | 8.114 | 6.460 |

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối. Dự trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 căn cứ theo Nghị quyết số 01/2019 NQ/VCS-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 12 tháng 4 năm 2019.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất.



Các cam kết và nợ tiềm tàng

1. Cam kết thuê hoạt động

Công ty và công ty con hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------|-----------------------|----------------------|
| Đến 1 năm | 797.320.575 | 226.210.950 |
| Trên 1 – 5 năm | 4.460.466.300 | 904.843.800 |
| Trên 5 năm | 23.806.539.455 | 1.809.687.600 |
| TỔNG CỘNG | 29.064.326.330 | 2.940.742.350 |

Ngoài ra, Công ty đang thuê 27.451 m2 đất tại Lô 2A, Khu Công nghiệp Bắc Phú Cát theo hợp đồng thuê hoạt động số 10/VC/HĐKT-TLĐKCNBPC ngày 30 tháng 5 năm 2008 với thời hạn thuê là 48 năm 7 tháng 19 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Giá thuê đất là 10.000 đồng Việt Nam/m2/năm và phí quản lý là 3.500 đồng Việt Nam/m2/năm. Giá thuê đất cho thời gian còn lại (từ năm 2043 cho đến hết thời hạn thuê) có thể điều chỉnh phụ thuộc vào việc thống nhất giữa Công ty và Ban Quản lý Khu Công nghiệp tại các lần làm việc tiếp theo.

2. Cam kết liên quan đến hợp đồng thuê hoạt động

Công ty và công ty con đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Theo hợp đồng thuê đất đã ký, Công ty có nghĩa vụ di dời tất cả các công trình xây dựng, vật kiến trúc, thiết bị, vật liệu trên khu đất cho thuê và trả lại mặt bằng đất nguyên trạng như tại thời điểm được bàn giao đất tại thời điểm kết thúc hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Sản phẩm đá thạch anh Vicostone Statuario - BQ8628

3. Kiện tụng

Trong tháng 5 năm 2013, Công ty đã nhận được đơn kiện của Công ty TNHH Cambria (“Cambria”), một công ty được thành lập tại Mỹ, về việc Công ty đã vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ khi bán một số sản phẩm của Công ty tại thị trường Mỹ. Vụ kiện này đang được Tòa án Quận của tiểu bang Minnesota thụ lý giải quyết.

Công ty đã chỉ định Sapientia Law Group PLLC là đại diện của Công ty trong vụ kiện này. Vào ngày 6 tháng 11 năm 2013, tòa án Quận Minnesota đã ra quyết định tạm dừng xử lý vụ kiện. Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng, hiện tại, chưa có đầy đủ cơ sở để trích lập dự phòng cho các khoản chi phí bồi thường, nếu có, cho vụ kiện này tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.



Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Theo Nghị quyết số 02/2020 NQ/VCS-HĐQT ngày 31 tháng 1 năm 2020, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua việc tạm ứng cổ tức bằng tiền đợt 3 năm 2019 với tỷ lệ thanh toán là 20%/cổ phiếu (tương đương 2.000 VND/cổ phiếu).

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con.

DOÃN THỊ NGỌC

Người lập biểu
Ngày 9 tháng 3 năm 2020

NGUYỄN THỊ NGÀ

Kế toán trưởng

PHẠM ANH TUẤN

Tổng Giám đốc






VICOSTONE
Thổi hồn vào đá



CÔNG TY CỔ PHẦN VICOSTONE

 **ĐỊA CHỈ:** Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội

 **ĐIỆN THOẠI:** 024 3368 5826

 **FAX:** 024 3368 6652

 **WEBSITE:** <http://vicostone.com>